

trở về nơi

hoàng địa

TRANG
NGUYỄN



108
HÀNG CHỢ

Trở về nơi hoang dã

Năm: **2018**

Độ dày: **384 trang**

Cỡ giấy: **14x20.5 cm**

Tác giả: **Trang Nguyễn**

Phát hành: **Nhã Nam**

Chương I

Madagascar - Ước mơ từ ngày nhỏ

“Tôi không muốn phải bảo vệ thiên nhiên, tôi muốn tạo ra một thế giới mà thiên nhiên không cần phải bảo vệ.”

Khuyết danh

Và thế là tôi ngồi đó, cùng với nào ba lô, túi xách, võng, lều, nồi niêu, xong chảo và tí tí những vật dụng khác nữa, trong khi dân làng, từ đám trẻ nhỏ, đến phụ nữ, thanh niên, nam giới và người già lần lượt kéo đến, cùng với một đám gà, què tha rông của ai đó, tạo thành vòng tròn lớn, không ngại ngần nhìn tôi chăm chăm.

Khi thật, tại sao tôi lại tự làm khổ mình như thế này cơ chứ? Tôi có thể như đám bạn cùng lứa ở nhà, đi làm ở một nơi nào đó ổn định, có mức lương kha khá, thỉnh thoảng đi du lịch đây đó, chụp vài bức ảnh selfie, có một cậu bạn trai cao ráo, yêu thương mình hết mực, có lẽ là chuẩn bị tính đến chuyện lập gia đình, lấy chồng và sinh con. Tại sao tôi lại không nghe theo lời khuyên của bố mẹ, đi một con đường bằng phẳng và sống đơn giản hơn... Thay vào đó tôi bị tắc ở đây, một cái làng bé nhỏ ở nơi khỉ ho cò gáy mà tôi còn chả biết là ở đâu nữa, với một đám người hiếu kỳ lạ mặt đang kéo đến ngày một đông, với đám quần áo và ba lô bẩn thỉu dính đầy bùn đất, với những vết gai cào đầy trên tay và chân, với vết bầm tím do bị ngã trên đùi. Vừa tức, vừa bức, vừa tuyệt vọng và căng thẳng, nước mắt tôi bắt đầu ứa ra, chảy thành dòng trên khuôn mặt. Và ngay lập tức tôi hối hận vì đã khóc - đám người bắt đầu chỉ trỏ, cười ngạo nghễ nhìn tôi như thể họ đang xem xiếc thú!

* * *

Bốn tháng trước đó...

Tháng Tư năm 2012 là khoảng thời gian ban nhạc người Ireland - Westlife có những liveshow cuối cùng để chia tay khán giả ngay sau khi công bố về chuyện tan rã của nhóm. Vốn là một fan ruột của ban nhạc này từ năm 1998, dĩ nhiên tôi cũng đã tự mua cho mình một vé xem liveshow ở London vào đầu tháng năm. Thế nhưng, nếu muốn xem buổi diễn này thì tôi sẽ phải trì hoãn chuyến đi thực địa gần hai tuần. Một điều mà những nhà báo tôn nghiêm túc sẽ không bao giờ làm! Thầy Giuseppe đã nhìn tôi một cách rất nghiêm khắc, khi tôi cầm cái vé xem ca nhạc một cách đau khổ, cố gắng trình bày với thầy rằng thì là mà, tôi đã phải cạnh chừng giờ bán vé như thế nào để mua được vé chỗ đẹp, đã phải tiết kiệm tiền ra sao, và trên tất cả - đây là buổi hòa nhạc cuối cùng của Westlife! Nhưng dĩ nhiên ông thầy người Ý vốn dĩ chỉ yêu chuộng cả phê thượng hạng, nhạc thịnh phòng và dành cả đời để nghiên cứu về vượn cáo của tôi không thể nào hiểu được vì sao tôi lại nhiệt tình với một ban nhạc “vớ vẩn” sắp tan rã đến như thế! Cuối cùng thì sau ngày hôm ấy, tôi đã suýt khóc khi phải nhượng lại cái vé này cho một fan khác ở tận Manchester. Mấy đứa bạn tôi đã cười phớ lớ và an ủi tôi rằng đó là “sự hy sinh cao cả cho khoa học”. Còn thầy Giuseppe thì nói đó là “sự lựa chọn đúng đắn” để “sử dụng thời gian cho việc có ích hơn”.

Điều cần làm ngay sau đó là phải đi tiêm chủng để phòng bệnh. Đây là một trong những điều bắt buộc dành cho những sinh viên nghiên cứu tại Anh để đảm bảo về sức khỏe khi đi thực địa. Đến Madagascar thì không cần phải tiêm phòng bệnh vàng da, nhưng vẫn phải tiêm chủng chống uốn ván, viêm gan A, viêm gan B và phòng dại. Bên cạnh đó tôi cũng phải đến phòng y tế của trường để xin thuốc uống chống sốt rét. Loại thuốc này thật rắc rối, vì mỗi ngày tôi đều phải uống vào một giờ nhất định. Và vì tôi đi ba tháng nên phải uống đủ lượng thuốc của bốn tháng (uống 2 tuần trước khi đi và 2 tuần sau khi về). Vì là con gái, nên chúng tôi cũng được khuyên rằng nên uống thuốc tránh thai. Một là nếu uống liên tục không nghỉ, thì chúng tôi có thể làm tạm mất kỳ nguyệt san trong vòng hai hoặc ba tháng khi đang ở trong rừng, mặc dù vậy tôi cũng phải nhấn mạnh rằng đây là do bất khả kháng vì nó không có lợi cho sức khỏe. Không phải nói có tháng bất tiện như thế nào trong điều kiện không có nhà vệ sinh và nước sạch. Hai nữa là nếu có chuyện không hay xảy ra trong rừng, thì ít ra chúng tôi cũng vẫn được “bảo vệ” bằng cách này.

Buổi tối trước khi lên đường, tôi ra vườn nhà nhìn lên bầu trời đầy sao. Mặc dù đã là cuối tháng Tư nhưng tiết trời ở Anh vẫn hơi se lạnh. Có lẽ vì thế mà bầu trời trong và sao sáng lấp lánh hơn bao giờ hết. Ngày còn nhỏ, mẹ tặng tôi một quyển sách rất dày, màu xanh lá cây có những hình vẽ rất đẹp về các loài thực vật trên thế giới. Có lẽ bây giờ mẹ tôi cũng quên cuốn sách ấy rồi, nhưng tôi vẫn còn nhớ mãi cảm giác mở cuốn sách bìa cứng ấy ra và đi lạc vào thế giới của những loài cây. Ngoài cây mít (đến giờ tôi vẫn không hiểu nổi tại sao tôi lại ấn tượng với cây mít đến thế), thì những cây baobab ở Madagascar là loài cây mà tôi ấn tượng nhất. Một loài cây với hình dạng thật kỳ lạ, giống như những chiếc rễ của chúng thay vì đâm sâu dưới mặt đất lại mọc ngược lên trời vậy!



Nhiều người, ngay cả tôi khi ấy, lầm tưởng rằng cây baobab chỉ phân bố ở Madagascar. Nhưng thực ra không phải vậy. Trên thế giới có tất cả chín loài baobab, trong số đó có sáu loài đặc hữu chỉ có ở Madagascar, hai loài phân bố ở châu Phi đại lục và bán đảo Ả Rập. Cuối cùng là loài baobab phân bố ở Australia. Baobab là một loài cây tuyệt vời, có thể dự trữ đến khoảng 100.000 lít nước trong thân cây to lớn, giúp chúng sống sót và chống chọi với khí hậu khô cằn và khắc nghiệt. Đây là loài cây vô cùng hữu dụng cho người dân địa phương, chúng là nguồn cung cấp chất đốt, chất nhuộm màu và thậm chí cả thức ăn. Ví dụ những quả baobab to cỡ quả dưa, vỏ rất mịn và nặng khoảng 1,5 kg có đến 12% là nước, và các loại dưỡng chất như canxi, sắt, vitamin C. Ở Zimbabwe, loại quả này được ăn sống, hoặc cắt nhỏ để trộn cùng với cháo mạch hoặc ép làm nước uống. Những người phụ nữ ở Malawi thậm chí đã thu hoạch quả baobab để bán cho khách du lịch và kiếm đủ để trang trải cuộc sống cùng tiền học phí cho con em họ.

Vào cái thời bé thơ ấy, mỗi lần muốn trốn ngủ trưa là tôi lại ôm lấy quyển sách, chống chế rằng “con đọc nốt trang này nữa thôi!”. Hình ảnh về cây baobab và đất nước Madagascar vì thế mà in đậm vào tâm trí. Có lẽ cũng như những đứa trẻ khao khát được khám phá thế giới hoang dã, tôi đã từng tưởng tượng mình ăn mặc như những nhà thám hiểm thường thấy trên tivi, đầu đội mũ cứng, mặc quần áo ka ki trắng ngà và đôi giày chuyên dụng. Tôi tưởng tượng ra mình đang đứng trước cây baobab, sờ vào vỏ cây thô cứng, áp tay vào thân

cây mát rượi và ngược mắt lên nhìn ánh mặt trời chói chang của vùng đất châu Phi. Đối với tôi lúc bấy giờ, đó chỉ là ước mơ, và tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình có thể thực hiện được ước mơ ấy.

Vậy mà chỉ còn khoảng 20 tiếng nữa là tôi sẽ thực sự đến vùng đất đó, thực sự thực hiện ước mơ thuở nhỏ. Hơn thế nữa, không chỉ là đến thăm vùng đất hoang dã Madagascar, tôi còn đến đó nghiên cứu về loài vượn cáo - *lemur* - loài linh trưởng độc đáo và đặc hữu chỉ sinh sống ở đảo quốc này. Cảm giác thật khó tả, vừa sung sướng, vừa hạnh phúc, nhưng lại vừa không tin rằng đây chính là sự thật! Một trong những ước mơ lớn nhất mà tôi có trong đời, không lẽ nào tôi đang thực hiện nó hay sao? Toét miệng cười khi nghĩ lại những đêm phải thức đến bốn hay năm giờ sáng trong thư viện của trường, những hôm lo lắng, căng thẳng đến mức bồn loạn khóc rầm rĩ, những hôm phải đạp xe vòng hết thư viện này đến thư viện kia để tìm tài liệu trong tiết trời lạnh cóng... Hình như những nỗ lực ấy cuối cùng cũng đã được đền bù.

Dự án nghiên cứu trong ba tháng ở Madagascar của tôi cuối cùng cũng đã xin được tài trợ của ba tổ chức lớn: Primate Society of Great Britain, Primate Conservation Inc và Wild Future.

Biết rằng tất cả chỉ là sự khởi đầu, biết rằng đặt chân đến Madagascar là vô vàn công việc và thử thách đang chờ đợi. Biết rằng mọi thứ vẫn còn rất khó khăn, nhưng mà Trang à, hãy cứ ngẩng cao đầu đi đã. Dù trời có sập cũng là chuyện của ngày mai kia mà? Lúc này đây, tôi muôn cảm ơn bố mẹ, cảm ơn bà chị gái lắm điều, và cảm ơn thầy Giuseppe tuyệt vời của tôi nữa. Thầy là người đã phải thốt lên “Tôi đến bị bệnh tim vì em mất” - vì đủ thứ chuyện đã xảy ra với tôi từ đầu tháng Ba đến giờ. Thầy là người đã nhẫn nại ngồi ở trường đến tận 8, 9 giờ tôi để trả lời đủ các câu hỏi của tôi, để an ủi tôi đừng quá lo lắng. Ngay bây giờ, khi tôi đang trên đường ra sân bay Heathrow, nhìn ra ngoài cửa sổ xe buýt với cơn mưa tầm tã, nhưng trái tim lại đang nhảy tung vì vui sướng, thì tất cả mọi thứ đều thật tuyệt vời!

Thủ đô Antananarivo

Madagascar được giới làm bảo tồn như chúng tôi quan tâm bởi đây chính là một trong những *điểm nóng* quan trọng nhất và cần được bảo vệ nhất trên trái đất, vì độ đa dạng sinh học cao nhưng lại phải chịu sự tàn phá nặng nề nhất. Đất nước này cũng chính là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới, với khoảng 80% dân số còn phụ thuộc chủ yếu vào nghề nông. Y học và giáo dục vẫn còn chưa phát triển, với chỉ khoảng 54% dân số ở thành thị có vòi nước máy đến tận nhà, và chỉ 4% người dân nông thôn có được sự “xa xỉ” này. Có đến khoảng 70% trẻ em ở Madagascar không được đến trường và đảo quốc này đã đánh mất 75% môi trường sống hoang dã do các hoạt động của con người trong những năm gần đây.

Tana là tên gọi tắt của thành phố Antananarivo, cũng là thủ đô của nước Cộng hòa Madagascar. Đây là thành phố lớn và đông dân cư nhất ở Madagascar, tọa lạc ở độ cao 1,280m trên mực nước biển. Thành phố này được thành lập vào khoảng từ năm 1610 đến năm 1625, khi vị vua người Merina - Andrianjaka đánh đuổi hoàn toàn bộ tộc của người Vazimba ra khỏi khu vực Analamanga. Vua Andrianjaka chính là người tuyên bố vùng đất này là thủ phủ của Madagascar. Từ “Antananarivo” trong ngôn ngữ bản địa có nghĩa là thành phố của một nghìn người. Theo truyền thuyết thì cái tên này được đặt để tưởng nhớ chiến thắng oanh liệt của vua Andrianjaka: ông đã tuyên 1.000 binh sĩ trong trận chiến với người Vazimba. Hiện nay, đa phần dân số của thủ đô Tana là người Merina, ngoài ra có khoảng 18 dân tộc khác cũng sinh sống ở thành phố này, cùng với những người nước ngoài đến đây nhập cư, như người Trung Quốc, Ấn Độ và châu Âu.

Mặc dù trong ba tháng tới, tôi sẽ sống và làm việc ở khu vực đông nam Madagascar, nhưng tuần đầu tiên sẽ phải dừng tạm tại Tana để hoàn thành những thủ tục cần thiết. Vào khoảng năm 2012, những người đến làm nghiên cứu khoa học, đặc biệt là về bảo tồn động vật hoang dã như chúng tôi thường phải thông qua một cơ quan bản địa để tìm trợ lý. Điều đặc biệt là theo luật nước này, những người nước ngoài đến làm nghiên cứu ở đây sẽ phải nhận một sinh viên thạc sĩ làm trợ lý. Sinh viên này sẽ giúp chúng tôi dịch thuật, trao đổi với người dân địa phương và trợ giúp trong việc thu nhập thông số nghiên cứu. Đổi lại, chúng tôi sẽ phải giúp những sinh viên này phát triển ý tưởng cho dự án của họ, trả phí nghiên cứu, đi lại, và thậm chí cả phí in ấn cho luận văn tốt nghiệp. Đặt chân đến sân bay ở thủ phủ Tana cũng là 10:30 tối, và tôi có cuộc hẹn vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau với một chị sinh viên tên Murielle - người được công ty bản địa MICET chọn làm trợ lý cho tôi.

Bước chân ra khỏi máy bay là hơi nóng ập đến. Mặc dù đang là mùa đông nhưng tiết trời vẫn nóng và oi ả. Sân bay khá nhỏ và lượng khách đến lại đông, vậy nên tôi cũng phải chờ một lúc lâu mới xong thủ tục visa. Ở phía bên ngoài sân bay, Lott - một người đàn ông nhỏ bé và gầy guộc đang đứng chờ tôi. Ông ấy là nhân viên lái xe của MICET, đã được giao nhiệm vụ đưa đón và giúp tôi đi lại khi ở Tana. Lott không nói được tiếng Anh, trong khi tiếng

Pháp của tôi lại không được tốt lắm, nên chúng tôi chỉ có thể trao đổi với nhau những câu ngắn gọn chứ không nói chuyện được nhiều. Chỉ cần bước chân ra khỏi sân bay là tôi có thể cảm nhận ngay được sự nghèo đói trên đất nước này: những người ăn xin đứng chờ ở cửa sân bay, những bà mẹ gầy guộc địu con sau lưng, mong chờ nhận được chút tiền từ khách du lịch. Dù là thủ đô nhưng cả thành phố chìm trong màn đêm vì không có đèn đường, và tôi cũng thấy rất nhiều người dân lang thang, nằm ngủ ngay trên đường.

Nhà nghỉ nơi tôi ở khá sạch sẽ và thoáng mát. Phòng nghỉ đơn giản, nhưng thoải mái. Sau một chuyến đi dài, tôi lăn lên giường và mỉm cười, rồi tự nói với mình “*Welcome to Madagascar, Trang*”.

* * *

Mấy tiếng sau tôi bị đánh thức bởi tiếng trẻ em cười nói, tiếng xe cộ, tiếng người buôn bán và mặc cả sầm uất. Mở cửa sổ đón ánh nắng mặt trời chói chang, quang cảnh bên ngoài thật khiến tôi vô cùng hào hứng! Vì không có đèn đường, nên tôi qua tôi không chiêm ngưỡng được toàn cảnh của thành phố này. Giờ tôi có thể thấy nơi mình đang ở trông như thế nào, núi đồi, nhà cửa, những con đường, những hẻm nhỏ chật người đi lại. Đám trẻ nghèo không có gì chơi, có đứa làm xe kéo đồ chơi bằng ống lon, chai nhựa, hay thậm chí từ quả bí. Có đứa làm diều từ những túi ni lông rách vút rải rác trên hè phố. Có những chiếc diều mới, trong veo, bay trên nền trời xanh khiến tôi có cảm tưởng như đó là những con sứa to đùng, còn bầu trời là đại dương thăm thẳm. Cũng có những chiếc diều đã cũ, ngả màu đen sì, có những chiếc diều lại chấp vá từ nhiều túi ni lông màu sắc khác nhau. Bầu trời lúc ấy quả thật rất sinh động, như những đàn cá, những đám sứa trôi nổi tự do vậy.

Tám 10 giờ sáng thì chị trợ lý của tôi đến. Chị sinh năm 1987, rất đậm người, khá thấp và có vẻ nhút nhát. Cũng giống như nhiều người Madagascar khác, chị Murielle không phải là người gốc Phi. Tổ tiên của chị có lẽ là những người Indonesia vượt đại dương cách đây cả nghìn năm, sinh sống và kết hôn với những người dân châu Phi vượt eo biển Mozambique từ Mozambique đến Madagascar và định cư tại đây. Với nước da được lai từ hai lục địa, chị Murielle trông rất rắn rỏi và khỏe mạnh. Tôi hào hứng hỏi chị Murielle về Madagascar, về những món ăn truyền thống, về công việc thường ngày... Đến gần trưa, chúng tôi quyết định đi vào khu trung tâm thành phố, và vào khu chợ lớn ở đây. Khu trung tâm ở đây rất đông, nhà cửa mọc san sát. Đa phần là những khu nhà hai, ba tầng sát sạt. Thành phố trên núi, vì vậy mà những con đường nhỏ nối tiếp nhau bằng những bậc thang, mọc ngoằn ngoèo và chĩa ra đủ mọi hướng. Người dân đi lại rất đông, những khu chợ ngoài trời, những quán ăn ven đường khiến tôi nhớ đến những khu “chợ giời” ở Việt Nam - hay theo tiếng địa phương là “*tsena*”, lúc nào cũng đông đúc, ồn ã, đầy sắc màu và sức sống.

Vì đã quá trưa và cũng khá đói, tôi sà vào một sạp tre bên đường bán những món rán. Sau bữa ăn trưa, chúng tôi đến văn phòng MICET để hỏi về thủ tục giấy tờ nghiên cứu và tôi hy vọng có thể đi Fort Dauphin trong vòng hai ngày tới. Nhưng hy vọng của tôi tắt ngấm trước nụ cười phớt lờ của anh nhân viên nơi đây: họ vẫn chưa chuẩn bị đầy đủ giấy tờ cần thiết cho tôi, mặc dù tôi đã

làm đầy đủ các thủ tục từ khi còn ở Anh. Họ thậm chí cũng chưa đặt vé máy bay, hay liên hệ với Sở Lâm nghiệp ở Fort Dauphin để cấp giấy phép cho tôi được làm việc trong rừng. Ba ngày sau đó tôi vẫn giậm chân ở Tana, càng lúc càng lo lắng và sốt ruột.

Phải đến một tuần sau khi đặt chân đến hòn đảo này, tôi mới nhận được thông tin về chuyến nghiên cứu của tôi. Nhân viên của MICET gọi điện cho tôi vào lúc 9 giờ sáng hỏi thúc tôi nhanh chóng dọn dẹp đồ đạc vì... chuyến bay của tôi sẽ khởi hành vào lúc 12 giờ trưa! Thế là tôi cuống cuống nhét vội đồ đạc vào túi, trả phòng, nhảy lên taxi và phóng thẳng ra sân bay. Gần 15 phút sau thì chị Murielle đến, đi cùng cả gia đình và bạn trai. Quả thật là lúc đó tôi hơi hoảng - vì tôi phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền ăn, ở đi lại cho chị sinh viên này. Điều đó đồng nghĩa rằng tiền taxi đi đến sân bay của chị ấy thì tôi phải trả hết, và bởi vì cả gia đình chị ấy quyết định đến để tiễn chị ấy đi nên họ dùng hết... hai chiếc taxi. Phí dùng taxi ở đây tính theo đầu người, và tính trên từng km. Nó hoạt động gần như một dạng... xe bus cao cấp. Có nghĩa là bạn có thể yểu một chiếc taxi đã có người ngồi, và trả tiền cho quãng đường mà bạn muốn đi. Khi nhận được hóa đơn thanh toán tiền taxi thì tôi không được hài lòng lắm... Mặc dù tôi đã được chu cấp kinh phí cho chuyến đi thực địa, nhưng nó không đủ để có thể chi trả cho cả những khoản phí “phụ trội” như thế này.

Sainte Luce

Từ Tana đến Fort Dauphin cũng chỉ mất hơn một tiếng trên máy bay. Nhưng bạn cũng có thể thấy được cảnh trí thay đổi như thế nào. Thay vì đồi núi và nhà cửa mọc san sát, thay vì tiếng ồn và bụi bặm thì Fort Dauphin đẹp mê hồn với những cánh rừng và núi đồi thoải thoải bên bãi biển xanh mượt và cát trắng. Những cây cọ đặc hữu của Madagascar tự hào vươn ra đón gió với tán lá xòe thẳng lên trời, trông như ngón tay người vậy. Lúc đứng đợi lấy đồ, tôi hào hứng hỏi chị Murielle một số câu hỏi về khu rừng Sainte Luce. Có một người đứng trước quay lại nhìn chúng tôi một cách tò mò và bắt chuyện. Hóa ra anh ấy là người Ireland, hiện đang là kỹ sư đối tác với Rio Tinto - một công ty khai thác khoáng sản của Anh và Úc, hiện đang đặt trụ sở ở ngay trung tâm Fort Dauphin. Cũng thật trùng hợp, vì tôi sẽ phối hợp làm việc với đội nghiên cứu động-thực vật của Rio Tinto trong suốt ba tháng tới.

Ở Madagascar, Rio Tinto được biết đến dưới tên QMM (QIT Madagascar Mineral - công ty khai thác khoáng sản Madagascar). Bắt đầu từ năm 1986, công ty này tập trung khai thác khoáng sản, mà chủ yếu là *titanium* - một loại kim loại rất cứng, màu xám thẫm, được dùng để chế tạo hợp kim chống mòn và chống gỉ. Kim loại này được dùng rất phổ biến, trong y học giải phẫu, chế tạo laptop, di động và thậm chí cả máy bay chiến đấu. Vì những ảnh hưởng của việc khai thác khoáng sản đến hệ sinh thái và môi trường ở Madagascar, QMM quyết định thành lập một chương trình nghiên cứu và bảo tồn thực và động vật ở phía đông nam nước này. Mặc dù gây nhiều tranh cãi về vấn đề môi trường, nhưng QMM cũng nỗ lực thiết lập được hai khu bảo tồn ở nơi đây, dưới tên gọi Khu bảo tồn Mandena (rộng 230ha) và khu bảo tồn rừng Sainte Luce (gồm 747ha đất rừng và đất ngập nước).

Trong suốt một tuần qua tôi chỉ có thể có những cuộc đối thoại ngắn với người dân bản địa do bất đồng ngôn ngữ. Giờ gặp được một người có thể hàn huyên liên tục cả nửa tiếng đồng hồ vui không kể xiết. Mặc dù cả tôi và anh Davis cùng làm việc với Rio Tinto, nhưng đây là một công ty rất lớn, anh ấy lại làm về máy móc, còn tôi thì làm việc cùng với đội nghiên cứu môi trường của họ, nên khả năng gặp lại nhau cũng khá thấp. Sau khi nhận lại đồ đạc từ băng chuyền, chúng tôi gật đầu chào, chúc nhau một chuyến đi may mắn. Rio Tinto cử người đến đón tôi tại sân bay và đưa thẳng về nhà nghỉ để cất đồ đạc và nhận phòng, còn Davis vì thường xuyên đến đây công tác, đã sắp xếp xe riêng để tự lái.

Tôi có 5 phút để rửa mặt mũi, chân tay rồi lại lên xe để đến văn phòng QMM bàn chuyện liên quan đến dự án, kế hoạch đi lại và liệu tôi cần những trợ giúp gì từ phía họ. Từ phía đằng xa đã thấy những dàn máy khoan, đãi cát, máy trộn và nhiều loại máy móc khác rất bụi bặm trong ngành công nghiệp khai thác khoáng sản. Mặc dù vậy nhưng không khí vẫn rất sạch sẽ và khu vực này vẫn không bị ô nhiễm tiếng ồn. Công ty quản lý người ra vào rất cẩn thận, phải có lịch hẹn đặt trước mới được vào. Mỗi lần đến đều phải thông qua phòng bảo vệ kiểm tra tân, bạn sẽ được nhận một chiếc thẻ ghi rõ họ tên, số hộ chiếu và quốc tịch, sau rồi lại phải thử vào máy kiểm tra nồng độ cồn trong

máu. Nếu phát hiện nồng độ cồn cao quá quy định thì bạn sẽ không được phép vào trong. Lúc đang ngó nghiêng đứng chờ lấy thẻ ra vào, thì có ai đó chọc nhẹ vào lưng tôi. Quay lại thì thấy anh Davis đang đứng cười rất tươi ở phía sau. Hóa ra anh ấy cũng đi thẳng từ sân bay đến đây giống tôi. Chúng tôi tươi cười trao đổi vài câu rồi ra khỏi phòng bảo vệ. Anh ấy rẽ phải, đi vào khu sửa chữa chế tạo máy móc, còn tôi đi thẳng đến phòng môi trường.

Người đón tiếp tôi là Laza, anh tầm 30 tuổi, gầy và cao - đặc biệt là so với chiều cao của những người dân nơi đây. Anh Laza có nụ cười rất tươi và khả năng tiếng Anh rất trôi chảy. Anh hỏi tôi chuyên đi thể nào, có mệt lắm không, và vì sao lại đến muộn tận một tuần so với lịch trình thể này. Thế là tôi được dịp trút mọi nỗi buồn bực với MICET trong suốt một tuần qua với anh. Anh Laza lắng nghe và cười tủm tỉm:

- Em phải tập làm quen với cách làm việc ở đây thôi.

Sau đó tôi được giới thiệu và chào mọi người trong văn phòng, đến thăm khu ươm cấy và phòng lưu trữ hồ sơ của những khu vực mà Rio Tinto đang thực hiện trồng rừng. Họ hẹn tôi ngày hôm sau quay lại để làm kiểm tra sức khỏe, và gợi ý rằng hai trong số những mảng rừng mà tôi muốn đến thuộc quyền sở hữu của hai gia đình địa chủ Pháp - từ thời Pháp thuộc. Nếu muốn đến làm việc ở khu vực đó tôi phải đến gặp nói chuyện và xin phép hai gia đình này.



Vượn cáo đuôi vằn - Ring tailed lemur (*Lemur catta*).

Trở về nhà nghỉ, tôi gặp được chị Mandy. Chị Mandy đến từ Kansas, là người Mỹ hơn tôi 5 tuổi, cũng học cùng khóa thạc sĩ với tôi. Chị Mandy làm nghiên cứu về loài vượn cáo đuôi vằn (Ring tailed lemur - *Lemur Catta*) ở phía tây nam của bán đảo, nhưng chúng tôi hẹn gặp nhau ở đây vì cả hai đều làm việc ở những khu vực khai thác khoáng sản của Rio Tinto. Lúc mới gặp chị Mandy tôi suýt không nhận ra, vì trước đây mỗi lần ở trên lớp, chị ấy đều trang điểm khá đậm, kẻ mắt và son đỏ. Giờ, có lẽ để phù hợp với tính chất công việc, chị Mandy không dùng mỹ phẩm nữa. Tôi có thể thấy những nốt tàn nhang trên da mặt chị, trước đây đều bị che phủ bởi lớp kem nền. Nhìn thế nào

đi nữa, thì chị Mandy không trang điểm trông trẻ trung, đáng yêu và thân thiện hơn. Tôi cười khi nói vậy với chị, và chúng tôi ôm nhau rồi hét lên:

- Madagascar, chúng tôi đến rồi!

Vì đến trước tôi vài ngày, chị Mandy đã kịp liên lạc với một chị thực sĩ học trên chúng tôi ba khóa tên là Megan. Chị Megan hiện đang làm việc cho một tổ chức tình nguyện của Anh có tên gọi là Azafady đặt trụ sở tại Fort Dauphin, nhưng có chi nhánh nhỏ ở làng Sainte Luce. Họ là tổ chức từ thiện giúp đỡ những người dân nơi đây thoát khỏi đói nghèo bằng cách tạo kế sinh nhai, đồng thời nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường rừng và khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững. Chúng tôi hẹn ăn tối tại một nhà hàng gần nhà nghỉ, và thật may mắn vì khi trò chuyện, tôi đã thuyết phục được chị ấy đồng ý triển khai hoạt động vẽ tranh của tôi vào ngày Môi trường thế giới cho trẻ em tại làng Sainte Luce. Trong bữa tối, tôi cũng gặp một nhóm 4 em học sinh người Anh, khoảng 16, 17 tuổi. Các em ấy tranh thủ thời gian nghỉ hè để đến đây làm tình nguyện. Cả bốn còn khá rụt rè, tuy nhiên sau bữa tối, các em ấy cũng quen với chúng tôi hơn, và liên tục yêu cầu chúng tôi kể những chuyện xảy ra khi đi làm thực địa đặc biệt là những câu chuyện kinh khủng về giun sán của thầy Giuseppe, chuyện bị bọn vất tấn công của tôi và chuyện chị Megan vất vả học tiếng Malagasy như thế nào.

Sáng sớm hôm sau, tôi và chị Mandy đi cùng nhau tìm đồ ăn sáng, trong khi trợ lý của tôi vẫn còn say giấc nồng. Fort Dauphin tuy là một thành phố, nhưng nó giống như một thị trấn nhỏ hơn. Từ chỗ chúng tôi ở đi bộ ra chợ chỉ khoảng 10 phút, nhưng ngoài đồ ăn có sẵn của khách sạn (khá là đắt), thì hầu như không có cửa hàng nào bán đồ ăn trên đường, trừ một nhà hàng Tàu được mở bởi những người Trung Quốc. Người dân Trung Quốc đến Madagascar khá đông, vì chính phủ họ có cam kết với chính phủ Madagascar làm đường và xây dựng những tòa nhà cao tầng ở đây với giá rẻ. Đổi lại, họ có toàn quyền lựa chọn nhân công, máy móc. Thêm vào đó, nhân công được phép đem vợ con và người nhà theo nếu muốn. Thế rồi, những con đường “cắt rừng” được mọc lên ngày một nhiều ở Madagascar, lượng lớn gỗ và các lâm sản khác cũng vì thế mà được chuyển lậu về Trung Quốc theo đường biển. Đây chính là một trong những vấn đề lớn nhất trong việc bảo tồn môi trường và thiên nhiên hoang dã ở châu Phi mà những người làm bảo tồn như chúng tôi gặp phải trong những năm gần đây.

Chúng tôi tìm được một cửa tiệm tạp hóa nhỏ, duy nhất trong thành phố có bán những thứ lặt vặt, như bánh quy, bánh mì, thậm chí còn có cả bơ đậu phộng và sô cô la. Tôi và chị Mandy liền mua mỗi đứa một chiếc bánh mì bơ, thêm một chiếc nữa cho chị Murielle. Trợ lý của chị Mandy chắc phải hai ngày nữa mới đến, nên chị ấy cũng chưa cần phải đau đầu với khoản chi tiêu sao cho hợp lý như tôi lúc này. Vừa đi bộ về vừa tán phét, chúng tôi đã đi hỏi khắp người dân quanh đây và họ nói rằng ở cả thành phố này, chỉ vài nơi có Internet. Trong số đó thì một là văn phòng ở QMM, hai là khách sạn của ông địa chủ người Pháp với giá dịch vụ cao ngất ngưởng. Lựa chọn duy nhất còn lại cho chúng tôi, đó là khách sạn Kaleta. Chúng tôi liền đi thẳng đến đó để hỏi giá phòng, vì cả hai đều rất cần Internet để liên lạc với thầy và báo cáo

tiền độ công việc. Thật quá bất ngờ, khi giá phòng ở đây (nếu chúng tôi thuê một phòng gia đình cho cả bốn người) thì còn rẻ hơn phòng nơi tôi và chị Mandy đang ở. Chị Mandy từng đi dọc quanh khu này tìm chỗ ở an toàn và rẻ, nhưng hai điều đó thường không đi kèm với nhau ở nơi này. Chị ấy từng vào một nhà nghỉ của người dân bản địa, rồi cuộc ngay sáng hôm sau đã phải dọn đi vì bị rận cắn, lại thêm cánh cửa không khóa được và tiếng ồn ào trên gheo của đám thanh niên trong phố. Rồi cuộc, chị ấy đành chuyển sang khách sạn mà chúng tôi đang ở bây giờ với giá khá cao.

Quyết định chuyển chỗ ở, tôi và chị Mandy cùng đi bộ về khách sạn. Lúc này, chị Murielle mới thức dậy. Tôi đưa chị ấy chiếc bánh mì cho bữa sáng, và báo với chị rằng chúng tôi đã tìm được một chỗ ở khác rẻ hơn và chúng tôi sẽ chuyển đi ngay trong sáng nay.

- Rẻ hơn à? Nhưng ở có tốt không? Hay lại những chỗ ẩm thấp, khó chịu lắm.

- Chỗ tốt chị Murielle à, chị biết kinh phí mà em có không thể đủ cho chúng ta ở nơi như thế này mà. Em cũng không biết khi nào mới được vào rừng, vậy nên chúng ta càng phải tiết kiệm càng tốt.

- Tiết kiệm à - tỏ vẻ không vui, chị Murielle vùng vằng - vậy nên tôi mới được cho cái bánh mì để ăn sáng hả?

Tôi và chị Mandy nhìn nhau, bất ngờ vì thái độ của chị Murielle. Quả thật, trừ phi sẵn sàng chi 10 USD/ người/bữa để có đồ ăn kiểu tây như tôi qua, thì những đồ ăn của người dân bản địa cũng chỉ có như thế này. Hôm trước chị Murielle đã căn nhắc rằng chị ấy không thích ăn cơm, không thích ăn thịt heo, không thích ăn thịt gà, cũng không thích cá và đặc biệt ghét đậu. Vậy nên tôi đã mua bánh mì bơ cho chị ấy.

Một khoảng lặng khó chịu khi tôi cùng chị Mandy cố gắng thu dọn đồ đạc, còn chị Murielle giận dỗi ngồi ăn bánh mì ở phía hiên nhà. Vì cũng không có gì nhiều nên chúng tôi dọn đồ khá nhanh. Ngay khi bước ra khỏi phòng, chị Murielle đã hỏi ngay:

- Không gọi taxi à?

- Không cần - chị Mandy đáp gọn - đi bộ chưa đến 10 phút là tới rồi, cần gì taxi.

Không nói một lời, chị Murielle quay lưng đi thẳng. Ba chúng tôi, mỗi đứa một cái ba lô to sau lưng và một ba lô nhỏ trước ngực, cắm cúi đi. Thỉnh thoảng những đám bụi khô bị đá tung lên khỏi mặt đường đất cần cỗi, dưới cái nắng chói chang nơi đây.

Khuôn mặt chị Murielle lộ rõ vẻ vui sướng khi chị ấy phát hiện ra nơi chúng tôi sẽ ở là đâu. Có lẽ chị ấy tưởng chúng tôi sẽ đến nhà nghỉ nhỏ mà chị Mandy từng ở. Khách sạn Kaleta nằm ở một đất nước phát triển có lẽ sẽ không gây được ấn tượng này, nhưng ở một nơi như Fort Dauphin, nó là khách sạn rất lớn, và cũng là nơi được đánh giá là có Internet ổn định nhất khu vực. Để tiết kiệm, thay vì thuê hai phòng đôi, chúng tôi thuê phòng gia đình. Tôi và chị Mandy sẽ dùng chung một giường, hai chị trợ lý sẽ dùng hai giường đơn còn lại.

Ngay khi vừa đến khách sạn mới, chị Murielle đã hỏi liệu có thể đi chơi với bạn được không. Tôi nhìn đồng hồ, cũng mới có 10 giờ sáng. Quyết định sẽ đi xin dấu của bên Bộ Lâm nghiệp và xin giấy phép đi rừng của gia đình địa chủ người Pháp, nên tôi bảo chị ấy chờ, làm xong việc thì hãy đi. Chị Murielle bực mình, không nói gì nhưng ngồi khoanh tay trước ngực trên ghế, không buồn nói chuyện với tôi nữa. Cũng không có cách nào, hy vọng chị ấy chỉ bực bội trong sáng nay rồi mọi chuyện sẽ khác thôi, dù sao tôi đến đây để làm việc chứ không phải để hưởng thụ. Hơn nữa, ngoài việc phải trả phí ăn ở, đi lại cho Murielle thì tôi còn phải trả một khoản phí tính theo ngày, coi như “công tác phí” của chị ấy nữa.

Chúng tôi tìm đến khách sạn Fort Dauphin của gia đình D’holm. Khách sạn này nhỏ hơn Kaleta, nhưng lại được trang trí và xây dựng tinh xảo hơn rất nhiều. Tường được ốp những mảnh gốm và màu sắc sặc sỡ khiến ta nhớ đến kiến trúc xây dựng ở khu vực Địa Trung Hải. Nhân viên quầy tiếp tân nói tiếng Anh rất sôi, chị ấy vui vẻ bảo tôi ngồi chờ, rồi đi tìm cô con gái trưởng của dòng họ D’holm hiện đang quản lý khách sạn này. Một lúc sau, tôi thấy chị ấy quay lại, theo sau là một người phụ nữ đã vào tầm tuổi trung niên. Mái tóc vàng, dài màu bạch kim, nhưng nước da nâu rần rỏi rám nắng và mặc một bộ váy rộng dài màu đỏ cam san hô, cô ấy thực sự là rất đẹp.

Sau khi trình bày về công việc định làm ở mảng rừng thuộc quyền quản lý của nhà cô ấy, tôi đưa cho cô dự thảo dự án nghiên cứu của tôi đã được dịch sang tiếng Pháp. Cô cảm lấy, trả lời tôi bằng tiếng Anh với giọng Pháp rất nặng:

- Hôm nay toi bận nên không trả lời ngay được. Ẽm cứ về đi, chiều mãi quai lại.

Tôi cảm ơn cô, rồi đi với chị Murielle đến Cục Kiểm lâm, cũng cùng con đường với khách sạn này, chỉ đi dịch lên phía trên độ 20 phút đi bộ thôi. Trời nắng, nóng hanh hao vì đang là mùa đông. Chị Murielle lại khó chịu, cần nhân về việc chúng tôi nên gọi taxi.

- Chỉ 20 phút đi bộ thôi mà...

Tôi an ủi bằng quơ, tự hỏi mấy hôm nữa khi vào rừng, liệu chị ấy có đòi gọi taxi hay không... Khi sống ở Anh, tôi đã quen với việc đi bộ. Không cần biết ở hướng nào, nếu dưới 1 tiếng là tôi sẽ đi bộ thay vì sử dụng xe buýt công cộng. Mãi gần đây khi mua xe đạp tôi mới ít đi bộ hơn. Vậy nên 20 phút đi bộ đường thành phố quả thực không là gì, nhất là với những người thường xuyên đi thực địa như chúng tôi.

Cục Kiểm lâm nằm trên đỉnh con dốc, ỉ ạch một lúc chúng tôi cũng trèo lên đến nơi. Trông nó giống với trường học hơn là cơ quan làm việc, kiểu nhà cấp bốn với cửa sổ và cửa ra vào được sơn màu xanh lá cây. Toàn bộ phần trao đổi công việc tôi phải hoàn toàn phụ thuộc vào chị Murielle, vì họ không nói được tiếng Anh. Mất một lúc căng thẳng theo dõi cuộc nói chuyện của họ mà tôi không hiểu gì, chị Murielle mới nói rằng tôi chỉ cần đưa cho họ xem hóa đơn phí nghiên cứu mà tôi đã đóng ở Tana, và ngồi chờ họ đóng dấu là xong. Vậy nhưng chúng tôi chờ mãi, chờ mãi, hơn một tiếng vẫn chưa được đóng dấu. Đến khoảng 2 giờ chiều, vừa nóng, vừa sột ruột, lại sắp đến giờ cho lịch

hẹn khác, tôi nhờ chị Murielle vào hỏi thêm một lần nữa. Hóa ra con dâu thì vẫn ở đây, nhưng lại được cắt trong két sắt. Người cầm chìa khóa cho két sắt lại... đang ở nhà, nên chúng tôi phải đợi nhân viên đó tới. Đợi thêm gần nửa tiếng nữa, thì có người đem chìa khóa đến. Thế là cuối cùng, tôi cũng đã có giấy tờ để vào rừng.

Hai rưỡi chiều, tôi theo đúng lịch hẹn, được QMM đưa đi kiểm tra sức khỏe, và làm một bài kiểm tra rất dài về an toàn lao động và những rủi ro có thể gặp phải khi đi thực địa. Phải mất gần 4 tiếng đồng hồ mọi thủ tục mới được hoàn tất. Chị Murielle là người bản địa nên không cần làm bài kiểm tra này, đã sụng sượng cười rất tươi thả tôi đi một mình, nhưng cũng không quên hỏi lấy tiền ăn tối - vì chị ấy muốn đi ăn một mình thay vì ăn cùng tôi và chị Mandy. Lúc đứng chờ xe buýt của nhân viên để quay lại thành phố, dưới ánh sáng le lói còn sót lại của mặt trời, tôi cảm thấy như cuộc sống ở Oxford đã rời xa tôi từ lâu lắm rồi. Tối nay là tối thứ Tư, bình thường giờ này tôi sẽ chuẩn bị để đi tập kiếm đạo, rồi sau đó sẽ cố chạy vào thư viện để tranh thủ đọc thêm tài liệu đến tận nửa đêm, rồi sẽ chậm rãi đạp xe về nhà trong tiết trời se lạnh... Cảm giác như đang sống ở một thế giới hoàn toàn khác vậy, tôi mỉm cười. Mình đã mong chờ được đến đây biết bao...

Ngày hôm sau trợ lý của chị Mandy cũng đến. Tina là một cô sinh viên thạc sĩ năm cuối, gầy và thấp. Mặc dù cũng đến từ Tana, nhưng Tina sống ở khu ven đô thay vì ở ngay trung tâm thành phố như chị Murielle. Dáng vẻ rụt rè, giọng nói thanh, nhỏ nhưng đôi mắt sáng và tò mò, Tina khiến tôi nghĩ đến những cô bé đang chuẩn bị được vào lớp một, vừa lo lắng, sợ hãi nhưng lại hào hứng để được khám phá thế giới xung quanh. Khác với chị Murielle được trang bị đến ba chiếc điện thoại di động, một chiếc laptop và một chiếc iPad, thì Tina chỉ dùng di động Nokia “cục gạch” để liên lạc với gia đình. Sau bữa ăn tối, Tina vào nhà tắm và thốt lên một tiếng ngạc nhiên:

- Ôi!!!! Đây là cái gì?

Tôi và chị Mandy cùng chạy vào.

- Cái gì cơ? - chị Mandy ngạc nhiên.

- Cái dính ở trên tường kia kìa.

Vừa né, vừa chỉ vào cái “dính ở trên tường”, Tina lộ rõ vẻ tò mò trên mặt. Nhìn theo hướng tay Tina, chúng tôi phát hiện ra cái đó là máy sấy tóc.

- Máy sấy tóc đây Tina ạ - tôi trả lời.

- Em chưa dùng bao giờ à? - chị Mandy thốt lên, vẻ ngạc nhiên.

- Umn... Có nghe nói đến, nhưng chưa dùng bao giờ... - Tina nói, vẻ ngượng ngịu. Thế là chúng tôi hướng dẫn cho Tina cách dùng. Nghe tiếng máy sấy chạy ro ro trong nhà tắm, chị Mandy cười:

- Con bé có vẻ ngây thơ quá nhỉ!

Chị Murielle lại đi chơi với bạn, đến tận hơn 11 giờ đêm mới về. Tôi và chị Mandy lúc này vẫn đang lên danh mục thức ăn cần phải mua để chuẩn bị cho chuyến đi vào rừng đầu tiên của cả hai đứa. Cũng thật may là chị Mandy ở đây, tôi cảm thấy an tâm hơn khi có người bản chuyện tưởng như cực kỳ đơn giản,

nghư chuyện mua và dự trữ đồ ăn khô cho cả tháng. Vừa nghe nhạc trên điện thoại di động, chị Murielle vừa hỏi tôi:

- Thế còn túi ngủ và lều cho tôi thì sao nhỉ? Tôi thấy em có mỗi một cái lều hả?

- Ô... Thế chị không chuẩn bị gì à? Qua email em đã nói rất rõ rồi mà, em không thể mang thêm lều và túi ngủ từ Anh được! - tôi chột dạ trước câu hỏi của chị Murielle.

- Ô, tôi chẳng mang gì cả! - vừa nói, chị Murielle vừa nhắn tin cho bạn trai.

Chị Mandy ném cho chị Murielle một cái nhìn tăm tối, rồi nhìn tôi và nhún vai. Tôi quyết định ngày hôm sau việc đầu tiên phải làm sẽ là đến văn phòng QMM cùng Murielle để hỏi xin giúp đỡ của đội nghiên cứu động-thực vật của họ, vì trợ lý của tôi định đi rừng mà không chuẩn bị gì hết. Thêm vào đó, từ hôm đến đây vì bận lu bu công việc, tôi cũng chưa kịp bàn bạc với QMM về việc trả tiền công tác phí cho chị Murielle. Do làm nghiên cứu trong khu vực rừng được QMM quản lý, họ sẽ giúp sinh viên nước ngoài như chúng tôi lo phần “công tác phí” này của sinh viên bản địa, nên tôi cũng định sẽ bàn luôn về vấn đề này trước khi vào rừng.

Cuộc họp với QMM cuối cùng lại không diễn ra trôi chảy như cả tôi và chị Mandy cùng mong đợi. Chị Murielle vì đã tốt nghiệp khóa thạc sĩ, nên không còn được liệt vào dạng “sinh viên bản địa cần được giúp đỡ” nữa, vì vậy QMM từ chối hỗ trợ trả công tác phí cho chị ấy. Khoản công tác phí này, theo đòi hỏi của chị Murielle, là \$10/ngày. Như vậy nghĩa là trong suốt ba tháng làm việc ở đây, tổng số tiền tôi phải trả cho chị ấy, chưa kể tiền đi lại, ăn ở sẽ vào khoảng \$900, xấp xỉ 20% tổng số tiền dự án của tôi. Khoản tiền này là không thể, vì tôi còn phải trả tiền thuê người dẫn đường, thuê người nấu bếp, và tiền đi lại, ăn ở mỗi khi di chuyển đến nơi khác. Số tiền mà chị Murielle yêu cầu, thực chất cũng là quá lớn so với tiền lương nói chung của người dân Madagascar. Thực vậy, \$300/tháng là khoản tiền lương mà một người dân bản địa có kinh nghiệm nhận được nếu làm ở vị trí quản lý cho một tổ chức phi chính phủ ở khu vực này! Cố gắng để giọng nói khỏi run, tôi trình bày vấn đề về kinh phí dự trù cho dự án, thêm vào đó trước khi tôi đến đây thì MICET đã cam kết rằng họ đã làm việc với QMM về việc kinh phí phụ trội của sinh viên người bản địa. Vừa nghe tôi trình bày, chị Murielle đã thét lên:

- Nói láo! Lúc ở Tana mày đã hứa sẽ trả tiền cho tao nên tao mới đồng ý đi với mày!

- Murielle, chị nói gì vậy! - tôi hoảng hốt - Lúc ở MICET em có nói với họ, và với cả chị, chúng ta sẽ bàn về công tác phí của chị khi đến gặp QMM, vì với số tiền chị yêu cầu em chỉ có thể trả chị trong ba tuần.

- Dối trá, nếu mày nói thế tao đã không đi với mày!!! - chị Murielle đứng dậy, và bắt đầu khóc.

- Tôi chưa từng nói thế, chị Murielle ạ - tôi đánh giọng lại - Nếu chị còn nhớ, thì chính chị nói rằng nếu chỉ trả được ba tuần thì chị sẽ đi với tôi trong ba tuần, vì toàn bộ chi phí đi lại ăn ở của chị tôi đều phải trả.

Chị Murielle bắt đầu vùi đầu vào tay và khóc âm ỉ. Anh Laza hét quay sang nhìn tôi đang đỏ mặt tía tai, đến nhìn chị Murielle đang khóc lóc thảm thương.

Chú Jean- Baptise, trưởng phòng nghiên cứu và bảo tồn động-thực vật của QMM rốt cuộc phải nhờ anh Laza chỉ đưa Murielle ra ngoài vì tiếng khóc âm ỉ khiến chúng tôi không thể bàn thêm công việc gì được. Sau một hồi bàn bạc, chú Jean quyết định cách duy nhất QMM có thể giúp tôi, đó là họ sẽ trả toàn bộ tiền ăn cho chúng tôi ở những khu rừng QMM đã và đang khai thác khoáng sản. Ở khu rừng cuối cùng trọng dự án của tôi, họ không giúp tôi được. Nhưng như thế có nghĩa là tôi có thể dùng khoản kinh phí dư ra để trả tiền lương cho chị Murielle. Tính đi tính lại thì dù thế nào đi nữa, tôi vẫn không có đủ chi phí để trả lương cho chị Murielle trong cả ba tháng, vì tiền ăn ở trong rừng vốn rất rẻ nên khoản này không tốn là bao. Bước ra khỏi phòng họp với đôi vai chùng xuống vì lo lắng, tôi ra ngoài hiên ngồi. Vừa tức giận vì bị gọi là kẻ dối trá trước mặt đối tác làm việc cùng, vừa không biết mọi chuyện rồi sẽ đi về đâu, nước mắt tôi lại trào ra giàn dụa. Một lúc lâu sau khi cơn giận đã trôi qua, tôi quả quyết gạt đi dòng nước mắt, nhắn tin cho chị Mandy, thông báo rằng tôi đã họp xong, và rằng chúng tôi nên cùng ăn trưa rồi ra chợ để mua lương thực cho chuyến đi vào ngày mai.

Tôi rất thích *tsena* ở đây, lúc nào cũng sắc sỡ và đầy sức sống. Những chiếc ô lớn và vài bạt dây màu sắc được sử dụng để che nắng mưa khiến cho khu chợ trông giống như một cánh đồng nấm. Những dây hoa quả, nào tím, đỏ, xanh, những bó rau đủ dạng và sắc màu được chất đống, hàng dây rau diếp, rau cải, rau sống... được phun nước để giữ độ tươi, lấp lánh trong ánh nắng mặt trời. Một dãy kệ chuyên bán gia vị đầy những màu đỏ, cam, vàng, nâu đem mùi hương của quế, hồi, bột cà ri... chỉ chờ được trộn với dầu ăn để làm thỏa mãn khứu giác và vị giác của cả những thực khách khó tính nhất. Những dãy hàng chuyên bán đậu, với đủ loại đậu - đủ mọi hình dáng, màu sắc và kích thước: có những hạt đậu tròn xoe, có những hạt hình ô van, có những loại đậu to như sỏi, lại có những hạt nhỏ tí xíu như đậu diêm. Bên cạnh đó là sạp bán rượu rum tự chế, vàng nâu sẫm sánh trong những chai thủy tinh tái sử dụng, và cả những thanh đậu vani màu nâu bóng, căng phồng và thơm nức. Rồi là sạp trứng, từ những quả trứng vịt xanh biếc, đến đám trứng gà đủ màu, từ trắng với đến nâu nhạt. Ngay bên dưới chúng là những chú gà, vịt với chân bị buộc chặt với nhau, nằm lẫn lộn bên dưới, thỉnh thoảng kêu thét lên sợ hãi dưới những bước chân vội vã, tất bật của khách chợ.

Quay đi khỏi đám vịt, chúng tôi nhìn thấy những chậu đầy cá, vẩy ánh lên sắc trắng bạc như những đồng xu trong nắng. Bên cạnh chúng là những chú cá to hơn, có những chú đen sì như than, đặt nằm trên sạp tre thẳng tắp. Rồi một dãy cá chép bữ môi hờn dỗi nằm sát cạnh nhau, với những cái vẩy to đùng ánh bạc hay vàng, trông như thể chúng đang mặc áo giáp. Bên cạnh chúng là những sạp bán thịt, bày đầy những tảng thịt zebu lớn bám đầy ruồi. Một góc sạp bày đầy môi zebu còn tươi hay đã nâu chín, đục màu, run rẩy như trứng éch. Phía bên trong sạp là một bà cụ già với lớp da nhăn nheo sạm màu như hạt hạnh nhân, quần quanh người những lớp vải bẩn thỉu và cũ nát như giẻ lau, đang run rẩy xúc từng thìa súp gì đó trông rất kinh khủng lên miệng và nuốt chửng. Nhưng bên cạnh sạp của bà là những quầy bán đồ thêu tay, nào là khăn trải bàn, váy và hoa tươi đầy sức sống.

Chúng tôi đến quầy bán gạo và các loại ngũ cốc. Theo tính toán chung khi đi thực địa, chúng tôi phải mua đủ 1 cân gạo cho 1 người trong 1 ngày, vì người dân bản địa theo thói quen ăn rất nhiều cơm. Chúng tôi mua thêm đậu đỏ, hành khô để có thể làm món đậu hầm ăn với cơm. Vì chuyến đi dài và trời thì rất nắng, chúng tôi không thể trữ được lương thực tươi như rau củ, vì vậy mà chỉ có thể mua một lượng nhỏ rau củ đủ dùng trong vài ngày thôi. Chất thực phẩm lên đống sau chiếc xe tải nhỏ mượn của QMM, tôi và chị Mandy đều cười toe toét. Thế là ngày mai, chúng tôi có thể vào rừng rồi!

* * *

Sáu giờ sáng hôm sau, chúng tôi đã chuẩn bị tinh tươm và chờ xe của QMM đến đón. Chị Mandy làm việc ở khu tây nam, nên sẽ đi cùng một nhóm công nhân đến đó theo xe buýt của nhân viên. Tôi đi cùng một anh nhân viên chuyên độ trên xe 4x4, sau khi buộc lại toàn bộ đồ đạc, nồi niêu xong chảo, ba lô, gạo đồ... chúng tôi lên đường. Từ Fort Dauphin đến Sainte Luce mất khoảng 5 tiếng đồng hồ, đường đất rất xấu, xóc đến mức tôi tưởng rằng lục phủ ngũ tạng của tôi đều bị văng ra hết cả rồi. Chúng tôi phải vượt qua sáu con suối cạn, mặc dù là suối cạn nhưng có những nơi nước dềnh lên đến tận gần cửa sổ xe và nước bắn tứ tung vào phía trong. Tuy nhiên may mắn là chúng tôi cũng vượt qua những đoạn đường ấy mà không bị ướt, và đồ đạc cũng không bị rơi rớt gì. Sau hơn 3 tiếng lái xe liên tục trèo đèo lội suối thì anh tài xế dừng xe để nghỉ ăn trưa tại một ngôi làng nhỏ.

Từ xa, tôi đã có thể thấy cảnh quan thay đổi hẳn trên con đường đất duy nhất dẫn vào làng. Thay vì những cánh đồng cỏ khô khốc trụi lụi thì những ngôi nhà gỗ nhỏ với những hàng rào xộc xệch hiện lên trong tầm mắt. Chúng tôi đi qua một đàn zebu - những chú bò rất to lớn, chắc nịch với đám bướu to đùng ở lưng, như thể tạo hóa đã giúp chúng bắt chước những chú lạc đà ngoài sa mạc nóng bỏng. Đây là một cảnh tượng rất thường thấy ở Madagascar, zebu là biểu tượng của sự giàu có trong xã hội. Những người giàu có khi chết đi thì trong lễ tang của họ sẽ có rất nhiều zebu bị giết thịt để tế lễ, và thường sừng và sọ của zebu sẽ được sử dụng để trang trí trên bia mộ. Người càng giàu và có địa vị cao trong làng thì bia mộ của anh ta sẽ có càng nhiều sọ zebu. Không chỉ là vật cúng tế trong đám tang, zebu cũng được sử dụng trong những lễ cưới hỏi. Nhà trai sẽ đem zebu đến tặng nhà gái, nhà càng giàu và càng nhiều thế lực sẽ muốn thể hiện bằng số lượng zebu họ sẵn sàng đem ra để lấy lòng nhà gái. Vì vậy mà những người nghèo không có zebu sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc cưới xin hơn những người giàu.

Đám trẻ nhỏ trong làng - cũng giống như trẻ em ở bất cứ ngôi làng nghèo khó nào khác - chỉ cần nghe thấy tiếng động cơ ô tô là vội vàng chạy ra khỏi cửa nhà, cười tí mắt và vẫy tay lia lịa, miệng liên tục hò hét "*waza... waza*". Chúng tôi dừng xe ở một cửa hàng nhỏ ven đường. Điểm duy nhất khiến tôi nhận ra đó là cửa hàng ăn, là từ những chiếc bàn ghế nhựa bày biện một cách cầu thả ở ngay trước cửa nhà. Ngôi nhà được làm bằng đất, lợp mái lá khô, cửa sổ là những ô vuông bé tí có lẽ được đục ra trước khi đất bùn kịp khô. Sau bữa ăn trưa tạm bợ, bụng tôi bắt đầu sôi và với kinh nghiệm đi đường sáng nay

thì có lẽ sẽ an toàn hơn rất nhiều nên tôi xin phép sử dụng nhà vệ sinh ngay lúc này, thay vì chờ cho đến khi tới Sainte Luce.

Sử dụng từ “nhà vệ sinh” để chỉ nơi này thì quả là quá xa xỉ... Chỉ có một khoảng rộng bằng hai bước chân được lát xi măng, và một cái hố ở trên nền đất. Tiếng nhóp nhép, lách nhách của nhiều vật nhót nhát cử động ở phía dưới hố vang lên khiến tôi nhận ra rằng tôi đang chia sẻ “nhà vệ sinh” này với hàng trăm, có lẽ hàng triệu con dòi. Không chỉ thế, đây còn là “nhà” của những con gián lớn nhất mà tôi từng thấy, có lẽ chúng to và dài hơn cả ngón tay cái của tôi. Bị tiếng va đập cửa (là một tấm ván lớn được gia cố bằng lá khô), và ánh sáng chiếu vào, đám gián vội vã chui ra khỏi cái hố và chạy thẳng một mạch ra cửa “nhà vệ sinh”. Mùi nồng nặc của hố ga không được lấp sộc thẳng vào mũi, tôi mất một lúc lâu mới có đủ can đảm hít một hơi thật sâu ở phía ngoài rồi bước vào căn “nhà vệ sinh” này, giả vờ như không nghe thấy những tiếng nhóp nhép phía dưới hố, và vờ như không nhìn thấy bất cứ thứ gì khác trong này.

Nguyên cả chuyên đi, chị Murielle không nói chuyện với tôi và anh tài xế một lời. Chỉ đáp lại những câu hỏi một cách cụt ngủn, và tảng lờ như không nhìn thấy tôi, cũng không biết phải phá vỡ không gian ngột ngạt này bằng cách nào, sau khi đã thử bắt chuyện vài lần, tôi cũng chọn cách để mặc chị ấy và học tiếng bản địa từ anh tài xế. Tôi thậm chí còn học được một bài hát ca dao của trẻ con, với nội dung mà tôi nhớ là *“hãy đi bộ, hãy đi bộ, đi bộ tốt cho sức khỏe”*.

Tầm 3 giờ chiều chúng tôi cũng đến được làng Sainte Luce trong cơn mưa tầm tã. May mắn cho tôi, đó là mảng rừng Sainte Luce có khá nhiều người từng đến làm nghiên cứu. Thực ra, đây cũng là nơi thầy hướng dẫn Giuseppe của tôi đến làm nghiên cứu cho dự án tiến sĩ của thầy nhiều năm về trước. Vì vậy mà nó không quá hẻo lánh. Khu vực tôi ở được gọi là khu nghiên cứu, dù vậy tôi vẫn phải dựng lều chứ không có khu nhà dành cho những người đến đây. Chú Jean-Baptiste đã cẩn thận cắt cử hai chị bếp - vốn dĩ làm việc và chuẩn bị cơm trưa cho nhân viên bản địa của QMM - là những người dân trong làng. Vì có tôi ở đây nên hai chị sẽ nấu dư ra hai suất cơm trưa cho tôi và chị Murielle. Họ cũng sẽ chú ý để phân bữa sáng và bữa tối cho tôi, tùy thuộc vào thời gian đi rừng của tôi.

Lúc mới đến, vì dính cơn mưa nên tôi hơi lạnh. Chị bếp thấy vậy liền đem cho tôi một cốc trà nóng. Tôi vội vàng cảm ơn rồi uống một hơi rõ to. Quái... rõ ràng là nước trà nâu đặc thế này mà sao nhạt như nước lã. Tôi tò mò hỏi:

- Trà gì đây hả chị?
- Nước lọc chứ trà gì?
- Nhưng nó màu nâu đặc mà?
- Nước ở đây thế em ơi!

Hóa ra nước ở đây chứa nhiều chất hữu cơ, và không có máy lọc nước nên nước sử dụng cho sinh hoạt hằng ngày có màu nâu đậm như màu trà để lâu. Tôi gật gù uống hết cốc nước, rồi bắt tay vào dựng lều.

Mưa cũng đã thưa dần... Chiếc lều đồ tươi của tôi nổi bật trong lớp lá xanh nâu đan chen lẫn lộn. Tôi mua chiếc lều mới này cùng với chị Mandy chỉ độ hơn hai tuần trước ở Oxford thôi, vậy nên lúc dựng lều cũng có hơi bỡ ngỡ.

Chiếc lều nhỏ, được ghi chú thích là cho hai người dùng, nhưng thực ra bên trong nhỏ xíu, chỉ mình tôi và chiếc ba lô to bự cũng đã chật rồi. Tôi trải sẵn chiếc túi ngủ, và cuộn mấy chiếc áo lại làm gối, phủ một lớp chăn mỏng lên trên. Tổ chim cúc cu thể là đã chuẩn bị xong!

Lúc đang loay hoay tìm cách chui ra khỏi lều mà không để nước bắn vào trong, tôi bắt gặp một ánh mắt đang nhìn mình chăm chú. Một người đàn ông gầy gò, nhỏ thỏ với mái tóc dù đã cắt ngắn cũn nhưng vẫn xoắn tít sát da đầu. Khuôn mặt khắc khổ, nhưng ánh mắt rất sáng. Đó chính là Kadoffa! Kadoffa là một người dân làng, ông sinh ra và lớn lên ở đây đã hơn 50 năm. Trước đây, ông là ngư dân, rồi một thời gian từng vào rừng săn bắn. Sau đó ông có được việc làm với QMM, và khi thầy Giuseppe đến đây, ông trở thành người dẫn đường cho thầy. Suốt hai năm liền ông làm việc trực tiếp với thầy Giuseppe, rồi sau đó ông cũng giúp nhiều nhà nghiên cứu khác ở khu vực này đi điều tra số lượng quần thể và tập tính của các loài vượn cáo sinh sống nơi đây. Ông thuộc cánh rừng Sainte Luce như lòng bàn tay, và có thể nhận dạng những loài động-thực vật ở đây dễ như thể bạn ra chợ chọn rau răm hay rau muống vậy. Ở khu vực này, ông là người dẫn đường uy tín nhất.

Ông Kadoffa không nói gì nhiều, chỉ bắt tay tôi và gật đầu chào khi tôi tiến lại gần. Ông nhìn tôi rất kỹ, như thể đang tìm cách nhìn xuyên thấu con người tôi vậy. Không nói được tiếng Anh, nhưng ông nói tiếng Pháp rất trôi chảy. 5 giờ sáng mai, tôi cần phải dậy, và bắt đầu đi rừng.

* * *

Buổi sáng đầu tiên trong một khu rừng ở Madagascar quả thật là quá hào hứng với tôi. Hào hứng đến mức tôi hôm trước mặc dù chui vào lều từ lúc 9 giờ tối nhưng tôi vẫn không thể nào ngủ nổi cho đến tận quá nửa đêm. Sáng sớm từ khoảng 4 giờ sáng cánh rừng rộn lên bởi tiếng chim hót chào ánh bình minh, tôi cũng vì quá háo hức mà không ngủ nổi, đánh dậy sớm, chuẩn bị mọi thứ, xem lại giấy tờ và chui ra khỏi lều chờ ông Kadoffa và chị Murielle. Cả ngày hôm qua chị ấy đều không nói chuyện với tôi, nhưng tôi hy vọng rằng sáng nay là ngày làm việc đầu tiên, chị ấy sẽ có thái độ khác đi.

Đúng 5 giờ sáng, ông Kadoffa đứng định đến nơi, gật đầu cười khi tôi chào. Chị Murielle thức giấc hơi muộn một chút rồi chúng tôi bắt đầu đi vào rừng. Rừng ở Sainte Luce vốn dĩ không phải rừng già nhiệt đới, mà là rừng ven biển mọc trên đất cát. Cây cối ở đây thấp, nhỏ hơn và mọc dày hơn so với những cánh rừng già mà tôi từng đến. Tuy vậy, độ đa dạng sinh học của thực - và động vật nơi đây vẫn rất cao. Buổi sáng nay chúng tôi thực hiện 2 *transects* (để tìm hiểu về số lượng của loài sinh sống trong một cánh rừng thì có rất nhiều cách. Tuy nhiên, tôi và thầy Giuseppe chọn phương pháp đi theo tuyến đường thẳng, dựa trên bản đồ có sẵn mà tạo những đường thẳng song song nhau có độ dài 1 - 1.5km tùy thuộc vào diện tích mảnh rừng nhỏ mà chúng tôi có. Tôi sẽ ghi lại những thông tin cần thiết về loài mà tôi làm nghiên cứu khi bắt gặp trên những *transects* này). Cả buổi sáng hôm ấy chúng tôi không tìm thấy *varika* (tiếng bản địa cho vượn cáo má nâu *Eulemur collaris*) - loài nghiên cứu chính của tôi. Tuy vậy, chúng tôi bắt gặp một gia đình *avahi* - một loài vượn cáo khác nhỏ hơn, có màu xám nâu và có tiếng kêu rất lớn, đang ôm nhau

trên một cành cây và chỉ ngoái ra nhìn khi tôi khẽ kêu lên một tiếng kích động vì hào hứng.



Hai mẹ con avahi - Southern woolly lemur - *avahi meridionalis*

Sau buổi làm việc vào ban sáng, ông Kadoffa quay trở về làng. Tôi và chị Murielle cũng đi cùng để ông giới thiệu tôi cho bác trưởng làng. Từ hôm qua đến giờ, dù trạm nghiên cứu chỉ cách làng khoảng 5 phút đi bộ, tôi vẫn chưa có dịp đến thăm. Ngôi làng nhỏ bé, những ngôi nhà dựng tạm bợ bằng gỗ hiện lên sau khi chúng tôi ra đến bìa rừng. Trường học được xây dựng bằng kính phí từ quỹ khuyến học của QMM, có lẽ cũng chỉ có khoảng bốn lớp học ở ngôi trường này thôi. Ngôi làng nằm ở phía bên tay trái, nếu đi từ phía bìa rừng. Có

một hàng rào lớn ngăn từ phía đường đất chạy xung quanh làng, có lẽ là để tránh đám zebu làm đổ những ngôi nhà ọp ẹp. Phía bên trong hàng rào là những ngôi nhà được dựng lên một cách tùy hứng, cùng một phong cách. Mỗi ngôi nhà có một cầu thang nhỏ dựng bằng gỗ, chỉ khoảng hai, ba bậc là lên đến cửa nhà. Phía bên trong không có gì nhiều: hoàn toàn thiếu vắng cái gọi là hiện đại và tiện nghi. Chỉ những nhà chịu chơi nhất mới có một bóng đèn lò mờ treo ở giữa nhà. Họ không có ti vi, thậm chí nhiều nhà không có cả một chiếc bóng đèn điện. Điện là thứ xa xỉ mới được đưa về làng cách đây vài năm, cũng là từ quỹ phát triển cho những người dân nghèo của QMM. Họ xây dựng một hệ thống pin năng lượng mặt trời ở gần khu nghiên cứu, điện được chạy thẳng từ đó về làng. Vì vậy mà ai cũng phải sử dụng một cách rất tiết kiệm. Ngay cả ở khu nghiên cứu, chúng tôi cũng chỉ có điện vào khoảng 2 tiếng 1 ngày, chỉ đủ để tôi có thể mở laptop và sao chép lại những thông tin thu thập được từ những chuyến đi thực địa trong quyển sổ nhỏ mà tôi lúc nào cũng mang theo.

Nhà của trưởng làng nằm ngay giữa làng, là ngôi nhà lớn nhất, cũng là ngôi nhà duy nhất trong làng có bán đồ lặt vặt, như bìm bìm, bút chì, giấy vở. Trưởng làng là một người đàn ông vào khoảng 50 tuổi, nhưng răng đã rụng gần hết và tóc đã điểm bạc. Ông giao tiếp bằng tiếng địa phương, mặc dù chẳng hiểu gì nhưng tôi cũng mỉm cười và gật đầu mỗi khi có sự thay đổi trong giọng nói của ông. Thịnh thoảng tôi quay qua chị Murielle đang ngồi bên cạnh với vẻ chán ngán để nhắc chị ấy dịch cho tôi. Chị Murielle chỉ miễn cưỡng dịch khi tôi yêu cầu, và ngay cả không thể hiểu gì những điều ông trưởng làng nói, tôi cũng có thể lò mò đoán được chị không hề dịch hết nội dung mà ông trưởng làng nói cho tôi. Cuối cùng, sau khoảng 30 phút trò chuyện, ông trưởng làng cho phép chúng tôi quay về sau một cái bắt tay.

Cảm thấy rất không hài lòng sau chuyện vừa rồi, tôi tìm cách nói chuyện với chị Murielle sau bữa ăn trưa:

- Chị Murielle này, chúng ta cần nói chuyện. Cho dù có bất đồng như thế nào, nhưng khi làm việc, chị cần phải tách biệt giữa hiềm khích cá nhân và công việc. Chị không ưa em thì tùy chị, nhưng khi gặp mặt trưởng làng, hay bất cứ ai khác, chị cần phải dịch cho em. Chuyện đi rừng cũng vậy, chị không thể vừa đi vừa tìm cách nhả tin cho bạn trai được!

- Kệ tôi, tôi đã phải từ bỏ thành phố, rời xa bạn trai tôi chỉ để đến đây. Vậy mà cô còn cần nhân à? Tôi đã nói tôi ghét ăn cơm, từ hôm qua đến giờ ăn ba bữa cơm, tôi ngán đến tận cổ rồi.

Nói rồi, chị Murielle nhăm nhắng bỏ thẳng về lều, không để tôi nói gì thêm.

Không có thói quen nghỉ trưa, tôi ngồi trong phòng ăn và sao chép lại những con số thu lượm được từ chuyến đi thực địa buổi sáng. Tất cả thông số cần được điền đầy đủ vào một file excel mà tôi và thầy Giuseppe đã chuẩn bị sẵn từ trước. Đây là việc cần thiết, vì thường giấy tờ sổ sách sẽ bị ướt, rách, phai màu hoặc bị mất khi phải di chuyển nhiều trong những chuyến đi nghiên cứu. Đối với người làm nghiên cứu thực địa như chúng tôi, số liệu nghiên cứu quý báu như là máu của chính mình vậy. Chỉ có ba tháng để có thể thu thập đủ số liệu cần thiết, tôi phải quý trọng từng giây từng phút, và không thể để mất những số liệu đã thu nhập được.

Vừa đưa thông số về những điểm GPS mà chúng tôi thấy có sự xuất hiện của *Lemurs*, tôi nghe thấy tiếng bánh xe ô tô lăn ở phía bên ngoài. Tiếng người cười nói vang lên thật sáng khoái.

Một phụ nữ trẻ với mái tóc hoe vàng bước ra khỏi xe, vẫn còn đang cười ngất vì những câu chuyện đùa của anh tài xế. Chị ấy có lẽ khoảng 26, 27 tuổi, đôi mắt xanh sáng và nước da rám nắng. Khoác chiếc ba lô nặng trĩu lên vai một cách chắc chắn, chị ấy bước về phía tôi, nở một nụ cười tươi rói:

- *Hello! Are you Trang?* - Xin chào, em là Trang hả? Chị đã nghe JB kể về em. Ông ấy nói rằng chắc chắn sẽ gặp em ở đây. Chị là Melissa.

- Vâng, chào chị Melissa. Chị cũng làm nghiên cứu ở đây ă? Em chưa nghe JB nói gì cả.

- Không không, chị từng làm nghiên cứu ở đây, chỉ là lần này quay lại nên muốn ghé thăm một chút thôi, chắc chị ở đây độ một tuần - chị Melissa vừa nói, vừa nhìn quanh khu nhà ăn như thể đang hồi tưởng lại thời chị ấy còn làm việc ở đây - Trờ lý của em ỏn không?

- Ồm... cũng ỏn ă - tôi ỏp lại một cách khó khăn, tôi không muốn tiếp tục chủ đề này một tí nào.

- Chị nghe kể hết rồi - chị Melissa nháy mắt một cách tinh quái - Cố lên nhé.

Nói đoạn, chị ấy quay ra bắt tay anh tài xế, rồi tìm chỗ để dừng lờu. David - anh lái xe của QMM hỏi tôi liệu có muốn chuyển lờ cho JB, hay cho thầy Giuseppe không. Chúng tôi ỏ quyết ỏịnh vì không có sóng ỏiện thoại hay Internet ở trong rừng, nên tôi và thầy Giuseppe sẽ liên lạc với nhau qua những anh tài xế. Tôi sẽ viết ra giấy những gì mình muốn nói với thầy Giuseppe, sau ỏó các anh tài xế sẽ ỏem thư về cho chú Jean-Baptise, mà chúng tôi thường gọi tắt là JB. Chú ấy sẽ viết vào email và gửi cho thầy, rồi khi nào thầy trả lờ email thì JB sẽ in ra giấy cho tôi rồi nhờ tài xế xe tải trên ỏường ra khu xây dựng thì mang qua rừng cho tôi. Vội vã chạy vào phòng ăn và kể nhanh với thầy Giuseppe về việc tôi đang ỏược làm việc với Kadoffa, và hơi ngần ngại, nhưng tôi cũng viết vài dòng văn tắt về vấn đề đang gặp phải với chị Murielle. Sau khi ỏưa tờ thư dài gần nửa trang giấy cho anh David, tôi quay về với cái laptop và ỏưa nốt những dữ liệu còn lại vào máy.

Hai giờ chiều, ông Kadoffa quay lại và chúng tôi bắt ỏầu khảo sát môi trường sống của những chú vượn cáo tại ỏây. Tôi sẽ chọn một khoảng rừng ngẫu nhiên trên bản ỏồ, rồi ỏi đến ỏó và tạo một “ô vuông” - hay còn gọi là *plot* - khoảng 50m² để ỏo ỏạc, ỏếm và nhận ỏiện các loại thực vật nằm trong “ô vuông” này. Công việc hoàn thành vào lúc 4 giờ chiều, chúng tôi quay về trại, nghỉ ngơi một tiếng ỏồng hồ, rồi chuẩn bị cho việc khảo sát số lượng vượn cáo vào buổi tối. Mọi việc tiếp ỏiến một cách ỏều ỏều như vậy ỏược khoảng 5 ngày, khi tôi cảm thấy thoải mái với công việc hơn thì chị Murielle bắt ỏầu muốn về thành phố.

Chiều thứ sáu, sau khi trở về từ chuyến khảo sát thực vật, chị Murielle hỏi khi nào tôi sẽ về Fort Dauphin:

- Em ỏịnh một tháng mới về một lần thôi, vì ỏường cũng xa, số liệu cần thu thập thì nhiều. Nếu ỏi lại thường xuyên thì sợ là không...

- Nhưng tao muốn về thành phố. Mỗi cuối tuần phải về một lần chứ?

- Không được... Em chỉ có ba tháng để thu thập số liệu thôi. Nếu tuần nào cũng nghỉ 2 ngày cuối tuần thì không thể hoàn thành công việc được. Với lại mỗi lần quay về thành phố cũng đắt đỏ...

- Không! Không! Tôi tưởng cuối tuần nào cũng về thành phố nên tôi mới đi với mày. Mày chỉ trả lương cho tôi ít như vậy mà còn muốn tôi làm việc liên tục à? - Murielle gào lên, nước mắt lại giàn giụa - Tôi sẽ gọi điện cho David và nhắc anh ta quay lại đón tôi về phố!

- Vậy thì chị sẽ tự chị trả bằng tiền lương em trả cho chị khi chị sống ở thành phố. Em không về, nên cũng sẽ không trả tiền ăn ở đi lại cho chị - tôi đáp dứt lùn - Số tiền lương chị nhận được từ em ngang bằng tiền lương của giám đốc người bản địa ở Azafady, chị đừng tỏ ra như em đang ngược đãi chị được không?

Chị Melissa vừa đi chụp ảnh rừng về, đứng khựng lại nhìn quanh một cách lo lắng khi thấy chị Murielle và tôi đang đứng mặt đối mặt và nước mắt chị Murielle lại chảy lưng tròng:

- Tối nay tôi không đi khảo sát với mày.

Nói rồi chị Murielle chạy vào lều. Tối hôm đó, chị ấy không ra ngoài thật, chỉ có tôi và ông Kadoffa đi thực địa cùng nhau. Cũng thật may là ông Kadoffa không hỏi gì nhiều khi không thấy chị Murielle. Tôi và ông cùng đi với nhau trong tĩnh lặng, và không khí u ám buồn tủi tôi mang theo dần nhường chỗ cho sự hào hứng mà tôi nhận lại mỗi khi nhìn thấy các loài vượn cáo: vì bình thường chị Murielle sẽ cố gắng nhắn tin, gọi điện thoại, hay thậm chí vừa đi vừa hát trong rừng nên tần suất nhìn thấy vượn cáo của chúng tôi ít hơn tôi nay!

Sáng sớm ngày hôm sau, chị Murielle cũng không dậy để đi khảo sát vào ban ngày. Tôi và ông Kadoffa chờ đến 5 giờ 10 cũng không thấy chị ấy đâu, nên chúng tôi đi cùng nhau trước. Mặc dù cơn nóng giận đã nguôi ngoai ít nhiều, tôi cũng không thể nào đáp ứng được yêu cầu của chị ấy. Mỗi một tôi ở lại thành phố là thêm \$70 tiền nhà nghỉ, rồi cộng thêm khoản tiền ăn, tiền đi lại... dù tiết kiệm thế nào cũng phải hơn \$100 cho cả hai người. Khoản kinh phí dự án mà tôi nhận được không thể nào kham nổi con số này, nếu tuần nào chúng tôi cũng về thành phố hai ngày. Không kể đến việc thời gian mà tôi có cũng không cho phép tôi nghỉ ngơi nhiều đến vậy.

Vừa quay trở về trạm cho bữa trưa, chị Murielle đã ngồi trên ghế vắt vẻo ăn trưa. Không nhìn vào mặt tôi, chị thông báo rằng chị sẽ bỏ về Fort Dauphin rồi bay về Antananarivo.

- Được thôi - tôi trả lời. Chị Melissa đang đứng lấy nước ở phía bếp quay lại nhìn tôi ngỡ ngàng - Nhưng em sẽ không trả tiền đổi vé máy bay cho chị. Và cũng sẽ không trả phí để chị quay lại Fort Dauphin, hay tiền ăn, hay tiền khách sạn.

- Mày là một con bò già! - chị Murielle gào lên.

- Cảm ơn, và chị cũng vậy. Tôi đã tin tưởng chị nên không làm hợp đồng với chị ngay ngày đầu tiên. Nếu tôi kỹ càng và ký hợp đồng với chị, thì chị sẽ phải trả lại số tiền mà tôi đã chi trả cho suốt chuyến đi này của chị. Nhưng thôi, coi như tôi đã không cân nhắc đi. Vậy, chị lên đường bình an. Và tôi hy vọng sẽ không phải gặp lại chị nữa.

Tôi nhìn xoáy vào Murielle, vừa cảm thấy lo sợ vì bị bỏ lại đây một mình, một nơi mà tôi hầu như không thể giao tiếp được với người dân bản địa, lại vừa cảm thấy phần nào nhẹ nhõm. Chị Murielle không hề giúp đỡ tôi như những gì chị ấy đã hứa. Không phiên dịch cho tôi khi tôi cần giao tiếp với người dân trong làng, và chỉ làm điều đó một cách miễn cưỡng. Chị ấy cũng không thực tâm muốn đi thực địa, khi mà vừa đi, vừa bật nhạc, vừa hát, vừa tìm cách liên lạc với bạn trai. Chị ấy chỉ cho rằng đây là cơ hội để kiếm tiền từ những *waza* đến nghiên cứu mà thôi.

Sau bữa trưa, chị Murielle quay về lều và bắt đầu dọn dẹp đồ đạc. Khoảng nửa tiếng sau đó có một chiếc xe tải nhỏ xông thẳng vào khu nghiên cứu và bấm còi inh ỏi một cách rất vô phép. Một đám thanh niên trai trẻ nhảy ra khỏi xe, hút thuốc và nói chuyện âm ỉ. Tôi và chị Melissa lúc đó còn tưởng có cướp đến trạm rồi, vì họ chẳng chào hỏi ai mà cứ thế xông thẳng vào phía trong. Hóa ra, đó là bạn của chị Murielle đến đưa chị ấy về thành phố. Murielle vào xe, không nhìn ai, cũng không chào ai. Lại tụt còi âm ỉ, chiếc xe phóng đi để lại đồng khối bụi đen mù bay thẳng vào gian nhà bếp.

Ông Kadoffa lắc đầu, tặc lưỡi rồi chăm chú nhìn tôi. Cũng không biết nên nói gì, tôi ra phía sau múc nước giếng vào chậu rồi cắm thẳng đầu vào đó *“Phải bình tĩnh, phải thật bình tĩnh. Mọi việc rồi sẽ ổn thôi”*.

- Em có sao không? chị Melissa lo lắng hỏi.

- Có sao đây chị Melissa à... Ở lại thì cũng không giúp được gì, nhưng chị ấy bỏ đi em thấy cũng hơi lo sợ...

- Hay em nghỉ giờ làm chiều nay đi, bên Azafady cũng có phiên dịch. Em thử chạy qua đó tìm người phiên dịch và giải thích cho ông Kadoffa xem?

- Chị cũng không nghĩ em nên tìm cách giữ chị Murielle lại à?

- Không, một người không muốn ở lại thì dù có ở lại cũng chỉ tạo ra rắc rối thôi. Chị nghĩ em và ông Kadoffa sẽ là một đội tốt! - vừa nói, chị Melissa vừa vỗ vỗ vào vai trấn an tôi.

Chiều hôm đó, tôi không đi khảo sát thực vật nữa, mà chạy sang khu lều trại của tổ chức Azafady. Cũng thật may, hôm nay họ có buổi tập huấn, dạy những người phụ nữ trong làng đan sây thành những vật dụng trong nhà, và đồ trang sức để bán cho khách du lịch. Tôi giải thích sự tình với anh Forrest - một nhân viên người Anh, hiện đang quản lý chương trình ở làng Sainte Luce để tìm sự giúp đỡ. Anh ấy cũng nhiệt tình, vội chạy đi tìm người phiên dịch cho tôi.

Sau khi giải thích mọi chuyện, tôi viết ra tờ giấy những gì tôi muốn nói với ông Kadoffa, và nhờ anh Haja dịch hộ. Anh ấy đọc rất cẩn thận, thỉnh thoảng gạch chân một vài từ và nhờ tôi giải thích nghĩa của nó. Rồi lại nắn nót viết từng chữ bằng tiếng bản địa, rồi hỏi liệu tôi có cần anh ấy đi cùng để gặp ông Kadoffa không. Chúng tôi cùng vào làng, ông Kadoffa không có ở nhà, nhưng thật may là làng Sainte Luce rất bé. Chúng tôi thấy ông đang hút thuốc và ngồi tán chuyện với ngư dân ở đó.

Anh Haja kể lại câu chuyện với ông Kadoffa, thỉnh thoảng dịch lại vài câu hỏi của ông dành cho tôi. Tôi cũng không muốn đi sâu vào bất hòa với chị Murielle từ lúc bắt đầu, nên chỉ muốn nói rằng chị ấy muốn quay về Fort Dauphin quá thường xuyên và vì không được đáp ứng nhu cầu này nên chị ấy

đã bỏ vế trước. Ông Kadoffa nhìn tôi một cách trấn an, vì có lẽ ông cũng nhận ra giọng tôi đang run, và hai tay thì cứ liên tục nắm chặt lại một cách căng thẳng. Tối nay, ông vẫn sẽ đi thực địa với tôi, và cả những ngày sau nữa!

Thở phào nhẹ nhõm, tôi cảm ơn ông và anh Haja rồi vừa chạy về trạm vừa nhảy chân sáo. Cảm giác như một hòn đá đè nặng trong người đã được gỡ đi rồi! Vừa đi đến đầu bìa rừng thì thấy ông Antso - vốn làm bảo vệ ở trạm nghiên cứu đang chạy lại từ đằng xa. Vừa thoảng thấy bóng tôi ông đã gọi hét hải, tay vẫy khua loạn xạ. Ông nói một tràng tiếng địa phương, thở hên hên, rồi chạy tiếp, vừa chạy vừa ra dấu muốn tôi theo. Chẳng hiểu gì, nhưng tôi cũng bị cuốn theo sự hét hải của ông mà cũng ba chân bốn cẳng chạy theo.

Một đám nho nhỏ những người dân làng đang đứng túm tụm ở phía bên kia cánh rừng, họ nhìn cái gì đó dưới mặt đất một cách rất chăm chú, lo lắng và sợ hãi. Vừa lại gần, họ chỉ cho tôi cái gì đó ở phía dưới đám cây bụi. “Cái gì đó” đang di chuyển, được nguy trang vừa khít với đám lá nâu đang mục nát dưới nền đất rừng, “Cái gì đó” có những lớp vảy màu nâu, vàng và đen bóng loáng được xếp chồng lên nhau một cách hoàn hảo... Đó là một chú trăn đất đặc hữu của hòn đảo này, và chú đẹp tuyệt vời!



Trăn đất Madagascar - Madagascar ground boa (*Acrantophis mada gascariensis*)

Đây là một chú trăn còn đang tuổi trưởng thành, có lẽ chỉ dài khoảng 1.2m. Một chú trăn trưởng thành của loài này có thể dài hơn 3m. Người dân ở Madagascar cũng giống người dân ở nhiều nơi trên thế giới, họ rất sợ rắn. Loài rắn và trăn ở nơi đây cũng thường đi cùng với những câu chuyện kể thần thoại ma quái. Nhiều người tin rằng những chú rắn có đuôi nhọn thường rình người và zebu từ trên cây cao, chúng sẽ nhảy bổ xuống dưới và dùng đuôi nhọn của mình để chọc thẳng vào đầu người. Có người lại cho rằng chúng sẽ

đi theo con người vào ban ngày, chờ đến đêm xuống thì sẽ dùng cái lưới nhện hoạt để chọc vào tai và ăn não của nạn nhân. Có nơi lại nghĩ rằng rắn và rắn là hiện thân của tổ tiên họ. Nếu tổ tiên cần gì đó, như thức ăn, chỗ ẩn nấp, hoa quả... thì sẽ hiện thân về dưới hình dạng của rắn và gửi lời nhắn về yêu cầu của họ. Người thân trong gia đình sẽ đem những món đồ đó đến mộ của tổ tiên để gửi họ những vật dụng mà họ cần.

Nói chung, ở Madagascar, sự xuất hiện của rắn ở gần làng thường được người dân cho là điềm xấu và họ sẽ tìm cách để xua chúng đi khi có thể. Tôi đoán đám trẻ con trong làng đã nhìn thấy chú rắn này và thông báo cho người lớn ở gần đây. Nhưng ai cũng sợ phải động vào “điềm xấu” này, nên họ đã cử ông Antso, vốn là bảo vệ ở trạm nghiên cứu để nhờ một *waza* đem “điềm xấu” đi.

Tôi ra dấu bảo mọi người yên lặng, vì những âm thanh và tiếng động mạnh sẽ làm chú rắn bị kích động và căng thẳng (điều này áp dụng với tất cả các loài động vật chứ không chỉ với loài rắn). Vừa hay, một người đàn ông trong làng chạy trở lại, cầm theo một cây gậy rất to. Có lẽ anh ta muốn đập chết chú rắn này rồi vứt ra xa khỏi làng, như tập tục ở nhiều nơi trên hòn đảo này để xua đuổi điềm xấu. Ông Antso suýt anh ta và mọi người lại chăm chú, nín thở nhìn tôi.

Tôi từ từ tiến lại gần chú rắn, rồi luồn tay xuống phía dưới bụng chú, nâng nhẹ để chú tự nhiên cuộn đuôi của mình lên cánh tay tôi. Khác với tưởng tượng của nhiều người, lớp vảy bóng bẩy của rắn và rắn khiến họ cho rằng những loài này rất “nhộp nhộp” và “đơ bản”. Nhưng hoàn toàn không phải thế. Tôi cảm nhận được lớp vảy mịn màng, phần cơ bắp chắc nịch đang từ từ cuộn chặt vào tay mình. Chú rắn này vẫn rất bình tĩnh, và không hề có dấu hiệu căng thẳng khi tôi nâng chú lên. Tôi dùng cả hai tay, tay phải đỡ lấy phần thân dưới với chiếc đuôi đang quấn lấy cánh tay, tay trái nâng đỡ phần trên, gần đầu để chú có thể thoải mái trườn trên tay mình. Tiếng hít hơi thật sâu vang lên từ phía sau, tôi cảm giác tất cả ánh mắt của mọi người đều đang dán chặt lên mình. Nhẹ nhàng bảo chú rắn hãy yên tâm, tôi sẽ đưa chú vào sâu hơn trong rừng để đảm bảo an toàn cho chú, tôi bước về phía trước. Lúc này, đám đông đã ngày một tăng thêm. Nhiều người sợ hãi, lấy tay bịt miệng nhìn theo chú rắn đang quấn trên cánh tay tôi. Chị Melissa vừa mới đến, cầm theo chiếc máy ảnh, ra dấu bảo tôi làm tốt lắm, rồi chỉ cho tôi về phía sau cánh rừng, nơi chị cho rằng sẽ là chỗ lý tưởng để chú rắn được nghỉ ngơi mà không quấy rầy người dân làng. Tôi đi theo chị, lúc này chỉ còn vài người đàn ông và thanh niên là dám đi theo chúng tôi. Đa phần mọi người vẫn đứng lại chỗ cũ. Tôi thấy đám trẻ con đang tìm cách thoát ra khỏi sự kìm kẹp của những bà mẹ vẫn còn đang sợ hãi. Rõ ràng đối với chúng, chú rắn là sự tò mò không thể cưỡng khỏi.

Chúng tôi đi khoảng 15 phút vào phía bên trong của mảng rừng, nơi ít người dân vào hơn. Chị Melissa chỉ cho tôi một khoảng trống với những bụi cây nhỏ rất giống với nơi chúng tôi nhìn thấy chú rắn này, và tôi cố gắng thật nhẹ nhàng đặt chú rắn xuống dưới một gốc cây nhỏ. Chú ta có vẻ vui mừng vì chuyển đi bất đắc dĩ đã kết thúc, trườn thẳng từ hai cánh tay tôi xuống bụi cây, và bỏ đi nơi khác.

Chiều hôm sau, chị Melissa lại khoác lên vai chiếc ba lô nặng trĩu, bắt tay tôi một cách thật chắc chắn, mỉm cười và lên xe đi về thành phố. Bây giờ, trạm nghiên cứu chỉ còn có tôi. Tuần làm việc còn lại trôi qua một cách chậm chạp. Tôi và ông Kadoffa vẫn tiếp tục làm việc với nhau, một ngày 3 lần đi khảo sát. Chúng tôi làm việc ăn ý hơn, nhiều khi chẳng cần phải giải thích nhiều, ông cũng hiểu tôi muốn nói gì. Ông thường ở lại ăn cơm tối cùng tôi sau mỗi buổi đi khảo sát ban đêm rồi mới về để tôi không phải ăn một mình.

Hai tuần đầu tiên ở trong rừng trôi qua như vậy đấy. Khi vừa thở phào vì đã hoàn thành việc thu thập số liệu của mảng rừng Sainte Luce đầu tiên, thì tôi nhận được điện thoại từ chú JB. Chú gọi tôi về Fort Dauphin để gặp trợ lý mới... họ đã tìm cho tôi một sinh viên bản địa khác. Vì tôi và ông Kadoffa đang làm việc rất tốt, tôi cảm thấy không cần phải nhận thêm trợ lý. Nhưng chú JB nói rằng đó là luật mà tôi phải tuân theo, trừ phi tôi không thể tìm được sinh viên nào để giúp đỡ, còn không thì tôi buộc phải nhận những người được giới thiệu. Tôi đành chào ông Kadoffa, vác theo đồ đạc và lên xe theo David về Fort Dauphin, hy vọng rằng khi đến nơi thì chú JB vẫn còn ở văn phòng.

Lúc về đến nơi đã gần 7 giờ tối. Thành phố không một ánh đèn. Nhưng cũng thật may vì QMM đang chuẩn bị một buổi mít tinh với chính quyền thành phố vào tuần sau, nên mọi người đang làm tăng ca. Họ dọn dẹp, và bày biện dãy hành lang của phòng họp như một cuộc triển lãm nhỏ về những hoạt động môi trường mà họ đang thực hiện. Thực ra thì ngày *Môi trường thế giới* cũng đang đến gần, nên những tổ chức làm việc liên quan đến môi trường và bảo tồn đều đang cố gắng có một hoạt động nào đó, vừa để có thể thông báo với chính quyền, vừa để thu hút quỹ đầu tư ở nước ngoài và nâng cao nhận thức của người dân bản địa.

Một mỗi vì phải dậy sớm từ 5 giờ sáng, rồi dọn dẹp và đi một chuyến đi dài, tôi cảm thấy người mình sắp lả đi rồi, và bụng thì đang réo rất đòi ăn. Nhưng quả thật nhìn những mẫu vật được bày biện quanh đây khiến tôi cảm thấy rất hứng thú. Vừa ngong cổ nhìn theo một nhân viên bê theo mẫu vật của những loại rong tảo có thể tìm thấy quanh vùng biển ở đây, tôi thấy một bàn tay rắn chắc đặt trên vai mình. Đó là chú JB - có lẽ anh David đã thông báo cho chú ấy biết tôi đã về đến nơi an toàn.

Chúng tôi thảo luận một lúc về những chuyện đã xảy ra. Rồi tôi hào hứng cho chú ấy xem danh sách những loài tôi đã gặp trong rừng, và vì biết JB đặc biệt có hứng thú với lưỡng cư, tôi đã nán nã ở danh mục lưỡng cư lâu hơn bình thường. Khoảng 7 giờ rưỡi thì trợ lý mới của tôi đến nơi. Một thanh niên gầy gò, nhỏ bé, có lẽ chỉ cao bằng tôi thôi. Tên cậu ấy là Raul, và cậu ấy có vẻ nhút nhát, chỉ lí nhí trả lời khi được hỏi. Chú JB nói rằng chú ấy đã gửi cho cậu ta xem bản nghiên cứu của tôi, mặc dù cậu ấy làm nghiên cứu về rùa, chứ chưa từng làm những công việc liên quan đến vườn cào, nhưng cậu ấy có thể giúp đỡ tôi phần nào công việc. Rút kinh nghiệm từ lần trước, chúng tôi bàn bạc luôn về vấn đề lương lậu, những chi phí phụ trội mà tôi phải trả và những yêu cầu của Raul về ngày phép.

Mặc dù vẫn lo lắng do những khúc mắc với trợ lý trước, tôi vẫn cảm thấy hài lòng hơn nhiều với Raul. Cậu ấy có vẻ rất thật thà, không đòi hỏi gì nhiều,

và sẵn sàng đi rừng với tôi vào sáng thứ Hai tới.

Khoảng 8 giờ tối, chúng tôi chào từ biệt chú JB. Vì mọi người đều khuyên cáo rằng khách nước ngoài không nên đi lại một mình vào buổi tối, đặc biệt là sau vụ việc một đôi khách du lịch người Pháp đã bị giết và cướp hết đồ đạc cách đây không lâu nên tôi đứng chờ xe taxi vắng lai để về khách sạn, dù chỉ mất khoảng 30 phút đi bộ thôi. Nhưng tôi chờ mãi, chờ mãi ở khu chợ mà vẫn không có một chiếc taxi còn trông nào đi qua. Quyết định rằng càng chờ lâu một mình càng nguy hiểm, tôi tự đi bộ về khách sạn. Con đường nhỏ, tối om nhưng đầy người nghèo ngồi hoặc nằm ngay sát lòng đường, thỉnh thoảng lại nhá lên ánh sáng chói lòa của một chiếc xe ô tô hay xe tải nào đó đi ngược chiều. Vừa đi vừa vắt chéo ngón tay - dấu hiệu cầu may của người Anh - và hy vọng rằng mình sẽ không bị cướp giật trên đường, tôi dò dẫm tìm đường về khách sạn.

Phía khu vực khách sạn Kaleta, dù vẫn còn rất nghèo nếu so với những nước đang phát triển, nhưng quả thật ở khung cảnh nơi đây, nó giống như một lâu đài tráng lệ, với đèn điện sáng trưng, và một tiệm bánh Pháp nhỏ ở sảnh. Tôi đặt một phòng đơn cho hai tôi, mệt mỏi lê bước về phòng, với bùn đất, và những mâu cành cây khô gãy nhỏ vẫn còn đang mắc ở tóc và quần áo. Nhân viên ở đây có lẽ đã quá quen với những khách hàng “đặc biệt” mang về những dấu tích rừng rú là những người làm nghiên cứu trong những khu rừng quanh đây như tôi, họ nhiệt tình giúp tôi vác chiếc ba lô to nặng trĩu, rồi gợi ý tôi có thể đặt đồ ăn tối tại phòng, thay vì phải xuống nhà ăn.

Cảm giác được tắm nước nóng, và được nằm trên giường đệm sau hai tuần nằm đất quả thực phải trải qua mới biết nó ý nghĩa như thế nào. Tôi gần như quên mất giường đệm có thể êm ái đến mức nào, và nhờ ánh đèn sáng choang trong nhà tắm, mà tôi mới nhận ra những vết gai cào cả cũ lẫn mới trên mặt. Thực sự thì tôi không mang theo gương khi đi thực địa, nên cảm giác lần đầu tiên nhìn vào khuôn mặt mình sau một thời gian cũng lạ lạ sao đó. Tối hôm ấy, tôi lăn vào giường ngay từ 9 giờ tối, và ngủ một mạch đến 9 giờ sáng hôm sau.

Vì đã hoàn thành khu vực S9 - tên mảng rừng mà tôi vừa khảo sát, nên tôi cần chuẩn bị cho mảng rừng tiếp theo. S17 là tên một mảng rừng hẹp nhất trong số những mảng rừng còn sót lại của Sainte Luce, nhưng đây cũng là mảng rừng dài nhất và đẹp nhất ở khu vực này. Nó nằm ngay sát với bờ biển, và đôi khi, nếu may mắn, bạn có thể thấy cá voi ở đây. Mảng rừng được chia thành hai nửa. Nửa phía bắc được quản lý bởi gia đình địa chủ từ thời Pháp thuộc D'holm mà tôi đã xin được giấy phép từ tuần đầu tiên ở đây. Mảng phía nam hiện đang được quản lý bởi một người đàn ông giàu có người Úc tên Andrew. Ông ấy đã sinh sống ở đây từ rất lâu rồi, và lập ra một tổ chức nhỏ, đưa khách du lịch đến tham quan khu vực. Tôi có hẹn ăn trưa với Sissi, quản lý người bản địa của tổ chức này để hỏi xem liệu tôi có thể ở tạm khu vực cắm trại của họ không. Vì nếu được, thì chúng tôi có thể dùng nhờ bếp và khu nhà ăn của họ. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở một quán ăn Tàu gần chợ. Tôi đến từ khá sớm vì muốn được ngồi lười biếng ngắm nhìn những người dân bản địa bận rộn nơi đây.

Khi ngòi nhâm nhi một ly trà nóng trong quán ăn, tôi ung dung ngắm nhìn những người qua đường, và cả những thương lái đang tìm cách bán những mặt hàng tươi mới cho bà chủ nhà hàng. Lúc thì có người tiến vào với hai thùng cá tươi vừa mới bắt được ở biển, khi là những chú gà bị bó chặt chân và bị xách ngược từ chợ và một bọc trứng tươi, lúc lại là những tảng thịt zebu đỏ thẫm. Bà chủ nhà hàng là một người gốc Hoa, còn rất trẻ. Chị kiểm tra mặt hàng một cách cẩn thận, thỉnh thoảng chun mũi khi gặp phải đồ không vừa ý, vẫy tay từ chối món hàng từ khuôn mặt nhem nhuốc trần đầy hy vọng của người bán, hoặc gọi nhân viên ra khuôn hàng vào nhà bếp trong cái mừng khấp khởi của kẻ vừa bán được hàng.

Con đường phía bên ngoài tập nập những người phụ nữ đang túm năm tụm ba bàn chuyện sôi nổi, những bà, những mẹ đang tranh thủ buổi sáng Chủ nhật để mua thật nhiều đồ tươi ngon, những chị chủ quầy sạp tất bật chạy ra chạy vào để lấy đồ cho khách. Một điểm chung trong số họ, là dù người phụ nữ giàu có, hay người phụ nữ lam lũ, đều quần quanh người một miếng *lamba* thật bắt mắt. *Lamba* là từ địa phương dùng để chỉ mảnh vải to, sặc sỡ mà những người phụ nữ nơi đây sử dụng để quần quanh người như một loại trang sức, tôn lên vẻ đẹp của cơ thể. Nhưng nó cũng có thể trở nên vô cùng hữu dụng: những người phụ nữ dùng nó để đội con ở đằng trước hoặc phía sau. Họ cũng có thể đội những vật dụng khác, như cơm trưa, tải gạo, hay thậm chí là gà, vịt. Có khi nó được quần quanh người như một chiếc váy, hay áo chống nắng. Lúc trời trở lạnh, nó là vật dụng tuyệt vời để chống gió, và giữ ấm cơ thể khi ngủ trưa. Ở đây, những người phụ nữ sử dụng *lamba* đủ loại màu sắc, từ xanh, đỏ, cam hay nâu vàng. Họ cũng lựa chọn những mảnh vải đội đầu rất khéo, trùng màu với tấm *lamba* mà họ đang mặc.

Tôi thường bắt gặp những người phụ nữ buôn bán ở chợ, với tấm *lamba* quần quanh theo đường cong cơ thể, di chuyển nhẹ nhàng như lướt đi trên nền đất đỏ, ngay cả khi họ đang đội trên đầu những thùng hàng rất nặng. Đôi lúc khi ngắm nhìn họ, tôi tự hỏi làm sao cần cổ nhỏ bé của họ có thể chịu được sức nặng đến như vậy: tôi thấy một người phụ nữ đội theo một thùng khoai. Thùng khoai này nặng đến nỗi để đặt được nó xuống, cô ấy phải được giúp đỡ bởi hai người nữa. Nhưng sau khi thùng khoai này đã được đặt xuống đất, cô lắc nhẹ đầu về thoải mái, rồi thân nhiên hòa vào đám đông một cách uyển chuyển. Một người phụ nữ khác đội theo một cái thùng có hai con ngỗng, hai cần cổ dài đu đưa từ phía trên thùng một cách quái dị. Thỉnh thoảng chúng kêu một cách hoảng hốt khi người đi đường tiến lại quá gần.

Gần 12 giờ trưa chị Sissi mới đến. Buổi gặp mặt diễn ra tốt đẹp. Tôi có thể ở lại khu nghiên cứu của họ, và chị Sissi sẽ đi cùng tôi vào sáng mai để giới thiệu tôi với những nhân viên bản địa khác đang sống ở đó. Họ cũng đang có một tình nguyện viên, vốn là nhiếp ảnh gia tự do người Mỹ đến giúp họ chụp ảnh các loài động vật ở khu rừng này. Cảm ơn chị Sissi, tôi quay trở về khách sạn, tự thưởng cho mình một que kem thơm ngọt, tôi tranh thủ sử dụng Internet để gửi email cho thầy Giuseppe, nói chuyện với bố mẹ và mua chút kẹo ngọt để mang theo vào sáng hôm sau.

* * *

S17... Đây thực sự là khoảng rừng đẹp nhất trong số những mảng rừng còn sót lại ở Sainte Luce. Thế nhưng con đường đến đó quả thật là gian nan.

Thứ Hai. Mưa như trút nước. Mưa như thể trên trời có bao nhiêu nước thì đều đồng loạt đổ xuống cùng một lúc. Những cái hồ cạn mà chúng tôi vượt qua trước đây đều trở thành những cái hồ đầy nước, nước nhiều đến mức chui lênh láng cả vào trong xe. Khi đến gần khu vực Sainte Luce, đường quá ngập và bánh xe bị tắc dưới bùn, chúng tôi đành quyết định xuống xe và đi bộ. Anh David kịp thời gọi một vài người dân để vận chuyển đồ đạc của chúng tôi ra bờ sông, rồi theo đường thuyền mà đi vào S17. Tôi, Sissi và cậu trợ lý mới Raul sẽ phải đi bộ từ cánh đồng gần đó, xuôi theo đường bờ biển và tiến vào rừng.

Cơn mưa xối xả, bộ đồ chống nước của tôi không còn tác dụng nữa, khi mà nước từ trên cằm, trên mặt cứ chảy xuống như suối. Dòng nước lạnh ngắt chạy dọc theo cơ thể, toàn thân ướt nhẹp. Tôi ép chặt chiếc ba lô đã được bọc kỹ lưỡng trước ngực, chỉ sợ nước mưa sẽ làm hỏng dụng cụ. Chúng tôi cứ thế đi, cúi gập người trước cơn gió mạnh từ biển thổi vào. Lầm lũi đi trong làn mưa như vậy khoảng một tiếng thì chúng tôi đến được bìa rừng. Từ đây đến nơi cắm trại của chị Sissi còn 8 cây số nữa... Chiếc ba lô của tôi sau một tiếng đồng hồ trên vai giờ đã trở nên nặng trĩu, cảm giác như hai dây quai như đang cứa vào da thịt. Hơn 5 tiếng đồng hồ mò mẫm trong rừng, với khoảng 10 cân đồ đạc dụng cụ trên vai, và cơn mưa vẫn tiếp tục xối xả phía trên, chúng tôi cũng đến được khu cắm trại, mừng đến rơi nước mắt.

Sau khi đặt chiếc ba lô xuống chỗ khô ráo nhất trong khu trại, tôi cẩn thận mở từng lớp bọc chống nước bên ngoài. Thở phào vì bên trong vẫn còn khô ráo, tôi sán lại gần cái bếp củi, với những ngọn lửa âm ập đang mời chào. Mùa đông ở Madagascar vào ban ngày quả thật không lạnh, nhưng khi bị dầm mưa hàng tiếng đồng hồ, người tôi cứ run lên từng chập. Ba lô quần áo của chúng tôi vẫn chưa thấy đâu, dưới cơn mưa như thế này có lẽ việc di chuyển bằng thuyền còn khó khăn hơn gấp bội. Cũng may anh bếp ở đây thấy tôi run rẩy mà không có quần áo để thay thì đã cho tôi mượn một chiếc áo khô đang treo trong bếp. Buổi tối hôm ấy là bữa cơm hầm đậu ngon nhất mà tôi từng được ăn. Dương như sau mỗi thìa cơm là tôi lại cảm nhận được hơi ấm lan truyền dần trong cơ thể, ra đến từng ngón tay, ngón chân.

Đám người chúng tôi chờ đợi một cách sốt ruột trong màn mưa đen... Lều, ba lô quần áo của chúng tôi vẫn chưa thấy đâu. Đến tám 9 giờ, vài ánh đèn sáng nhòa lên ở phía con sông sau những bụi cây, tiếng người hò hét, tiếng nước va đập vào mạn thuyền. Cuối cùng, mọi người cũng đến an toàn. Chúng tôi chạy lại, giúp mọi người khuôn vác đồ đạc vào bên trong. Ông Kadoffa cũng ở trên chiếc thuyền này cùng mọi người, và chú JB đã cẩn thận cử thêm một chị bếp đến để giúp tôi ở khu rừng này. Chiếc ba lô đựng quần áo đồ đạc của tôi đầy bùn và ướt từ trong ra ngoài, như thể nó đã được đặt dưới lòng hồ mà kéo lê đi vậy. Trong cơn mưa xối xả, chúng tôi giúp nhau dựng lều rồi chúc nhau ngủ ngon một cách vội vã. Ngày đầu tiên vất vả hơn thường lệ ở S17 đã trôi qua như vậy đây.

Ngày hôm sau, trời vẫn tiếp tục đổ mưa, không có dấu hiệu gì là sẽ dừng lại. Không thể đi rừng trong tình trạng như thế này, tôi lôi những báo cáo khoa học về loài vượn cáo đã từng được nghiên cứu trước đây ở cùng khu vực này để đọc. Đến chiều và tối, trời vẫn tiếp tục mưa.

* * *

Sáng sớm hôm sau, tôi thức dậy trong sự tĩnh lặng... và rồi có tiếng chim hót xa xa! Mưa ngừng hẳn rồi! Chúng tôi ăn sáng từ sớm, rồi với tâm trạng hoan hỉ, cả ba cùng nhau lên đường đi tìm vượn cáo. Buổi sáng sau cơn mưa tạnh, trời nắng lên thật đẹp. Ánh nắng trong veo xuyên qua mảnh rừng thưa như một dải lụa vàng lấp lánh, lấp lánh. Một ngày qua các loài động vật cũng phải tìm chỗ trú mưa, giờ thì thi nhau ra phía ngoài để sưởi nắng, đón ánh mặt trời mọc. Chúng tôi gặp may và gặp hại nhóm *varika* và một gia đình *avahi* chỉ trong vài tiếng khảo sát. Nhưng tôi vẫn không khỏi lo lắng khi nhận ra Raul dường như không phân biệt được loài vượn cáo nào với loài vượn cáo nào, cậu ấy cũng đi rất chậm, và cứ thường xuyên chăm chú nhìn xuống đất...

Sau bữa ăn trưa, tôi đem tất cả đồ đạc bị ẩm thấp đi phơi, rồi mang theo quyển nhận dạng các loài vượn cáo ở đông nam Madagascar ra hỏi thử Raul xem kiến thức của cậu ấy thế nào.

- Raul này, chúng ta đi tìm loài động vật gì ấy nhỉ?
- *Lemur* - Raul đáp lại rụt rè bằng tiếng Anh.
- Thế... *lemur* sống ở đâu?
- Trong rừng.
- Đúng rồi, nhưng chỗ nào trong rừng? Trên cây à? Hay dưới đất?
- Trên cây chứ? - Raul gãi tai.
- Phần nào của cây nhỉ? Dưới gốc hay trên tán, trên ngọn cây?
- Trên ngọn cây nhỉ - cậu ấy trả lời, vẻ hoang mang lộ trên mặt, thỉnh thoảng lại nhìn ông Kadoffa như cầu cứu khi tôi liên tiếp đặt câu hỏi.
- Ủ, đúng rồi. Thế sao cậu liên tục nhìn xuống đất khi đi khảo sát với tôi? *Lemur* sống ở tầng trên của tán cây, thì cậu phải nhìn trên tán cây, chứ sao lại nhìn xuống đất?
- [Im lặng]
- Được rồi, vậy mình đang đi tìm loài nào ý nhỉ?
- *Varika* (tiếng địa phương của loài vượn cáo má nâu).
- Ủ, còn những loài nào nữa nhỉ? Tôi nhớ là còn nữa cơ.
- [Im lặng]
- Cậu đã đọc bản tóm tắt dự án của tôi mà chú JB in cho cậu chưa?
- Rồi.
- Thế trong khu này có bao nhiêu loài vượn cáo.
- [Im lặng]
- Cậu chưa đọc, đúng không? - tôi hỏi lại, bắt đầu thấy nóng gáy...
- Chưa...
- Vậy tại sao lại nói dối tôi?
- [Im lặng]

- Vậy cậu có biết đi thực địa vào ban đêm, chúng ta cầm đèn đê làm gì không?

- Để thấy đường đi - Raul nói nhanh, như thể vui mừng vì đây là đáp án mà cậu ấy chắc chắn trả lời đúng.

- Ủ, đúng rồi, còn gì nữa - tôi hơi bật cười vì phản ứng của cậu ấy, nhưng vẫn quyết tâm tỏ ra thật nghiêm nghị.

- Để... - Raul lại gãi tai, lại nhìn sang ông Kadoffa cầu cứu.

- Để chỉ đèn lên những tán cây, ánh đèn sẽ phản chiếu lại từ mắt của những loài động vật hoạt động về đêm, và chúng ta dựa vào đó để phân loại và đếm chúng. Nhớ chưa?

- Nhớ rồi - Raul tiu nghỉu.

- Tôi nói tổng kết lại này, khi đi thực địa thì phải đi theo tuyến đường mình đã định sẵn, không được đi lung tung. Phải đi cùng nhau, nếu muốn dừng lại thì phải báo, và cố gắng đi với vận tốc khoảng 1 cây số 1 giờ. Sáng nay cậu đi chậm quá, tôi và ông Kadoffa cứ phải dừng lại đê chờ cậu vì không thấy cậu đâu. Như vậy ảnh hưởng đến công việc của chúng ta. Cậu cũng phải quan sát lên tán cây, không nhìn xuống đất. Đèn dùng để tìm ánh sáng phản chiếu lại từ mắt động vật hoạt động về đêm, nhớ nhé?

- Ủ.

- Được rồi, đây là tóm tắt dự án của tôi. Cậu đọc kỹ lại, xem có gì chưa hiểu thì hỏi. Còn cuốn sách này có dạy cách phân biệt các loài vượn cáo, cậu nhờ ông Kadoffa chỉ thêm cho. Phải xem kỹ, chiều tôi kiểm tra lại, chưa nhớ tôi phạt đây - tôi dọa.

Ông Kadoffa ngồi nhìn tôi đứng chống nạnh, chỉ trỏ vào sách để hướng dẫn Raul cách phân loại vượn cáo và cười hình hích.

Đến chiều, trước khi đi thực địa, tôi đặt lại những câu hỏi tương tự cho Raul. Cậu ấy chẳng nhớ thêm được điều gì, ngoài việc bên cạnh *varika* thì dự án của tôi còn bao gồm thêm ba loài khác nữa. Cậu ấy thậm chí cũng chưa nhớ được cách phân biệt các loài vượn cáo - vốn dĩ trông rất khác nhau này. Tôi gia hạn thêm cho cậu ấy thêm một ngày nữa. Thở hắt ra, tôi bắt gặp gương mặt đang cười tủm tỉm của ông Kadoffa.

Buổi tối đi khảo sát còn đau khổ hơn. Raul vẫn nhịp điệu dừng đứng đi bộ đằng sau, để mặc tôi và ông Kadoffa đi đằng trước. Cứ mỗi 15 phút, chúng tôi lại phải đứng lại chờ, dù đã dặn phải giữ theo nhịp độ của chúng tôi, cậu ấy gật đầu, rồi đầu lại vào đây. Chuyện này cứ thế diễn ra hơn một tiếng đồng hồ, cả tôi và Kadoffa bắt đầu bức mình và sốt ruột, chúng tôi quyết định cứ làm theo nhịp độ bình thường, rồi trở về lều mà không chờ Raul nữa. Sáng sớm hôm sau, ông Kadoffa kể với tôi rằng, mãi hơn một tiếng sau khi chúng tôi về mới thấy Raul quay lại lều, cậu ấy bảo tưởng chúng tôi đi lạc đằng sau nên tìm mãi mà chả thấy đâu...

Vừa buồn cười, vừa bức, tôi thốt lên “Ồi trời ơi!”

Lúc chuẩn bị đi thực địa vào sáng hôm ấy, anh Grog, anh nhiếp ảnh gia tự do kiêm tình nguyện viên người Mỹ ở đây xin được đi cùng chúng tôi. Anh ở đây đã hơn một tuần rồi, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy *varika*. Tôi ngạc nhiên hỏi

anh thường đi vào giờ nào, thì anh trả lời rằng cứ khi nào ngủ dậy, ăn sáng xong thì anh mới đi. Tôi cười tủm tỉm, OK! Đi cùng cũng được, nhưng phải làm theo chỉ dẫn của chúng tôi và không được đi giữa chừng thì đòi về.

Khi đi thực địa, tôi hay sắp xếp để đi những *transects* ở xa chỗ dựng lều trại nhất trước tiên, để những ngày cuối cùng - thường là mỗi một, thì không phải đi xa. Hôm nay chúng tôi sẽ đi làm ở xa trên phía bắc. Ông Kadoffa bàn bạc với vài người dân làng khác để tìm đường đi dễ nhất vào khu vực mà tôi muốn tiến hành khảo sát. Cuối cùng, họ kết luận là chúng tôi nên đi đường ven biển, sau đó cắt ngang qua một cánh đồng cỏ dài, rồi trèo qua một ngọn đồi nhỏ là đường dễ đi nhất.

Đường ven bờ biển quả thật là rất đẹp. Bãi cát trắng muốt không một bóng người, nước biển xanh trong vắt và bầu trời thì không một gợn mây. Đã lâu lắm rồi tôi không ra biển - một lời thú thật hơi kỳ lạ từ một người đã sống trên đảo quốc bốn năm qua. Nhưng thời tiết ở xứ sở sương mù quả thật rất lạnh, dù có là mùa hè thì tôi cũng chẳng có hứng ra biển một chút nào, và có ra thì những bãi biển ở Anh cũng không phải là bãi biển đẹp nên thơ với nước biển âm áp mời chào.

Đi khoảng 20 phút trên bãi biển thì ông Kadoffa rẽ vào một con đường nhỏ, chúng tôi cứ theo con đường mòn này mà đi về phía rừng. Đồng cỏ đại mộc rất cao, lá cỏ khô ráp cũng rất cứng và nhọn. Mặt trời lúc này đã lên cao và ánh nắng cũng gay gắt hơn. Nhưng vì vẫn còn là sáng sớm, nên chúng tôi có thể thấy hơi nước ẩm ướt bay ngược lên trời... Cảm giác mờ ảo, không thực, như đang lạc vào một thế giới thần tiên nào đó vậy. Đây là cảnh tượng mà tôi chưa bao giờ được chứng kiến trước đây...

Đi thêm một đoạn nữa thì chúng tôi bắt đầu phải leo dốc. Những cây cỏ dần được thay thế bởi cây bụi, cây gai. Những bụi gai này trở nên rậm rạp hơn khi chúng tôi tiến vào phía rừng. Nhiều lúc, ông Kadoffa phải dùng chiếc dao rựa lớn mà ông mang theo để chặt bớt khi bụi gai trở nên dày đặc đến nỗi không còn đường để đi. Có những đoạn, chúng tôi phải cúi khom lưng, bò trên đầu gối, thậm chí áp cả bụng xuống đất để trườn phía dưới những tán gai. Cứ mỗi chốc lại vang lên tiếng xuýt xoa vì bị gai cào, tiếng cằn nhằn vì quần áo bị móc rách, và cả tiếng chửi thề của anh Grog. Gần 20 phút loay hoay trong bụi gai, đến lúc tưởng như chúng tôi đã thoát ra ngoài và có thể đứng lên được rồi, thì mới phát hiện ra chúng tôi mới chỉ đi được gần nửa đường. Anh Grog gần như chịu hết nổi, tóc tai dính đầy lá và gai, mặt mũi, tay chân đều bị cào và trầy xước:

- F%A& this! Trang ơi, tôi về đây! Tôi không đi được nữa đâu! - anh rít lên the thé.

- Từ đầu anh đã bảo là sẽ không bỏ cuộc giữa chừng mà! tôi phản kháng - Cũng không có ai đưa anh quay lại được!

- Nhưng tôi cao to thế này, những chỗ chui rúc như vậy tôi thật không đi nổi. Em, Kadoffa và Raul nhỏ con nên còn đỡ, nhìn tôi đây này!!! - anh giơ hai cánh tay bị cào đỏ ửng, rồi tìm cách phủi những cành nhỏ vương trên tóc.

Tôi quay lưng đi tiếp:

- Vậy anh phải tự tìm đường về rồi.

Ong Kadoffa và Raul lo lắng hết nhìn tôi rồi lại nhìn anh Grog, dù không hiểu hết nội dung của cuộc hội thoại, ông cũng có thể thấy được anh Grog đang rất bức mình và muốn quay về. Thấy tôi có vẻ cương quyết không để ông Kadoffa hay Raul đưa về, anh Grog lâm bầm thêm một lúc rồi không nói gì nữa. Đường ở phía trên ngọn đồi dễ đi hơn, dù bụi gai vẫn còn rất rậm rạp. Thế rồi, cứ như thể đã phân chia ranh giới một cách rất rõ ràng vậy, chúng tôi được những bóng cây lớn mát rượi che chắn khỏi ánh nắng chói chang của mặt trời phía trên. Bụi gai ở phía sau giờ đã nhường chỗ cho những cây gỗ to lớn hơn, cảm giác như chúng đang nhìn theo tiếc nuối vì chúng tôi đã trốn thoát khỏi những cái gai sắc bén của chúng vậy.

- Tạ ơn Chúa - anh Grog kêu lên khản khản, rồi ngồi phịch xuống đất và bắt đầu gỡ gai ra khỏi áo quần.

- Anh thấy đi thực địa khổ chưa? - tôi cười, nháy mắt trêu ghẹo.

- Đúng đó, vậy nên người cao to như tôi có lẽ không hợp với việc này! - anh đáp trả.

* * *



Vượn cáo má nâu - Brown collared lemur (*Eulemur collaris*)

Chúng tôi ngồi nghỉ và uống nước, rồi lại đi tiếp. Chỉ khoảng 5 phút từ chỗ dừng chân, tôi bỗng nghe thấy tiếng lá xào xạc một cách khác thường. Ngược nhìn lên thì thấy ở ngay trước mắt, khoảng 40 độ về phía bên tay trái, một đàn *varika* đang nhảy nhót chuyên cành. Kể từ khi bắt đầu chuyên đi thực địa từ hai tuần trước, gần như ngày nào cũng thấy chúng, nhưng lần nào cũng như lần nào, tôi cảm giác như trái tim mình đập nhanh đến mức khó thở. *Varika* là loài vượn cáo to khoảng cỡ của một chú mèo nhà, bộ lông màu nâu sậm với chiếc đuôi xù dài và đôi mắt linh hoạt màu hồ phách, nổi bật trên khuôn mặt màu tro đen. Chúng là loài linh trưởng đóng vai trò như người gieo hạt trong những cánh rừng ở Madagascar, vì đa phần thức ăn của chúng là các loại hoa quả,

nên hạt cây theo phân của chúng phân tán khắp cánh rừng, và từ đó những chồi non được mọc lên. Thực vậy, nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ở những khu rừng không còn sự tồn tại của *varika* thì sự đa dạng của thực vật, đặc biệt là ở những loài cây ăn quả cũng thấp hơn nhiều so với trước đó.

Lúc này, khi tôi đang ghi lại những số liệu về nhóm *varika* đang tò mò ló đầu xuống từ những tán cây để quan sát chúng tôi, thì anh Grog đang sung sướng cười toe toét và tác nghiệp với chiếc máy ảnh của mình. Vừa trầm trồ, xuýt xoa đôi mắt màu hổ phách tuyệt đẹp, vừa liên tục tự nhận mình quá may mắn vì không bỏ về giữa chừng, anh Grog dường như đã quên hết những vết xước do bụi gai gây ra.

Như đề đền đáp sự khó nhọc của buổi sáng này, ngày hôm đó chúng tôi gặp đến 4 nhóm *varika* khác nhau! Anh Grog hết sức ngạc nhiên trước sự may mắn này, và liên tục nói rằng chỉ trong ngày hôm nay, anh được gặp nhiều *varika* hơn cả tuần trước cộng lại. Bây giờ, tôi mới tủm tỉm cười và nói cho anh biết rằng, mặc dù *varika* là một trong những loài linh trưởng hiếm hoi được xếp vào loài *cathemeri* (không có thời gian hoạt động mạnh rõ ràng trong ngày mà hoạt động rải rác cả ngày lẫn đêm) nhưng anh Grog chỉ bắt đầu đi rừng vào sau 9 giờ sáng, khi mà *varika* thường đã có một bữa sáng no nê, và vì mặt trời đã lên cao khiến nhiệt độ tăng, nên chúng sẽ hoạt động ít hơn thường lệ. Mặc dù bộ lông nâu sẫm của chúng có thể khiến bạn nghĩ rằng sẽ thật dễ dàng để có thể tìm kiếm chúng trên những tán cây cao, nhưng thực ra nếu chúng chỉ nằm nghỉ và ngủ trên những cành cây lớn, thì việc tìm kiếm chúng trong một cánh rừng quả thật không phải việc đơn giản.

* * *

Buổi chiều ngày hôm đó, khi tôi đang ngồi đọc sách trước cửa lều, thì thấy ông Kadoffa xách bọc quần áo lững thững đi về phía làng Sainte Luce ở mảnh rừng S9. Chột dạ, tôi chạy theo hỏi, thì ông thông báo là ông muốn về làng chơi, hai ngày nữa mới quay lại!

Nói đoạn, ông vẫy tay chào, rồi quay lưng đi thẳng, để mặc tôi đứng giữa đồng cỏ một mình, hoang mang tột độ. Từ khi đến Madagascar làm việc, tôi chưa bao giờ phải vào rừng mà không có ông Kadoffa cả!

Tầm 4 giờ chiều, có một người đàn ông khác đi về phía chúng tôi, tay cầm theo một xâu cá. Ông có vẻ lớn tuổi hơn ông Kadoffa, tóc đã mang màu muối tiêu, bàn chân nứt nẻ đi đất. Ở Madagascar, những người dân nông thôn vẫn chỉ đi chân đất, rất ít người có mang giày dép. Nó là một thứ xa xỉ, mà họ nếu có cũng chỉ đi vào những dịp đặc biệt, như đi nhà thờ vào sáng chủ nhật, hoặc khi có đám cưới hỏi. Ở khu vực này, gần như chỉ những người dân bản địa làm việc cho các tổ chức hay công ty nước ngoài mới có giày để đi. Ông Andy là một người dân trong làng, là bạn, và cũng là hàng xóm của ông Kadoffa. Trước đây ông là thợ săn vượn cáo, nên rất rành rẽ đường đi nước bước của chúng trong những mảnh rừng này. Giờ, ông ở nhà sản xuất rượu rum để bán lên thành phố.

Được ông Kadoffa giới thiệu là người thạo việc và rành đường, tôi cũng an tâm phần nào. Tối hôm đó, cả ba chúng tôi lên đường đi khảo sát. Dù đã cẩn thận nhờ Raul dịch lại về phương pháp đi khảo sát, và thông nhất họ sẽ đi sát

với tôi, vậy mà cuối cùng, Raul vẫn như mọi lần, đi vô cùng chậm và tụt lại ở phía sau. Ông Andy có lẽ cho rằng tôi muốn tìm vượn cáo, vậy nên mỗi lần có tiếng động hoặc nhìn thấy gì đó, ông lại chạy biến đi chỗ khác, thỉnh thoảng quay lại tìm để kéo tôi đến xem những gì ông tìm được. Nếu đây chỉ là một chuyến đi du lịch bình thường, có lẽ tôi đã rất háo hức và sung sướng được đi khám phá khu rừng với ông, nhưng đây là một chuyến khảo sát nghiên cứu khoa học, và chúng tôi phải tuân thủ nghiêm ngặt theo phương pháp nghiên cứu đã được định liệu từ trước. Cứ mỗi 5 hoặc 10 phút tôi lại nhận ra mình đang đi một mình, và phải quay lại, lúc thì tìm Raul, lúc thì tìm ông Andy. Lặp đi lặp lại như vậy vài lần, tôi quyết định cách tốt nhất là đi một mình, vì không thể để chuyến này ảnh hưởng đến tiến độ cũng như kết quả công việc của tôi được.

Mấy hôm sau ông Kadoffa quay trở lại, tôi cảm thấy thật nhẹ nhõm, như đã trút bỏ được hết gánh nặng ấy vậy. Công việc lại quay về quỹ đạo thường ngày của nó, một ngày đi thực địa ba lần, thời tiết cũng có phần bớt đồng đánh hơn. Raul sau hơn một tuần cũng dần hiểu được cách thức làm việc của chúng tôi. Thực ra, ngoài chuyện liên tục ngủ quá giờ, ví dụ phải dậy từ 4 giờ sáng để chuẩn bị đi khảo sát lúc 5 giờ, thì cậu ấy sẽ ngủ đến tận lúc tôi gọi, và chuyện lúc nào cũng dừng định đi rất chậm ở phía sau thì cậu ấy là một trợ lý tốt. Luôn sẵn sàng giúp đỡ nếu tôi phải khuôn vác, hay bê theo đồ nghiên cứu nặng nề, chứ không như chị trợ lý ban đầu.

* * *

Ngày 20 tháng Năm, tôi được sự trợ giúp của QMM và tổ chức Azafady, đã tổ chức một cuộc thi vẽ tranh cho trẻ em với chủ đề bảo vệ rừng và vượn cáo. Chúng tôi cần phải có mặt ở làng Sainte Luce, thuộc mảng rừng S9 để chuẩn bị cho cuộc thi, dự định là sẽ bắt đầu vào lúc 8 giờ sáng. Từ khu vực lều trại ở khu S17 đến làng sẽ mất khoảng một tiếng đi thuyền. Vì thế mà cuối tuần ấy, thay vì nghỉ ngơi ở khu S17, thì tôi, ông Kadoffa và Raul sẽ đi về khu S9, còn chị bếp sẽ vẫn ở lại trông lều trại và đồ đạc cho chúng tôi. Tôi hôm trước khi đi, tôi đã dặn dò Raul - lúc đó đang ngồi đánh bài với ông Kadoffa, anh Grog và người phiên dịch của anh ấy, rằng sáng hôm sau chúng tôi phải chuẩn bị thuyền đi từ rất sớm, vậy nên mọi người phải ăn sáng từ 4 giờ để còn chuẩn bị lên đường. Raul cười toe toét, gạt đầu bảo tôi cứ yên tâm đi ngủ, mọi chuyện cậu ấy sẽ lo. Được cái lúc nào dặn cái gì Raul cũng đều toe toét và đảm bảo như thế, tôi cũng tạm yên tâm mà đi ngủ sớm. Nghĩ bụng chuyện quan trọng như vậy cậu ấy sẽ không dám quên đâu.

Sáng sớm hôm sau, tôi dậy từ 3 rưỡi, thấy khu vực lều trại vắng tanh vắng teo. Thường nếu mọi người ăn sáng từ 4 giờ thì lúc này chị bếp đã phải chuẩn bị đồ ăn rồi chứ... Khu nhà bếp tối om, không một ánh lửa. Đi thẳng đến lều của Raul, tôi đứng chống nạnh, hét to:

- Raul!!! Dậy, dậy ngay đi!
- Gì đây? Gì đấy? - tiếng hoảng hốt của Raul trả lời.
- Gì đấy cái gì? Hôm qua tôi dặn thế nào? - tôi rít lên.
- Dậy ăn sáng từ 4 giờ! - cậu ấy hét lại, như đang trả bài.
- Thế mấy giờ rồi??? - tôi gào lên.
- Không biết? Mấy giờ rồi???

- Dậy ngay lập tức, không là tôi cắt lương! - vừa tức vừa buồn cười, tôi dọa.

Raul vùng dậy, chạy ra khỏi lều, vừa chạy vừa gào to gọi chị bếp và ông Kadoffa, trong khi một chân vẫn đang trông vào quần dài, một chân nhảy lò cò ở ngoài lều.

Kết quả là buổi sáng hôm ấy, đến tận 8 rưỡi sáng chúng tôi mới vào đến làng Sainte Luce. Tôi cảm thấy xấu hổ, và có lỗi với đám trẻ ở đây. Có những đứa trẻ phải dậy từ 4, 5 giờ sáng, đi bộ từ Manafiafy đến làng Sainte Luce này để tham dự cuộc thi, ấy vậy mà chúng tôi lại đến muộn như thế này. Nhìn những đứa trẻ lam lũ, bé như cái kẹo lạc, đứng xếp hàng chờ từ sáng sớm, tôi không khỏi đau lòng.

Anh Forrest, ông trưởng làng và anh Haja cũng đến giúp tôi phát động cuộc thi. Chúng tôi bắt đầu bằng một cuộc nói chuyện về vườn cáo với lũ trẻ. Khán giả của tôi là 123 học sinh trường Sainte Luce, ngôi trường duy nhất ở cả vùng này. Lũ trẻ ngồi thành hàng, im lặng và tuân theo mọi mệnh lệnh của thầy cô giáo. Chỉ có một vài tiếng thì thảo nho nhỏ, một vài tiếng ho, và tiếng chân xoa trên nền đất cứng. Những đứa trẻ nhìn theo tôi và anh Forrest bằng đôi mắt to, sẫm màu và như thể bị thôi miên. Đây là “phép thuật” của những người ngoại quốc, ở khu vực dân nghèo như thế này, người dân làng không được tiếp xúc nhiều với người nước ngoài, vì vậy mà dù là người lớn hay trẻ con, họ luôn có sự e dè, tò mò và ngượng ngùng.

Chúng tôi chiếu một bộ phim ngắn về các loài vườn cáo sinh sống ở Madagascar lên chiếc ti vi to uyển mợn được của văn phòng chính của QMM ở Fort Dauphin. Ngay khi nhạc hiệu vang lên, bọn trẻ ngồi im, nín thở và tập trung cao độ cho đoạn phim. Ngay cả các thầy cô giáo và một vài phụ huynh cũng chăm chú xem phim mà quên đi sự hiện diện của chúng tôi. Đôi mắt to tròn của lũ trẻ dường như còn mở to hơn vì ngạc nhiên, những tiếng cười rúc rích vang lên khi chúng xem cảnh những chú vườn cáo *sifaka* trắng muốt nhảy ngang trên nền đất đỏ ở khu bảo tồn Berenty, hay cảnh những chú *varika* còn non giành nhau ti mẹ. Khi đoạn phim này kết thúc, bọn trẻ phát ra tiếng thất vọng, và có vẻ như bọn chúng có thể xem đi xem lại cả ngày mà không chán. Nhưng Forrest có một kế hoạch khác cho chúng, anh đã bí mật quay lại phản ứng của bọn chúng khi xem đoạn phim, và anh đang loay hoay với chiếc ti vi để có thể kết nối nó với chiếc máy quay cầm tay. Có khoảng một vài giây tình trạng khác thường, thế rồi một ai đó nhận ra bạn của mình trên ti vi. Thế rồi tin tức này lan nhanh như lửa trên lá khô, tiếng cười nói, chỉ trỏ, bọn trẻ nhận ra bạn bè mình trên ti vi, rồi nhận ra cả chính bản thân chúng nữa. Đây có lẽ là đoạn *video* hay nhất và thú vị nhất mà chúng từng được xem, hay hơn cả *video* về những chú vườn cáo!

Thế rồi tôi đặt một vài câu hỏi với đám trẻ về những loài vườn cáo sinh sống trong khu vực này, liệu chúng có bao giờ nhìn thấy vườn cáo chưa, và vườn cáo không phải là loài động vật nguy hiểm, đáng sợ hay có hại. Mặc dù ở khu vực này, thỉnh thoảng *varika* có xuất hiện và ăn một vài loại hoa quả được trồng bởi người dân, nhưng đó là bởi vì chúng ta đang sinh sống trong khu rừng của chúng - những cánh rừng đang bị phá hủy để làm đất trồng trọt và sinh sống của con người. Và rằng chúng ta hoàn toàn có thể sống hòa bình với

chúng. Thế rồi bọn trẻ được chia theo nhóm tuổi, đi vào hai phòng và bắt đầu thi vẽ tranh trong khoảng 90 phút.

Chúng tôi treo giải là những quyển vở, bút và ba lô đi học cho chúng. Đây là những món đồ xa xỉ đối với những đứa trẻ nghèo, chân đi đất và có đồ chơi được làm từ củ quả như thế này. Chúng vừa vẽ, vừa thỉnh thoảng nhìn lên phần thưởng một cách thèm thuồng. Khoảng 11 giờ trưa, tất cả giao nộp bài thi vẽ. Chúng tôi cùng bọn trẻ đổ ra phía đầu làng, nơi mà giờ đã đông nghẹt người dân của làng khác, và cả những tình nguyện viên người nước ngoài của Azafady. Thế rồi, tiếng trống, tiếng chân người, và cả tiếng hát vang lên cao vút!

Anh Forrest dẫn đầu đám rước, với mái tóc dài tết lại theo kiểu châu Phi và nhuộm xanh lá cây - màu của rừng xanh. Anh vừa đi, vừa hát, vừa đánh trống, theo sau là một đám rước với bốn người khiêng kiệu - một bức tranh về thân rừng được vẽ bởi các tình nguyện viên và những người phụ nữ trong làng. Nhiều thanh niên và trẻ em trong làng đang nhảy những vũ điệu của người dân bản địa theo phía sau kiệu. Thế rồi tất cả chúng tôi đều nhập vào đoàn rước, người biết lời bài hát vừa hát vừa nhảy, người không nói được tiếng bản địa - như tôi và một vài người nước ngoài khác, thì vỗ tay và hào hứng đi theo đám rước đến giữa làng. Tại đây, mọi người ngồi thành vòng tròn và lắng nghe lời phát biểu của ông trưởng làng. Đây là ngày hội môi trường của làng Sainte Luce, chúng tôi làm sớm hơn so với ngày Môi trường thế giới. Ông trưởng làng phát biểu gì đó khoảng 15 phút, với giọng điệu rất hào hứng, thỉnh thoảng mọi người vỗ tay và cười ô tán thưởng, nên tôi đoán bài phát biểu của ông đi kèm với nhiều câu chuyện đùa. Sau đó đại diện của tổ chức Azafady lên phát biểu vài câu, tổng kết lại những hoạt động của họ với dân làng Sainte Luce, và nói ngắn gọn về khóa tập huấn của họ vào buổi chiều nay nhằm hướng dẫn người dân cách sử dụng xà phòng, phân phát bàn chải và kem đánh răng và hướng dẫn xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn. Người dân nghèo Sainte Luce từ trước đến giờ không có nhà vệ sinh riêng, họ tiêu và đại tiện ở trong rừng, hoặc thẳng xuống con sông nhỏ đổ ra biển nối giữa khu vực S9 và S17. Chính vì thế mà dịch bệnh ở đây rất dễ lây lan và phát triển giữa các làng ở gần nhau. Không chỉ mất vệ sinh và lây dịch bệnh giữa người với người, nó còn có khả năng lây bệnh cho cả những loài động vật hoang dã sinh sống trong rừng nữa.

Trong lúc mọi người ăn trưa và chuẩn bị cho cuộc thi nhảy vào buổi chiều, thì tôi cùng ông trưởng làng và các giáo viên bắt đầu chấm các bài thi vẽ. Chúng tôi chọn ra 12 bức tranh đoạt giải, và tôi tặng lại trường học tất cả màu sáp, chì, màu nước và giấy vẽ còn lại từ cuộc thi. Buổi lễ trao giải diễn ra lúc 2 rưỡi chiều, với tất cả dân làng, giáo viên, phụ huynh học sinh và các em tham gia thi vẽ. Điều đáng ngạc nhiên là cả 12 em đoạt giải đều là các bé trai, vì vậy mà tôi đành phải giữ lại hai chiếc ba lô màu hồng để tặng cho nhóm tuổi nhỏ nhất, hy vọng các em chưa biết xấu hổ như những anh lớn. Những em nhỏ chưa bao giờ được nhận quà lớn như vậy, mặt mũi đỏ bừng bừng, lí nhí cảm ơn tôi rồi đứng cúi mặt xuống đất. Khi lễ trao giải kết thúc, chúng chạy ù về khoe với các bậc phụ huynh phần thưởng, và cả tờ giấy khen được viết bằng cả hai thứ tiếng Malagasy và tiếng Anh.

Vài năm sau đó, khi thầy Giuseppe đến thăm lại làng Sainte Luce, có nói với tôi rằng, tờ giấy khen tôi tặng đám trẻ năm nào vẫn đang được treo long trọng trong những ngôi nhà bé nhỏ của làng. Điều này khiến tôi cảm thấy vừa hạnh phúc, vừa tự hào.

* * *

Chúng tôi quay lại S17, và hoàn thành khảo sát phần phía bắc của mảnh rừng trong vài ngày sau đó. Mọi người dậy sớm, thu gom lại đồ đạc, rồi leo lên thuyền đi xuống mảnh rừng phía nam...

Hay ít ra đó là điều mà tôi tin tưởng, vì đã dặn dò Raul rất kỹ từ vài tuần trước.

Sau một tiếng chèo thuyền, cười đùa vui vẻ, chúng tôi dừng lại ở phía sau một ngôi làng rất lớn. Thế rồi, mọi người đều xuống thuyền. Đồng đồ đạc cũng được dỡ xuống, để ngay giữa bãi đất trống. Lúc này, dân làng bắt đầu đổ ra xem ai là kẻ nước ngoài kỳ lạ đang xâm lấn ngôi làng của họ. Không hiểu tại sao lại dừng chân ở đây, tôi gọi Raul:

- Này, sao mình lại ở đây?

- Thì làm xong rồi còn gì nữa, về thôi! Đây là làng của chị bếp - Raul thản nhiên.

- Về bao giờ??? Còn phần phía nam của S17 nữa? Tôi dặn cậu mấy lần rồi còn gì??? - tôi hoảng hốt.

- Ở thế à?

- %\$^()&&*& Raul! ! ! ! ! ! ! ! - tôi hét lên.

Ông Kadoffa gọi điện liên tục cho chú JB và anh Laza, nhưng cũng đành nín với tôi rằng kế hoạch này chưa được báo từ trước, nên chắc chắn là không thực hiện được đâu. Tôi nên an tâm mà ở lại làng đi, chị bếp cũng đã về nhà rồi, và ông cũng sẽ quay lại làng Sainte Luce thôi. Chỉ còn ít hơn hai tháng nữa là tôi phải hoàn thành việc thu thập số liệu, gần cả tuần trước mùa như trút nên chúng tôi không thể đi khảo sát nhiều, giờ lại phải nghỉ vài ngày hay sao? Tôi sẽ làm gì đây?

Và thế là tôi ngồi đó, cùng với nào ba lô, túi xách, võng, lều, nồi niêu, xong chảo và tí tí những vật dụng khác nữa, trong khi đó dân làng, từ đám trẻ nhỏ, đến phụ nữ, thanh niên, nam giới và người già lần lượt kéo đến, cùng với một đám gà què thả rông của ai đó, tạo thành vòng tròn lớn, không ngại ngần nhìn tôi chăm chăm.

Khi thật, tại sao tôi lại tự làm khổ mình như thế này cơ chứ? Tôi có thể như đám bạn cùng lứa ở nhà, đi làm ở một nơi nào đó ổn định, có mức lương kha khá, thỉnh thoảng đi du lịch đây đó, chụp vài bức ảnh selfie, có một cậu bạn trai cao ráo, yêu thương mình hết mực, có lẽ là chuẩn bị tính đến chuyện lập gia đình, lấy chồng và sinh con. Tại sao tôi lại không nghe theo lời khuyên của bố mẹ, đi một con đường bằng phẳng và sống đơn giản hơn... Thay vào đó tôi bị tắc ở đây, một cái làng bé nhỏ ở nơi khỉ ho cò gáy mà tôi còn chả biết là ở đâu nữa, với một đám người hiếu kỳ lạ mắt đang kéo đến ngày một đông, với đám quần áo và ba lô bẩn thỉu dính đầy bùn đất, với những vết gai cào đầy trên tay và chân, vết bầm tím do bị ngã trên đui. Vừa tức, vừa bức, vừa tuyệt

vọng và căng thẳng, nước mắt tôi bắt đầu ứa ra, chảy thành dòng trên khuôn mặt. Và ngay lập tức tôi hối hận vì đã khóc - đám người bắt đầu chỉ trỏ, cười ngạo nghễ nhìn tôi như thể họ đang xem xiếc thú!

Thấy tôi khóc, Raul có vẻ hối lỗi. Cậu ấy không dám nói gì, cũng không dám nhìn tôi, chỉ luẩn quẩn xua đám gà đang tìm cách nhảy lên đồng đồ đặc của chúng tôi, và nói gì đó để người dân làng khỏi nhìn tôi chăm chăm nữa. Nhưng càng lúc đám đông càng tăng chứ không hề giảm. Và đám gà vẫn tìm cách buơi, mổ đồ đặc của chúng tôi.

Sau hai tiếng liên tục trên điện thoại, anh Laza cũng tìm được một chiếc xe van nhỏ đi vận chuyển nguyên vật liệu gần đó. Trên đường quay trở về, chiếc xe sẽ tạt vào đón và đưa tôi đến khu vực phía nam của S17. Nhưng Raul sẽ không đi cùng chúng tôi, mà cậu sẽ về lại Fort Dauphin để chuẩn bị cho buổi bảo vệ luận văn tốt nghiệp vào tuần tới. Chúng tôi dỡ đồ đặc ở bìa rừng S17, chúc Raul may mắn với lễ tốt nghiệp. Tôi không quên nhắc cậu ấy phải tự tin lên, và cố gắng tập trung chú ý hơn cho công việc, chứ đừng quên trước quên sau.

* * *

Khu rừng này của S17 không có trạm nghiên cứu hay khu lều trại của bất cứ tổ chức phi chính phủ nào, vì thế mà chúng tôi sẽ phải tự lo lấy. Đầu tiên, chúng tôi chọn một khoảng đất trống, bằng phẳng và bắt đầu dựng lều. Tôi giúp ông Kadoffa dựng chiếc lều lớn của ông và chị bếp lên trước, vì chiếc lều này rất rộng, lại có một khoảng mái hiên chìa ra phía ngoài, nên chúng tôi có thể sử dụng đó làm nơi sinh hoạt chung. Chúng tôi làm việc trọng yên lặng vì ai cũng mệt mỏi. Tôi cũng xấu hổ vì lúc trước đã khóc lóc bán loạn nên không nói gì nhiều. Lúc dựng lều xong, tôi cảm ơn, và xin lỗi chị bếp cùng ông Kadoffa vì họ tưởng được nghỉ mà cuối cùng lại phải tiếp tục làm việc với tôi. Sau khi dựng xong lều, tôi xách hai cái xô ra con suối nhỏ gần đó, múc nước giúp chị bếp chuẩn bị bữa tối.

Suốt một tuần làm việc ở khu phía nam của S17, trời không mưa một lần nào. Nhưng khu vực này đã bị tàn phá rất nặng nề. Gần như ngày nào cũng có thợ săn từ những ngôi làng nhỏ gần đó đi ra đi vào rất đông, và đem theo cả chó săn nữa. Chúng tôi cũng thường xuyên nghe thấy tiếng cây cối bị chặt, nhiều khoảng rừng không trụi lá, và sự lấn chiếm của những cây lùm, cây bụi và cỏ dại thay vì cây gỗ lâu năm. Tại đây, chúng tôi cũng tìm thấy một quần thể cáo bay (*flying fox*), hay còn gọi là dơi quạ - những chú dơi cỡ lớn ăn hoa quả, sinh sống trên những tán cây cao lớn nhất của mảnh rừng này. Đó là lần đầu tiên tôi được chứng kiến một quần thể dơi lớn đến vậy, chúng bay vùn vụt trên nền trời. Những người thợ săn vào mảnh rừng này đa phần là để săn dơi, họ cũng sẽ bắt cả vượn cáo nếu có thể.

Khu vực này thật sự rất tĩnh lặng và không có âm thanh của sự sống. Sự tĩnh lặng quá đáng này khiến tôi cảm giác như khu rừng đã chết vậy. Vốn dĩ những tuần qua, tôi đã quen với việc thức dậy bằng tiếng chim hót, tiếng những chú *varika* chí chóc giành giật những quả sung, hay tiếng kêu của gia đình *avahi* đánh dấu lãnh thổ. Khoảng thời gian làm việc ở đây quả thật rất buồn, đông sách mà tôi mang theo cũng đã đọc hết từ những ngày mưa trước. Dù vào buổi

chiều, tôi vẫn dạy ông Kadoffa tiếng Anh và học tiếng Malagasy từ ông, nhưng tôi bắt đầu thêm những cuộc trò chuyện dài với bạn bè. Tôi tự hỏi chị Mandy như thế nào, công việc có thuận lợi hơn tôi không. Lần cuối cùng tôi liên lạc với chị cũng cách đây hơn 3 tuần khi tôi đang ở thành phố. Chị Mandy kể rằng chị ấy đã phát ói vì phải ăn món cơm buổi sáng ở đây, và vì ngày nào cũng phải ăn cơm với đậu hằm nên chị ấy rất thèm được về thành phố. Cũng khó mà trách chị Mandy được, món cơm sáng của người dân ở đây quả thật rất khó ăn. Cơm thừa được nấu từ bữa tối ngày hôm trước, cùng với chấy sẽ được ngâm xấp nước trong nồi qua đêm cho bỏ bực. Rồi họ sẽ đun sôi lên vào sáng hôm sau để làm bữa sáng. Không mùi vị, hay bất cứ thứ gì ăn kèm. Cho đến tận bây giờ, sau hơn một tháng ở trong rừng, tôi vẫn không quen được với món này.

Vì thế mà, khi S17 thực sự được hoàn thành, tôi cảm thấy hạnh phúc không kể xiết. Ông Kadoffa và chị bếp cũng hân hoan không tả, gần ba tuần liên tục phải ở trong rừng với tôi mà không được về nhà, chị bếp cười rất tươi khi xe đồ xịch trước cổng nhà chị, một ngôi nhà nhỏ, được xây bằng gỗ, cũng xộc xệch và tuềnh toàng như bất cứ ngôi nhà nào khác ở đây. Tôi vẫy vẫy tay chào chị, rồi xe lại tiếp tục lăn bánh về Fort Dauphin, sắp được gặp chị Mandy rồi!

* * *

Lúc tôi về đến khách sạn thì trời cũng đã tối. Chị Mandy đang ngồi chờ tôi trong sảnh khách sạn, cùng một người Mỹ nữa tên là Tim. Anh Tim hiện đang làm tiên sĩ ở Đức, trước đây anh cũng từng làm thực sĩ với thầy Giuseppe ở trường, trước tôi hai khóa. Anh sẽ bắt đầu nghiên cứu về loài vượn cáo trúc (*bamboo lemur*) ở đây vào tuần sau. Vừa nhìn thấy tôi, chị Mandy đã hét lên và chạy ra ôm tôi. Từ hôm bắt đầu đi thực địa, chúng tôi chưa hề gặp lại nhau lần nào, mà chỉ thỉnh thoảng nhận tin qua điện thoại khi có sóng thôi. Chỉ qua vài tuần nhưng chị Mandy đã gầy hơn trước, mắt cũng có quầng thâm như tôi, nhưng chúng tôi đều vô cùng hào hứng khi được gặp lại nhau, cứ kể hết chuyện này đến chuyện khác.

Hai ngày cuối tuần ở thành phố trôi qua thật nhanh. Tôi bị giằng xé giữa việc được lười biếng, ngủ thật nhiều trên giường đệm êm ấm, và việc tận dụng thời gian nhiều nhất có thể để hưởng thụ “nền văn minh nhân loại”, như xem phim, dùng Internet, chat chit với bạn bè. Chiều Chủ nhật, tôi lại cùng chị Mandy đi mua lương thực, chuẩn bị đem vào rừng. Chị Mandy cũng đang có một vài vấn đề với trợ lý của chị ấy. Vì Tina cũng đang phải thu thập số liệu khảo sát để tốt nghiệp, và cô bạn này lẽ ra phải tự lên kế hoạch và chọn phương pháp nghiên cứu riêng, nên cần thì chị Mandy có thể hỗ trợ bằng cách cô vấn, hướng dẫn. Nhưng chúng tôi không có trách nhiệm và không được phép thu thập hồ sơ liệu, hoặc chia sẻ số liệu của chúng tôi cho các sinh viên người bản địa. Thế nhưng, Tina lại trở nên quá dựa dẫm vào chị Mandy, và gần như copy hoàn toàn nghiên cứu của chị ấy, vì vậy mà họ thường xảy ra những xung đột nhỏ.

Còn về phần tôi, sau hai đời trợ lý, tôi cũng hạ quyết tâm không muốn nhận thêm trợ lý người bản địa nữa. Raul sau lễ tốt nghiệp cũng lên thủ đô Tana để tìm việc nên không quay lại Sainte Luce với tôi. Cũng may là đại đa số những sinh viên người bản địa vào thời gian này đều đã đi thực địa hết rồi, những ai

tốt nghiệp - như chị Murielle và Raul đều đang lo tìm việc làm, nên MICET không thể tìm thêm ai cho tôi nữa.

Cũng như thường lệ, tôi và chị Mandy cảm giác như cả hai chưa kịp tận hưởng sự sung sướng của việc sử dụng quạt điện, vòi hoa sen, nhà vệ sinh sạch sẽ... thì đã đến lúc phải lên đường. Chúng tôi chào từ biệt nhau vào sáng thứ Hai, sau khi tạt qua cửa hàng tiện lợi duy nhất trong thành phố để mua đầy xô cô la. Ba mảng rừng còn sót lại của khu Sainte Luce mà tôi cần làm khảo sát là mảng rừng S6, S7 và S8. Cả ba đều là những mảng rừng nhỏ xíu, chỉ đi bộ khoảng 2 tiếng là có thể đi từ đầu bên này đến đầu bên kia. Chúng đều bị tàn phá nặng nề bởi những hoạt động của con người. Chúng tôi bắt đầu khảo sát S6 trước.

Đây là một mảng rừng nhỏ xíu, không có con sông nào chạy qua như S9 hay S17. Buổi tối đầu tiên, tôi và ông Kadoffa cũng tranh thủ dựng được lều trại, tìm được đá lớn để tạo chỗ nấu ăn đơn sơ cho chị bếp, rồi cả hai bắt đầu đi khảo sát trong rừng. Lúc chúng tôi về được đến lều thì cũng đã hơn 10 giờ tối. Tôi đang nằm chống gong trong lều, tranh thủ mấy vạch pin cuối cùng của di động để nghe vài bài hát yêu thích, thì nghe tiếng gọi của ông Kadoffa phía ngoài:

- Điện thoại, có điện thoại này!
- Cửa cháu á? - tôi ngạc nhiên, đưa tay ra đón điện thoại.
- *Salama...* (xin chào, tiếng Malagasy) - có chuyện gì vậy ạ?
- Trang hả - đầu dây bên kia vang lên tiếng của anh Laza - Đang có bạo loạn, sáng mai sẽ có xe đến đón lúc 6 giờ. Chuẩn bị để về thành phố ngay nhé.
- Cái gì cơ? - tôi tưởng mình nghe nhầm - Anh đùa à? Em vừa mới vào rừng thôi mà. Mới làm được có 2 *transects*, về sao được?
- Mai đúng 6 giờ sáng, dậy dọn lều sớm nhé. Tôi nói với Kadoffa rồi. Bạo loạn bắt đầu từ hôm kia, nhưng nhóm vũ trang đang tiến gần xuống phía nam, chỉ cách chỗ em có 20 cây số thôi.
- Thế thì lo gì, chắc gì nó đã xuống chỗ bọn em. Để em làm nốt mảng này đã, độ 5 ngày là xong rồi, mảng này bé mà - tôi khản khoản mặc cả.
- Có 2 người bị bắn rồi, bọn chúng đánh cướp zebu của người dân. Thế nhé
- anh Laza đáp lại cụt lủn, rồi cúp máy.

Bạo loạn??? Đùa nhau à? Ở Madagascar á! Vào lúc này á? Không phải ông thầy người Ý yêu hòa bình, thích nhạc thịnh phòng và cả phê thượng hạng của tôi nói rằng Madagascar là đất nước hiền lành và an toàn nhất châu Phi hay sao? Không phải tôi hôm qua tôi và chị Mandy còn ngồi trong khách sạn xem tin tức trên kênh BBC hay sao? Đâu có tí tin nào về bạo loạn đâu???

Sáng hôm sau, từ 5 giờ tôi đã thấy ông Kadoffa dọn dẹp lều trại, chị bếp đã nhanh chóng cất hết nồi niêu xong chảo và buộc lại với nhau thật cẩn thận bằng dây mây khô. Chúng tôi dọn dẹp trong yên lặng. Làm xong hết công việc mà vẫn không thấy xe đến đón, chị bếp gọi tôi qua để tết tóc cho tôi theo kiểu châu Phi. Những mẩu tóc tết lại, chạy dọc từ trán xuống đến gáy. Lúc tết xong, ông Kadoffa cười lớn, rồi tình quái gọi tôi là "*ugly girl*".

Lúc đưa mọi người về làng, tôi có thể thấy được sự nghiêm trọng của làn bạo loạn này. Người dân hầu hết đều cố gắng gia cố lại nhà cửa, buộc lại gia súc, gia cầm, hoặc tìm cách đưa chúng lánh nạn vào những khu rừng thưa gần đó. Lo lắng chúc ông Kadoffa và chị bép an toàn, tôi được đưa về thành phố. Theo những gì tôi nghe được sau đó, thì QMM có chế độ đưa nhân viên đến nơi an toàn để lánh nạn, nhưng nhiều người từ chối mà quay về quê cùng đại gia đình của họ. Ấu cũng là tình cảm gia đình gắn bó bền chặt khó mà rời xa, nhất là khi tình trạng bạo loạn nguy hiểm như thế này.

* * *

Trở về đến thành phố, tôi thấy cả chị Mandy và anh Tim đều đang ngồi chờ ở văn phòng chính của QMM. Ai cũng đâm chiêu, lo lắng và bức bách vì không biết tình hình này sẽ xảy ra bao lâu, liệu những người dân làng mà chúng tôi quen biết có được bình an không, khi nào chúng tôi mới lại có thể quay về rừng được. Tôi và chị Mandy bảo nhau viết email gửi thầy Giuseppe ngay trong ngày hôm đó để thông báo tình hình. Chúng tôi đều không biết phải làm gì khác, ít ra viết email cho thầy và đợi email của thầy cũng là một cách để chúng tôi có hy vọng.

Thầy Giuseppe trả lời ngay sáng ngày hôm đó. Thầy an ủi chúng tôi, và còn nói rằng hiện nay vẫn chưa có tin quốc tế nào về tình hình bạo loạn này, nên có lẽ đó chỉ là hành động tự phát nhỏ của một nhóm người nào đó. Thầy bảo chúng tôi đừng quá lo lắng, cứ tuân theo chỉ dẫn an toàn của QMM và chúng tôi sẽ “được quay trở lại rừng ngay thôi ấy mà”.

Cái “ngay thôi ấy mà” lại không xảy ra sớm như chúng tôi hy vọng.

Một ngày, hai ngày, ba ngày, năm ngày... rồi một tuần trôi qua mà chúng tôi vẫn chôn chân ở thành phố. Lo lắng vì kinh phí chi tiêu phụ trội, vì tiến độ công việc chưa đâu vào đâu, vì không nghe được tin tức gì ở làng Sainte Luce và vì liên tục thấy những chiếc xe buýt công cộng của địa phương chở đầy người dân chạy đi tị nạn. Người ngồi cả lên trên nóc xe, cùng với nào dê, nào gà, xe đạp và đủ mọi vật dụng khác. Hình như ai cũng cố đi ra xa khỏi vùng này.

Gần hai tuần sau đó, chúng tôi đã phát chán vì phải ở thành phố mà “hưởng thụ cuộc sống văn minh”, hết xem tin tức trên ti vi, xem phim tình cảm suốt mướt của chị Mandy, nhập và xử lý số liệu mà chúng tôi đã thu thập được, thì sự hưởng thụ công nghệ này dần trở thành một gánh nặng. Mấy ngày gần đây có rất nhiều người dân đổ ra đường biểu tình, đòi chính quyền ra tay can thiệp để trả lại sự yên ổn cho cuộc sống ở phía đông nam này. Chúng tôi gần như chẳng dám đi đâu, chỉ ở trong khách sạn và nhìn ra bên ngoài cửa sổ, khi hàng trăm người đi diễu hành, biểu tình với cờ quạt và trống chiêng.

Có một buổi tối, vì đã phát chán với thực đơn trong khách sạn, chúng tôi cùng nhau ra một cửa hàng Pháp gần đó để có sự thay đổi món ăn. Khi cả bốn đứa đang lếch thếch đi cùng nhau về và ca thán về những kẻ vô lương tâm, vô công rồi nghề làm rối loạn xã hội, thì chúng tôi thấy khách sạn của mình đang bị bao vây bởi lính tráng và súng ống. Họ đứng đầy đường và gác ở cả cổng vào khách sạn nữa. Chị Mandy tóm chặt lấy cánh tay tôi, run run hỏi:

- Chả nhẽ bọn chúng dám tấn công khách sạn?

Nhưng chúng tôi nghe được rằng lần này bọn chúng chỉ tấn công dân làng để cướp zebu, chứ không lấy tiền và đồ trang sức. Mấy ngày trước, chúng tôi còn nghe được rằng chúng tấn công một xe khách du lịch đang trên đường đến khu bảo tồn ở Berenty, chúng bắn chết người lái xe, sau đó tịch thu tất cả đồ trang sức, tiền bạc, điện thoại và máy ảnh của hành khách và đốt sạch những thứ đó.

Vậy thì chúng tấn công khách sạn làm gì?

Mấy đứa bẻm mép lấy vai nhau đi vào bên trong, anh Tim là đàn ông duy nhất trong nhóm nên hít một hơi sâu, tỏ vẻ dũng cảm, tiến về phía quầy lễ tân để hỏi han tình hình. Hóa ra không phải khách sạn bị tấn công bởi bọn phiến loạn. Lính tráng đứng bao vây khách sạn là để bảo vệ ông Andry Rajoelina - tổng thống đương nhiệm thời bấy giờ. Vì có quá nhiều chỉ trích và biểu tình từ phía người dân ở khắp nơi trên cả nước, ông Andry mới lần đầu tiên đến khu vực đông nam này của đất nước để trấn an lòng người.

* * *

Mấy ngày sau đó, lúc nào khách sạn cũng tràn ngập quân lính. Mấy đứa chúng tôi không biết làm gì, ngoài việc ngày ngày gửi email cập nhật tin tức cho thầy Giuseppe, và nhắn tin về với gia đình. Tôi quyết định không kể gì với bố mẹ mình về cuộc bạo loạn này, vì tôi biết bố mẹ tôi - cũng như hàng triệu ông bố bà mẹ Việt Nam khác - vốn dĩ chỉ nghe thấy chuyện đi châu Phi đã lo sợ rồi, chứ đừng nói là con cái mình đang mắc kẹt trong một cuộc bạo loạn. Chỉ vì chuyện của chị trợ lý lần trước mà bố mẹ tôi đã gọi điện sang đây liên tục, thậm chí còn gợi ý tôi bỏ dự án ở đây, không làm nữa mà trở về Việt Nam.

Nhiều khi - đối với một người trẻ, khao khát cuộc sống tự lập và có đam mê với công việc một cách mạnh mẽ như tôi - cảm thấy sự quan tâm, chăm sóc và bảo bọc quá mức của cha mẹ làm tôi sợ phải kể với họ về những khó khăn mà mình gặp phải. Vì chỉ cần kể, dù chỉ một chút thôi, dù chỉ là những chuyện bé cọn con thôi, bố mẹ tôi sẽ rất lo lắng. Lo tôi không trụ được với công việc bọn bẻm mép, lo tôi không đưa ra được quyết định đúng đắn, lo tôi ốm, lo đủ mọi thứ, và bố mẹ, sẽ tìm mọi cách để giúp đỡ. Sẽ gọi điện đến hết người này người khác để có thể nhờ vả nếu có thể, hoặc sẽ giục tôi bỏ cuộc, giục tôi về Việt Nam để bố mẹ có thể giúp đỡ, để có thể nhờ người này người kia, để công việc của tôi - có thể trở nên nhẹ nhàng hơn, dễ dàng hơn.

Nhưng đó lại không phải là điều tôi muốn. Tôi hiểu bố mẹ yêu tôi, thương tôi và mong cho tôi mọi điều tốt đẹp nhất. Mong tôi có thể hạnh phúc mà không phải vất vả, có thể “ngồi mát ăn bát vàng”. Nhưng tôi vạn lần không muốn điều đó. Tôi luôn cho rằng, công việc mà tôi đã chọn, dù là thế nào đi nữa, đó là con đường của tôi, vất vả hay khó nhọc, tôi cần phải tự đương đầu với nó. Và chính vì những sự vất vả hay khó nhọc đó, mà tôi có thể học hỏi và trưởng thành hơn. Vì vậy mà những khi tôi muốn tâm sự với bố mẹ về những chuyện khó khăn đó, tôi thường kìm lòng lại. Bởi vì tôi không muốn họ lo lắng, vì tôi không muốn họ khuyên tôi bỏ cuộc, hay tìm cách giúp đỡ tôi. Tôi chỉ đơn giản muốn được lắng nghe, và được ủng hộ mà thôi.

Vì vậy mà trong khoảng thời gian đó, mỗi khi thấy chị Mandy gọi skype về với bố mẹ, và kể hết chuyện này đến chuyện kia, từ chuyện rắc rối với trợ lý, đến chuyện bạo loạn, chuyện người dân biểu tình ở ngay phía dưới khiến tôi

không khỏi ghen tị. Bô mẹ chị ây chỉ bảo chị ây hãy cẩn thận, làm theo quy định an toàn chung, và đừng đi đâu một mình. Tôi nghĩ, âu đó cũng là một sự tin tưởng, lòng tin tưởng của bô mẹ vào sự trưởng thành của con cái.

Lúc tôi đang ngồi ngoài hành lang suy nghĩ vân vơ, thì anh Tim đi đâu về, mang theo mấy chai rượu rum to tướng. Mấy đứa chúng tôi đi bộ ra phía bờ biển, uống chút rượu chờ hoàng hôn xuống, ngắm nhìn vài người ngư dân đang cặm lao để bắt cá, và cả bầy để bắt tôm hùm khi thủy triều lên. Thật khó mà tin nổi chúng tôi đã ở đây gần hai tháng rồi. Cũng thật khó mà tin nổi, trong ánh nắng ửng hồng và tiếng sóng vỗ rì rào này, đâu đó gần đây thôi, những cuộc bạo loạn lại đang nổ ra.

Cuối cùng, cứu tinh của chúng tôi cũng đã đến. Thầy Giuseppe đáp máy bay từ Anh đến Madagascar mấy hôm trước, giờ đang trên đường đến Fort Dauphin. Lúc này, tôi, chị Mandy và anh Tim đã quyết định xin phép QMM cho chúng tôi được dựng lều ở khu vực rừng tròng của họ ở Mandena, thay vì ở khách sạn để có thể tiết kiệm chi phí. Cũng thật may là được họ chấp thuận.

Lúc thầy Giuseppe đến, chúng tôi vẫn còn đang mãi nài nỉ chú JB cho chúng tôi được quay lại rừng, vì từ đó đến nay đã hơn hai tuần phải ở thành phố rồi. Gặp được thầy Giuseppe quả thực mừng khôn xiết. Ông thầy đối với chúng tôi lúc đó xuất hiện như một vị thánh quyền năng nào đó có thể giúp chúng tôi vượt qua mọi cản trở! Thầy Giuseppe lúc nào cũng ăn mặc thật đơn giản, mái tóc hơi dài, quần tít, đôi mắt nâu hiền ời là hiền và giọng nói đặc sệt của miền bắc nước Ý. Thầy hỏi han chúng tôi một lúc lâu, rồi vào phòng họp với chú JB và các nhân viên khác của QMM. Lũ chúng tôi không được vào trong phòng họp nên thấp thỏm ngồi bên ngoài, không biết liệu thầy có thể đưa ra được tí thỏa thuận nào không.

Cuối cùng, khoảng 5 giờ chiều, họ đưa ra được kết luận, rằng chị Mandy sẽ quay về phía tây nam Petriki, vì đám phiến loạn không có vẻ gì là sẽ đi về phía đó cả. Tôi và anh Tim, dù không thể quay về phía đông nam để làm việc, nhưng chúng tôi đều có một khu làm việc chung: đó là khu rừng già nhiệt đới Tsitongambarika mà tôi luôn mơ ước. Thế là, sau hơn hai tuần ăn không ngồi rồi, chúng tôi ngậm ngùi chào chai rượu rum cuối cùng và thẳng tiến đến khu rừng mưa lớn nhất còn sót lại ở phía Nam Madagascar!

Tsitongambarika

Khởi đầu chuyến đi của chúng tôi quả thật rất hào hứng. Cả tháng trời qua tôi đều chỉ loanh quanh ở Fort Dauphin rồi làng Sainte Luce, chứ chưa hề đi được đến nơi khác. Đường đến Tsitongambarika cũng khác hoàn toàn với đường đến Sainte Luce. Chúng tôi đi cùng hướng với chị Mandy về phía tây nam, sau đó đi lên phía bắc thay vì đến gần vùng biển phía nam. Tuy vậy, cũng từ chuyến đi này mà chúng tôi có thể thấy được sự tàn phá nặng nề của con người lên thiên nhiên. Có những khu vực đất rừng đã bị phá hoàn toàn, và thay vào đó là những cánh đồng cọ dừa, dừa, hay lúa gạo xen kẽ với những ngôi làng rải rác. Những ngọn đồi xuất hiện hai bên đường trọc lóc, đất bạc màu, sỏi mòn, lở lói.

Thế rồi con đường đất biến mất, thay vào đó là những đoạn đường mới hơn, được làm từ nhựa đường, thẳng tắp, vừa mới được xây dựng bởi những nhân công người Trung Quốc. Không rõ là may hay không may, khi những nhân công người Trung Quốc đến đây giúp người dân Madagascar xây dựng đường sá, thì cũng dạy cho họ cách ăn thịt rắn và trăn, چرا xẻ gỗ quý để chuyển lậu về Trung Quốc - những thứ rất mới mẻ với người dân ở đây. Khi trăn, rắn bị săn lùng và dần biến mất khỏi hệ sinh thái, thì đó là lúc những loài động vật - vốn là con mồi của chúng, như chuột bọ sẽ phát triển mạnh hơn, dẫn đến sự thiệt hại của hoa màu. Nhưng không ai lại nghĩ xa đến như vậy cả, đó chính là lý do vì sao loài người lại sẵn sàng tự tay phá hoại Trái đất, phá hoại ngôi nhà của chính chúng ta như vậy.

Đây là một trong những chuyến đi với cảnh vật đáng buồn nhất mà tôi từng thấy ở Madagascar. Con đường uốn lượn qua rất nhiều đồi núi - vốn dĩ phải được bao phủ bởi rừng xanh - và những cánh rừng sẽ đóng vai trò giữ nước, giữ đất, giữ chất dinh dưỡng cho cây trồng xung quanh, nhưng những cánh đồi này chỉ trơ ra một màu đất bạc. Chẳng có gì ngoài một vài bụi cỏ dại, một vài bụi cây khô khốc đang cố mọc lên trên mảnh đất cằn cỗi. Ở một vài làng mạc mà chúng tôi đi qua, tôi có thể nhận ra những cây xoài, cây vải được trồng sát những hiên nhà gỗ nhỏ ọp ẹp... Đôi khi trên đỉnh một vài ngọn đồi cao có thể nhận thấy một vài mảnh nhỏ xíu những cây gỗ cao đứng buồn hiu hắt - có lẽ là phần còn sót lại của cánh rừng đã bị đốn hạ. Chúng đứng đó, đu đưa trong gió, như thể là chút ít tóc còn sót lại trên chiếc đầu hói trọc lóc của một ai đó. Có những đoạn, đất thịt đỏ màu mỡ không có thực vật để bám trụ, chẳng còn cách nào khác đành theo những cơn mưa rửa trôi, cuốn thẳng xuống đồi, tạo ra những cơn lũ quét.

Một ví dụ điển hình cho tình trạng phá rừng ở Madagascar để lại hậu quả nghiêm trọng, đó là con hồ Lac Alaotra - một trong những hồ nước lớn nhất ở Madagascar - đã từng là nguồn nước cung cấp cho mọi hoạt động nông nghiệp - là nguồn sống của những cánh đồng lúa nơi đây. Một sự thật đáng ngạc nhiên đối với tôi khi đến hòn đảo này, đó là việc người dân Madagascar tiêu thụ nhiều gạo trên một đầu người hơn bất kỳ người dân nước nào khác trên trái đất. Hồ Lac Alaotra được bao quanh bởi những ngọn đồi thấp thoải, từng được bao phủ bởi những cánh rừng. Tuy nhiên, sau nhiều năm, những cánh

rừng làm nhiệm vụ giữ đất và lọc nước này bị đôn hạ để trở thành nơi trồng trọt. Khi rừng bị phá hủy, đất thịt màu mỡ chỉ tồn tại được vài năm sau đó, rồi bị rửa trôi bởi nước mưa. Khi không còn cây rừng, đất bị xói mòn và xói thẳng xuống hồ Lac Alaotra như dòng nhám thạch đỏ, dần dần lắng bùn và khiến hồ nước bị thu hẹp lại. Giờ đây, khi hồ nước không còn là nơi cung cấp nước cho những cánh đồng lúa nữa, chính phủ Madagascar phải nhập khẩu lúa gạo và những sản phẩm nông nghiệp khác từ nước ngoài để phục vụ nhu cầu của người dân.

Cũng thật khó để đổ tội cho người dân nơi đây. Khi một người dân nghèo nhìn thấy cánh rừng, anh ta sẽ không thấy hệ sinh thái hay những dịch vụ miễn phí mà cánh rừng đang chu cấp hằng ngày cho con người. Anh ta sẽ chỉ thấy đó là một mảnh đất có thể sử dụng làm đất trồng trọt, cho anh ta nông sản trong vài năm, gỗ kiếm được từ rừng sẽ là chất đốt, chất sưởi cho gia đình anh ta. Tổ tiên anh ta từng chặt cây, đốt nương làm rẫy. Cha ông anh ta cũng làm vậy. Thế thì sao anh ta lại không thể? Nhưng anh ta có lẽ không biết rằng, dân số vào thời điểm anh ta đang sống nhiều gấp 5 lần ở thời điểm của cha ông anh ta, và cách sử dụng tài nguyên như anh ta đang làm sẽ khiến con cháu anh ta chết đói. Kể cả với hàng trăm ngàn tỉ đô la Mỹ, đồng bảng Anh, đồng yên Nhật... được hỗ trợ từ nước ngoài, sẽ phải mất hàng trăm, thậm chí hàng ngàn năm để có thể tái tạo lại cánh rừng và chức năng của rừng mà anh ta đã phá hủy.

Tsitongambarika là khu rừng mà tôi mong ước được đến từ lâu, chính vì một loài động vật kỳ lạ mà rất ít người biết đến - loài động vật mà trong mơ tôi cũng muốn được gặp, loài *aye-aye*. Madagascar là một hòn đảo tràn đầy phép màu, ma thuật và những điều cấm kỵ, hay *fady* - như cách gọi của người dân đảo. Những địa phương khác nhau lại có những *fady* khác nhau, và cũng không ngạc nhiên khi người dân trên đảo coi một loài động vật kỳ lạ - kết quả của phép màu tiến hóa như loài *aye-aye* là loài động vật ma quái và nhuốm màu ma thuật. *Aye-aye* là loài linh trưởng hoạt động về đêm có kích thước lớn nhất. Chúng có đôi tai dơi và một bộ lông xù màu đen tuyền, đôi mắt sáng tròn, trong veo màu hổ phách, và đặc biệt là ngón tay thứ tư cực kỳ dài. Chúng sử dụng ngón tay rất dài và khỏe này để gõ vào thân cây, và nhờ âm thanh vọng lại để phát hiện ra con mồi - là những loài sâu bọ đang sống trong thân cây. Một khi đã tìm được con mồi, nó sẽ sử dụng bộ răng khỏe mạnh để phá vỡ lớp vỏ cây, và dùng ngón tay đặc biệt dài để kéo con mồi ra khỏi lỗ. Có thể ví von rằng, *aye-aye* chính là những chú chim gõ kiến mang thân xác của loài linh trưởng.



Aye-aye (daubentonia madagascariensis)

Chính vì vẻ ngoài kỳ lạ này mà ở một số vùng, nếu được tìm thấy ở gần làng, *aye-aye* bị cho là mang đến điềm chết chóc, và vì thế nó phải bị giết bỏ. Nếu một chú *aye-aye* nhỏ bị phát hiện, thì một đứa trẻ trong làng sẽ chết. Nếu là một chú *aye-aye* trưởng thành, có sắc lông đen sáng màu, thì một người trưởng thành với sắc da sáng sẽ gặp nguy hiểm, và nếu là *aye-aye* có sắc lông đen

sâm màu, thì người có da sâm màu sẽ gặp điếm chêt chóc. Ở vùng khác, nếu một người dân làng tìm thấy và giết *aye-aye* gần nhà anh ta, thì anh ta sẽ loại bỏ được những điếm xui xẻo bằng cách chôn xác chú *aye-aye* xấu số này vào vườn sau của nhà hàng xóm. Và nếu người hàng xóm phát hiện ra, thì anh ta sẽ phải đào xác chú *aye-aye* này lên và chôn vào vườn nhà bên cạnh. Thế là xác của *aye-aye* sẽ lần lượt chôn từ vườn nhà này sang vườn nhà khác. Cho đến khi không còn nhà nào trong làng nữa, thì họ sẽ vứt xác nó ra đường cái để cảnh báo người đi đường. Tục này cũng gần giống như tục gửi những bức thư mang điếm xấu từ nhà này sang nhà khác, nếu không thì điếm xấu sẽ xảy ra với bạn. Có nơi, nếu *aye-aye* bị giết thì chân nó sẽ bị quấn vào lá dừa và bị treo lên cổng làng, cho đến khi xác thối rữa thì sẽ bị ném cho chó ăn để xua đi điếm xấu.

Cùng với sự phát triển và bùng nổ dân số, người dân Madagascar tiếp tục tập tục canh tác du canh du cư, đốt nương làm rẫy, phá hủy môi trường rừng - là nguồn sống của hòn đảo. Và loài *aye-aye* cùng nhiều loài động vật khác thì bị đẩy gần đến bờ vực tuyệt chủng nhanh hơn bao giờ hết. Đã từng có thời các nhà khoa học cho rằng loài *aye-aye* đã bị tuyệt chủng hoàn toàn, nhưng rồi một cá thể đã được tìm thấy ở một mảng rừng bị phá hủy. Loài *aye-aye* vẫn còn sống, nhưng sự sống mong manh của chúng cũng giống như những cánh rừng còn sót lại của Madagascar, sắp bị ngọn lửa hung tàn nuốt gọn.

* * *

Đề đến được cánh rừng Tsitongambarika, chúng tôi còn phải đi dò qua năm con sông. Sau hàng tiếng đồng hồ ngồi trên ô tô, được đi dò quả là một cách giải lao dễ chịu, dù đi dò chậm hơn đi xe nhiều. Những chiếc dò được làm từ sắt cũ kỹ, có lẽ là sắt cũ từ hàng chục năm trước. Chúng được giữ lại cùng nhau bằng một miếng ván ở phía trên, và vận hành bằng hai người đàn ông khỏe mạnh, cời trần, nước da đen bóng. Một người cầm một thân tre dài, chống và đẩy chiếc dò ra khỏi bờ sông, người còn lại bám vào những sợi dây thừng to, chắc nịch đã được buộc vào hai thân cây to ở cả hai bên bờ, với chiếc ròng rọc ở giữa, vừa kéo, vừa hướng chiếc dò về phía bờ bên kia. Nếu chẳng may chiếc dò ở phía bên kia của bờ sông khi bạn vừa tới nơi, thì bạn sẽ phải kéo chiếc chuông to dùng được buộc sẵn trên đầu một ngọn cây (nếu may mắn), hoặc sẽ phải hò hét đến ù cả tai để người lái dò - thường là đang ngồi kê chuyện phiếm với những anh chăn bò, hoặc những cô, những bà đang ra sông giặt giũ - chậm rãi kéo chiếc dò đến đón bạn. Một khi đã lên trên dò, thì lại có cảm giác rất yên bình. Con dò hoàn toàn vận hành bằng lực kéo của anh lái dò, vì vậy mà không có những tiếng máy động cơ âm ỉ hay mùi hăng nồng của xăng dầu. Nó cũng lướt rất êm ái trên mặt nước sáng lóa, phản chiếu ánh mặt trời chói chang ở phía trên. Đôi khi, chúng tôi có thể thấy những chú chim bói cá bay qua vội vã, hay cá cò, vạc... đang kiếm tìm cá, lươn cho bữa tối.

Càng về sau, con đường càng trở nên khó đi hơn. Đường xóc, dốc, đầy bụi, có những chỗ thì lún bùn... đến mức anh David phải lái xe với tốc độ của một con sên để có thể tránh những hòn đá to tổ chẳng, hay những ổ gà sâu hoắm dưới đường. Cuối cùng, vào khoảng hai giờ chiều, chúng tôi đến được một ngôi làng bé nhỏ, gói mình lên những dãy núi của khu vực Tsitongambarika II.

Anh David và thầy Giuseppe lập tức tìm người khuân vác đồ đạc. Tôi, anh Tim cùng với anh lái đò vận chuyển đồ đạc đến bãi đất trống cao ráo, sạch sẽ gần đó. Khu vực ở Tsitongamabarika này còn hẻo lánh hơn nhiều so với làng Sainte Luce: ở đây không có trường học, không có chợ giời, cũng chẳng có nhà thờ như khu Sainte Luce hay Fort Dauphin, dù người dân Madagascar rất mộ đạo.

Tầm nửa tiếng sau, thầy Giuseppe và anh David quay về cùng với khoảng tám người đàn ông khỏe mạnh trong làng. Một người phụ nữ trẻ nhưng da tóc trắng muốt đang đứng lú lú ở sau cùng. Chị ấy bị bạch tạng. Dưới ánh nắng chói chang của vùng đất châu Phi này, da chị ấy bị thiêu đốt và những đốm tàn nhang đen phủ đầy bả vai và hai cánh tay. Đôi mắt quá nhạy cảm với ánh nắng mặt trời nên không thể mở to mà nhìn xung quanh. Ở những nước châu Phi như thế này, những đứa trẻ bạch tạng ngay từ khi sinh ra đã bị coi là điềm xấu, bị nguyên rủa bởi thầy phù thủy, và thường bị giết ngay còn khi là trẻ sơ sinh. Cũng có những vùng, người bạch tạng lại được coi là điềm may mắn, họ là “người được chọn” để tham gia những nghi thức cầu khẩn cho ngôi làng được giàu có hơn. Thầy Giuseppe sau đó thì thầm với tôi rằng, có lẽ nơi này cho rằng người bạch tạng sẽ đem lại điềm may cho họ: chỉ trong vòng nửa tiếng ở trong ngôi làng bé tẹo này mà thầy đã gặp đến ba người bạch tạng. Họ cử chị bếp này đi với chúng tôi, vì mong muốn chị sẽ đem lại điềm may cho làng, và những người nước ngoài sẽ đến nhiều hơn nữa.

Sau khi phân công đồ đạc để khuân vác cho từng người trong nhóm, chúng tôi bắt đầu tiến vào rừng. Cứ nghĩ rằng đi bộ vào rừng sẽ chỉ mất khoảng 2 tiếng đồng hồ thôi, nhưng thực ra từ đó để đến được chỗ có thể dựng lều cắm trại và làm khảo sát, thì chúng tôi phải đi sâu hơn nữa. Dưới ánh nắng chói chang như đổ lửa, với hơn mười cân đồ và 4 lít nước xách ở trên tay, vừa trèo lên núi, xuống núi, vượt đến hơn mười con suối lớn nhỏ, đoàn người chúng tôi nối tiếp nhau, đi thành hàng dài... Hình ảnh cả đoàn người chúng tôi, người đi trước, người đi sau trong ánh chiều tà khiến tôi nhớ đến những thước phim tài liệu về những đoàn nghiên cứu mà tôi thường xem trên ti vi hồi nhỏ. Ước mơ của tôi... tôi đang được sống với nó đây sao!

Sự hứng khởi và những suy tư lặng mạn về ước mơ ngày xưa bé cũng dần thế chỗ cho sự mệt mỏi sau hơn 4 tiếng đi bộ. Từ lúc nắng vẫn còn trên cao cho đến khi trời đã tắt nắng hoàn toàn, chúng tôi cứ thế đi, đi mãi mà vẫn chưa đến chỗ dừng chân, lội qua cả chục con suối lớn nhỏ. Cứ tháo giày ra rồi đi giày lại đến lần thứ sáu thì tôi chẳng còn muốn tháo giày ra để lội suối nữa.

Khoảng 7 rưỡi tối, khi trời đãมืด mờ, chúng tôi mới đến được nơi đủ gần để có thể dựng lều trại. Ai cũng đói và mệt rã rời, nhưng chúng tôi phải tận dụng chút ánh sáng ít ỏi còn sót lại để phát cỏ bụi rậm, dựng lều, lấy nước và củi khô. Mỗi người một tay, nên chỉ khoảng 8 rưỡi tối là chúng tôi đã làm xong việc. Vào buổi tối, chị bếp không bị ánh mặt trời làm chói mắt, nên hoạt động nhanh nhẹn hơn nhiều. Lúc chúng tôi dựng xong lều thì đã thấy chị một mình khơi lửa, đun nấu đồ ăn trên bếp rồi.

Buổi tối ở trên núi lạnh kinh khủng, và cũng ẩm thấp hơn nhiều so với khu vực ven biển Sainte Luce. Chúng tôi ngồi co ro bên đồng lửa được nhóm lên

đề đun nước ấm, và có thể nhìn thấy hơi thở của mình bay lên như sương như khói. Đến tầm 9 rưỡi tối, mắt tôi bắt đầu díp lại, cơ bắp khắp người đau ê ẩm. Tôi, anh Tim và thầy Giuseppe còn phải bàn bạc xem sáng ngày mai sẽ bắt đầu như thế nào, liệu chúng tôi có nên chia thành hai nhóm hay đi cùng nhau để thành lập các *transects*. Vừa lắng nghe, tôi vừa xoay chuyển mấy chiếc áo quần được treo trên mấy cành khô đặt gần bếp lửa để hun khói đuổi muỗi. Khoảng 10 giờ hơn, tôi bắt đầu gật gù, nhưng vẫn ráng gắng gượng vì thầy và anh Tim vẫn chưa đi ngủ. Đến lúc tôi ngủ gật và làm rơi một chiếc áo phông thẳng vào đám lửa thì thầy nhất quyết đã đến lúc tắt cả chúng tôi đi ngủ rồi.

* * *

Thầy Giuseppe chỉ ở cùng với chúng tôi ba hôm thôi, rồi thầy sẽ quay về thành phố và trở về Anh. Vì vậy mà thầy cố gắng giúp chúng tôi nhiều nhất có thể, như là chọn *transects* và sửa đổi một số phương pháp nghiên cứu cho phù hợp hơn với địa thế nơi này. Thầy bị nghiền cả phê, sáng nào cũng phải uống một cốc thật bự rồi mới đi làm được. Cũng vì thế mới có chuyện dở khóc dở cười, ấy là anh Tim mua cả phê xay, kiểu cả phê phin ấy, mà lại quên mất túi lọc, Thầy Giuseppe thì dù có phải nhai bã cả phê đi chẳng nữa thì vẫn sẽ uống. Thế là những buổi sáng ấy tôi luôn có dịp để trêu thầy về cả phê nôi bã lờ nhờ trông rất kinh khủng của thầy. Có một vấn đề nữa về thầy Giuseppe, ấy là thầy tốt bụng, quá mức tốt bụng. Kể từ khi người dân làng nơi đây biết chúng tôi dựng lều trại nghiên cứu ở khu vực này, thì gần như ngày nào họ cũng “vô tình” đi qua, cùng với nào cá, gà, gạo, cam, chuối... và vô thiên lủng những thứ khác. Chỉ cần thoáng thấy thầy Giuseppe, họ sẽ dừng chân ở trước cửa lều, và tán chuyện, thường sẽ bắt đầu bằng việc họ nhìn thấy *varika* ở đâu, khi nào, và những ai trong làng đặt bẫy chúng để thu hút sự chú ý của thầy. Thế rồi khi câu chuyện của họ kết thúc, nghiêm nhiên thầy Giuseppe sẽ mua hết những thứ thực phẩm mà họ mang lại. Có lần, tôi và anh Tim quay về lều vào lúc tối muộn sau chuyến đi khảo sát, và phát hiện ra cả lều ăn của chúng tôi tràn ngập chuối!!! Có đến 160 quả chuối chín, và tận 90 quả cam đang nằm lắt lẻo trên chiếc chiếu cói.

Cơm và đậu đỏ hầm là món ăn trường kỳ của chúng tôi khi đi làm ở Madagascar. Một phần vì đây là món ăn phổ biến của người dân bản địa, một phần vì nguyên liệu đơn giản, dễ lưu trữ. Chúng tôi mua cả mì *Spagetti* và xốt cà chua để thỉnh thoảng đổi món, nhưng người dân ở đây lại luộc cả mì và cơm, trộn cùng với nhau, nên rốt cuộc kế hoạch “đổi món” của chúng tôi thất bại thảm hại. Tôi và anh Tim sợ phải ăn mì luộc cơm nên chúng tôi đã nghĩ đến chuyện tìm mì và đem giấu đi để chị bếp không cho ra những sáng tạo kinh khủng như thế nữa. Anh Tim cũng chán phải ăn cơm trường kỳ đến độ đã mang theo cả một chai ớt xanh cay kinh khủng khiếp mua ở chợ giờ. Loại ớt này cay đến nỗi chỉ cần một giọt nhỏ thôi, trộn lên với cơm, là đã đủ làm cho mắt bạn cay sè và lưỡi thì bỏng rát. Tôi thì hình thành thói quen đi đâu cũng mang theo một chai lạc rang muối để ăn kèm. Dù là cơm trộn với mì luộc, hay cơm nát bỏ bực do bị ngâm nước qua đêm ăn vào buổi sáng, thì lạc rang muối cũng khiến chúng trở nên dễ nuốt hơn. Ấy là chưa kể chị bếp vào ban ngày không thể nhìn rõ thứ gì vì ánh nắng chói chang của mặt trời, vậy nên bữa cơm trưa

thường là ác mộng đối với chúng tôi, khi mà cơm bị cho quá nhiều nước và đậu thì hầm với quá nhiều muối.

Địa hình ở Tsitongambarika rất khác với những mảng rừng nhỏ ở Sainte Luce. Nơi này toàn là núi cao, nên công việc cũng mệt mỏi hơn rất nhiều. Từ chỗ chúng tôi dựng lều đến *transect* gần nhất, chúng tôi phải đi men theo hai triền núi mới đến nơi. Rừng ở đây rất rộng và rậm rạp, vì thế mà cũng rất khó để có thể tìm thấy động vật. Cây cối ở khu vực rừng mưa nhiệt đới cũng cao hơn nhiều so với rừng ven biển, và đường thì cũng rất gập ghềnh. Trong khoảng hai tuần ở đây, chúng tôi cũng phải đối mặt với những cơn mưa triền miên và dai dẳng. Tôi nhớ nhất một hôm, trận mưa kéo dài đến bốn ngày. Sốt ruột vì cơn mưa, tôi và ông Henry - người dẫn đường cho tôi ở đây đã quyết tâm đi làm khảo sát thực vật, vì dù có cố cũng không tìm được *varika* trong cơn mưa tầm tã này. Chúng sẽ trú mưa trong hốc cây nào đó, khiến cho việc phát hiện ra chúng trong những tán cây cao là điều không thể. Dưới cơn mưa, chúng tôi cố gắng tạo *plot* và phân loại thực vật. Thế rồi tôi cảm thấy nhồn nhột phía trên cổ mình, cảm giác như có cái gì đó nho nhỏ, lạnh lạnh đang bò lên trên. Với tay ra sau, tôi phát hiện ra cổ mình đang được bao phủ bởi vết. Không phải một, mà là dăm bảy con. Nổi cả da gà, tôi nhảy chơi chơi ra con đường mòn trong rừng, để rồi phát hiện ra không chỉ cổ, mà giày, và ngay cả trán mình cũng có vết. Chúng nhiều đến nỗi cứ nhung nhúc ở trong những chiếc vòng sắt để luồn dây giày của tôi, trên vai, trên trán... và cả trên mông nữa!!! Ông Henry cũng bị bao phủ bởi vết, vì ông không đi giày mà chỉ đi chân đất. Nhìn đôi bàn chân ông đầy những vết bám chặt ở các kẽ ngón chân, thì sức hút máu, tôi rùng mình. Đi rừng vào những ngày mưa thật đáng sợ.

Mặc dù vậy, tiến độ công việc của tôi ở Tsitongambarika khá tốt, tốt hơn nhiều so với anh Tim. Tần suất được gặp *varika* của tôi cao hơn nhiều so với số lần anh ấy nhìn thấy vượn cáo trúc. Tôi còn nhớ, có một lần sau buổi đi khảo sát vào ban ngày, tôi đang giặt giũ bên bờ suối, thì thấy anh Tim tức giận đang quay trở về. Chúng tôi ở đây đã hơn một tuần, vậy mà anh ấy vẫn chưa tìm thấy dù chỉ một cá thể vượn cáo trúc. Vấn đề của loài này, có lẽ vì chúng quá hiền lành, sống ở tầng thấp của những tán cây, và thức ăn của chúng là tre nứa. Vì vậy mà chúng thường xuyên hoạt động ở ven bờ rừng, nên dễ bị bắt, bị bẫy bởi những người thợ săn sinh sống trong làng gần đó. Căng thẳng và bức bối, anh Tim rít lên:

- Tôi tức phát điên lên mất! Đã một tuần rồi! Một tuần rồi! Tôi cảm thấy như cú, trông như cục cú, và bốc mùi như cú!!!

Tình trạng săn bắt và phá rừng ở khu rừng mưa nhiệt đới duy nhất còn sót lại ở phía nam này cũng vô cùng tệ hại. Có những khu vực mà đất rừng đã bị phá hủy và đốt cháy hoàn toàn, từng thân cây cao, trơ trọi, đen thui vì bị đốt cầm thăng lên nền trời xanh như những ngón tay bị cháy vậy. Bẫy được người dân bản địa tạo ra để bắt vượn cáo cũng rất nhiều, có những đoạn cứ cách 5-10m là tôi lại tìm thấy bẫy, cả mới lẫn cũ. Khu vực mà tôi đang làm việc, dù là khu rừng già và có độ đa dạng sinh học rất cao và mức tàn phá nặng nề, nhưng vẫn chưa được chính phủ đưa vào bảo vệ. Tôi và anh Tim còn tìm được một khu, có lẽ đã được dựng lên thành khu căn cứ của những tên khai thác gỗ quý trọng.

Từng mâu gỗ tím sẫm, đậm màu bị chặt, nằm rải rác, xen kẽ với những tảng gỗ lớn, đỏ au như máu. Với hệ thống sông ngòi dày đặc ở khu vực này, những tên xẻ trộm gỗ chỉ việc vận chuyển chúng xuống sông, rồi để dòng nước làm nhiệm vụ đưa gỗ ra khỏi rừng một cách dễ dàng.

Mấy tuần trong rừng Tsitongambarika trôi qua cũng thật nhanh chóng. Mặc dù mệt mỏi vì liên tục phải trèo đèo, lội suối, nhưng những ngày ở đây đối với tôi trôi qua dễ chịu hơn nhiều so với những lúc thui thủi một mình tại S17 vì ở đây tôi có anh Tim bầu bạn, dù rằng đến tận hôm đi về anh cũng chỉ đứng một lần thoáng thấy hai chú vượn cáo trúc nho nhỏ. Đêm cuối cùng ở Tsitongambarika, tất cả đội ngũ khuôn vác gồm sáu người đã tụ tập lên khu lều trại của chúng tôi từ sớm. Anh gác lều đã được giao nhiệm vụ đi bộ về làng và tìm người đến khuôn vác cho chúng tôi để chuẩn bị cho sáng hôm sau tháo dỡ, dọn dẹp lều trại và đi về. Người dân ở khu này có một thói quen rất lạ vào mùa đông, có lẽ là do không có đủ chăn đắp ấm, nên họ tranh thủ ngủ vào ban ngày thay vì ban đêm lạnh giá. Thế là cả buổi tối hôm ấy, cả tôi và anh Tim đều không thể chợp mắt nổi, do mọi người ngồi tám chuyện rôm rả suốt cả đêm.

Trên đường trở về Fort Dauphin, chúng tôi bắt gặp một người đàn ông đang tìm cách bán một chú *avahi* nhỏ trên vệ đường. Anh Tim nhảy xuống xe, cùng với anh David, cố gắng dò hỏi người này đã bắt chú vượn cáo này ở đâu. Chúng tôi cũng giải thích cho anh ta rằng theo luật pháp ở Madagascar, việc bắt, bán, giết và ăn thịt vượn cáo là hành động phạm pháp - điều mà anh ta không biết và có vẻ rất ngạc nhiên khi được nghe. Đây chính là một trong những ví dụ điển hình về cái gọi là “pháp luật trên giấy tờ”. Chuyện này xảy ra ở rất nhiều nước chứ không riêng gì Madagascar, khi mà sự bảo vệ của một loài động- thực vật nào đó chỉ hiện hữu trên giấy tờ, chứ không được thực thi hay phổ biến cho người dân. Chính vì thế mà thậm chí nhiều khi người dân sinh sống ở nước sở tại còn không biết về sự tồn tại của những điều luật này, và luật cũng không được thi hành bởi những người thực thi pháp luật. Vì thế mà, trong những hoàn cảnh như thế này, luật pháp trở nên vô dụng.

* * *

Tôi quay trở lại Fort Dauphin đúng 1 đêm, rồi lại vội vàng quay về với Sainte Luce. Tối hôm ấy, chị Mandy được nghe đủ câu chuyện của tôi và anh Tim ở Tsitongambarika, từ việc chúng tôi phải đi bộ lâu ra sao, đến việc chị bếp bạch tạng nên không nhìn rõ và cứ buổi trưa là chúng tôi được ăn cơm dưới dạng bánh đúc với muối sạn, rồi chuyện chúng tôi đã cứu được một chú *avahi* nhỏ và đưa chú về lại nhà. Cũng đã gần đến tháng Tám rồi, tôi và chị Mandy bắt đầu thấy lo sợ về hai chữ “luận văn” đang lớn vồn ngay trên đầu... Cả hai đứa chúng tôi đều chưa thu thập đủ dữ liệu.

Quay trở lại với những mảnh rừng nhỏ xíu còn sót lại của làng Sainte Luce quả thật rất đau lòng. Gần như cứ vài chục mét chúng tôi lại gặp phải một khoảng rừng trống toàn cỏ, do đã bị người dân chặt phá mà thành. Tôi nhớ lúc ở nhà, thỉnh thoảng có người hỏi, này, đi rừng ban đêm tỉnh mịch chắc sợ lắm nhỉ. Thực ra rừng đêm không hề tĩnh lặng chút nào, trái lại rất nhộn nhịp với âm thanh của những loài hoạt động về đêm. Đó là âm thanh của sự sống. Nếu

một khu rừng im ắng tĩnh lặng, đó là rừng chết... và những mảnh rừng nhỏ xíu còn sót lại của Sainte Luce này là những mảnh rừng chết như thế.

Có một buổi chiều, sau khi đi làm khảo sát thực vật, tôi đang ngồi chờ người ngấm mặt trời lặn trên một con dốc nhỏ thì bỗng nghe tiếng chân vội vã chạy lại của ông Kadoffa. Ông thở không ra hơi, tôi chỉ nghe được từ “làng Sainte Luce”, “sốt rét”, “ông Andy”, rồi ông kéo tôi chạy theo. Chúng tôi đi về hướng làng Sainte Luce, vừa đi vừa chạy, mệt hơn một tiếng mới đến nơi. Lúc này trong làng đang rất âm ỉ, vợ ông Andy đang khóc vật vã, lay lắc một cậu thanh niên da trắng, tóc vàng. Tôi nhận ra đó là một trong những tình nguyện viên của Azafady mà tôi đã từng ăn tối cùng với chị Megan trong tuần đầu tiên đến đây. Tìm mãi mới thấy anh Haja, lúc này đang đi từ phía con sông về với một rô cá chết. Hóa ra cậu thanh niên đó, Adam, đã nói với ông Andy rằng bởi chính vì QMM đến đây khai thác mỏ, phá rừng, khiến cho cánh rừng Sainte Luce vốn là một khu rừng liền nhau giờ biến thành những mảnh nhỏ rời rạc, và công ty này chỉ giả vờ tốt với người dân thôi, thực ra họ đang tìm cách đuổi người dân làng đi. Chính vì vậy mà ông Andy, dù con trai út của mình đang bị sốt rét, vẫn nhất quyết không cho nhân viên QMM đưa đứa nhỏ đi chạy chữa. Thằng bé đã bắt đầu lên cơn từ tối hôm trước, và ai cũng biết rằng, để chữa trị bệnh sốt rét thì cần phải chạy đua với thời gian.

Anh Forrest vừa mới trở về từ Fort Dauphin, sau khi nghe chuyện thì mặt trắng bệch vì tức giận, liền chạy ra lôi cậu thanh niên mới 17,18 tuổi kia ra đầu làng. Anh đẩy cậu thanh niên, lúc bấy giờ người đã nhũn ra vì sợ hãi vào thân cây, rồi gào lên:

- Cậu đã thấy điều tốt mà cậu đã làm chưa? Thằng bé sắp chết rồi và bố nó vẫn không cho nó đi chữa trị, cậu làm tốt quá hả!!!

- Đi xin lỗi bố nó và dân làng ngay lập tức, nói gì cũng được, bảo rằng cậu bịa chuyện đi, rằng cậu thừa hơi rồi việc nên nghĩ ra những thứ đó, và đưa thằng bé ra xe cứu thương ngay cho tôi, đi đi!

Anh Forrest vừa đẩy, vừa đá, vừa lôi Adam quay trở về nhà ông Andy. Lúc này, cậu ấy đã bắt đầu khóc. Quỳ sụp xuống trước cửa nhà ông Andy và những người dân làng, Adam run rẩy bầy và khóc dữ dội. Cậu ấy nói không thành lời, và anh Haja dịch cho cậu. Cậu nói rằng cậu không biết lời nói của mình lại gây ra ảnh hưởng đến như vậy, những gì cậu nói chỉ là lời đồn mà cậu nghe được từ những tình nguyện viên trước đây, và rằng điều đó không có thật, rằng cậu cầu xin ông Andy, dù thế nào đi nữa cũng hãy để thằng bé được đi chữa bệnh.

Ông Andy có tất cả 12 người con. Nhưng 8 người trong số đó đều đã ra đi. Một người bị chết đuối, một người chết vì cảm lạnh, và 6 người chết vì bệnh sốt rét. Ở ngôi làng heo lánh gần sông hồ như thế này, bệnh sốt rét hoành hành triền miên. Kể từ khi tôi đến đây, gần như tháng nào trong ngôi làng cũng có người chết vì bệnh sốt rét. Đây là căn bệnh do muỗi mang ký sinh trùng gây sốt rét gây ra, mặc dù nếu được điều trị đúng cách thì có thể hồi phục hoàn toàn, nhưng bệnh nặng có thể diễn biến xấu rất nhanh và gây ra cái chết chỉ trong vài ngày. Ông Andy vẫn đang không nói gì, nhìn chăm chăm xuống sàn nhà, mặc cho người vợ đang vật vã kêu khóc thảm thiết và đứa con đang lên cơn run rẩy bầy trong nhà. Lúc này, anh Haja có kể rằng nhân viên y tế của QMM đến đây

đưa đứa trẻ về bệnh viện ở Fort Dauphin, nhưng ông đã xông ra và đánh họ với khúc tre để bên nhà, vì vậy mà không ai dám vào nữa.

Adam vẫn đang khóc tức tưởi ở ngoài sân, còn anh Forrest lúc này đã chuyển sang màu xanh tái. Hình như thằng bé lại lên cơn co giật, dưới ánh sáng mờ mờ của buổi chiều tà, chúng tôi vẫn có thể nhìn thấy người nó đang co lên từng chập. Ông Andy chạy lại chiếc giường tre mà đứa con khôn khổ đang nằm, ôm chặt lấy nó và khóc. Tôi thì thầm với anh Forrest, đến nước này, cách tốt nhất là xông vào, nếu ông ấy lại phản kháng thì ôm đứa trẻ và chạy đi với mẹ nó thôi. Anh gật đầu nhưng không nói gì. Tôi quay sang, nhờ anh Haja và ông Kadoffa giúp đỡ, chuyện đến nước này cũng không thể để lâu được nữa, dù có hiểu sai hay lỗi lầm như thế nào cũng có thể giải quyết sau. Anh Forrest đi vào nhà, đặt tay lên vai ông Andy, thì thào với ông rằng điều quan trọng nhất lúc này là đưa được thằng bé đến bệnh viện bằng tiếng Malagasy. Ông không nói gì, ngã vật ra phản khóc suốt暮. Anh Haja và ông Kadoffa cũng chạy vào theo, để phòng trường hợp ông Andy vẫn tức giận mà đuổi đánh anh Forrest. Cũng thật may, dường như tình trạng đứa trẻ xấu đi trông thấy đã khiến ông không còn suy nghĩ được gì nữa. Ông để anh Forrest bế nó chạy về phía xe cứu thương đang nằm ở đầu làng. Mẹ đứa trẻ vội vã cầm theo một bọc quần áo rồi chạy đi.

Mọi người trong làng cũng dần dần ra. Tôi nhờ anh Haja ở lại cùng ông Kadoffa chăm sóc cho ông Andy, còn tôi thì kéo cậu Adam đứng lên:

- Đi với tôi đi. Cậu ngồi đây khóc cũng không giúp được gì. Đi thôi!

Chúng tôi đi dọc con sông, đến gần một mỏm đất trống thì ngồi xuống trên một thân cây gỗ mục. Tôi không nói gì, cứ để cho Adam khóc và yên tĩnh thêm một lúc nữa...

- Này, giờ thì tôi biết vì sao lần trước khi về làng Sainte Luce cậu lại quay ngoắt đi khi thấy tôi. Vì tôi làm việc cùng với QMM hả? - tôi hỏi.

Adam không nói gì, chỉ lặng lẽ nhìn chăm chăm ra con nước đang trôi lững lờ.

- Tôi không biết cậu nghe được từ ai, và nghe được những gì. Tôi không bảo vệ cho QMM đâu, cậu không ưa QMM cũng phải thôi. Một khi phá rừng để khai thác khoáng sản, thì dù thế nào cũng đem lại hậu quả xấu cho môi trường. Tôi không trách cậu. Nhưng rừng Sainte Luce bị chia thành nhiều mảnh nhỏ không phải là lỗi của QMM. Nó đã bị chia cắt thế này từ lâu rồi...

Tôi kể với Adam về việc ban đầu, khi thầy Giuseppe nói với tôi rằng tôi sẽ làm việc cùng với một công ty khai thác khoáng sản, tôi cũng đã phản đối hết mình, và cũng đã từng ghét cay ghét đắng nó. Nhưng thầy Giuseppe đã nói với tôi rằng, dù chúng tôi có làm việc với họ hay không, thì một công ty khai thác khoáng sản vẫn sẽ khai thác khoáng sản. Nếu những người có tâm huyết với ngành bảo tồn, dựa vào khoa học mà làm việc với họ, thuyết phục họ, thì ảnh hưởng xấu do họ gây ra với môi trường có thể được giảm thiểu đi ít nhiều, và rằng những chú vượn cáo sinh sống trong những mảnh rừng này vẫn cần được bảo vệ. Và thực ra, họ không phải chỉ toàn người xấu muốn đào và phá rừng để lấy tiền. Khu rừng Sainte Luce cách đây hàng trăm năm, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đất đai khô cằn và hạn hán kéo dài đã bị cháy, và dần dần trở

thành những mảng rừng nhỏ tách biệt. Rồi sự xuất hiện và tăng dân số cực nhanh của con người lại càng gây nhiều sức ép lên các mảng rừng hơn. Dân số con người tăng, nghĩa là đất sử dụng cho nông nghiệp tăng, làng mạc cũng lấn dần vào đất rừng, vượn cáo cũng từng bị săn bắt nhiều để làm thức ăn cho người dân, và cây gỗ bị chặt hạ. Cũng một phần nhờ có QMM và đội nghiên cứu làm việc trong nhóm bảo tồn động-thực vật do họ lập ra, mà chúng tôi giờ đây mới có khu bảo tồn Mandena và Sainte Luce, mới có những dự án trồng rừng, mới có kế sinh nhai khác cho người dân: thay vì việc vào rừng đốn cây và bắt vượn cáo, những người như ông Kadoffa hay anh Haja mới có thể bỏ công việc thợ săn mà dẫn đường cho những người làm nghiên cứu chúng tôi. Rồi trường học cho bọn trẻ, rồi cả bệnh viện miễn phí cho người dân làng Sainte Luce nữa chứ...

QMM cũng không hề có ý định phá làng Sainte Luce, hay bất kỳ mảng rừng nào của Sainte Luce như Adam đã nói.

Đôi khi, không phải sự việc nào trong cuộc sống cũng trắng đen rõ ràng. Những công việc làm bảo tồn thì lại càng khó khăn hơn, khi bạn phải làm sao cân bằng được cuộc sống ổn định cho người dân địa phương, và lại vừa bảo vệ được những cánh rừng mỏng manh không có sức kháng cự trước sự phát triển ô nhiễm của con người. Bạn không thể yêu cầu tất cả người dân phải di dời ra khỏi khu vực bảo tồn, lại càng không thể để mặc họ vì kế sinh nhai xoay vần và chật vật với bệnh tật mà không giúp đỡ. Giúp họ ổn định cuộc sống, giúp họ sống hòa hợp với thiên nhiên và cùng bảo tồn môi trường sống hoang dã mới là mục đích của chúng tôi. Nếu tôi được chọn, nếu tôi được ước, thì tôi vẫn sẽ ước rằng những công ty khai thác khoáng sản sẽ không tồn tại trên đời. Nhưng sự thật vẫn là sự thật, chúng ta vẫn đang tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên hằng ngày, hằng giờ. Laptop, di động, ti vi, tủ lạnh... những thứ hiện đại mà chúng ta đang dùng trong nhà đều có titanium. Vậy thì, dù có phải “bắt tay với quỷ dữ” - như nhiều người ở đây vẫn lên án thầy Giuseppe, thì thầy vẫn sẽ làm, vì thầy có một niềm tin mãnh liệt rằng thầy, và những công sự làm khoa học khác, có thể làm giảm đến mức tối đa tác động xấu của việc khai thác mỏ lên những cánh rừng nơi đây. Dĩ nhiên, điều này chỉ có thể làm được, nếu cả hai phía đều có trách nhiệm, có uy tín và giữ lời.

* * *

Thời gian thực sự trôi qua rất nhanh... Ngày cuối cùng của tôi ở Sainte Luce rồi cuộc rời cũng đến. Tôi theo ông Kadoffa đi bộ về làng và chào mọi người. Bọn trẻ con lúc này đã quen và nhớ tên tôi, ngay từ đầu làng đã nghe thấy tiếng chúng hò hét “Trang! Trang! Trang” loạn xạ, chứ không chỉ hét “*waza*” như trước nữa. Bọn chúng vây quanh, đòi chụp ảnh, đòi quay video như lần trước anh Forrest đã quay cho chúng trong ngày hội môi trường. Đứa con trai út của ông Andy cũng đang dần bình phục. Giờ nó đang ở nhờ nhà người bà con trên Fort Dauphin để tiện việc thăm khám. Hai hôm nữa nó sẽ về làng.

Ông Kadoffa ngày hôm ấy cũng trở nên tĩnh lặng hơn ngày thường. Bạ tháng rồi, trừ những ngày làm việc ở Tsitongambarika thì dù sáng, trưa, chiều, tối, lúc nào cũng có bóng dáng nhỏ bé, gầy gò của ông tập tễnh đi cùng tôi. Nhờ có ông mà mọi việc cần làm của tôi đều được diễn ra suôn sẻ, nhờ có ông mà tôi

không bị lạc trong rừng, nhờ có ông mà dù trời mưa, lêu của tôi cũng không bị ướt.

Chị bếp cũng dạy cho tôi cách nấu món đậu đỏ hầm kiểu Madagascar, rồi lại còn dạy tôi cách tết tóc kiểu châu Phi nữa, dù đôi tay vụng về không mấy nữ tính của tôi vẫn chưa thể làm được thành thạo. Tôi đem tặng ông Kadoffa chiếc áo khoác 2 lớp chống mưa chống tuyết mà tôi đem theo, và cả đôi giày thực địa chống nước nữa. Tôi tặng chị bếp mấy chiếc áo ấm, áo nỉ mà tôi dùng lúc ở Tsitongambarika. Dù chúng không phải đồ mới, nhưng chị và ông Kadoffa đều cảm ơn và nhận lấy một cách hào hứng. Thế rồi, mắt cay sè, tôi chỉ kịp ôm ông Kadoffa và chị bếp một cái thật chặt, rồi vội vã bước lên xe.

Tôi và chị Mandy đều không ngờ thời gian lại trôi qua nhanh chóng đến như vậy. Về thành phố nghĩa là mọi việc sẽ ổn thôi. Viết luận văn và tốt nghiệp, thế là xong. Chẳng còn gì phải lo sợ nữa.

Nhưng mà cuối cùng, chúng tôi đã nhầm.

Bạo loạn tiến đến thủ đô Antananarivo, quân phiến loạn đánh chiếm và chặn khu đường chính dẫn đến sân bay với ý định gây sức ép cho chính phủ. Vì thế mà tất cả các chuyến bay đến và đi tại sân bay quốc tế Antananarivo đều bị hủy bỏ cho đến khi an toàn được thiết lập. Điều này có nghĩa là cả tôi và chị Mandy đều bị tắc ở đây.

Nghe được thông tin này từ ti vi trên kênh BBC, chị Mandy và tôi trợn tròn mắt hốt hoảng nhìn nhau. Sau khi gọi điện thoại để nghe tin trực tiếp từ hãng hàng không, và sau cuộc điện thoại với gia đình ở Mỹ, chị Mandy đập tay xuống bàn, nước mắt ngấn dài, gào lên:

- Chị không muốn ở đây, chị không muốn bị tắc ở hòn đảo chết tiệt này! Chị muốn về Anh.

Lúc ấy, dù rất lo sợ, nhưng thấy phản ứng của chị Mandy, chả hiểu sao tôi lại có thể mỉm cười, rồi ôm lấy chị ấy, nói giọng đùa giỡn:

- Chị không thấy vì những chuyện thế này mà chuyến đi của em với chị rất đặc biệt à? Khi nào về bọn mình có thể kể lại với bọn bạn, và cả bọn học sinh khóa sau, là đừng ai tin lời thầy Giuseppe! Ba tháng ở đây có đến hai lần vướng phải chuyện bạo loạn, an toàn khỉ gì đâu! Rồi thầy ấy sẽ chả có sinh viên nào hết!

Chị ấy khóc thêm một tẹo nữa, vừa khóc vừa cười, rồi lau nước mắt:

- Thật may hai đứa mình ở cùng một nơi, chứ không cũng chả biết làm sao.

Cuối cùng, hai đứa bọn tôi quyết định đi bộ quanh gần khách sạn, đi xem đồ ở chợ cóc, rồi đi ăn ở những cửa hàng thân thuộc mà chúng tôi đều biết rõ. Lúc nào chúng tôi cũng ở thái độ cảnh giác, và xem tin tức đều đặn của cuộc bạo loạn. Cuối cùng, ti vi cũng thông báo tên cầm đầu cuộc bạo loạn đã bị bắn chết, sân bay mở cửa trở lại, những chuyến đi bị hoãn trong hai ngày trước giờ sẽ được bay tiếp. Chúng tôi không cần mua hay đổi vé máy bay mới, chỉ cần đem vé cũ đến sân bay là được.

Và thế là, chúng tôi đã rời Madagascar một cách đặc biệt như vậy đấy. Hòn đảo động đảnh này, biết bao giờ mới được quay lại. Ba tháng ở Madagascar, có buồn vui, có tủi hờn, có tức giận, có hạnh phúc, có tiếng cười, có nước

mắt... tất cả đều như những mảng màu giờ đã xếp lại hoàn chỉnh, tạo thành một bức tranh kỳ ức, đẹp đẽ và lấp lánh.

Khi một ước mơ từ thuở nhỏ được hoàn thành, có lẽ bạn cũng sẽ giống như tôi, cảm thấy tiếc nuối, và hơi chông chênh... Hoàn thành được ước mơ ấy rồi, làm gì bây giờ nhỉ?

Vậy thì, bạn sẽ phải mơ ước thêm một ước mơ thật lớn nữa, và lại can đảm, cố gắng hết sức để đi về phía nó thôi!

Từ vượn cáo trong tiếng Anh là "*lemur*" - theo tiếng La tinh có nghĩa là "linh hồn của ban đêm". Trên thực tế thì mỗi loài vượn cáo đều có những thời gian biểu hoạt động riêng, có loài chuyên hoạt động về ban ngày, có loài lại chuyên hoạt động về ban đêm, và có loài không có thời điểm hoạt động chính - ví dụ như loài vượn cáo má nâu mà tôi theo dõi vậy.

Vượn cáo là loài chỉ sinh sống ở đảo Madagascar, phía đông nam của châu Phi. Hiện nay có 101 loài và phân loài vượn cáo đã được các nhà khoa học phát hiện và miêu tả, tuy nhiên đến 90% số vượn cáo đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Mối đe dọa lớn nhất của những chú vượn cáo này, đó là môi trường sống bị phá hủy, bị săn bắn làm thức ăn, bị bẫy và bán làm thú cảnh hoặc bị giết bởi người dân địa phương khi đến ăn hoa màu của họ.

Madagascar là một trong bốn hòn đảo lớn nhất trên thế giới. Chỉ có 3 hòn đảo lớn hơn hòn đảo thuộc châu Phi này, đó là Borneo, Greenland và New Zealand.

Chương II

Việt Nam

“Hãy nhìn sâu vào thiên nhiên, nó sẽ khiến bạn thấu hiểu mọi thứ rõ ràng hơn.”

Albert Einstein

Kể từ khi bắt đầu đi theo con đường bảo tồn, tôi thường nhận được một câu hỏi từ cả người Việt Nam lẫn người nước ngoài, một tò mò rất tự nhiên: vì sao là người Việt mà lại cứ đi nghiên cứu ở những nơi xa xôi tận Phi châu, thậm chí cả Campuchia, hay Sabah, chứ không về Việt Nam. Tôi thường cười và đùa lại mọi người, chẳng phải các anh chuyên gia người Anh, người Mỹ, người Úc cũng sang Việt Nam làm việc đó sao, là người Việt thì cũng có thể thành chuyên gia và đi làm ở khắp nơi trên thế giới vậy!

Thực ra, cũng giống như rất nhiều người trẻ có đam mê và hoài bão to lớn khác, tôi muốn được tham gia vào những dự án ý nghĩa, và nhất là, thông qua dự án của mình để đến được những vùng đất mà tôi hằng mơ ước từ thuở nhỏ. Đối với tôi, đi xa, đi nhiều, đến những vùng đất nghèo, sống và nghiên cứu trong những khu rừng già không phải là sự “hành xác”, hay “thiếu thốn”, “khó sở”, mà đó là một phần của công việc mà tôi yêu mến, là một phần mà nếu chẳng may vì lý do gì đó bị loại bỏ ra khỏi cuộc sống của tôi, tôi sẽ cảm thấy hụt hẫng và thiếu vắng. Cũng nhờ những ngày tháng làm nghiên cứu ở những khu vực nghèo khó này, mà tính cách và lối sống của tôi mới hình thành và để tôi là tôi của ngày hôm nay. Tôi nhận ra rằng, những thứ hào nhoáng mà chúng ta đang theo đuổi trong cuộc sống tất bật, quay cuồng của thành phố thực ra chẳng hề quan trọng đến thế.

Để tôi giải thích thêm một chút cho những bạn còn lạ lẫm với ngành bảo tồn động vật hoang dã nhé. Ngành của chúng tôi, nghe thì có vẻ đơn giản, nhưng cũng rất rộng và bao gồm nhiều hướng đi khác nhau. Khi nhắc đến “bảo tồn động vật hoang dã”, đa phần mọi người sẽ nghĩ ngay đến việc phải đi rừng, và các bậc phụ huynh chỉ cần nghĩ đến đây thôi là đã không muốn cho con em mình theo ngành này rồi. Thực ra thì ngành bảo tồn cực kỳ đa dạng, và mọi người có thể tham gia bằng rất nhiều cách khác nhau. Ở Việt Nam chẳng hạn, vốn dĩ chịu sức ép nặng nề từ việc người dân vẫn còn tham gia buôn bán và sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã trái phép, nên công việc làm giáo dục bảo tồn để nâng cao nhận thức của người dân ở thành phố, cùng với những dự án và hoạt động dành cho trẻ em và cộng đồng ở khu vực nông thôn rất phát triển. Những bạn không có khả năng đi nghiên cứu trong rừng sâu để theo dõi tập tính hay sinh cảnh của những loài động vật hoang dã đều có thể chọn hướng đi này. Thậm chí, bạn còn không nhất thiết phải học ngành sinh học hay bảo tồn. Thay vào đó, những kỹ năng và kinh nghiệm về thiết kế, truyền thông, giáo dục của mỗi người... lại vô cùng hữu ích.

Cũng liên quan đến mảng buôn bán và sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã trái phép, ngành bảo tồn làm việc rất chặt chẽ theo luật pháp của nước sở tại. Từ việc những loài động-thực vật hoang dã nào được bảo vệ ở nước nào, luật bảo vệ và xử phạt ra sao, đến việc làm thế nào để điều tra ra những đường

dây buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã trái phép, và người dân hiện đang sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã cho mục đích gì... Đây đều là những thông tin vô cùng quan trọng để đưa đến một dự án bảo tồn thành công. Chính vì vậy mà, thay vì lặn lội trong rừng sâu, những người làm nghiên cứu về đường dây buôn bán động-thực vật hoang dã trái phép sẽ làm việc chủ yếu ở những khu vực đông dân cư, với cảnh sát và cơ quan chức năng của nước sở tại, và phải được trang bị những kiến thức sâu rộng về luật pháp. Đôi khi họ còn phải làm việc trong các phòng thí nghiệm để xét nghiệm DNA và phân loại những sản phẩm từ động vật hoang dã bị buôn bán trái phép. Đối với tôi, đây là một hướng đi vô cùng quan trọng, vì dù những người làm nghiên cứu thực địa như tôi có cố gắng thế nào để tạo ra những dự án bảo tồn loài hay sinh cảnh rừng, có hiểu được tập tính hay môi trường sống của các loài, mà tình trạng buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã vẫn diễn ra cũng vẫn không thể bảo vệ, bảo tồn được chúng.

Thế rồi, nếu đột phá thành công những đường dây buôn bán động vật hoang dã trái phép, chúng ta sẽ cần một nơi an toàn để nuôi dưỡng, chăm sóc và phục hồi chúng. Vì thế lại rất cần đến những bác sĩ thú y mát tay, lành nghề và am hiểu tường tận có thể chăm sóc và nuôi dưỡng chúng một cách thật chu đáo. Những loài động vật hoang dã khác nhau lại có những yêu cầu khác nhau về chế độ và thực đơn ăn uống, yêu cầu ngủ nghỉ và môi trường sống khác nhau. Chính vì vậy, để xây dựng được một trung tâm cứu trợ đặc biệt với những khu vực dành riêng cho các loài động vật hoang dã khác nhau cũng cần đến sự chuẩn bị kỹ lưỡng và am hiểu chuyên sâu về những nhu cầu thiết yếu của chúng.

Cuối cùng là hướng nghiên cứu khoa học và đi thực địa mà tôi chọn, đa phần các bạn sẽ dành thời gian nghiên cứu về tập tính, số lượng, hoặc sinh cảnh của một hoặc vài loài động vật hoang dã. Công việc đôi khi còn yêu cầu cả làm việc trong phòng thí nghiệm (ví dụ như xét nghiệm DNA từ mẫu phân, mẫu lông của loài vật). Tuy nhiên để theo hướng này thì cần có sức khỏe tốt, sẵn sàng di chuyển, đi lại nhiều, vì đa phần thời gian là theo dõi động vật hoang dã trong môi trường tự nhiên của chúng. Ngoài ra thì còn rất nhiều hướng đi khác nữa, như là làm chuyên về xét nghiệm DNA để phân loại các mẫu vật, quản lý sinh cảnh môi trường rừng, bảo tồn biển và các loài sinh vật biển, phát triển bền vững cộng đồng sống ven khu bảo tồn...

Năm 2012, khi vẫn còn phân vân không biết có nên làm lên tiến sĩ không, tôi nhận được lời giới thiệu của cô giáo ở trường cho một dự án về loài báo gấm (*Neofelis nebulosa*) với đơn vị nghiên cứu và bảo tồn động vật hoang dã WildCRU, trực thuộc trường Đại học Oxford. Người sẽ cùng tôi lên ý tưởng và làm việc trong dự án là thầy David MacDonald, một nhà bảo tồn chuyên nghiên cứu về những loài thuộc họ mèo lớn rất nổi tiếng ở Anh quốc. Thầy là một người bận rộn và có yêu cầu rất cao đối với cộng sự. Sau một vài lần trao đổi, chúng tôi quyết định sẽ tiên hành làm khảo sát ở khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, thuộc tỉnh Kon Tum. Nếu có thể tìm thấy báo gấm, tôi sẽ viết đề cương dự án và phát triển nó thành luận văn tiến sĩ, thầy David sẽ trở thành thầy hướng dẫn của tôi. Nhưng nếu không thể chụp được ảnh của bất kỳ cá thể

báo gấm hay loài nào thuộc họ mèo lớn, thì tôi sẽ phải tìm một đề tài khác, một cây hướng dẫn khác. Mặc dù biết trước rằng với tình trạng rừng ở Việt Nam như hiện nay, việc chụp được ảnh của bất kỳ loài mèo lớn nào quả thực chẳng khác gì mò kim đáy bể, nhưng tôi cũng bị cuốn hút bởi thử thách này, nên đã nhận lời thầy David.



Báo gấm - Clodded Leopard (*Neofelis nebulosa*)

Đây là lần đầu tiên tôi quay lại Việt Nam sau bốn năm học tập và làm nghiên cứu ở nước ngoài. Việt Nam quả thực thay đổi và phát triển rất nhanh. Hà Nội nhỏ bé của tôi chỉ trong bốn năm cũng đã khác trước rất nhiều. Nếu ở những đất nước đã phát triển, bạn sẽ không nhận thấy sự khác biệt rõ rệt trong quy hoạch đô thị như thế. Ngay cả trên đường trở về từ sân bay thôi, tôi đã thấy những dãy nhà cao tầng, những khu đô thị lớn bắt đầu được xây dựng, và nền trời thì đã mang sắc màu xám xịt do ô nhiễm khói bụi, cũng giống như bất kỳ đất nước đang phát triển nào khác. Tôi nhớ ngày xưa lúc học cấp III có đọc được bài thơ của ai đó ví von “Hà Nội bé nhỏ như bàn tay con gái”. Tiếc rằng câu thơ ấy không còn đúng nữa rồi.

Đây là một dự án lớn mà tôi lên kế hoạch và xin kinh phí hỗ trợ từ một quỹ bảo tồn ở Anh cùng với thầy David. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cần có sự hỗ trợ

của một tổ chức bảo tồn ở Việt Nam. Cũng giống như lần đi Madagascar vậy, tổ chức này sẽ đóng vai trò giúp đỡ, hỗ trợ khi tôi làm việc ở địa phương. Thông qua mối quan hệ công việc mà tôi đã có từ những ngày làm tình nguyện viên và thực tập, Fauna and Flora International (FFI) - tổ chức quốc tế về bảo tồn động-thực vật hoang dã thỏa thuận sẽ giúp đỡ tôi trong quá trình đi lại, sắp xếp công việc với các đơn vị kiểm lâm ở địa phương và đưa ra những hỗ trợ khác khi cần thiết.

Lần về Việt Nam này, tôi được làm việc chính cùng với anh Ben Rawson, lúc bấy giờ là giám đốc của tổ chức FFI chương trình ở Hà Nội. Đây là một sự tình cờ, vì tôi quen anh Ben từ hồi tôi mới 17 tuổi. Lúc đó, tổ chức bảo tồn quốc tế Conservation International mà anh làm việc phối hợp với các tổ chức bảo tồn khác ở Việt Nam mở một khóa học về bảo tồn linh trưởng. Tôi khi ấy do học sớm một năm nên vừa tốt nghiệp cấp III, liền khắp khởi đăng ký xin đi học dù biết khả năng mình được nhận là rất thấp, do khóa học này được thiết kế cho những anh chị sinh viên đại học năm cuối, và cả các anh, các chú kiểm lâm trên cả nước nữa. Lúc gửi đơn, cũng vì lo lắng và không muốn để lỡ mất cơ hội này mà tôi đã viết một email rất dài cho anh Ben, giải thích tôi mong muốn được tham gia khóa học này thế nào, tôi yêu mến ngành bảo tồn ra sao, và vì cố gắng để được làm bảo tồn mà ngay từ lớp 11 tôi đã đi tình nguyện cho các tổ chức bảo tồn ở Hà Nội. Vài ngày sau đó, tôi nhận được cú điện thoại của anh Ben, anh hỏi tôi rất nhiều, như đề “kiểm tra” xem tôi có thực sự đam mê với ngành không, rồi anh nói rằng dù tôi là người trẻ nhất đăng ký khóa học, nhưng lại có nhiều kinh nghiệm làm tình nguyện cho những dự án bảo tồn hơn cả một số sinh viên đại học. Thế nghĩa là... tôi được nhận!

Trong trí nhớ của tôi, đó là khóa học tuyệt vời nhất. Chúng tôi, bao gồm những anh, những chú từ các vườn quốc gia khắp nơi trên cả nước, rồi một vài anh chị sinh viên năm cuối của các trường đại học cùng tụ họp tại Hà Nội để học lý thuyết, sau đó thì được đưa vào vườn quốc gia Cúc Phương để tham gia thực hành. Anh Ben Rawson cũng chính vì thế đã trở thành người thầy đầu tiên dạy tôi về môn học bảo tồn động vật hoang dã. Nhiều năm sau đó, khi đã là cộng sự, anh ấy nói với tôi rằng mỗi khi nhắc về tôi, anh vẫn nhớ hình ảnh một chiếc mũ tai bèo lấp ló đi trong cánh rừng của buổi khảo sát ban đêm ngày ấy.

Gặp lại anh Ben sau nhiều năm, cảm giác thật khó tả. Hồi tôi mới gặp, anh ấy cũng chỉ mới bắt đầu làm việc ở Việt Nam được vài năm, vậy mà giờ anh đã sống và làm việc ở Hà Nội gần chục năm rồi. Ngày ấy tôi cũng chỉ là một đứa trẻ vừa tốt nghiệp cấp III, cũng chưa hiểu biết gì về công việc này lắm, mọi thứ còn thật mới lạ. Chúng tôi cười toe toét, hỏi han nhau về những ngày tôi đi làm khảo sát ở Madagascar. Anh Ben cười phì và gọi tôi là “kẻ phản bội” vì không nghe lời anh về làm việc ở Việt Nam mà lại chạy đi tận châu Phi. Thế rồi chúng tôi đi vào công việc chính... Chà, thật không ngờ được, có ngày tôi lại cùng ngồi đây, như một người cộng sự, bàn bạc và lên kế hoạch về dự án sắp tới với anh.

Lên kế hoạch xong xuôi cho chuyến đi vào Kon Tum vài ngày tới, tôi xuống phòng nghiên cứu linh trưởng, định bụng chào mọi người vì vài năm trước đây tôi cũng đã từng làm tình nguyện ở văn phòng này. Tôi ló đầu vào nhưng không

thầy ai quen, có lẽ những chuyên gia tôi làm việc cùng trước đây đều đã chuyển đi nơi khác, hoặc đang đi thực địa hết rồi. Chỉ có một anh thanh niên trẻ, tóc dài và quần được buộc thành một túm ở đằng sau gáy đang cầm cúi làm việc. Thấy có người lấp ló ở cửa, anh ngẩng lên nhìn. Tôi cười, xòe tay ra vẫy vẫy “xin chào”, rồi cứ thế đi thẳng về, cũng chẳng hỏi han gì thêm.

* * *

Việt Nam nằm trong “top” 20 quốc gia trên Trái đất có độ đa dạng sinh học cao nhất. Có đến khoảng 10% các loài thực và động vật sinh sống trên đất nước của chúng ta là những loài đặc hữu, có nghĩa là những loài này chỉ có thể tìm thấy ở Việt Nam chứ không ở nơi nào khác. Thế nhưng, thiên nhiên hoang dã của chúng ta cũng đã bị phá hủy rất nhiều trong những cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Thế rồi công cuộc xây dựng lại đất nước sau chiến tranh, tự do hóa thương mại và nhu cầu sử dụng sản phẩm từ động-thực vật hoang dã đang ngày càng tăng cao trong những năm gần đây đã dẫn đến sự suy giảm về mật độ bao phủ của rừng, đây nhiều loài động-thực vật hoang dã đến bờ vực tuyệt chủng.

Vào thời điểm tôi đang viết cuốn sách này, dân số của cả nước đang vào khoảng hơn 95 triệu người, với 35% số dân đang sống ở đô thị và các thành phố lớn. Với mức phát triển mạnh của nền kinh tế và sự gia tăng dân số nhanh, nhu cầu của con người đang tạo ra sức ép rất lớn cho những khu rừng ít ỏi còn sót lại. Nhu cầu sử dụng cả phê, hạt tiêu, cao su, hay thậm chí cả lúa gạo... dẫn đến tình trạng phá rừng và chuyển hóa đất rừng thành đất nông nghiệp ở khắp nơi trên cả nước. Tỉnh Kon Tum, nơi mà tôi sẽ đến làm việc từ lâu đã được cộng đồng bảo tồn quốc tế công nhận là khu vực “điểm nóng” vì có độ đa dạng sinh học cao nhưng lại chịu sự tàn phá nặng nề với 75% diện tích rừng bị phá hủy. Tỉnh này cũng được coi là ở “vị trí đặc địa” vì nó nằm giáp ranh với Khu bảo tồn thiên nhiên Dong Amphan của Lào và Vườn Quốc gia Virachey của Campuchia. Khu bảo tồn Ngọc Linh nằm giữa hai tỉnh Kon Tum và Quảng Nam được biết đến là ngôi nhà của nhiều loài động-thực vật hoang dã, bao gồm cả loài báo lửa (*Pardofelis tentminckii*), mèo gấm (*Pardofelis marmorata*) và thậm chí cả báo gấm (*Neofelis nebulosa*). Tuy vậy, liệu những loài động vật đó có còn sinh sống ở khu vực này nữa hay không, khi mà nhu cầu sử dụng các sản phẩm từ động-thực vật hoang dã dẫn đến tình trạng phá rừng, săn bắn và đặt bẫy khắp nơi như hiện nay?

Sau chuyến bay ngắn từ Hà Nội, tôi được đưa về văn phòng nhỏ của FFI nằm ngay ở thị xã Kon Tum. Vào thời điểm này, đa phần nhân viên đều đang đi thực địa hết, chỉ có ba người còn “sót” lại ở văn phòng: Anh Liêm quản lý chương trình ở Kon Tum, chị Chi quản lý kinh phí các dự án và chị Tiên là điều phối viên đa dạng sinh học. Theo sắp xếp từ trước, chị Tiên sẽ đi cùng tôi đến khu bảo tồn Ngọc Linh. Nhân chuyến đi này, tôi sẽ tập huấn cho chị về cách đặt, tháo dỡ bẫy máy ảnh và cách thu thập dữ liệu. Chúng tôi sẽ tạm tá túc ở trạm kiểm lâm. Khu vực này có nhiều người dân ở nên hằng sáng vẫn có người chở thực phẩm bằng xe máy lên bán cho người dân. Vì thế mà chúng tôi không cần phải mua quá nhiều lương thực, chỉ cần chuẩn bị thêm một vài loại đồ ăn đóng hộp trong trường hợp phải ngủ lại trong rừng và để ăn trưa thôi.

Sáng sớm ngày hôm sau, chúng tôi cùng nhau tay mang tay xách ba lô tư trang, 40 cặp bẫy máy ảnh và pin lên khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh. Cảnh vật xung quanh quãng đường đi cũng không có ấn tượng gì nhiều lắm ngoài con đường rải nhựa bằng phẳng và những thửa ruộng dài đều ở cả hai bên đường. Cũng phải gần sát vào khu bảo tồn, những dãy núi và màu xanh thẫm của rừng cây mới bắt đầu xuất hiện. Mất khoảng 4 tiếng đi xe từ thị xã thì chúng tôi mới đến khu vực của ban quản lý, và cũng phải thêm gần một tiếng xe ì ạch leo trên đường đèo, đường đất thì mới vào được đến trạm kiểm lâm của khu vực này.

Trạm kiểm lâm nhỏ xíu, tuềnh toàng, có một gian phòng nghỉ với chiếc giường vừa đủ cho hai người nằm. Phòng khách chẳng có gì ngoài một bộ bàn ghế gỗ cộc cạch, nhà bếp tối tăm và ẩm mốc. Một phòng tắm nhỏ ở gần bên nước phía bên ngoài, được che chắn bởi chiếc cửa được sơn màu xanh lá cây đã hỏng bản lề từ lâu, và một nhà vệ sinh được xây liền kề ngay bên cạnh. Hôm ấy có ba người đang ở lại trông trạm, một trong ba người là anh Sáng, một người dân tộc Giẻ Triêng, nói tiếng Kinh bằng giọng lơ lớ. Vì khu vực này nằm trên núi cao, nên dù mới chỉ vào khoảng 3 giờ chiều, mây mù đã bắt đầu vần vũ phía trên đỉnh núi, chuẩn bị cho cơn mưa chiều sẵn sàng ập xuống bất cứ lúc nào. Tôi và chị Tiên tranh thủ lúc trời chưa mưa mượn tạm chiếc xe máy của trạm để đi vòng quanh tham quan bản làng.

Phía bên ngoài làng bản là những ngọn đồi núi trơ trọi, khô khốc do người dân đã chặt phá cây cối để làm củi đốt, vật liệu xây nhà và mở đất sinh sống. Bản làng ở đây đa phần nằm nép mình dưới thung lũng, với những ngôi nhà nhỏ được xây tạm bợ bằng gỗ và lợp mái lá. Những ngôi nhà như thế này chẳng thể chống chọi được với những cơn gió mạnh và những cơn mưa dai dẳng của vùng núi. Nhiều người dân lấy báo, hoặc bìa để dán che đi những khe hở giữa những vách gỗ để chống gió lùa. Con sông Đak Mek chia nhánh thành nhiều con suối lớn nhỏ với dòng chảy xiết đục ngầu nước phù sa đi qua nhiều làng xã trong khu Ngọc Linh. Vào mùa mưa bão, cơn mưa như trút xối thẳng từ trên trời xuống những ngọn núi trơ trọi. Không còn cây cối giữ nước, những dòng nước cuốn theo đất đã bị xói mòn, tạo thành những cơn lũ quét gây nguy hiểm cho tính mạng con người.

Hôm đó sau bữa cơm tối, chẳng có việc gì làm nên chúng tôi lấy bẫy máy ảnh ra lắp pin, cài đặt cho đúng chương trình rồi tắt đèn đi ngủ sớm. Chỉ có hai chị em gái trong trạm kiểm lâm vắng tanh vắng ngắt, đã vậy nhà vệ sinh lại còn xa phòng ngủ, nên chúng tôi cũng hơi sợ hãi. Dù vậy một ngày đường mệt khiến cả hai ngủ rất ngon giấc. Bên ngoài gió vẫn đang giạt từng hồi.

Anh Việt, anh Ba và chú Lâm lúc đầu được giao nhiệm vụ giúp chúng tôi đi đặt bẫy máy ảnh. Nhưng anh Việt rút cuộc lại phải đi ôn thi công chức nên chỉ ở lại cùng chúng tôi hai hôm đầu để đi xem xét địa hình và ước tính số lượng ngày làm việc. Sáng sớm ở khu vực này rất nên thơ, khi mặt trời còn chưa rực rỡ, chúng tôi có thể nhìn thấy ánh nắng vàng nhẹ vắt xuyên qua làn sương mù, tạo cảm giác bông bênh, mờ ảo. Bản làng cũng rộn rã hơn, với khói bếp lơ lửng trên những ngôi nhà lợp mái lá đơn sơ. Sáng nào vào khoảng 8 giờ cũng có một chú lái xe máy thô hàng từ thị xã gần đó, chở theo nào đậu phụ, rau củ, gạo, thịt... để bán cho người dân. Từ khi chúng tôi chuyển đến trạm kiểm lâm,

chú ấy luôn ưu tiên đỗ xe ngay phía bên ngoài trạm đợi chúng tôi ra tít tít mua rau, mua đậu.

Tuần đầu tiên chúng tôi dựa vào bản đồ địa hình của khu vực để sắp xếp thời gian đặt bẫy máy ảnh ở những khu gần với trạm kiểm lâm trước, cứ sáng đi tới về. Cũng mất một thời gian giải thích và tập huấn dài, mọi người trong đội mới hoàn toàn tự tin về việc lắp bẫy máy ảnh. Chúng tôi sẽ lắp một hệ thống bẫy máy ảnh theo cặp dưới hệ thống ô vuông - *grid*. Có thể giải thích giản lược thế này: ví dụ với một khu vực rộng khoảng 200ha, bạn chia ra thành nhiều “ô vuông” nhỏ khác nhau, và độ lớn của mỗi ô vuông này tùy thuộc vào tập tính sinh sống của loài mà bạn làm nghiên cứu. Rõ ràng là cần có 4 điểm để tạo thành 1 ô vuông, và mỗi điểm này sẽ tương ứng với một con số định vị cụ thể với vĩ độ và kinh độ rõ ràng. Tại mỗi địa điểm định vị được chọn trước này, chúng tôi sẽ đặt một cặp bẫy máy ảnh đối diện nhau để chụp lại tất cả những loài động vật nào đi qua nó. Lý do chúng tôi cần đặt bẫy máy ảnh theo cặp, vì ở những loài động vật có đốm như loài báo gấm, chúng tôi sẽ phải dựa vào đặc điểm xuất hiện của các đốm trên cơ thể chúng để nhận dạng từng cá thể. Vì thế mà từng có lúc tôi dở khóc dở cười ôm đến hơn 60.000 tấm ảnh chụp từ khu vực Borneo để lọc, phân loại từng loài, rồi phân loại theo từng cá thể. Nhớ đến thời đó quả thật là gian nan, cảm giác như dù có dành bao nhiêu thời gian đi nữa cũng không thể nào làm hết được.

Sau khi mọi người đều tự tin với việc lắp bẫy máy ảnh, chúng tôi chia ra làm hai đội, chị Tiên đi cùng anh Ba, tôi đi cùng chú Lâm. Cứ sáng đứng 7 giờ chúng tôi gặp mặt nhau, rồi cùng vào rừng, sau đó mới tách ra thành hai nhóm đi hai hướng khác nhau. Chiều đội nào về trước sẽ lo tắm giặt và chuẩn bị cơm nước trước. Đội về sau sẽ dọn dẹp, rửa bát. Anh Ba và chú Lâm ăn tối với chúng tôi nhưng sau đó vào làng ngủ, vì trạm kiểm lâm chỉ có một phòng ngủ thôi. Vì thế mà mới xảy ra một chuyện khinh suất...

Làng bản ở đây khá nhỏ, nên chỉ nhìn qua thôi cũng đủ biết tôi và chị Tiên là người ở nơi khác tới. Cả hai đều còn trẻ, nên mỗi lần có việc phải chạy vào bản mua cái này cái kia là lại bắt gặp ánh nhìn chăm chăm của mọi người. Và điều đó cũng thường đi kèm với những lời trêu ghẹo, đôi khi là tục tĩu từ đám trai làng. Vì thế mà chúng tôi không bao giờ đi một mình, và một khi trời tối thì dù thế nào chúng tôi cũng không ra khỏi trạm. Một hôm sau khi đã ăn xong bữa chiều, anh Ba và chú Lâm về bản, còn lại tôi và chị Tiên lạch cạch rửa bát. Tối hôm ấy trời mưa lâm thâm, mà hiềm một nỗi giắc nối điện dành cho trạm bị lỏng, nhiều khi chỉ cần có gió to thôi là cái dây này lại rời ra, và trạm chìm vào bóng tối. Cách khắc phục chúng tôi đã được anh Sáng - người mà lúc nào cũng ngà ngà say chỉ cho cách chữa, ấy là phải cặm cái que tre gác ở góc bếp, sau đó ra cột điện trước trạm và chọc vào giắc cắm điện cho chắc lại. Từ chiều hôm đó chúng tôi đã đi đi lại lại để chọc đến 4 lần rồi, cứ được một lúc điện lại mất. Lúc ấy đã là khoảng 8 giờ nên trời tối mò, và dù trời vẫn đang mưa, chúng tôi có thể nghe tiếng hú hét náo động của đám trai làng ở phía bên ngoài. Không hiểu có chuyện gì, nhưng họ tập trung khá đông, cũng phải gần chục người, đi xe máy và bật đèn pha sáng trưng, rồi thẳng vào trạm nghỉ của chúng tôi và cười hô hô. Mất điện tối om, chúng tôi đành dùng đèn pin rửa mặt

mũi chân tay rồi vào phòng ngủ và khóa chặt cửa lại vì bên ngoài đang càng lúc càng âm ỉ. Tôi vừa chui vào trong màn thì bỗng nhiên có tiếng người hú, rồi:

“Choang!!!”

“Choang!!!”

“Choang!!!”

Đám thanh niên bên ngoài nhặt gạch, chọi thẳng vào trạm kiểm lâm. Cửa ở đây đều là cửa gỗ với phần trên được lắp kính, nên vỡ tan hoang. Tiếng cười và tiếng hò hét càng vang lên to hơn bao giờ hết.

- Làm gì bây giờ hả Trang? - chị Tiên kéo tay tôi - Thế này nguy hiểm quá.

- Chị gọi thử cho anh Ba xem? Có các anh các chú kiểm lâm về chắc chúng nó không dám phá đâu - tôi trả lời, chỉ dám khe khẽ nhòm ra ngoài xem đám thanh niên có lẽ là đang say quắc cần câu này có dám mạnh động mà xông vào trạm không.

Chị Tiên bấm máy, một lần, hai lần, rồi ba lần đều không có người trả lời, gọi cả sang máy của chú Lâm cũng không ai thưa. Mới có gần 9 giờ tối nên chắc chắn là mọi người chưa ngủ, chắc lại ra quán bia đánh bài rồi!

- A! Để chị gọi anh Sáng!!! - chị Tiên khẽ reo lên.

- Ôi đừng! ! ! Anh Sáng say từ sáng đến tối, gọi ông ấy đến bây giờ còn nguy hiểm hơn. Đừng gọi. Bọn nó chắc không dám phá gì nữa đâu - tôi rít rít. Bên ngoài có tiếng rú ga, một vài chiếc xe máy đã phóng đi nơi khác, nhưng có vẻ như vẫn còn người ở lại trò chuyện và cười đùa rôm rả.

- Anh Sáng ă? Anh sang trạm bây giờ được không? Có bọn thanh niên chọi đá vào trạm, vỡ cả kính anh à, kính vỡ rồi - chị Tiên khẩn khoản.

Lúc anh Sáng sang đến nơi thì đám thanh niên đã rò ga đi hết, nhưng chúng tôi vẫn ngồi im trong phòng khóa trái cửa, không dám ra ngoài. Y như tiên liệu, anh Sáng chân nọ đá chân kia, mặt mũi đỏ ửng, nồng nặc mùi rượu, giọng nói lè nhè đập cửa bên ngoài. Chị Tiên ra mở cửa, kể lại sự tình nhưng tôi không rõ anh Sáng nghe được bao nhiêu, vì dù chị Tiên đã bảo giấc bị lỏng nên tạm thời không có điện nhưng anh ấy vẫn ấn thật lực vào công tắc đèn điện. Sau cùng, anh lè nhè đi ra ngoài:

- Lại lỏng giấc hả, để anh chọc lại ô điện cho tụi bây...

- Thôi anh cứ về đi ă, không sao đâu ă - tôi hoảng hốt.

- Bây đừng coi thường anh! - anh Sáng khoát tay, không thềm quay lại.

- Trời ơi là trời! - tôi vừa rít lên the the, vừa đi theo sau - Ông ấy say thế mà ra chọc giữa trời mưa rồi bị điện giật rơi xuống mương thì biết làm thế nào hả chị Tiên?

Phàm là người say thì có bao giờ biết sợ. Anh Sáng vẫn lao đảo đi không vững vào bếp rồi quả quyết cầm theo cái gậy tre dài ra cột điện phía bên ngoài trạm. Thế là cả hai đứa chúng tôi đành cầm đèn pin rồi đi theo sau anh Sáng phòng hờ nhỡ có chuyện gì xảy ra. Đúng là bây giờ đám thanh niên đã bỏ đi hết, trên lòng đường còn vài vết lốp xe đen kịt hằn lên do chúng phóng nhanh và phanh lại đột ngột. Anh Sáng hăm hở chọc vào hộp điện, vừa chọc vừa lăm bằm cái gì đó. Ánh đèn lóa lên rồi lại tắt, thêm vài lần thử nữa thì có vẻ chúng

tôi đã có điện lại cho tôi nay. Tôi cầm lấy cái gậy đem đi về nhà bếp, anh Sáng lúc này lại đứng trước cửa phòng lẻ nhè, mắt lơ đãng do say.

- Em cảm ơn anh nhiều, anh về ngủ đi ạ, bọn em đi ngủ đây - chị Tiên lo lắng đứng nép ở phía trong.

- Không, anh không sao, để anh ở đây trông cho mấy đứa.

- Không, không cần đâu, anh về đi ạ - chị Tiên hốt hoảng.

Phải mất đến một lúc anh ấy mới về cho, cứ liên tục đòi vào phòng của chúng tôi và lẻ nhè gì đó tôi nghe không ra. Những mẫu kính vỡ nằm lẫn lóc dưới đất, bị anh ấy giẫm lên nát vụn, rồi theo đế giày rắc khắp hành lang phía bên ngoài.

Sáng hôm sau chúng tôi dậy sớm, dọn dẹp lại đồng kính vỡ, rồi chuẩn bị bữa trưa để mang theo vào rừng. Anh Ba và chú Lâm đến nơi thấy cửa nẻo tan hoang, vội chạy vào xem chúng tôi có bị làm sao không. Sau khi thuật lại sự việc, chúng tôi tạm thời lấy giấy báo và giấy lịch dán lại phần cửa bị vỡ. Rồi chúng tôi lại chia thành hai đội, cùng nhau vào rừng. Vì bắt đầu bằng những điểm ở gần, nên càng về sau chúng tôi càng phải đi xa hơn. Với địa hình đồi núi, và đặc biệt là nhiều khu vực trơ đá vôi, việc đi lại mất nhiều thời gian hơn chúng tôi tưởng. Nếu là nơi bằng phẳng, việc đi vài cây số để đặt một cặp bẫy máy ảnh là không khó, có khi một ngày có thể đặt được bốn cặp. Nhưng ở đây, chúng tôi chỉ đặt được nhiều nhất là ba cặp bẫy máy ảnh một ngày. Có hôm đi từ sáng đến chiều tối cũng chỉ để đặt một cặp rồi lại phải đi về do trời tối. Vì thế mà ngày hôm sau, cả hai đội chúng tôi xin ngủ nhờ ở một ngôi nhà của hai ông bà cụ người dân tộc Giẻ Triêng để tiện cho việc đi lại. Nếu khởi đầu từ đây thì chúng tôi có thể rút ngắn được gần 4 cây số đi bộ mỗi ngày.

Buổi tối ở căn nhà tuềnh toàng, tôi và chị Tiên được ưu tiên nằm trên chiếc phản làm bằng ván gỗ. Hai ông bà cụ ở gian trong ngôi nhà được chia cách với gian ngoài bằng cái chạn và tủ bếp ọp ẹp. Gian ngoài vừa là nhà bếp, vừa là phòng khách. Ở chính giữa gian phòng nền đất là nơi nấu bếp rất đơn giản, một chiếc ấm đun nước đen bóng được đặt ngay trên ba viên đá lớn với củi lửa đang cháy rùng rục ở phía dưới. Anh lửa âm áp tỏa ra khắp gian phòng. Tuy vậy cũng phải nói thêm rằng việc đun nấu bếp trong ngôi nhà gỗ như thế này cũng khá nguy hiểm, trước nhất là có thể dẫn đến cháy nhà, nhất là khi cả căn nhà làm bằng gỗ và tre nứa. Hai nữa là đun củi khô trong nhà kín có thể dẫn đến ngộ độc khí CO₂.

Sau bữa cơm tối no nê, anh Ba và chú Lâm mắc võng lên cột nhà nằm ngủ. Vì còn sớm nên chị Tiên bắt đầu thủ thỉ kể chuyện ma cho tôi nghe. Tôi không tin vào chuyện ma quỷ tâm linh lắm, cũng có thể là do đi học ở nước ngoài từ lâu và tiếp cận với những lý giải khoa học từ khá sớm, nhưng những lúc mọi người kể chuyện ma thì tôi lại rất thích nghe. Vì dù có tin hay không tin thì khi nghe những câu chuyện đó cũng khá là thú vị, và mang lại cảm giác rờn rợn sau gáy, nhất là khi đang ở giữa rừng tối om tối mù, gió thì rít rú phía bên ngoài ngôi nhà gỗ ọp ẹp.

Chị Tiên càng kể lại càng có hứng. Kể hết chuyện này đến chuyện khác, từ chuyện của một bà cụ ở làng nọ đi đêm về một mình qua góc cây đa, đến chuyện một đội nghiên cứu đi vào rừng và gặp cả đàn ma khi. Tôi nghe chăm

chú, thỉnh thoảng hỏi thêm mấy câu vì theo như chị Tiên kể thì có nhiều loại ma khác nhau. Đến câu chuyện thứ hai thì anh Ba bắt đầu cảm tai nghe và bắt đầu ư ử hát theo nhạc đề hát đi giọng kể của chị Tiên. Đến câu chuyện thứ tư thì anh gắt:

- Đi ngủ đi, chỉ kể chuyện vợ vắn.

Chúng tôi cười rúc rích, chắc tại anh ấy sợ ma. Mà đúng thế thật, sáng sớm hôm sau lúc đang chuẩn bị đồ đạc để đi tiếp thì chúng tôi thấy anh Ba lúi húi nhét tờ vào túi áo và cả vào ba lô nữa đề trừ ma. Tôi và chị Tiên húc khuỷu tay vào nhau bôm bụng cười.

Vì địa hình đồi núi khó đi, hôm ấy tôi và chú Lâm đi bộ từ 7 rưỡi sáng, đến tận 12 giờ trưa mới đặt được một cặp bầy máy ảnh. Ăn trưa, nghỉ ngơi xong cũng gần 1 giờ chiều, chúng tôi không muốn về ngay mà cố gắng đi thêm một chút nữa, một chút nữa thôi để đến đêm thứ hai. Không cam tâm đi cả ngày trời mà chỉ đặt được một cặp, chúng tôi tự nhủ nếu đi men theo *dông* núi⁽¹⁾ thì sẽ nhanh hơn, và muộn nhất là khoảng 5 rưỡi chúng tôi sẽ ra được khỏi rừng.

Nhưng sự thực thì lại không được thuận lợi như vậy. Càng vào trong càng khó đi, có khu vực cây gỗ biên mật, chỉ đặc là tre nứa mọc dày đến mức chúng tôi phải quay trở ra và đi đường vòng. Thế là loay quanh mãi hơn bốn giờ chiều mới đến được địa điểm đặt bầy thứ hai. Đến khi chúng tôi gấp rút quay trở ra thì đã muộn: bóng tối bắt đầu ập xuống rất nhanh. Ở trong rừng, tán cây cao và dày trên đầu đã che khuất chút ánh sáng yếu ớt còn sót lại của một ngày tàn. Cũng may là lúc nào đi rừng tôi cũng mang theo hai cây đèn pin để phòng bị. Chúng tôi cố gắng đi, đi mãi, đi mãi, đến tận 7 giờ tối vẫn chưa ra được đến bìa rừng. Thật xui xẻo, một trong hai cây đèn còn bị hết pin, và đèn lại dùng loại pin nhỏ nên pin trong GPS của tôi không dùng cho cây đèn này được. Thế là sau một hồi mò mẫm trong bóng đêm, tôi và chú Lâm đành tìm một hốc đá lớn để ngủ lại.

Ban đêm ở rừng thực sự rất buốt lạnh do sương xuống nhiều. Chú Lâm chặt vài cành cọ khô để trải xuống nền đất rừng làm chiếu lót, còn tôi gom thêm được một đám lá cọ khô, có vẻ sạch sẽ khác đề đắp lên người. Sau nhiều năm đi rừng ở cả châu Á lẫn châu Phi thì đây là lần đầu tiên tôi hiểu thế nào là “màn trời chiếu đất”.

Càng về đêm trời càng lạnh. Tôi nằm co ro trong đống lá khô, mũi vẫn chup lên đầu để giữ ấm. Ngọn lửa le lói từ đám củi khô cũng không đủ đem lại hơi ấm trong đêm sương giá, lại thêm việc cả ngày trèo đèo lội suối mệt mỏi mà không có bữa tối khiến tôi cứ run lên từng chập. Nhưng cũng vì mệt mỏi mà tôi cũng thiếp đi được một lúc. Khoảng 5 giờ sáng, mở mắt dậy thấy người đã phủ đầy sương. Ánh sáng xanh xám nhè nhẹ có thể nhìn thấy qua từng kẽ lá phía trên. Tôi và chú Lâm bèn dậy, dọn dẹp nhanh rồi đi ra khỏi rừng. Từ chỗ chúng tôi trú đêm đến bìa rừng mất khoảng 40 phút, lúc ra được đến bên ngoài thì mặt trời đã bắt đầu lên, ánh nắng vàng nhè nhẹ trải đều xuống cánh đồng lúa thơm mùi sữa của những người dân bản nơi đây.

Về đến túp lều của hai ông bà già thì thấy chị Tiên đã nấu một nồi cơm to bự cho mọi người để đem đi ăn. Sáng nay chị ấy sẽ về lại trạm kiểm lâm, rồi bắt

xe về thành phố Kon Tum. Mặc dù theo lịch anh Ben xếp cho tôi thì chị ấy sẽ làm việc cùng với tôi cho đến hết dự án, nhưng anh Liêm lại yêu cầu chị ấy về từ mấy hôm trước. Bất ngờ trước quyết định của anh Liêm, vì để cài đặt bẫy máy ảnh thành thạo, rồi cách tháo gỡ máy ảnh sau này thì chỉ một buổi “cưỡi ngựa xem hoa” là không đủ, tôi liên liên lạc với anh Ben, rồi sau cùng với nhiều cuộc điện thoại, chị Tiên được phép ở lại với tôi thêm vài ngày nữa trong tuần làm việc đầu tiên.

Không thấy tôi về tối hôm trước và không liên lạc được với chúng tôi, rõ ràng là chị ấy đang rất lo. Vì thế mà nhắc thấy bóng tôi chị đã tíu tít ra đón, rồi chuẩn bị đồ ăn cho tôi khi tôi tranh thủ ra suối tắm rửa. Cả một ngày liền ở trong rừng lại còn ngủ dưới nền đất rừng nên người tôi đầy lá khô và bùn bần, tắm gội sạch sẽ và mặc quần áo sạch khô thật không còn gì sung sướng hơn. Là lúc gội đầu tôi thấy nước gội có màu hồng nhàn nhạt.

Xong xuôi, khi vào trong bếp ăn thấy mọi người đang nói chuyện rôm rả. Tôi ăn được vài ba thìa thì thấy có con vắt to đùng, chắc vừa hút máu ai đó đang bò lồm cồm dưới đất. Chị Tiên “A” lên một tiếng rồi nhảy xa ra khỏi nó một cách kinh tởm. Anh Ba khều con vắt rồi thẳng tay vứt nó vào đồng lửa đang cháy. Không hiểu con vắt đốt ai rồi mà béo tròn béo trục, nhưng khi mọi người kiểm tra tay chân thì không ai bị đốt cả. Nhà hai ông bà già lại không có trâu bò, nên không thể là do nó hút no máu trâu bò rồi chui vào đây được.

Thế rồi tôi có cảm giác nóng nóng nhón nhột ở gáy. Giơ tay lên sờ thì thấy mình vừa chạm vào vật gì âm âm dính dính. Nhìn lại thì thấy tay tôi đầy máu, đỏ lôm:

- Trời ơi Trang ơi, cô em chảy đầy máu kìa!!!

Hóa ra con vắt béo núc ấy rơi từ trên đầu tôi ra chứ chẳng đâu xa! Tôi qua có lẽ nó đã bò lên đầu lúc tôi đang ngủ ở dưới đất, rồi cứ thế hút máu thật lực. Sáng nay khi quay về bản thì tôi vô tình mang nó theo, và nước hồng hồng khi tôi gội đầu là do máu chảy ra hòa vào với nước suối tạo ra màu như vậy. Nhưng vì vắt cắn không đau, nên tôi chẳng hề biết.

Chỗ bị vắt cắn ở ngay trên đầu, nên chẳng thể nào gãi bông hay lau khô chỗ cắn được. Tôi đành lột tí giấy lên phía cổ để máu không chảy xuống làm bẩn áo quần. Ai từng bị vắt cắn đều biết, do khi cắn chúng tiết chất *anticoagulant* vào vết cắn để máu chậm đông ở miệng vết thương, thuận tiện cho việc hút máu, vậy nên ngay cả khi đã nhả ra rồi thì máu vẫn sẽ tiếp tục chảy đến một lúc lâu sau đó mới ngừng. Sau khi mọi người ăn uống xong xuôi, chị Tiên lên đường về Kon Tum. Chị bảo tôi nên nghỉ một ngày rồi hẵng làm tiếp, nhưng thực ra ở trong rừng, có nghỉ thì cũng chẳng có việc gì làm. Vậy nên tôi quyết định cứ tiếp tục công việc vì làm xong sớm công việc lúc nào thì mọi người có thể về nhà và nghỉ ngơi thực sự ngày ấy. Rất may là anh Ba và chú Lâm cũng không phản đối, vậy nên sau khi dọn dẹp đồ đạc và chào ông bà già, chúng tôi lại lên đường, với cái cổ áo của tôi lúc này đã loang lổ màu máu.

Lần này chúng tôi sẽ đi theo kiểu cuốn chiếu, tức là mang theo tất cả đồ ăn, túi ngủ, võng lều, đi đến đâu thì nghỉ lại ở đấy. Đối với công việc đặt bẫy máy ảnh phải liên tục di chuyển và địa hình đồi núi như thế này thì đây là cách duy nhất để có thể đặt được bẫy ở những khu vực ở sâu trong rừng. Càng đi sâu

vào phía bên trong, tôi càng thấy có nhiều bầy thú, cả cũ lẫn mới. Tôi lấy đầu định vị của từng bầy, và hỏi rằng ở đây kiếm lâm không tháo dỡ bầy thú hay sao, vì đây là khu vực được bảo vệ và nghiêm cấm các hành vi săn bắn, chặt cây.

- Ôi giời, dân người ta đặt bầy một tí ấy mà, có sao đâu. Phá bầy của người ta phải tội! - chú Lâm trả lời.

- Nay, cô đừng có phá bầy đấy nhé, ở đây là không được làm thế - anh Ba nhìn theo tôi.

- Nay thì rắn này! - chú Lâm bỗng kêu lên, đoạn lấy con dao phay chú đang cầm ở tay, vốn dĩ dùng để phạt những cây bụi để mở đường khi cần thiết, chém thẳng vào một chú rắn đang vội vã trườn đi ở bụi cây bên cạnh.

- Đứng... - tôi lúc ấy đang chăm chú nhìn cấu tạo của cái bầy thú ở gần đấy, thấy tiếng chú ấy kêu thì chạy lại. Nhưng đã muộn rồi, con rắn lục bị chặt làm đôi, vẫn đang quằn quại trong vũng máu.

- Tại sao chú làm thế? Từ hôm trước khi bắt đầu đi rừng cháu đã thống nhất với mọi người, khi thấy thú vật trong rừng thì tránh ra, không được đập, không được giết. Minh đi làm nghiên cứu trong rừng mà cứ thấy con gì là đập chết thì rừng còn con gì nữa hả chú??? - tôi kêu lên.

- Con này không đập chết đi thì để nó cắn cho à? - chú Lâm cau kinh.

- Chú nhìn thấy nó đang ở trên bụi cây, rõ ràng mình không có ý định đi về phía ấy, chú không cần phải giết nó - tôi phản pháo - Đây là khu vực được bảo vệ cho động vật hoang dã, không được đặt bầy thú, giết động vật hay chặt cây cối cơ mà.

- Thôi mày im đi - chú Lâm vừa nói vừa bỏ đi.

Cái xác con rắn bị bỏ lại phía sau, vẫn còn đang rỉ máu xuống đám cỏ phía bên dưới.

Từ sau lần đó, tôi lúc nào cũng cố gắng đi ở phía trước và quan sát kỹ để tránh không có trường hợp nào như vậy xảy ra nữa. Từ trước đến nay khi đi rừng, dù là ở đâu đi nữa, đám làm nghiên cứu chúng tôi luôn tuân thủ một nguyên tắc bất di bất dịch, đó là làm giảm thiểu tối đa tác động của con người lên những khu sinh cảnh hoang dã. Nếu là rác hữu cơ có thể phân hủy được, chúng tôi sẽ đào hố sâu, chôn chặt xuống đất để động vật hoang dã không đào bới lên và cũng không làm ảnh hưởng đến cánh rừng. Rác không phân hủy được cần gom lại và mang về thành phố để xử lý. Nếu đi rừng gặp động vật, dù là rắn hay rùa, chúng tôi để chúng được yên và không động đến chúng. Nhiều người có ấn tượng xấu với động vật hoang dã, cho rằng chúng là loại "khát máu", sẵn sàng tàn công và giết người. Thực ra không phải như thế. Những trường hợp rắn cắn con người đều là trường hợp tự vệ, ví dụ như chúng ta, dù vô tình hay cố ý giẫm phải chúng thì chúng sẽ phản ứng lại. Khi chúng tội thấy rắn, nếu không phải trên đoạn đường mình cần phải đi, thì chúng tôi sẽ để mặc chúng. Nếu chúng ở đoạn đường mà chúng tôi cần phải qua, thì thường chúng tôi sẽ chờ cho chúng bò qua và quan sát ở khoảng cách an toàn. Hoặc có trường hợp hỏi tôi ở Borneo chúng tôi chờ mãi mà chú rắn cứ lù đừ ở giữa đường, nên anh bạn tôi lấy hai cành cây dài, rồi di chuyển chú sang hẳn bên vệ đường, vừa là giữ an toàn cho chúng tôi, vừa không làm hại đến chú.

Một vấn đề khác nữa khi đi rừng ở Việt Nam, đó là nhiều người, dù là kiêm lâm hay người dân bản địa được thuê để dẫn đường, và thậm chí là cả những người Việt tham gia công tác bảo tồn có thói quen buổi tối sẽ đi săn ếch nhái để ăn, dù bữa tối đã được chuẩn bị, nấu nướng đầy đủ. Việc đi săn ếch nhái để ăn là do thói quen chứ không phải do thiếu thôn lương thực. Có những trường hợp khi tôi đi rừng cùng họ, dù đã thống nhất từ trước, nhưng như trường hợp ở đây, đa phần mọi người đều ừ hử cho qua chuyện rồi bỏ ngoài tai.

Khác với những loài thú lớn như tê giác, voi, hổ, báo thì những loài động vật nhỏ hơn thuộc bộ bò sát hay lưỡng cư thường bị người ta bỏ quên và cho rằng chúng sống “đầy rẫy” ở trong rừng và chẳng việc gì phải bảo vệ. Nhưng cũng như bất kỳ loài thú lớn nào khác, các loài lưỡng cư hay bò sát cũng có sự đa dạng loài riêng. Chỉ ở Việt Nam đã có đến khoảng 409 loài lưỡng cư và bò sát, nhiều trong số chúng đang bị đe dọa tuyệt chủng do nạn phá rừng, ô nhiễm, biến đổi khí hậu và săn bắt. Điều tôi muốn nêu lên ở đây, đó là nếu không kể đến việc bị người dân bản địa săn bắt làm thực phẩm, mà cứ mỗi lần có đội nghiên cứu vào rừng là chúng lại bị bắt để làm “món ăn nhẹ ban đêm”, và đáng buồn là khi điều này được cho là nghiêm nhiên, thì số phận giống loài chúng sẽ ra sao? Có nhiều loài mới khi được khoa học phát hiện thì đã ở tình trạng nguy cấp hay cực kỳ nguy cấp vì nạn săn bắn bừa bãi, và có lẽ là vì cả những người tham gia công tác bảo tồn cho rằng việc săn bắt lưỡng cư chẳng có gì đáng kể. Có những lần, khi chúng tôi bắt đầu dựng trại thì tiếng ếch nhái vang lên náo động cả một góc rừng, nhưng chỉ cần qua vài đêm là âm thanh này thưa dần, thưa dần rồi tắt hẳn. Đó là kết quả của những lần đi thực địa mà nhiều người dễ dẫn cho rằng “ăn một tí” cũng chẳng sao. Một trong những ví dụ điển hình của việc săn bắn một loài động vật đến bờ vực tuyệt chủng trước khi các nhà khoa học phát hiện ra chúng là trường hợp của loài sao la - một loài thú thuộc bộ móng guốc được phát hiện vào năm 1992, khi các nhà khoa học vô tình phát hiện ra cái sọ kỳ lạ với cặp sừng nhọn song song nhau. Là một người làm nghiên cứu bảo tồn, tôi luôn cho rằng chúng tôi cần phải làm giảm thiểu đến mức tối đa tác động xấu của những lần đi nghiên cứu lên môi trường thiên nhiên hoang dã.

Buổi chiều tối của ngày cuối cùng trong đợt đặt bẫy máy ảnh đầu tiên, chúng tôi đi sâu tít vào trong rừng và trèo lên đỉnh những dãy núi cao ngất. Phong cảnh từ trên nhìn xuống quả thật đẹp vô cùng, khu vực này rừng vẫn chưa bị tác động nhiều của con người, cây cao xanh mướt oai phong vươn những tán dài ra hứng gió và nắng. Thế rồi từ phía xa xa, tôi thấy những tán cây này đang dao động một cách kỳ lạ. Nhìn kỹ lại thì hóa ra trên tán cây to lớn ấy là cả một đại gia đình chà vá chân xám - một trong những loài linh trưởng đặc hữu và đang bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam. Đây là lần đầu tiên tôi được chiêm ngưỡng chà vá chân xám ngoài tự nhiên. Khác với vẻ ngoài có vẻ hơi lù lù, chúng di chuyển rất nhanh nhẹn. Đàn chà vá này có khoảng 10-11 cá thể trưởng thành và khoảng 2 con non nữa mà tôi có thể nhìn thấy từ xa bằng ống nhòm. Loài chà vá là một loài linh trưởng hiền lành, với chiếc đuôi rất dài và có kích thước bằng một đứa trẻ. Chúng là loài chủ yếu ăn lá cây, nhưng cũng ăn cả hoa quả và các loại hạt. Vì thức ăn của chúng chứa rất ít chất dinh dưỡng và chứa

nhieu chất xơ, dạ dày của chúng có rất nhiều ngăn để giúp cơ thể tiêu hóa một cách chậm rãi và hấp thụ tối đa những chất dinh dưỡng có được từ thức ăn. Chính vì thế mà chúng có cái bụng khá bự. Có ba phân loài chà vá trên thế giới, phân bố ở Việt Nam, Lào, và Campuchia. Trong đó thì loài chà vá chân xám là loài đặc hữu chỉ phân bố duy nhất ở miền Trung Việt Nam. Cả ba phân loài đều đang bị đe dọa tuyệt chủng cao do môi trường sống bị phá hủy, bị săn bắn để làm thức ăn, hoặc lấy xương nấu thành cao và còn bị buôn bán làm thú nuôi. Điều đáng nói ở đây là loài chà vá khi bị săn đuổi thường trở nên bất động trên các tán cây thay vì tìm cách chạy trốn, vì thế mà thợ săn trong một lần săn bắn có thể giết được cả đàn.

Lúc cập bầy máy ảnh cuối cùng được đặt hoàn chỉnh, chúng tôi đã có thể thở phào nhẹ nhõm. Sáng sớm ngày mai chúng tôi sẽ ra khỏi rừng, và tôi sẽ lên xe về Kon Tum, rồi bắt chuyến bay vào ngày hôm sau để quay trở ra Hà Nội. Tôi còn hơn 40 chiếc bầy máy ảnh nữa từ Hà Nội để đem vào Ngọc Linh, và vì chị Tiên không thể đi cùng tôi trong đợt đặt bầy máy ảnh thứ hai nên tôi định sẽ tìm một tình nguyện viên để tập huấn về công việc đặt bầy máy ảnh, rồi chia ra làm hai đội cho nhanh. Tiến trình công việc của chúng tôi vì địa hình phức tạp ở đây mà đã bị chậm so với ước tính ban đầu.

Buổi tối cuối cùng trời mưa như trút. Mặc dù đã bắt đầu đi từ khoảng 2 giờ chiều, nhưng vì đường xa và khó đi nên chúng tôi mãi vẫn chưa ra được đến bìa rừng. Chú Lâm đã phát chán với việc ngày nào cũng dựng lều dựng trại, lại còn bị dính mưa, nên có hơi cáu kỉnh và lại vừa đi vừa cầm dao phạt vào những bụi cây hai bên đường. Lúc tìm được chỗ dựng trại thì trời đãมืด mù, mưa utor nên việc nhóm lửa thật là khó khăn, lửa đâu chưa thấy chỉ đặc khói là khói. Sau bữa tối vội vàng ai cũng mệt và tôi chỉ mong sáng hôm sau đến thật nhanh để có thể ra khỏi rừng, tắm rửa và thay quần áo. Mấy hôm rồi người tôi đầy vết cào xước, đặc biệt là ở cả hai bàn tay vì đường dốc nên nhiều khi phải bám vào bụi cây bên đường, hoặc mồm đá vôi sắc lẹm. Quần áo do liên tục bị dính mưa nên lúc nào cũng ẩm mốc và bẩn thỉu. Chúng tôi chìm vào giấc ngủ mệt mỏi trong tiếng mưa rơi rả rích. Đến khoảng 3 giờ sáng tôi bị đánh thức vì có cái gì đó rất lạnh chạm vào lưng nhón nhột. Giật mình nhảy ra khỏi võng thì mới phát hiện vì cơn mưa dai dẳng mà nước theo thân cây thấm vào dây buộc võng, rồi cứ thế mà đưa dòng chảy của nước mưa thẳng vào giữa võng của tôi. Vừa ướt vừa lạnh, lại hết sạch quần áo khô để thay, tôi đành xuống khơi thêm một đám lửa nhỏ rồi gài gặt hong khô chiếc áo duy nhất còn sót lại chưa bị ướt nhẹp bởi nước mưa để sáng hôm sau mặc.

Ngày hôm sau bắt đầu từ việc dọn dẹp lều trại lúc 6 giờ sáng. Dù ở đây anh Ba và chú Lâm rất *hâm mộ* những người nghiên cứu nước ngoài vì lần nào đi thực địa họ cũng đều cố gắng dọn dẹp sạch sẽ khu lều trại và đem rác thải nhựa hay lon, hộp về thành phố, nhưng cả chú và anh đều nhất quyết không giúp tôi mang theo rác vô cơ, là những túi nhựa, hộp lon đựng thức ăn vì cho rằng "*mình là người Việt, cần gì phải thế*". Thế là tôi lại lúi cuội cời những ống lon và túi nhựa chú và anh vo viên lại vớt ở gần bờ suối để rửa qua, rồi cho vào một cái túi khô ráo khác, đặt trong ba lô rồi mang về. Thấy tôi kiên quyết, chú Lâm và anh Ba cũng chỉ tặc lưỡi, rồi để mặc tôi làm.

Lâm lũi đi nguyên cả một buổi sáng, rồi lại đi theo đường tắt trèo xuống núi và lội qua con suối cạn, vậy mà lúc ra được đến bìa rừng thì cũng đã giữa trưa. Tôi vào nhờ nhà một người dân bán tạp hóa ở bên đề tắm rửa qua loa, rồi nhờ anh Ba chở xe máy ra khu quản lý của Khu Bảo tồn, rồi từ đó đi xe ô tô về thành phố. Cảm giác được tắm nước nóng, nằm trên giường đệm, tận hưởng cảm giác ấm áp, sạch sẽ, khô ráo và thơm tho quả thật là điều vô cùng tuyệt vời! Nếu như đang ở thành phố và được ngủ trong chăn êm đệm ấm hằng ngày, người ta dễ dàng quên đi và coi nó như một điều tất yếu, hiển nhiên có được. Nhưng khi đã thử cảm giác sống trong thiếu thốn, người ta sẽ trân trọng những gì mình đang có hơn nhiều. Và qua những lần đi rừng như thế, bài học này chắc chắn tôi sẽ chẳng bao giờ quên.

Về Hà Nội được một hôm thì có tin tốt lành tới. Khoảng cuối năm trước tôi có nộp đơn đăng ký học tại trường Đại học Cambridge. Nói thật lúc nộp đơn tôi cũng run, vì ai chẳng biết đây là một trong những trường đại học tốt nhất thế giới, đầu vào cũng rất cao. Hồi tôi nộp đơn đăng ký, chỉ tôi còn bảo chắc chẳng được đâu, đăng ký làm gì cho tốn tiền. Khác với những trường đại học khác ở Anh, nếu đăng ký vào Oxford và Cambridge bạn sẽ phải trả phí đăng ký học là 50 bảng, vào khoảng 1 triệu rưỡi Việt Nam đồng. Nhưng Cambridge là một trong những trường đại học có những khóa học về bảo tồn tốt nhất ở Anh quốc, và cũng là một thành phố cổ kính đẹp mê hồn với nhiều tổ chức bảo tồn động-thực vật trên thế giới đặt trụ sở nên tôi quyết tâm nộp đơn học, với suy nghĩ rằng mình có đủ giỏi hay không không phải chỉ do bản thân mình quyết định, dù thế nào cũng nên thử một lần xem sao. Cuối cùng thì kết quả tuyệt vời hơn cả mong đợi: tôi được nhận vào trường, và còn được nhận cả học bổng toàn phần với chi phí ăn ở, đi lại nữa.

Tôi viết email cho thầy David với trái tim lâng lâng sung sướng. Vậy là dù có tìm được bảo gấm ở Việt Nam thì tôi cũng không thể làm đệ tử của thầy, nhưng tôi vẫn có thể tiếp tục dự án này và thầy vẫn có thể trở thành thầy cố vấn cho tôi, không có gì thay đổi nhiều. Điều thay đổi duy nhất và theo hướng cực kỳ có lợi, đó là kết quả của công việc lần này không hề ảnh hưởng đến tương lai nghiên cứu của tôi. Nếu không tìm thấy bảo gấm trong lần nghiên cứu này thì tôi sẽ làm nghiên cứu theo đề tài ở châu Phi mà tôi đã phác thảo trong đơn đăng ký với trường Cambridge.

Vừa đi vừa nhảy chân sáo đến gặp anh Ben ở văn phòng FFI để thông báo về kết quả chuyến đi đặt bẫy máy ảnh đợt một, tôi vô tình gặp lại anh thanh niên trẻ có tóc dài buộc sau gáy hôm nọ. Anh ấy đang đi từ trên cầu thang xuống, chắc là đang quay trở xuống từ phòng anh Ben. Tôi lại cười toe toét, xoe tay ra vậy vầy:

- Xin chào!

- Xin chào! - anh ấy có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi lần nữa. Chắc cũng không hiểu ở đâu ra con bé thoát ẩn thoát hiện cứ chạy ra chạy vào văn phòng mình.

Tôi vừa bô lô ba la kể chuyện nhìn thấy đám chà vá chân xám ở Kon Tum, vừa cười ngặt nghẽo đùa với anh Ben về thầy David Chiever - một ông thầy ở Cambridge mà tôi từng liên lạc để làm đề tài, cũng là một nhà linh trưởng học khá nổi tiếng ở Anh lúc nào cũng rất nghiêm nghị chuyện gọi đúng tên của các

loài. Thầy luôn cho rằng dùng từ *langur* - *voọc* để chỉ những loài chà vá là sai, vì xét về mặt phân loài, chúng gần họ với *khỉ* hơn là với *voọc*. Vì thế mà tôi luôn bị thầy sửa nếu nhớ miệng gọi *Douc Langur* - Voọc chà vá thành *Douc Monkey* - Khỉ chà vá. Đúng lúc này thì anh thanh niên tóc dài lại gõ cửa rồi đẩy cửa vào, anh Ben liền giới thiệu:

- Trang, đây là Brian. Anh ấy là cố vấn chương trình bảo tồn linh trưởng của Việt Nam. Brian, đây là Trang, hiện đang làm dự án đặt bẫy máy ảnh ở khu bảo tồn Kon Tum Ngọc Linh. Trang sắp sửa vào học ở trường Đại học Cambridge, con bé này bỏ rơi ngành bảo tồn linh trưởng ở Việt Nam mà theo bọn vượn cáo ở Madagascar đây - anh Ben nháy mắt.

- Và người thầy đầu tiên dạy em về linh trưởng là anh Ben đây - tôi đùa.

- Tôi già thật rồi, hồi đây em mới có 17 tuổi thôi nhỉ? - anh Ben hỏi lại.

Anh Brian bắt tay tôi, rồi chìa ra một chiếc dây buộc tóc:

- Của em đúng không? Anh nhặt được ở trên cầu thang - chả hiểu sao nói ra câu này thì mặt anh ấy đỏ phừng lên và lảng nhìn sang chỗ khác.

- Hô! Đúng rồi, em hậu đậu quá. Cảm ơn anh nhé!

* * *

Hồi còn nhỏ, tôi ghét học tiếng Anh cực kỳ. Còn nhớ lúc học cấp I, tôi đã cằn nhằn với mẹ, than thở rằng mình là người Việt, sống ở Việt Nam thì học tiếng Anh để làm gì cơ chứ. Trong suốt những năm cấp I và cấp II, điểm tiếng Anh của tôi thấp lẻ tẻ thậm tệ vì tôi chỉ học đối phó thôi. Nhưng mọi sự thay đổi khi tôi phát hiện ra rằng tiếng Anh là thứ cực kỳ quan trọng cần phải có nếu thực sự muốn làm khoa học, và thực sự muốn theo ngành bảo tồn. Thế là sau khi thi tốt nghiệp cấp II, tôi xin mẹ cho đi học tiếng Anh ở trung tâm, một tuần ba buổi, rồi tôi cũng cố gắng ở nhà luyện nghe, luyện đọc, luyện viết. Ngay cả phim ảnh thời đó tôi cũng cố gắng xem phim phụ đề tiếng Anh. Thành thật mà nói thì thời ấy vốn tiếng Anh thậm tệ của tôi khiến việc xem phim phụ đề tiếng Anh giống như một cực hình vì tôi hiểu được rất ít. Nhưng dần dần càng nghe lại càng quen, và càng học được nhiều từ mới thì lại càng có động lực để học tiếp, nghe tiếp và nói tiếp. Tôi có một điểm mạnh - thực ra bản thân tôi đến bây giờ cũng không rõ đó là điểm mạnh hay điểm yếu nữa, đó là chẳng biết sợ. Dù là việc gì, chỉ cần tự nói với bản thân “nhất định sẽ được” thì tôi sẽ cố gắng làm cho bằng được. Vậy nên ngay cả chuyện sử dụng vốn tiếng Anh vô cùng bập bẹ để nói chuyện với người nước ngoài, tôi cũng cứ nói ào ào chứ chẳng hề sợ hãi và xấu hổ. Ấu đó lại là cái lợi vô cùng cho chuyện học ngoại ngữ.

Mùa hè của tuổi 14, có một thầy giáo dạy tiếng Anh người Mỹ tên là Ryan đến dạy ở trung tâm tôi theo học. Tôi thích thầy lắm, vì thầy hồi đó sang Việt Nam dạy thêm tiếng Anh cho vui thôi, chứ thực ra thầy làm về phim ảnh và có quay một bộ phim tài liệu nhỏ về loài chà vá chà xám mà vài năm sau đó tôi được sử dụng nó như tài liệu trong một dự án về giáo dục bảo tồn cho những em học sinh cấp II. Một hôm, thầy ra bài tập về nhà là viết về ước mơ của mình. Tôi nghĩ mãi chẳng biết nên viết gì, vì mỗi lần tôi nói rằng muốn làm ngành bảo tồn động vật hoang dã là thầy cô và bạn bè đều cười chê, cho rằng đó là thứ viển vông dở hơi không tưởng. Thế rồi, ồm ồm nổi âm ức trong lòng, tôi

viết hết một trang rưỡi - mà vào thời điểm cái vôn tiếng Anh của tôi dở tệ hại, viết được những một trang rưỡi toàn bằng tiếng Anh là cả một sự cố gắng cực kỳ. Lúc nộp bài cũng thấy hơi run run, vì không biết thầy sẽ phê bình thế nào. Hồi trước có một thầy người Úc đứng lớp, tôi giải thích mãi về công việc mà tôi muốn làm, nhưng thầy không hiểu là tôi muốn làm nhà bảo tồn học - *conservationist*, chứ không phải là nhà động vật học - *zoologist*.

Hôm nhận lại bài tập, tôi vui không kể xiết. Vì mặc dù bài của tôi bị gạch đầu dòng tùm lum, nhưng lời phê của thầy, mãi cho đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ như in:

“Well done, don’t forget to always follow your dreams.”

Tạm dịch: “Giỏi lắm, em đừng bao giờ từ bỏ những ước mơ của mình.”

Chỉ với một câu động viên, một lời khích lệ vô cùng đơn giản ấy thôi, mà tôi của ngày đó cảm thấy như mình đang được lắng nghe, được thấu hiểu, và nó đã cho tôi động lực để cố gắng hơn nữa, nhiều hơn nữa, để học tiếng Anh thật tốt, để có thể đọc các báo cáo, tài liệu bằng tiếng Anh, để giúp tôi tiến một bước gần hơn đến việc biến ước mơ của mình thành hiện thực.

Những năm cấp I, môn tiếng Anh của tôi rất tệ, lại thêm việc rất hiệu động trong lớp nên tôi không được lòng cô giáo dạy tiếng Anh. Có một lần, ngay trong lớp học, trước mặt bạn bè cả lớp, cô bảo tôi rằng tôi là một đứa trẻ “*không có tương lai*” và cũng “*không có năng khiếu học tiếng Anh*”. Lúc đó tôi cảm thấy bị tổn thương kinh khủng khiếp, nhất là khi đám bạn trong lớp cười rộ lên. Có lẽ khi đó cô cũng không nghĩ rằng lời của một cô giáo nói với một học sinh mới học cấp 1 có thể làm tổn thương nó đến mức nào, và nó có thể nhớ những lời ấy lâu ra sao. Nhiều năm sau đó, khi tôi được mời tham gia nói chuyện trên chiếc ghế đỏ ở Hiệp hội Hàn lâm Địa lý Hoàng gia Anh (Royal Geographical Society), lúc được hỏi về chuyện của tôi ngày xưa bé, và chuyện làm sao để đưa động lực đến các bạn trẻ tham gia bảo tồn, tự dưng tôi thẫn ra một lúc. Tôi nhớ lại câu nói của cô giáo ngày xưa. Ừ, chắc cô cũng không ngờ là cái đứa bị cô nói là “*không có tương lai*” và “*không có năng khiếu học tiếng Anh*” lại đang ngồi đây và nói chuyện bằng tiếng Anh như thế này.

Vậy mới nói, để một người trẻ có động lực, trưởng thành và tự tin, đôi khi chỉ cần một câu nói, một lời động viên, một sự tin tưởng đúng lúc, đúng chỗ của người lớn.

Cũng thật may mắn là năm học cấp III, tôi cũng đã gặp được một người thầy tin tưởng vào những ước mơ của mình giống như thầy Ryan đã từng. Thực ra ngày ấy tôi sợ thầy lắm, vì thầy nóng tính và hay mắng. Nhưng thầy lại rất thương học trò và không bao giờ coi thường chuyện thích làm thí nghiệm hơn là học những thứ lý thuyết trong sách vở của tôi. Thầy thẳng thắn nói rằng, tôi không phải học trò xuất sắc nhất của thầy, nhưng tôi là đứa hiếm hoi có niềm đam mê với khoa học và thầy ủng hộ tôi ngay cả khi bố mẹ còn đang phản đối chuyện cứ chạy lăng xăng mà làm dự án nghiên cứu này kia chứ không chú tâm vào việc ôn thi đại học.

Hồi cấp III tôi có tham gia một vài cuộc thi khoa học về chủ đề môi trường. Vì may mắn được một vài giải thưởng, nên khoảng thời gian đó có nhiều anh

chị nhà báo đèn phông vôn và viết bài về tôi. Có một điều tôi luôn thấy bứt rứt, đó là họ thường gán cho tôi cụm từ “học sinh giỏi toàn diện”. Nói thật tôi chưa bao giờ nghĩ mình là học sinh giỏi toàn diện và ngay cả đến bây giờ tôi cũng không rõ việc “giỏi toàn diện” nó phải như thế nào. Tôi chưa bao giờ đứng đầu lớp và cũng chưa bao giờ đạt điểm tổng kết trung bình các môn 9 phẩy hay toán lý hóa lên tận 10 phẩy như cô bạn thân của tôi hồi cấp III. Về sau đó, tôi rất biết ơn thầy, vì thầy cũng nhắc những anh chị nhà báo đèn phông vôn tôi rằng đừng gọi tôi là “học sinh giỏi toàn diện 10 hay 12 năm”. Đơn giản vì nó tạo áp lực lên tôi và không đúng với bản chất con người tôi. Vì điều đó mà tôi đã cảm thấy như luôn có một người ở bên, ủng hộ và hiểu tôi cho dù có thể nào đi nữa trong suốt ba năm học ấy.

Ở Việt Nam mọi người rất thích cụm từ “học sinh giỏi toàn diện”. Phụ huynh rất muốn con mình 12 năm đi học đều là “giỏi toàn diện”. Nếu có một bạn trẻ nào đó đoạt giải này giải kia, làm được điều to tát, bỗng dưng bạn ấy sẽ được gán cái mác “giỏi toàn diện”, và phải cố gắng sao cho đúng với cái sự “giỏi toàn diện” mà mọi người gán cho ấy. Vô tình, nó lại là sức ép, là gánh nặng, thay vì là sự cổ vũ, động viên cho người trẻ.

Ngày ấy mỗi lần được đăng lên báo là “giỏi toàn diện”, tôi luôn âm ỉ nghĩ rằng tại sao tôi không được phép chỉ giỏi đúng thứ mà tôi giỏi, tại sao tôi lại phải giỏi toàn diện? Trên đời này có bao nhiêu người “giỏi toàn diện” từ khi sinh ra đến khi chết đi? Giỏi và chuyên về một (hoặc vài) điều thì đã sao? Tại sao không thể để người trẻ chúng tôi được giỏi đúng cái mà chúng tôi giỏi? Tại sao lại cứ phải “toàn diện” thì mới đáng được hoan nghênh?

Bây giờ, tôi nhận ra rằng có một sự khác biệt rất lớn giữa một người có đam mê về một công việc gì đó và một người “giỏi toàn diện” mà không có đam mê. Tôi có thể thấy được ánh sáng nhiệt thành phát ra từ đôi mắt của người đối diện khi nói về công việc mà họ đam mê cháy bỏng, có thể cảm thấy tình yêu và nhiệt lượng từ từng lời họ nói. Chính những người trẻ đó sẽ thay đổi thế giới mà họ đang sống. Tôi nghĩ rằng, phụ huynh, thầy cô hay bất kỳ người lớn nào khác, nên nhìn những người trẻ và động viên họ có đam mê, có hoài bão, có ước mơ và sống vì những điều mà họ mơ ước, hơn là cứ tìm cách đóng khuôn họ vào cái “giỏi toàn diện” mà đôi khi chẳng mang lại điều gì cho cuộc sống thực sau này.

* * *

Khác với mọi lần, lần này tôi muốn thử tìm tình nguyện viên là một người nhiệt tình, muốn tham gia công tác bảo tồn lâu dài nhưng chưa có điều kiện để tham gia. Quả thật ngành bảo tồn ở Việt Nam rất hiếm, ngay cả các trường đại học cũng chưa thực sự có khoa chuyên sâu về bảo tồn, đa phần các sinh viên chỉ có kinh nghiệm làm việc trong ngành nên tham gia làm tình nguyện viên cho các tổ chức phi chính phủ hoặc được tham gia vào dự án nào đó của thầy cô trong trường. Vì vậy mà những đơn nộp xin tham gia chuyên đi này của tôi đa phần đều là những bạn trẻ chưa bao giờ đi thực địa, trong đó nhiều đơn tham gia bày tỏ nguyện vọng và trình bày kinh nghiệm đi... *phượt*, nhiều bạn còn nói rõ lý do muốn đi là để thử cảm giác mạnh khi sống trong rừng sâu. Giữa những đơn xin làm tình nguyện viên như vậy, đơn đăng ký của bạn Hằng nổi

bật hơn hẳn. Bạn ấy muốn tham gia làm bảo tồn và có kê lại một vài lần đăng ký đi làm tình nguyện viên cho công tác bảo tồn, trình bày là dù chưa bao giờ học trong ngành, nhưng bạn ấy khao khát muốn được đi để học hỏi và để tự tìm hiểu xem ngành có phù hợp với bạn ấy không. Hằng cũng là người duy nhất thường xuyên email và gọi điện để hỏi tôi liệu có cần thêm thông tin gì về bạn ấy không, và bạn ấy sẽ cố gắng hết sức có thể để đi cùng tôi.

Cuối cùng tôi hẹn gặp Hằng khi ở Hà Nội. Bạn ấy là người Quảng Ninh nhưng đã ra Hà Nội học đại học và sống ở Hà Nội cũng đã lâu rồi. Đôi mắt sáng, nhanh nhẹn, thân hình gầy gò nhưng rất hoạt bát. Có một điều gì đó từ bạn ấy khiến tôi nhớ đến mình của ngày xưa, rất muốn được làm bảo tồn nhưng không biết phải làm thế nào, không biết phải bắt đầu từ đâu, nên tôi quyết định cho bạn ấy một cơ hội để thử xem làm bảo tồn theo hướng nghiên cứu thực địa có phù hợp với bạn ấy không. Khi nhắc đến làm bảo tồn, gần như bạn trẻ nào cũng háp háy mong ước có thể được đi rừng, thay vì làm những dự án giáo dục bảo tồn nâng cao nhận thức người dân ở thành phố. Quả thực là việc đi rừng rất thú vị, nhưng không phải ai cũng có thể làm việc ở trong rừng vì điều kiện sức khỏe, thể chất, và vì nhiều lý do khác nữa.

Lúc đến khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh ở Kon Tum, tôi mới biết sẽ có một vài sự thay đổi nhân sự. Chú Lâm quyết định không đi cùng chúng tôi nữa, chỉ có anh Ba là vẫn sẽ tiếp tục. Thực ra tôi nghe mọi người nói rằng anh Ba cũng không muốn phải đi vào rừng sâu như thế, nhưng cả trạm chẳng ai muốn phải vất vả chui vào rừng, nên rốt cuộc anh ấy vẫn phải tham gia làm việc cùng dự án này của chúng tôi. Tôi dự định sẽ tìm thuê người bản địa dẫn đường vì lần này chúng tôi phải đi rất sâu vào phía bên trong khu bảo tồn, đến tận khu vực giáp ranh với rừng Ngọc Linh ở Quảng Nam. Mặc dù có người dẫn đường nhưng chúng tôi vẫn không thể tách thành hai đội nếu chỉ có anh Ba là kiêm làm ở đây. Tôi đành ngậm ngùi chấp nhận công việc sẽ lại bị chậm hơn dự định.

Khi đang chờ anh Ba chuẩn bị đồ đạc thì mọi người bắt đầu kể chuyện cho chúng tôi, rằng-thì-là-mà mấy hôm trước có dấu chân hổ ở dưới bản, rồi có người còn nghe thấy tiếng hổ gầm. Tôi cười khoái chí:

- Thế thì tốt quá ă, bấy máy ảnh của em mà chụp được hình hổ thì coi như là phát hiện chân động trong ngành bảo tồn ở Việt Nam.

- Hơ... cô này không sợ à? - anh Thế hỏi, có vẻ chùng hững.

- Ô, thế hóa ra anh chỉ dọa thôi ă? Làm em thất vọng quá!

Thực ra thì đúng như tôi nghĩ, mọi người thấy tôi là con gái, lại sinh ra ở Hà Nội, nên định dọa tôi về chuyện hổ xuất hiện. Có lẽ họ hy vọng tôi sẽ sợ run, nhưng trái lại tôi lại cười khoái chí.

- Con bé này không biết sợ đâu - anh Ba từ trong phòng đi ra - Nó bị tắc ở trong rừng một tối, phải ngủ dưới đất với chú Lâm, hí hí hí...

- Nay, thế có... ấy ấy không? - vài người khác cười hô hô chen vào.

- Bọn mày vớ vẩn! - chú Lâm gắt - Nó bằng tuổi con tao đấy.

Tôi cau mặt nhìn anh Ba và vài người nữa vẫn đang cười hô hô. Nhận thấy vẻ mặt của tôi và chú Lâm, mấy người này liền ngừng cười mà lãng sang chỗ khác. Kiểu trêu đùa như thế này với những phụ nữ làm bảo tồn nghiên cứu thực

địa như tôi không phải là hiếm. Chẳng cần biết đến tuổi tác là bao nhiêu, chỉ cần là nữ giới xuất hiện ở một nơi đã phân là đàn ông, thì chắc chắn sẽ bị chồng ghẹo, và chẳng cần biết đôi tượng chồng ghẹo có khi đáng tuổi bố, tuổi ông, họ vẫn có thể cười hô hô và tạo ra những câu chuyện tục tĩu.

Mấy tuần trước khi đang ăn sáng trong quán, có một người đàn ông sỗ sàng ngồi cạnh, nhìn tôi một lượt từ đầu đến chân:

- Thế... em làm nghề gì? - anh ta rướn người về phía tôi nhìn một cách dò xét.

- Ừm - tôi cảm thấy không thoải mái với ánh nhìn của anh ta, nhưng vẫn cố gắng trả lời - Em làm bảo tồn động vật hoang dã.

- Bảo tồn? Bảo tồn cái gì? - anh ta nheo mày, cố rướn thêm về phía trước để nghe rõ hơn, khuôn mặt anh ta lộ vẻ tò mò.

- **Động-vật-hoang-dã** - tôi nói lại, nhấn mạnh từng chữ.

- À... súc vật, chó mèo lợn gà - anh ta gật gù, ra vẻ hiểu biết.

- Không! Là động-vật-hoang-dã... khỉ, gấu, voi, tê giác... ở trong rừng ấy ạ - tôi thở hắt ra, quả thật tôi không được kiên nhẫn cho lắm với những cuộc hội thoại kiểu này.

- Nhưng trông em không giống người làm bảo tồn - anh ta lại ném cho tôi cái nhìn nửa dò xét, nửa nghi ngờ.

Lúc này những người khác trong quán ăn bắt đầu đồng loạt tai lắng nghe cuộc hội thoại, vẻ mặt thích thú vì họ có thể nhận ra trong giọng nói của tôi đang vô cùng không thoải mái.

- Thế người làm bảo tồn trông như thế nào ạ? - tôi hỏi lại, cố gắng kiềm chế sự khó chịu trong lòng.

- À, phải trông cao to, vạm vỡ, hoang dại tí. Phải là đàn ông.

Đến lúc này thì tôi hoàn toàn không đủ kiên nhẫn để nói chuyện với người này nữa, bởi vì ý của anh ta cũng giống ý của rất nhiều, rất nhiều người, đàn ông hay phụ nữ, người trẻ hay người già mà tôi từng gặp, ý của họ là, những người làm bảo tồn “phải là đàn ông chứ không nên là phụ nữ”.

Lúc còn nhỏ, khi tôi bắt đầu nhen nhóm ước mơ về một ngành nghề cho tương lai, ngành bảo tồn động vật hoang dã là điều đầu tiên hiện ra trong trí não. Ngay cả khi ấy, tôi biết đó không phải là ngành “nữ tính” cho lắm, nhất là đối với những người ưa đi thực địa và chọn gắn mình với khoa học, nghiên cứu và dành phần lớn thời gian để đi thực địa như tôi. Tôi biết tôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn và chướng ngại, nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng làm một nữ bảo tồn lại có nhiều rắc rối và nhiều điều khó chịu xảy ra đến vậy.

Tôi đã từng bị đi lạc trong rừng ở Việt Nam. Mặc dù trong nhóm khảo sát lần đó chỉ có tôi biết sử dụng la bàn và GPS, nhưng...

- Theo bản đồ thì mình phải đi theo hướng đông bắc, tức là hướng này chú ạ - tôi vừa nói, vừa khoát tay về phía trước.

- Đâu - chú kiểm tra bản đồ vừa nói, vừa giục tám bản đồ khỏi tay tôi rồi lắc đầu - Phải đi hướng này - chú ấy hất đầu về phía ngược lại.

- Nhưng trong bản đồ... - tôi vẫn cố gắng khăn khăn.

- Con gái thì biết cái gì! Tôi bảo cô là đi hướng này, cô cứ theo tôi thì sẽ không lạc - nói rồi, chú ấy bỏ mặc tôi đứng đó, nhất quyết đi về hướng khác.

Anh kiểm lâm trẻ hơn bắt đầu cười hình hích phụ họa:

- Mấy đứa con gái thích đi rừng... Thôi đừng có lo, rừng này chú đây đi nhiều rồi, rõ như lòng bàn tay. Cứ theo đi.

Và ngày hôm đó, chúng tôi đi lạc. Đó là lần đầu tiên, tôi bị lạc ở trong rừng.

“Bọn con gái sinh ra ở thành phố thì biết cái gì về rừng?” - đó là câu tôi thường phải nghe nhất mỗi khi đi rừng.

Nhưng tôi biết, đó không phải là lần đầu tiên, và chắc chắn cũng không phải là lần cuối cùng tôi phải nghe câu nói đó. *“Đàn bà thì biết gì mà đi rừng?”*

Cũng có một lần, khi đi làm dự án, một chú giám đốc vườn quốc gia hỏi tôi:

- Gái trẻ như cháu làm gì ở trong rừng?

- Ý chú là gì, thưa chú? - tôi hỏi lại bằng giọng lịch sự, dù thừa biết những câu hỏi như thế này có nghĩa như thế nào.

- Cháu nên ở nhà, ở thành phố ấy. Da cháy sạm hết vào thì lấy chồng làm sao được - chú ấy nói.

Tôi không trả lời, chỉ cố gắng cười trừ. À ra thế, một người phụ nữ thì chỉ nên ở nhà, lấy chồng thành phố, làm vài công việc văn phòng rồi sinh con, thế là hết. Không phải đây là điều mà gần như tất cả những người lớn ở thế hệ đi trước thường dạy con gái mình hay sao? Một người phụ nữ thì phải ngoan ngoãn, tóc phải dài, da phải trắng. Một người phụ nữ, thì đừng nên học lên cao quá làm gì, *“con gái học cao đàn ông sợ chạy hết, ế chồng là cái chắc”*. Một người phụ nữ, thì không nên mơ ước cao quá làm gì, vì dù thế nào đi nữa *“hạnh phúc của một người phụ nữ là ở nhà an phận, lấy chồng và sinh con”*.

Đôi khi tôi muốn hét lên rằng, màu da chẳng nói lên gì về một người phụ nữ, và đối với những người phụ nữ như tôi, có nhiều thứ quan trọng hơn là ở nhà cố gắng giữ cho màu da trắng thật là trắng để nhận được vài lời khen mà theo tôi là chẳng mang lại lợi ích gì cho cuộc đời của mình hay cho xã hội. Đôi khi tôi cười đùa với những người nhận xét về màu da rám nắng bị nhận xét là *xấu xí* của tôi rằng động vật hoang dã trong rừng chẳng thèm quan tâm da tôi có màu gì, và với tôi thế là đủ.

Vấn đề của những câu hỏi như thế này, của thái độ *“con gái thì...”* này không chỉ đơn giản là vài câu cười đùa bốn cọt. Nó là tàn dư còn sót lại của một chế độ phong kiến lạc hậu, trọng nam khinh nữ, và đi kèm với nó không chỉ là những câu chuyện phụ nữ không được tham gia vào việc này việc khác, mà cả những chuyện rất bình thường về phụ nữ, như chuyện có tháng, bị coi là chuyện đáng xấu hổ không được phép nhắc đến.

Tôi nhớ có lần phải ở trong rừng nhiều tháng, việc sử dụng thuốc để tránh kinh nguyệt cũng không có tác dụng. Vì vậy mà tôi phải đào hố và tìm cách chôn những băng vệ sinh đã sử dụng. Thường tôi không để rác trong rừng mà sẽ cố gắng xách theo một cái túi rồi để tất cả rác thải vô cơ trong đó và mang về phố để xử lý rác thải. Nhưng với trường hợp này, tôi buộc phải làm thế. Đối với tôi, giữ cho môi trường hoang dã được sạch sẽ tránh ô nhiễm quan

trọng hơn là sự xâu hô khi gặp những cái nhăn mặt, tiếng xì xào tỏ vẻ kinh tởm của cánh đàn ông cùng tham gia đi thực địa. Vì sao? Bởi vì không một ai trong số đàn ông biết đến cái gọi là kỳ hằng tháng, họ không phải giấu giếm giếm giải quyết đồ vệ sinh đã qua sử dụng, cũng không phải chắt vật tìm cách giữ mình sạch sẽ trong những ngày ấy, và họ cho mình được quyền tỏ ra kinh tởm chuyện đáng lý ra là rất bình thường của con người.

Bởi vì họ là đàn ông, họ cho phép mình được nói những câu lả lơi bông đùa, ngay cả với đồng nghiệp nữ của họ, khi đang ở trong rừng. Bởi vì là con gái, thì phải tự biết giữ mình. Đang ở giữa rừng, có chuyện gì xảy ra thì cũng “chẳng ai biết”. Bởi vì là con gái, nên có những lúc phải làm việc với đội kiểm lâm ở trạm, ở xã, khi có tiệc tùng thì buộc phải uống rượu, phải biết uống, và phải biết không say, để có thể tự bảo vệ bản thân. Bởi vì là con gái, nên nhiều khi bị các sếp kiểm lâm bằng tuổi chú, tuổi bác, lẽ nhè bắt gọi bằng anh. Vì cái ngành này, con gái hiếm lắm. Con gái đi rừng lại càng hiếm.

Tôi yêu rừng cây xanh thắm. Vì rừng và những loài động vật không phân biệt đối xử giữa phụ nữ và đàn ông. Những tán cây ở trên đầu, những loài động vật, những âm thanh, những cơn gió,... tất cả chúng đều không quan tâm bạn là nam hay nữ. Chúng sẽ không cười vào mặt bạn mà nói rằng “*phụ nữ thì biết cái gì*”.

Cũng trong đợt đi thực địa này, tôi có lần đi cùng anh Ba vào bản để mua gạo. Một người phụ nữ trong làng đã thốt lên ngạc nhiên:

- Ôi, con gái mà cũng đi rừng cơ à.

Sau khi nghe câu cảm thán đó của chị, nhiều người đàn ông khác trong làng liền xúm lại hỏi chuyện và tò mò. Tôi - trong phút chốc, cảm giác như mình là một con thú lạ bị nhốt trong lồng để tất cả mọi người đến xem. “*Con gái thành phố vào rừng làm gì?*” “*Con gái vào rừng thì làm được gì?*” “*Có leo được núi không?*” “*Có lội được sông không?*” “*Nhìn gầy gò thế này thì làm được gì?*”

Rồi để hưởng ứng theo sự tò mò của mọi người, anh Ba cười ha hả:

- Ôi giời, đi theo làm hàng thế thôi chứ làm được gì đâu, con gái mà đi rừng thì biết rồi đấy.

Tôi không biết ý của anh ấy là biết cái gì. Nhưng có một điều tôi biết, và biết rất rõ. Đó là rất nhiều người trong số chúng tôi tự hào vì là phụ nữ, chúng tôi chẳng cần phải là đàn ông để làm một việc gì đó, cũng chẳng muốn trông giống những cô người mẫu trên ti vi để được khen được chiều. Chúng tôi không muốn tất cả những người đàn ông chúng tôi gặp trong cuộc sống này vẽ lên những trái tim màu hồng xung quanh chúng tôi, rồi đưa chúng tôi vào một cái hộp định nghĩa nào đó của họ. Những người phụ nữ cũng có ước mơ, cũng có hoài bão, và cũng có thể thực hiện ước mơ của mình nếu biết cố gắng. Trông tôi gầy gò mảnh mai, điều đó không có nghĩa là tôi không thể đi thực địa ở trong rừng. Và tôi biết chắc chắn, không phải cứ là đàn ông thì có thể đi thực địa, có thể ở trong rừng.

Cũng mất rất nhiều thời gian để tôi nhận ra rằng, nếu có người nói với tôi:

- Trông cậu không giống...

Thì tôi có thể tự tin mà trả lời họ rằng:

- Bởi vì tôi là tôi. Tôi không giống ai khác. Và chẳng có cái định nghĩa nào về việc làm bảo tồn thì phải trông giống bất kỳ ai cả.

Sự thực là những cánh rừng chẳng quan tâm tôi là nam hay nữ, béo hay gầy, da sạm nắng hay da trắng. Thiên nhiên không đánh giá tôi là người thế nào qua vẻ bề ngoài của tôi, nó nhìn tôi bằng đôi mắt xanh thẳm, và đánh giá tôi bằng hành động của tôi, bằng cách tôi sống và điều tôi làm.

Vì thế mà, với những người nói với tôi rằng phụ nữ không nên đi thực địa trong rừng, tôi có thể kể ra hàng tá những người phụ nữ, cũng là những nhà khoa học, cũng là những nhà bảo tồn, cũng là những người chị, người mẹ, người bà... mà tôi từng được gặp, từng được trò chuyện, và từng được đọc về họ trong sách vở. Họ làm được những điều mà ngay cả cánh đàn ông cũng thấy khó khăn. Và cũng chính vì thế mà nhiều khi tôi có gan để nói thẳng với những người đồng nghiệp là đàn ông khi đi thực địa cùng, vì anh được ban cho sức vóc khỏe mạnh hơn phụ nữ, nên anh cũng nên hiểu, thông cảm và bảo vệ đồng nghiệp nữ của mình trước những lời đùa tục tĩu và những hành vi không đúng mực. Đó mới thực sự là điều một người đàn ông nên làm.

* * *

Chúng tôi tạm thời ở lại trạm kiểm lâm hai ngày, vừa là để tìm người bản địa dẫn đường, vừa là để chuẩn bị cài đặt lại bẫy máy ảnh và mua lương thực dự trữ cho những ngày sắp tới. Vì nguyên cả đợt đặt bẫy máy ảnh lần này chúng tôi sẽ đi liên tục và không quay về trạm, cũng không về lại bản làng, nên lương thực dự trữ phải mang đủ cho tất cả mọi người. Anh Ba nhờ sự giúp sức của anh Sáng, đã tìm được hai anh em người dân tộc Giẻ Triêng dẫn đường giúp chúng tôi, và cũng giúp chúng tôi khâu vác đồ đạc nữa. Anh Du và anh Dương vốn dĩ đi vào khu rừng này rất nhiều để hái lá thuốc và tìm nấm, các anh ấy quen với cánh rừng đến mức chẳng cần phải nhìn bản đồ, la bàn hay định vị, chỉ cần nói khu vực mình muốn đến là các anh ấy có thể đưa chúng tôi đi một cách dễ dàng. Anh Du là anh trai, người gầy gò, khuôn mặt vô cùng hiền lành và ít nói. Anh Dương là em, cao to hơn ông anh mình và cũng hay chuyện hơn. Vì được giới thiệu tôi đến để làm nghiên cứu, nên các anh ấy cứ gọi tôi là “cô giáo”.

Đợt đặt bẫy máy ảnh này chúng tôi phải đi qua một cây cầu treo rất dài, bắc ngang qua một con suối lớn, tuy nước không nhiều nhưng dòng chảy lại rất xiết. Đúng như tên gọi, cái “cầu” thực chất chỉ là những thân cây gỗ nhỏ, được đặt lên trên những đoạn thép được treo lỏng lẻo lên những thân cây ở hai bờ sông. Chỉ cần một cơn gió nhẹ thôi cũng khiến cây cầu lắc lư sang hai bên khiến tôi nhiều khi phát đứng tim vì sợ. Lúc đi tôi chỉ lo mấy đoạn thép đó bị đứt, hay thân gỗ mục gãy mà mình rơi thẳng xuống lòng con suối đầy sỏi đá phía bên dưới.

Cả chuyến đi ấy trời mưa rất nhiều. Mưa như trút nước hết ngày này sang ngày khác. Đến lúc nắng lên thì ruồi vàng nhiều vô kể. Đám ruồi vàng này thật kinh khủng, chúng không chỉ đốt rất đau, mà chỗ đốt còn bị sưng vù lên và ngứa mủ. Dù có mặc áo dài tay và đi tất đi giày, thì chúng vẫn đốt cả lên mặt và cả hai đôi bàn tay. Thế rồi còn vạt nữa. Đám vạt ở đây cũng phải sánh với đám vạt ở Madagascar vào những ngày mưa nọ. Có những lúc vừa đi, chúng

tôi vừa phải gỡ vắt, và có gỡ thê nào cùng không xuê. Không chỉ ở trên mặt, trên gáy, trên tay, dưới chân, chúng còn tìm được cách chui cả vào bên trong áo quần, dù gấu áo, gấu quần đều đã được buộc chặt. Anh Du và anh Dương không đi giày mà chỉ đi dép cao su theo thói quen, bị từng đám vắt bám chặt vào cả hai chân, từng kẽ chân, ngón chân đến cả gót chân nữa. Họ có mang theo một túi muối buộc chặt trong vại để chấm vào vắt khiến chúng rời ra, nhưng vì quá nhiều, có lúc tôi còn chẳng biết đâu là bàn chân các anh ấy, đâu là ổ vắt nữa.

Đôi khi cũng có những đoạn đường cần phải đi mà anh Du và anh Dương chưa từng đến bao giờ, nhưng các anh ấy cũng rất thật thà. Đoạn đường nào nắm rõ như lòng bàn tay, các anh bảo các anh biết. Đoạn nào không biết, các anh ấy sẽ bảo không biết. Thế là chúng tôi có thể dò trên bản đồ và bàn bạc để tìm đường đi mà không sợ lạc. Có một lần để đi sang triền núi khác, chúng tôi buộc phải đi qua một đoạn toàn là tre nứa. Tre nứa mọc dày đặc, cách duy nhất để có thể qua là lấy dao phay tạo đường thoát. Vì thế mà dù chỉ khoảng nửa cây số thôi, chúng tôi cũng chặt vắt mất gần một tiếng mới ra được. Lúc mọi người còn đang đứng nghỉ ngơi thở ra đằng tai, thì anh Ba, lại theo thói quen cầm con dao phay phay ra phay vào do buồn tay. Hằng thì đang đứng đó nghỉ mệt, dựa tay vào một thân cây con bên cạnh.

- Á!!! - tiếng Hằng kêu lên.

- Thôi chết rồi! - anh Ba thất thanh.

Quay sang thì thấy cổ tay của Hằng có một vết chém sâu hoắm, may mà còn chưa đứt luôn cả tay ra. Anh Ba thì mặt xanh lét, tay vẫn còn đang cầm con dao phay đung đưa. Tôi vừa lấy băng gạc băng tay lại cho Hằng, vừa rít lên với anh Ba vì mấy lần anh ấy cứ cầm dao vung lung tung như vậy, cả tôi cả chị Tiên đều từng bảo anh ấy phải cẩn thận vì nếu không sẽ chạm vào ai đó rồi mà anh ấy không nghe. Cũng còn may vết thương không đến nỗi nặng, gân xương vẫn chưa sao, có lẽ là chỉ bị phân mũi dao lướt qua. Nhưng trời mưa và ẩm ướt lại còn không có tiện nghi sạch sẽ thế này, nếu không cẩn thận có thể bị nhiễm trùng.

Cả chuyến đi đó gần như ngày nào trời cũng đổ mưa, nhưng nhờ có anh Du và anh Dương mà chúng tôi không lần nào bị ướt vào ban đêm. Các anh ấy cũng có biệt tài nhóm lửa rất giỏi, dù gỗ ướt sũng nhưng chỉ cần vài phút là mọi người đã có thể ngồi quây quần bên đống lửa để sưởi ấm rồi. Khổ nỗi, vì trời mưa như trút, quần áo mà Hằng mang theo đa phần là quần bò, dù tôi đã dặn trong email đừng mang đồ bò theo, vì nó nặng, nếu ngâm nước thì rất khó khô. Nhưng mấy người bạn của Hằng hay đi phượt lại khuyên bạn ấy nên đem theo vì chặt vắt dày sẽ giúp chống lại những vết cào của cây gai. Gần như hôm nào chỉ cần vừa cắm trại thôi là Hằng phải đem quần ra hong trên đống lửa, hong đến vàng cả quần mà cũng chưa khô.

Có một buổi chiều chúng tôi cắm trại được ngay gần một con suối nước rất trong và sạch. Mọi người thay nhau đi tắm, bọn tôi được ưu tiên tắm trước trong lúc các anh con trai chặt củi khô để nhóm lửa. Lúc tắm rửa xong xuôi, tôi đem nồi cơm lên phân phía trên con suối đổ lấy nước đun nấu. Vì nước suối lúc nào cũng chảy mạnh, nhưng đi đâu tôi cũng hay làm theo quy định hồi còn

học ở trường đại học: nước ăn uống nên lấy ở phần trên của con suối, còn tắm rửa sẽ làm ở phía dưới. Tuyệt đối không vứt rác thải, dù là rác hữu cơ hay vô cơ, và tuyệt đối không đi vệ sinh ở con suối. Ít ạch vác được nồi cơm đầy gạo lên để lấy nước vo gạo và nấu cơm, thì tôi thấy có một xấp giấy vệ sinh còn rất mới được vứt ngay trên tảng đá trơn trên lòng con suối.

- Ai lại đi vệ sinh rồi vứt giấy vệ sinh ở giữa suối thế này? - tôi hét xuống phía dưới - Nước suối để ăn với tắm rửa, đừng có đi vệ sinh hay vứt rác ra suối đấy nhé mọi người ơi?

- Ai lại đi vệ sinh ra suối? - anh Ba kêu lên.

Với lấy cái que gỗ ở trên bờ, tôi hót tấm giấy vệ sinh lên rồi đào một cái hố nhỏ bằng cái xẻng con gập đôi được mà lúc nào tôi cũng mang theo. “Chết thật - tôi nghĩ - nước để ăn mà lại thế này.”

Sáng hôm sau chúng tôi lại dọn dẹp đồ đạc rồi chuẩn bị đi tiếp. Anh Dương cứ nhất quyết phải nhóm lửa lên đồng củi còn lại và đốt hết sạch.

- Anh ơi là anh, anh nhóm lửa xong bỏ đi thế này cháy rừng thì sao? - tôi than.

- Không đốt đi để bọn khác đến nó hưởng lợi từ đồng củi này của mình hả cô giáo, mình phải đi kiếm củi mà bọn khác đến thì tự dựng có củi dùng à? - anh Dương nhất quyết không nghe.

- Em dập lửa đấy - tôi kiên quyết, rồi đổ hết nước suối từ cái chai nước trên tay xuống đồng gỗ đang cháy âm ỉ - Lặn sau mình vào rừng biết đâu cũng có đồng củi khô cho mình thì sao, cứ đốt hết gỗ lặn sau lấy gì mà dùng anh?

- Con bé này... - anh Ba lẩm bẩm - Mày cứ như thế người ta không thích đâu.

Dĩ nhiên chuyện đi thực địa thì những người nơi khác đến như tôi cần tôn trọng phong tục tập quán của người dân bản địa, cũng như những thói quen của họ. Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng cũng như bất kỳ mối quan hệ nào khác trong xã hội, sự tôn trọng này cần phải đến từ hai phía, và cả hai phía đều cần phải thấu hiểu nhau. Nhóm lửa rồi để tự cháy mà không có người canh chừng quả thật là rất nguy hiểm, dù rằng lúc đó không phải là mùa khô, nhưng ai dám chắc rằng lửa sẽ không bén sang những chỗ khác mà tạo ra nạn cháy rừng cơ chứ.

Buổi sáng hôm ấy thật may mắn là trời không mưa. Mấy chiếc áo mưa chúng tôi mang theo cái thì rách, cái thì thùng do bị cây cào. Dù trời không còn mưa nữa nhưng những tán cây ẩm nước trên cao chỉ cần có vài chuyển động nhỏ, hay một cơn gió thổi qua sẽ như một cái bầy, đổ ào nước xuống đầu kẻ bên dưới. Từ hôm chúng tôi vào rừng đến nay không biết đã leo hết bao nhiêu ngọn núi rồi. Dù đã quen đi thực địa, nhưng tốc độ đi của tôi cũng không thể nhanh thoăn thoắt như anh Du và anh Dương được. Các anh ấy lại còn gùi gánh cả đồ ăn và nồi niêu, còn chúng tôi chỉ phải tự lo đồ đạc của mình thôi. Cũng không ngạc nhiên khi Hằng liên tục bị bỏ lại phía sau, thỉnh thoảng chúng tôi phải đứng chờ, hoặc gọi để bạn ấy không bị lạc hướng. Nhưng quả thật là sau vài lần như thế, ngay cả anh Ba cũng bắt đầu sốt ruột:

- Mày đưa nó theo làm gì, người yếu như cây sậy, đi cũng không xong.

- Phải cho bạn ấy thử thì mới biết có hợp với ngành này không chứ anh - tôi trả lời.

Hằng bị tụt lại tít phía sau, mà chúng tôi cũng chỉ còn hai cặp bẫy máy ảnh cuối cùng ở khu này là sẽ làm xong hoàn toàn công việc rồi. Giờ cũng đã gần trưa, nên chúng tôi nhờ anh Dương ở lại chờ Hằng, rồi chọn một chỗ sạch sẽ cao ráo để mọi người cùng ăn trưa. Tôi, anh Ba và anh Du sẽ đi tiếp để đặt một cặp bẫy ở phía tây, rồi chúng tôi sẽ quay lại ăn trưa cùng mọi người. Nếu mọi việc thuận lợi và suôn sẻ, thì chỉ khoảng chiều tối nay chúng tôi sẽ đặt được nốt chiếc bẫy cuối cùng ở khu vực này và sáng mai có thể bắt đầu quay trở về bản rồi.

Đường đi ở đoạn này khá bằng phẳng, chứ không phải liên tục leo lên leo xuống nữa. Chúng tôi chọn một đoạn rộng rãi, có hai cây cao ở hai ven đường mòn, rồi đặt hai chiếc bẫy máy ảnh đối diện nhau. Vì đối tượng nghiên cứu là loài báo gấm, nên bẫy cần được để cao trên mặt đất khoảng 30cm, và để chắc chắn là máy vẫn hoạt động bình thường, chúng tôi cần bỏ thử qua cặp bẫy. Thịnh thoảng Hằng bỏ giúp tôi, nhưng đã phàn vì bạn ấy đi rất chậm, nên lúc đến nơi thì chúng tôi đã đặt xong máy và ngồi nghỉ rồi. Anh Ba thì nhất quyết không làm hành động “vớ vẩn” này, nên tôi thường phải bỏ thử rồi tự kiểm tra máy móc. Vào đợt mưa mùa nhiều như bây giờ thì việc bỏ dưới đất rừng đồng nghĩa làm môi ngon cho vật. Gần như lần nào sau khi bỏ ra bỏ vào thì trên mặt tôi cũng có vài con vắt viêng thăm.

Xong xuôi công việc, chúng tôi cùng nhau đi về chỗ đã hẹn để ăn trưa. Năng bây giờ đã lên cao rất âm, trên đường trở về tôi còn gặp một cặp vợ chồng nhà vườn đang chuyên cành làm xao động cả một vạt cây. Năng lên sau một trận mưa dài, không chỉ con người mà bất cứ loài động vật nào khác cũng cảm thấy như được ánh nắng truyền cho một loại năng lượng kỳ lạ khiến tâm hồn vui phơi phới.

Từ chỗ nghỉ trưa, chúng tôi lại đi men theo triền núi, xuống núi, rồi lại trèo lên một ngọn núi khác. Cứ ngỡ là sẽ xong việc trong ngày hôm nay, nhưng rốt cuộc cả chiều hôm ấy đi bộ mà cũng không đến được điểm tiếp theo để đặt máy. Phải mất gần cả buổi sáng ngày hôm sau chúng tôi mới tìm được điểm cần đến. Lần này chúng tôi phải trèo lên đỉnh một ngọn núi rất cao, mây mù và gió lạnh. Cặp bẫy máy ảnh cuối cùng của khu vực này đã được lắp đặt xong, tất cả mọi người đều hồ hởi đi về.

Anh Du và anh Dương biết một con đường khác để quay về nhanh hơn, nên chúng tôi đi theo các anh. Chúng tôi qua một cánh rừng thông rất lớn, lá thông khô rơi xuống tạo thành một lớp thảm nâu đỏ dày đặc, êm ru trên nền đất rừng. Lúc này đã là quá trưa, mọi người đều cố gắng đi thật nhanh để có thể ra khỏi rừng trước khi trời tối. Nếu vậy thì chúng tôi có thể nghỉ ngơi ở nhà vào buổi tối thay vì tiếp tục phải mắc văng ở trong rừng. Đang đi bỗng dưng:

“Thụp.”

Tôi giẫm phải một cái hố. Do đám lá thông rơi phủ dày đặc nên miệng hố được che lấp. Cái hố này là hố tự nhiên, đất có lẽ đã bị lở và rửa trôi từ lâu rồi tạo nên cái hố khá sâu. May mắn là lúc bị thụp xuống tôi bám được vào

mặt đất và chông được cả hai khuỷu tay ở trên. Toát cả mồ hôi, anh Du, anh Dương và anh Ba đi ở đằng trước có lẽ không để ý.

- Có sao không? - Hằng hỏi.

- Ừ ừ... - tôi chật vật.

Quơ quào chân một lúc, tôi cũng tìm được điểm tựa. Giẫm thật mạnh vào đó để lấy đà đẩy người lên, cuối cùng tôi cũng tự trèo lên được. Cũng may là đám rễ cây to đùng, dày đặc ở dưới tạo thành cái lưới chắn giúp tôi không bị rơi xuống, và cũng nhờ đập được vào đó mà tôi có thể trèo lên trên. Quơ quào đám lá cây khô để chúng không che miệng hổ nữa, tôi thở phào. May quá!

Lúc ra được khỏi bìa rừng để vào đến bản thì cũng đã là 4 giờ rưỡi, 5 giờ chiều. Từ đây chúng tôi chào tạm biệt anh Dương và anh Du, hẹn các anh tôi mai ra trạm rồi mọi người cùng nhau ra quán ăn mừng đã hoàn thành nhiệm vụ. Gọi là hoàn thành nhưng tôi vẫn còn bốn cặp bẫy mồi nữa phải đặt ở khu vực gần đây. Nhưng khu vực này rừng khá thưa, đa phần đã bị phá bởi người dân để làm nơi trồng trọt. Chúng tôi có thể đi xe máy đến sát bìa rừng, rồi từ đó đi thẳng vào bên trong. Như vậy thì tôi có thể ngủ lại ở trạm kiểm lâm thay vì mắc võng trong rừng. Khu này không thuộc địa phận quen thuộc của anh Du và anh Dương, nên chúng tôi định sẽ tìm một người dân bản địa khác để làm người dẫn đường.

* * *

- Cái con bé ngực phẳng lì này lúc nào cũng lẻ mề - anh Ba gào lên vào sáng hôm sau.

Lúc ấy chúng tôi đang chuẩn bị để đi sang khu vực bên cạnh. Định bụng sẽ đi từ sớm để tìm người dẫn đường, nên anh Ba đã ra chuẩn bị xe cộ đầy đủ, còn tôi đã sắp xếp hết dụng cụ cần thiết vào ba lô và đeo ở lưng, chỉ chờ Hằng nữa thôi. Hằng nhiệt tình, chỉ có điều có lẽ vẫn chưa quen được với tốc độ làm việc của mọi người, sức khỏe cũng chưa đủ để làm việc dài ngày trong điều kiện đồi núi như thế này nên lúc nào cũng bị chậm hơn người khác.

- Để nó ở nhà đi - anh Ba lại gắt - có mấy đứa con gái đến tưởng thế nào, toàn đứa ngực lép!

- Ô hay cái anh này? - tôi không muốn có cái cọ vào sáng sớm, nên đã nhin từ lúc ăn sáng rồi, nhưng giờ thì quá lắm - Sao anh lại ăn nói như thế nhỉ? Anh bắt nạt vì Hằng nó không dám cãi lại, nói nó chậm chạp cũng được, nhưng sao lại cứ lôi ngực với cả lưng ra đây là thế nào?

Quả thật là từ lúc Hằng đến đây, anh Ba liên tục gọi bạn ấy là “ti vi màn hình phẳng”, “ngực và lưng là một” và còn nhiều câu khác nữa mà tôi không thể nhớ nổi. Đây cũng không phải là trường hợp hiếm hoi, khi mà người ta lấy đặc điểm cơ thể của người khác ra để chê bai, nhạo báng và cười đùa. Nhiều người sẵn sàng chê nhau béo, xấu, lùn, đen, ngực lép,... chê đủ mọi thứ. Có thể đối với họ, đó chỉ là một vài câu nói đùa vui vô hại, nhưng thực ra, những câu nói như thế có thể làm tổn thương đến người khác. Và tôi cho rằng chúng ta cần nhận ra, sự bạo hành không chỉ là từ để chỉ đến việc dùng vũ lực làm tổn hại người khác, bạo hành bằng lời nói có thể làm tổn thương tinh thần và để lại những vết thương chẳng bao giờ xóa nhòa.

Tôi có một cô bạn mới sinh con gái được hai tháng tuổi. Hôm tôi đến thăm, bạn tôi kể có người chê em bé là “đen”. “Mới đẻ mà đen thế thì ăn gì cho trắng ra”. Bạn buồn bực và lo lắng vì lời nói của người đó. Tôi cảm thấy tức nghẹn trong lòng, đó là một sự vô duyên kinh khủng khiếp. Lời nói đó không chỉ làm tổn thương tinh thần của một bà mẹ trẻ, mà còn là sự độc ác với một bé gái mới chỉ hai tháng tuổi, vừa mới sinh ra trên đời đã bị đưa vào vòng xoáy định kiến: Con gái là phải trắng!

Tôi có quen một cậu bạn, cậu ấy học giỏi nhất trường, nhưng lúc nào cũng tự ti - vì cậu ấy cũng là đứa con trai thấp nhất trường. Vì dáng vẻ thấp bé nên từ nhỏ lúc nào cậu cũng bị bắt nạt. Những từ như “*thằng lùn*” theo cậu ấy từ hồi tiểu học lên đến đại học. Vì những lời chòng ghẹo tưởng như chỉ để “cho vui” của bạn bè và những người xung quanh mà cho đến tận bây giờ, khi đã gần 30 tuổi, lúc nào cậu ấy cũng nhìn xuống đất và xấu hổ về chiều cao của mình.

Tôi cũng quen rất nhiều cô bạn, và ngay cả chính bản thân tôi thôi, với dáng người gầy nhỏ, thường bị cả nam giới lẫn nữ giới trêu chọc vì vóc dáng của mình. Người ta chẳng ngại mở miệng ra chê chúng tôi từ lúc còn đang ở tuổi vị thành niên, đến khi trở thành người phụ nữ với những cụm từ như “*phẳng lì*” hay “*trước sau như một*”, quả đáng hơn có người còn nói rằng những người có vóc dáng nhỏ bé “*không phải là phụ nữ*” rồi tự cười hô hô. Mặc cho chúng tôi ngượng ngịu xấu hổ, mặc cho nước mắt của chúng tôi tuôn rơi vì tự ti.

Tại sao con người ta phải “đẹp”, phải “xinh”, phải “trắng”, phải “cao”, phải có số đo theo đúng tiêu chuẩn của một nhóm người nào đó, hay của xã hội, để được Tôn Trọng?

Tôi từng đọc được một bài báo mạng ở Việt Nam được đăng cách đây không lâu. Người viết bài báo này biện bạch rằng chê bai chẳng có gì là xấu, người “xấu” thì phải nói rằng họ “xấu”, không lẽ lại phải nói dối rằng họ xinh đẹp. Tác giả bài báo này còn cho rằng chỉ có người tự ti mới có vấn đề với việc bị chê bai mà không nhận ra đó chỉ là lời đùa cợt. Nhưng lời đùa vui sẽ là câu chuyện đùa, nếu cả người trêu đùa và người “được” đùa đều cảm thấy vui vẻ, thoải mái với câu chuyện đó. Nếu chỉ người trêu đùa thấy vui thì đó là trò đùa ác, vô duyên và nên dừng lại.

Có một dạo, tôi thấy rộ lên trên những trang mạng xã hội ở Việt Nam đăng những tấm ảnh của những cô gái bị cho là “xấu” mà “dám điệu” để làm trò cười để nhiều người hùa vào chê bai và thậm chí là chửi rủa. Họ làm như thế đối với xã hội hiện nay, “xấu” là tội ác không thể chấp nhận được, nếu nhìn thấy là phải lên tiếng ngay, phải dập tắt ngay những con người bị gán cái tội danh “xấu” mà còn “dám” chụp ảnh. Đó là còn chưa kể đến những người có dị tật cơ thể bị lôi ra làm trò đùa trong những câu chuyện phiếm. Điều đáng nói là mọi người thường hùa vào đùa giỡn và cho rằng đó là điều-rất-bình-thường, và những người hùa vào đám đông chê bai, có cả nam lẫn nữ, cả người trẻ và những người đã lớn tuổi.

Tôi có quen một chị, vì bị chê quá nhiều, quá tự ti mà chị ấy đã để dành tiền để đi phẫu thuật thẩm mỹ để có thể được “chấp nhận” và được “tôn trọng” hơn.

Quyên phẫu thuật thẩm mỹ để làm đẹp là quyền của mỗi người, nhưng quyền được Tôn Trọng với cơ thể tự nhiên cũng là Quyền của mỗi người.

Hồi còn ở tuổi vị thành niên, tôi cũng đã từng rất tự ti với cơ thể mình. Tôi tự ti vì da tôi lúc nào cũng rám nắng, đến mức từng có thời tôi nghĩ, có lẽ mình nên ngồi trong nhà để dưỡng da và không ra ngoài khi trời nắng, có lẽ mình cũng nên mua kem làm trắng da để có thể có một làn da trắng như của người ta. Thế rồi, tôi đọc được ở đâu đó rằng, con người đẹp nhất là khi họ tự tin vào vẻ đẹp tự nhiên của mình. Vì khi bạn tự tin, bạn sẽ không màng đến những lời chê bai độc địa nữa, bạn sẽ sống đúng với bản chất của mình, và bạn sẽ dám theo đuổi mơ ước của mình, cho dù điều đó có khó khăn đến thế nào đi nữa.

Cơ thể của bạn do cha mẹ trao cho, hãy biết tôn trọng nó. Đừng chỉ vì những câu nói độc ác của một số người mà vội vàng tìm đến những viện thẩm mỹ. Hãy tự hỏi bản thân, bạn có thể đến viện thẩm mỹ bao nhiêu lần trong cuộc đời chỉ để làm hài lòng cái “vẻ đẹp” trào lưu của xã hội? Đừng im lặng chấp nhận bị chê bai, đừng nghĩ rằng mình chưa “đẹp” nên bị chê là “đáng”. Hãy lên tiếng vì bản thân mình, và vì những người khác nữa. Hãy hỏi lại những người chê bai mình, họ sẽ nghĩ thế nào, sẽ cảm thấy ra sao nếu bạn cũng dùng đặc điểm cơ thể của họ để chê bai, chỉ trích họ?

Tôi luôn cho rằng tính nhân văn và đạo đức thể hiện ở từng lời nói, từng cử chỉ và từng việc làm. Đua cọt và thóa mạ về bề ngoài của người khác cũng không làm bất cứ ai tốt đẹp hơn được, mà chỉ cho thấy nhân cách xấu xí của họ mà thôi.

* * *

Chúng tôi gặp may khi những ngày cuối cùng được Phú - một em người dân tộc Xơ Đăng giúp đỡ. Phú sinh năm 93, trẻ hơn tôi ba tuổi, tốt nghiệp trường cao đẳng Hóa sinh, nhưng mãi chưa xin được việc nên em đi bộ đội, rồi về phụ giúp gia đình. Trẻ vậy mà từ ngày đó em đã có một vợ và một cậu con trai hai tuổi rồi.

Hai hôm cuối cùng, trời cũng thương nên chúng tôi không bị mưa ướt nữa. Khu vực này như đã nói từ trước, bị tác động nặng nề của con người nên rừng cây rất thưa, đa phần đã bị phá hủy để làm nơi trồng ngô, sắn và cà phê. Thỉnh thoảng có những khu đất bằng được người dân tận dụng làm nơi nuôi thả trâu bò, vì thế mà đất lại càng bị xói lở nhiều hơn do bị giẫm đạp thường xuyên.

Tuy vậy nhưng công việc diễn ra thuận lợi, chúng tôi chỉ mất hai ngày là có thể đặt nốt bốn cặp bẫy máy ảnh. Tôi và Hằng ngủ nhờ ở khu quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh một tối, sáng hôm sau bắt xe sớm về Kon Tum. Cảm giác công việc đã xong xuôi thật nhẹ cả người, cả hai đứa đều bị cây cào xước hết cả mặt mũi chân tay nhưng vui không kể xiết. Chúng tôi ở lại Kon Tum một tối, rồi chiều hôm sau bay về Hà Nội.

Đợt ấy đang chuẩn bị vào Trung thu, vì thế mà bánh trung thu được bày bán ở khắp mọi nơi. Nhân dịp này, người ta cũng mở nhiều chương trình giải trí cho cả người lớn và trẻ nhỏ. Buổi sáng trước hôm ra sân bay, tôi và Hằng đi ăn bún ở cửa hàng gần nhà nghỉ, bỗng thấy một chiếc xe ô tô cầm loa đi quảng cáo chương trình xiếc thú sẽ diễn ra vào mấy hôm nữa. Họ còn xích một chú khỉ đuôi lợn lên trên nóc xe để thu hút sự chú ý của mọi người. Một cảm giác

nghe nện ở cô trảo lên khi chiếc xe ô tô này phóng qua, với cái loa to hét cỡ, dưới cơn mưa lâm thâm lạnh lạnh, và chú khỉ con bị buộc mặc một chiếc váy đỏ, co ro ngồi trên nóc xe...

Tôi không nhớ rõ tôi ghét xiếc thú từ khi nào. Chỉ nhớ rằng từ hồi học cấp I, khi nhà trường tổ chức cho đi xem xiếc ở rạp xiếc trung ương, tôi - cũng như nhiều đứa trẻ khác đã rất háo hức. Nhưng từ háo hức chuyển thành thất vọng, khó chịu và bức bối chỉ trong vài phút ngắn ngủi khi tôi nhìn thấy khỉ, thấy gấu, thấy voi bị đánh bằng roi điện, bị buộc phải đi xe đạp, xe máy, buộc phải đứng trên bóng và làm những trò quái quỷ mà ngay cả một đứa trẻ như tôi khi ấy cảm thấy rằng xiếc thú rất không nhân đạo. Và tôi đã xin ra khỏi rạp.

Thấy cô khi ấy đã rất ngạc nhiên, vì tôi vốn là một đứa trẻ luôn thích nhìn ngắm và thân thiện với động vật.

Kể từ ngày ấy, tôi không bước chân vào những rạp xiếc thú nữa. Khi lớn lên, tôi đọc nhiều hơn, tìm hiểu nhiều hơn, tôi biết được rằng rất nhiều trong số những cá thể động vật hoang dã bị sử dụng làm trò mua vui trong những rạp xiếc được bắt từ thiên nhiên hoang dã ngay từ khi còn rất nhỏ. Chúng bị xiềng xích, bị đánh đập tàn bạo, bị bỏ đói trong quá trình được gọi là “tập luyện”, để chúng buộc phải tuân theo ý muốn của người huấn luyện. Một điều đáng nói ở đây, là rất nhiều loài bị sử dụng tại các rạp xiếc, như voi, hổ, gấu, khỉ... là những loài động vật hoang dã đang bị đe dọa tuyệt chủng và cần được bảo vệ. Thế nhưng những loài động vật này vẫn bị sử dụng và bị ngược đãi để mua vui cho con người. Tôi tin rằng, bất cứ ai trong số chúng ta, nếu thực sự hiểu được sự hành hạ mà những loài động vật phải trải qua để có thể biểu diễn vài phút trước khán đài lộng lẫy, đầy âm thanh và ánh sáng thì sẽ chẳng ai có thể cười nổi.

Tôi còn nhớ vào cuối năm 2011, báo chí đăng tin một chú voi đã bị chết vì đói và lạnh, khi bị vận chuyển đến Quảng Nam để biểu diễn xiếc. Cũng giống như chú khỉ bị xích trên chiếc nóc xe ô tô này, chú voi ấy bị xích trên xe tải, không được che gió, che mưa, chú voi tội nghiệp ấy đã ngã quỵ vì đói và rét. Thế rồi còn thương tâm hơn, một trường hợp biểu diễn xiếc voi của đoàn xiếc Bình Minh quật chết một bé trai 12 tuổi. Đáng buồn là thay vì nhận ra sự nguy hiểm của việc biểu diễn xiếc thú hoang dã, những người này lại lý giải cho vụ việc rằng đó là do voi đến mùa giao phối nên nổi điên. Khoa học đã chứng minh rằng, voi là một loài động vật thông minh, có khả năng tự nhận biết bản thân, có cuộc sống xã hội phức tạp và có khả năng chia sẻ, cảm thông, quan tâm và chăm sóc cho các cá nhân trong đàn. Những chú voi bị nuôi nhốt trong rạp xiếc, hay tại những khu vui chơi giải trí bị tách khỏi đàn và bắt phải sinh sống cô độc khiến chúng mắc phải những căn bệnh về tâm lý. Những hành động như đứng một mình liên tục đu đưa người, liên tục lắc đầu chính là những biểu hiện có thể nhìn thấy được của những căn bệnh về tinh thần này. Khi bị buộc biểu diễn hay tham gia những trò vui cho con người, chúng sẽ tuân lệnh quân tượng, đơn giản vì chúng biết rất rõ chúng sẽ bị đánh rất đau nếu không nghe theo. Càng về sau, chúng càng bị ức chế. Quân tượng sử dụng một chiếc gậy được chế tạo đặc biệt, thường là gậy gỗ trác, có đầu nhọn để đâm vào phía sau tai, hoặc lên thái dương - là những chỗ phần da mỏng và nhạy

cảm nhât của voi. Đôi khi với voi đã bị huấn luyện lâu năm, họ có thể chỉ cầm chiếc gậy gỗ và giơ lên, những chú voi tội nghiệp ghi nhớ những trận đòn đau mà chúng đã nhận được trước đây mà phục tùng vô điều kiện. Nhưng cũng chính vì thế mà nhiều khi, chỉ cần quản tượng lơ là, hoặc đánh rơi gậy, là những chú voi ấy sẽ vùng lên bỏ chạy và tấn công người.

Tôi sẽ không luận bàn về đúng sai, hay bên vực bên nào trong trường hợp như thế này. Nhưng tôi cho rằng, với xã hội ngày một tiến bộ và đề cao tính nhân văn như xã hội chúng ta đang sống hiện nay, việc sử dụng động vật hoang dã để làm trò vui cần phải được xóa bỏ, không phải chỉ vì sự sống của những loài động vật tội nghiệp này, mà còn vì chính sự an toàn của con người nữa. Nếu chúng ta cứ mãi giáo dục thế hệ trẻ rằng con người có thể làm bất cứ thứ gì mình muốn với thiên nhiên và động vật hoang dã thay vì hướng dẫn họ tôn trọng thiên nhiên mà cuộc sống của chúng ta đang phụ thuộc vào như hiện nay, thì tương lai Trái đất này sẽ ra sao? Liệu chúng ta có sẵn sàng đánh đổi điều tuyệt vời mà thiên nhiên đang mang lại chỉ để mua vui bằng vài tiếng cười ác độc không?

Bộ linh trưởng là một bộ động vật có sự đa dạng rất cao: có đến khoảng 230-270 loài linh trưởng, bao gồm cả con người, đang sinh sống trên Trái đất này. Ở Việt Nam, con người chúng ta cũng đang cùng chung sống với 4 loài linh trưởng khác nữa, đó là: cu li, khỉ có túi má, voọc và vượn.

Năm 2013, một phân loài của báo gấm ở Đài Loan đã chính thức nằm trong danh sách tuyệt chủng, sau 13 năm nỗ lực khảo sát của các nhà bảo tồn. Ở Việt Nam, báo gấm nằm trong danh mục Nguy Cấp, được bảo vệ khỏi việc săn bắn, buôn bán và nuôi nhốt trái phép.

Chương III

Nghiêng mình nhưng không gãy đổ

“Khi cơ hội đến, hãy nắm lấy nó thật chặt, bằng cả hai tay.”

Một tuần sau khi quay trở về từ Ngọc Linh, tôi lên máy bay sang Anh, chuẩn bị năm học mới tại trường Đại học Cambridge. Một trong những điều không tưởng trong cuộc đời tôi đã thành sự thật. Thế nhưng lúc vào phòng chờ ở sân bay, bụng tôi bắt đầu đau dữ dội. Tôi thì chủ quan vì cho rằng đó chỉ là cơn đau bụng theo tháng của phụ nữ thôi. Lúc ấy, dù có thể nào đi chăng nữa, tôi cũng không ngờ nó sẽ tạo ra một trong những bước ngoặt lớn nhất cuộc đời mình.

Chuyến bay dài 22 tiếng với 6 tiếng nghỉ và chuyển máy bay ở Doha lần này là một trong những chuyến bay tồi tệ nhất trong đời. Liên tục bị cơn đau bụng hành hạ, vì đang bay nên tôi cũng không thể làm gì, chỉ có thể liên tục xin thuốc giảm đau và cố gắng ngủ. Ngay khi vừa xuống sân bay Heathrow, tôi nghĩ chắc ruột mình sắp thủng mất rồi. Không thể đứng thẳng được, cũng không thể ăn hay uống gì được vì đau, tôi được đưa vào bệnh viện khoa cấp cứu. Bác sĩ chuẩn đoán tôi bị đau ruột thừa cấp, phải mổ ngay. Thế là 12 giờ đêm, Thomas chạy vào bệnh viện, chỉ kịp nắm tay tôi nói:

- Sẽ ổn thôi, đừng lo, anh sẽ chờ ngoài này.

Rồi tôi bị đẩy đi, trên cái giường có bánh xe, chạy xoành xoạch trong hành lang bệnh viện. Lúc đấy tự dừng lại phì cười, vì nhớ cảnh trong những phim Hàn Quốc, mỗi lần có nhân vật chính bị ôm nằm xỉu trên giường bệnh, kiểu gì cũng sẽ có người nhà và hoàng tử bạch mã chạy theo nắm tay khóc lóc dẫn dõ. Lúc vào phòng gây mê, các bác sĩ trò chuyện để tôi đỡ sợ, hỏi tôi là người nước nào, đến từ đâu, tôi còn nhớ họ đã cười rất tươi và bảo rằng ngành của tôi thực thú vị. Rồi bác sĩ gây mê chính bảo tôi đếm từ 5 xuống 1, tôi chỉ nhớ mí mắt mình nặng dần, nặng dần, đếm đến số 2 là tôi không biết gì nữa.

Tôi có cảm nhận rằng mình đang bị đẩy đi đâu đó, vì tiếng bánh xe lại vang lên xoành xoạch. Cố mở mắt ra nhưng không thể, đầu choáng váng và quay cuồng vì vẫn chưa hết thuốc mê, tôi nghe thấy tiếng ai đó đang gọi tên mình. Tiếng nói rất quen thuộc, rất ấm...

- Thomas?

- Trang, là anh đây. Em có sao không? Có đau lắm không?

- Thomas... Em không đau, nhưng chóng mặt lắm, không mở mắt ra được, chóng mặt lắm...

Rồi có bàn tay quen thuộc nắm chặt lấy tay tôi. Lúc ấy chỉ biết là nước mắt nóng hổi đang chảy ra, và cũng như một phản xạ, tôi nắm chặt lại bàn tay ấy. Rồi tôi nghe giọng bác sĩ nói rằng tôi cần được nghỉ ngơi yên tĩnh...

- Trang, anh phải về đây. 10 giờ sáng anh sẽ vào, đừng lo nhé?

- Đừng đi mà...

Rồi tôi ngủ thiếp đi, không biết gì nữa.

Tám giờ sáng hôm sau, tôi bị đánh thức bởi một cô y tá. Cô ấy nói rằng đã đến giờ bác sĩ mổ chính của tôi đến thăm bệnh, và bác sĩ sẽ giải thích bệnh tình cho tôi. 8 giờ 10 phút, một bác sĩ trẻ, tầm trên 30 tuổi bước vào phòng, cười và nói:

- Trang à, không lo nữa rồi. Ruột thừa đã được cắt bỏ rồi, em chỉ cần ở lại bệnh viện theo dõi 2 ngày là về thôi. Bạn trai em tên là gì ấy nhỉ? Thomas à? Cậu ấy chờ em cả đêm, đến tận 5 giờ sáng mới về đây!

Anh ấy nháy mắt cười với tôi, rồi với tay cho tôi xem bệnh án. Bức ảnh nội soi cái ruột thừa sưng lên xấu xí...

- Hừm, vì có vài điểm nghi vấn, nên anh quyết định giữ lại mẫu ruột thừa của em để đi xét nghiệm. Nhưng em đừng lo quá nhé, chắc không có vấn đề gì đâu.

* * *

Hai hôm sau, Thomas và mẹ cậu ấy, cô Susan đến đón tôi xuất viện. Tôi được Thomas chăm sóc, chẳng phải làm gì. Có điều cậu ấy làm y tá còn nghiêm khắc hơn cả y tá ở bệnh viện, cứ đến giờ là bắt tôi đi bộ, đau mấy cũng phải đi. Đến giờ là phải ăn, ăn theo đúng khẩu phần của người ốm, tôi có muốn ăn món khác, thêm cái này, bớt cái kia cũng mặc kệ. Về sau khi tôi khỏe lại, cậu ấy vẫn đùa rằng lẽ ra cậu ấy phải được cấp giấy chứng nhận làm y tá mới phải.

Năm ngày sau kể từ khi ra viện, năm học mới bắt đầu. Dù sức khỏe vẫn chưa ổn định hẳn, mới chỉ 10 ngày từ lúc mổ, tôi buộc phải về trường để làm thủ tục nhập học, tham gia buổi giới thiệu với khoa, gặp mặt thầy phụ trách và nhận thẻ sinh viên. Tất cả mọi thứ quả thật vô cùng hứng khởi: trường tôi là trường đại học cổ thứ nhì nước Anh, và đứng thứ 4 trong số những trường cổ nhất thế giới. Những dãy nhà cổ kính như lâu đài, những mái chóp nhọn chĩa thẳng lên trời, những tòa nhà to lớn đứng uy nghi trong ánh nắng mặt trời. Những dãy hành lang tưởng chừng như vô tận, thư viện với những kệ sách tưởng như không bao giờ dứt, sinh viên mặc những bộ áo chùng đen dài mà mọi người vẫn thấy trong phim *Harry Potter* và những sảnh đường với dãy bàn dài là phòng ăn cho sinh viên... Đúng vậy đây, tác giả J. K. Rowling đã lấy ý tưởng và bối cảnh từ trường tôi và trường đại học Oxford để tạo nên trường học phù thủy Hogwarts!

Tôi thuộc “nhà” Darwin. Để giải thích về trường Cambridge thì có lẽ cách dễ nhất để hình dung, đó là trong *Harry Potter*, Hogwarts chỉ có bốn “nhà”, còn trường đại học Cambridge thì có đến 31 nhà, mỗi nhà cũng có một đặc tính riêng, và cũng tuyển sinh viên dựa vào những đặc tính riêng mà họ đề cao. Darwin - nhà mà tôi thuộc về, chắc chẳng cần nói nhiều các bạn cũng biết, là để vinh danh nhà sinh vật học người Anh nổi tiếng Charles Darwin - cha đẻ của thuyết tiến hóa. Nhà tôi đang ở - thực tế từng thuộc về gia sản của gia đình nhà bác học Charles Darwin. Năm 1964, gia đình Darwin đã nhượng lại khu nhà này cho trường Đại học Cambridge để tạo dựng “nhà” đầu tiên chỉ dành cho sinh viên học sau đại học. Vì thế mà nếu so với những nhà khác tại Cambridge có tuổi đời lên đến cả trăm năm, thì nhà Darwin khá trẻ.

Phòng tôi ở nằm trên tầng áp mái, nhỏ nhắn nhưng sạch sẽ và đầy đủ tiện nghi. Có lò sưởi, một cửa sổ nhỏ nhìn ra nhánh sông Cam, và một đảo nhỏ trên dòng sông mà chúng tôi gọi là đảo Darwin. Đảo này cũng thuộc về “nhà” Darwin của chúng tôi. Vào mùa hè hay đầu thu, khi tiết trời âm ập và có nắng đẹp, ban quản lý “nhà” Darwin thường đãi chúng tôi bữa trưa bằng cách cung cấp thịt, xúc xích, pho mát và rau củ quả cho sinh viên để chúng tôi tự nướng BBQ trên hòn đảo nhỏ này. Rồi chúng tôi còn được dành cho một khoảng sân rộng để tự trồng rau củ. Cứ mỗi tuần vào chủ nhật, hội “rau củ” chúng tôi sẽ gặp nhau, gieo hạt, xới đất, bón phân và chăm sóc cho thực phẩm được gieo trồng. Và vào mùa thu hoạch, căn bếp chung lại vang lên tiếng cười nói và mùi thức ăn tỏa ra thật âm ập.

Vì mới chỉ ra viện được hơn một tuần và chưa đi lại được như trước nên tôi phải dậy sớm để chuẩn bị và đi bộ đến khoa. Mặc dù vừa mới vào năm học, nhưng lịch trình của chúng tôi đã dày đặc. Chủ nhiệm khoa nói rằng thầy muốn chúng tôi dành ít nhất 50 tiếng một tuần để tự đọc và nghiên cứu ngoài giờ lên lớp, và rằng trường có đến hơn 100 thư viện lớn nhỏ và 8 viện bảo tàng chính, thầy hy vọng chúng tôi sẽ dùng thời gian của mình để mở rộng tầm hiểu biết và trở thành những sinh viên ưu tú. Sau đó là một chuỗi dài danh sách những tạp chí khoa học, bài báo khoa học đã được đăng và vô vàn sách cần được đọc trọng học kỳ đầu tiên. Cuộc sống quay cuồng của một sinh viên Cambridge đã bắt đầu như vậy đây.

Một sự kiện hứng khởi nhất mà đám học bảo tồn chúng tôi mong đợi xảy ra vào cuối tháng Mười. Đó là lễ kỷ niệm 110 năm ngày thành lập tổ chức bảo tồn động-thực vật hoang dã quốc tế Fauna and Flora International (viết tắt là FFI). Vốn dĩ cũng đã từng hoạt động tình nguyện và làm thực tập với tổ chức này từ nhiều năm nay, tôi cũng nhận được giấy mời đi tham dự sự kiện. Khách mời lần này không phải ai khác, chính là một trong những người mà tôi ngưỡng mộ nhất thế giới - Sir David Attenborough. Ông là một nhà tự nhiên học, sinh vật học, bảo tồn học vô cùng nổi tiếng ở Anh quốc và trên thế giới. Ông được biết đến qua giọng kể trầm âm, đầy hứng khởi và đầy đam mê dành cho thế giới tự nhiên - đúng vậy, ông chính là người đã tạo nên những thước phim về thiên nhiên kỳ vĩ của đài BBC, được phát rộng rãi khắp nơi trên thế giới từ hàng chục năm nay, mà có lẽ nổi bật nhất là bộ phim tài liệu *Planet Earth* và *Planet Earth II*.

Sự kiện bắt đầu lúc 7 giờ tối, nhưng từ 2 giờ chiều tôi đã đến văn phòng của FFI ở Cambridge để đi cùng họ lên London. Mới là tháng Mười, nhưng tiết trời ở Anh đã buốt lạnh. Lúc ấy ngoài sự hứng khởi không tưởng, thì trong 3 tiếng ngồi xe lên London, tôi cảm giác như mình đang yếu đi, nhịp thở trở nên khó nhọc hơn. Lúc xuống xe, chân tôi đã bắt đầu run, không phải vì lạnh, mà cảm giác sức lực mình như muốn chạy đi đâu hết. Tôi cố gắng đi thật nhanh vào bên trong tòa nhà mà dân làm khoa học tại Anh như chúng tôi luôn ao ước có một ngày được đặt chân vào - Viện Hàn lâm Khoa học Địa lý Hoàng gia Anh, Royal Geographical Society ở số 1 Kensington - ngay trung tâm London.

Có lẽ vì ai cũng biết đây là sự kiện có sự tham gia của Sir David Attenborough, vé tham dự đã được bán hết từ lâu. Mới chỉ gần 5 giờ chiều nhưng khách tham dự và khách mời của FFI đã đến rất đông. Tôi cố gắng đi vòng quanh các phòng đợi ở ngoài để tìm một ghế trống, vì người tôi đang run lên và chận như muốn nhào ra. Bạn bè tôi và các nhân viên của FFI đi cùng trên chuyến xe buýt đều đang cố gắng giúp chuẩn bị cho sự kiện, một vài người khác thì đứng bắt chuyện với người quen. Run rẩy, tôi cố gắng ăn một miếng bánh sandwich, uống chút trà nóng và hy vọng mình sẽ khỏe lại, nhưng thực sự thì chẳng đỡ một chút nào. Bụng tôi còn trở nên đau quặn và khó chịu hơn. Sau đó có hai ông bà cụ rất già, có lẽ đang tìm chỗ ngồi tại phòng chờ như tôi vì họ cứ nhìn quanh. Rồi cụ ông nhường cụ bà ngồi bên chiếc ghế trống cạnh tôi, cả hai người nói chuyện rất vui vẻ về Sir David Attenborough. Chắc họ cũng là fan của Sir David, nếu tôi không đang mệt rũ cả người ra thì tôi cũng sẽ bắt chuyện với họ và hỏi họ xem họ thích chương trình nào của Sir David nhất. Nhưng tại tôi lúc ấy đã ù đi rồi, tôi quyết định đứng dậy nhường chỗ cho cụ ông, chỉ nghe thấy loáng thoáng ông bà nói cảm ơn. Tôi cố tạo một nụ cười với họ và bước về phía ba đứa bạn đang đứng trò chuyện ở góc trái của phòng chờ.

- Trang à, em có sao không? Nhìn tái quá...

Đó là câu cuối cùng tôi nghe thấy từ chị Maria. Lúc tỉnh lại tôi thấy mình đang nằm sõng soài dưới đất. Cô Emily đang lay mặt tôi, còn mọi người thì vây quanh nhìn tôi đầy lo lắng. Ngơ ngác ngồi dậy, tôi còn chẳng biết mình vừa ngất. Nghe kể lại thì cũng thật may là tôi đã ngã thẳng vào người chị Maria, vì thế mà chị ấy đã đỡ kịp nên tôi không bị đập đầu vào cạnh bàn. Cô Emily dìu tôi đến gặp bác sĩ ở sự kiện. Lúc ấy mọi người có lẽ nghĩ tôi quá phấn khích vì được gặp Sir David, và ngay cả bác sĩ cũng vậy. Chú bác sĩ sau khi hỏi qua về tiền sử bệnh án của tôi, thì liên tục bảo tôi hãy hít vào thật sâu, thở ra thật mạnh. Rồi chú ấy đưa tôi một cốc trà nóng và yêu cầu tôi ngồi yên tĩnh một lúc.

Nhưng làm sao tôi có thể yên tâm mà ngồi cơ chứ, khi mà bây giờ đã là gần 7 giờ tối, mọi người bắt đầu đi vào trong khán đài cả rồi. Tôi nhấp nhôm, không thể đến tận đây để rồi ngất đi một cách ngu ngốc mà không được vào bên trong. Tôi năn nỉ chú bác sĩ, hứa rằng nếu tôi cảm thấy mệt thì sẽ nhờ người đưa ra ngoài, cuối cùng chú ấy cũng gật đầu cho tôi vào trong.

Khán phòng rất rộng, chứa được khoảng 250 người. Vì vào muộn nên tôi được đưa lên tầng 2 để không làm ảnh hưởng đến mọi người. Sir David đây rồi - người mà từ chục năm trước, lúc nào tôi cũng mong ngóng được nghe thấy giọng âm áp của ông trên ti vi mỗi khi VTV2 chiếu chương trình về môi trường hoang dã của đài BBC. Năm đó Sir David đã 87 tuổi, khi nhìn thấy ông chậm chạp bước từng bước lên khán đài, tôi không khỏi chạnh lòng. Không phải vì trước đây không biết ông đã rất già, mà vì tôi luôn nghĩ về ông như một ông lão khỏe mạnh, nhanh nhẹn và tinh anh như những gì ông thể hiện trên những thước phim tài liệu về thiên nhiên. Thực ra ông cũng đã rất già rồi, dáng đi khập khiễng và lưng thì còng xuống... Thế nhưng một khi ông đã ngồi thoải mái trên chiếc ghế đỏ đặt ngay tại giữa khán đài, thì ông trở nên nhanh

nhẹn và hào hứng lạ thường. Khi người dẫn chương trình đặt ra câu hỏi về thiên nhiên, về bảo tồn, về những thước phim và tình yêu của ông với động vật hoang dã, thì khuôn mặt ông bừng sáng, chân tay khua khoắng, động tác nhanh nhẹn như một đứa trẻ nhỏ đang kể chuyện. Ông nói say sưa, về cuộc đời làm phim tài liệu của mình, về những dự định sắp tới, về lý do vì sao ông lại gắn bó với FFI đến như vậy... Buổi tối hôm đó là kỷ niệm tươi đẹp đáng nhớ nhất trong học kỳ I của tôi.

Lúc đó, vì hưng khởi, vì được tận mắt nhìn thấy người mà tôi ngưỡng mộ hơn bất cứ ai trên thế giới này, tôi đã không để tâm đến việc mình bị ngắt, và cũng không ngờ rằng hơn một tháng sau đó, điều tôi tị xảy đến.

Cuối tháng Mười một, tiết trời lạnh căm căm. Mặt đường đã bắt đầu đóng băng, dù chưa có tuyết. Chỉ còn vài tuần nữa là đến lễ Giáng sinh, tại các cửa hiệu, những cây thông Noel, ông già tuyết, tuần lộc... được trang trí khắp mọi nơi. Tháng Mười hai sắp đến, có nghĩa là chúng tôi phải nộp báo cáo đầu tiên về dự định thành hình luận văn của mình. Đám sinh viên chúng tôi đứa nào cũng cố gắng, cắm đầu cắm cổ ở lại thư viện thâu đêm. Ngày 28 tháng Mười một, trong lúc đang gà gât vì thiếu ngủ, tôi giật mình vì chuông điện thoại reo. Cuộc gọi đến của y tá trưởng Sue từ bệnh viện. Cô ấy hỏi tình trạng sức khỏe của tôi kể từ khi phẫu thuật thế nào rồi, tôi kể qua về việc bị ngắt một tháng trước tại London, và cô Sue bảo tôi phải làm lịch hẹn để gặp bác sĩ riêng càng sớm càng tốt. Tôi dạ vâng, rồi nghĩ rằng có lẽ bệnh viện chỉ muốn kiểm tra để đảm bảo sức khỏe của tôi thôi, vì đợt này đang có dịch cúm. Tôi cũng vừa bị dính cúm mấy hôm trước, đầu óc choáng váng, khó thở, không ăn được mà nôn ọe tùm lum. Rốt cuộc phải đến bệnh viện cấp cứu vào lúc nửa đêm, nhưng giờ tôi đã khỏe lại thì có lý do gì mà phải đến bệnh viện nữa cơ chứ. Sau cú điện thoại, tôi tắc lưỡi, quay đầu lại với đồng giấy tờ, sách vở và quên bằng nội dung cuộc điện thoại này.

Một tuần sau trong khi đang cố vớt lấy 30 phút ngủ trưa trước khi tiếp tục cắm đầu vào thư viện với mấy đứa bạn, thì cô Sue lại gọi. Cô ấy không hỏi tôi có khỏe hay không nữa, mà hỏi ngay vì sao tôi không đến gặp bác sĩ riêng như cô ấy dặn. Tôi vội phân bua vì thời kỳ này đang bận rộn quá, để sau Tết có hơn chẵn. Nhưng có điều gì đó trong giọng cô ấy khiến tôi chột dạ. Cô Sue từ chối nói chi tiết cho tôi lý do vì sao tôi cần gặp bác sĩ qua điện thoại, cô ấy chỉ nói rằng nếu để lâu có thể nguy hiểm đến tính mạng, và rằng để tránh trường hợp tôi “quên”, cô ấy đã đặt lịch hẹn với bác sĩ riêng cho tôi rồi. 8 giờ sáng ngày 3 tháng Mười hai, hơn một tiếng trước khi những bài giảng ban sáng bắt đầu.

Tắc lưỡi vì chỉ ngủ được có 5 tiếng, tiết trời tháng Mười hai lạnh giá, cái lạnh như dao cứa vào da thịt. Tôi vừa đi vừa chạy đến phòng khám của NHS (National Health Service)⁽²⁾ - dịch vụ chăm sóc sức khỏe quốc gia ở đây. Gần 8 giờ sáng mà trời vẫn mịt mờ chưa sáng hẳn, hơi thở của tôi lười biếng bay lên trong làn khí lạnh trước khi tan biến vào không trung. Sau khi thông báo tên với một cô y tá ở quầy lễ tân, tôi ngồi gà gât khoảng 5 phút thì được gọi vào gặp bác sĩ riêng. Sau vài câu chào hỏi, cô bác sĩ nhìn tôi chăm chú:

- Em có người nhà ở đây không?

- Dạ không.

- Ừm... vậy thì... tôi rất tiếc phải báo với em tin này nhưng... dấu hiệu kiểm tra ruột thừa của em cho thấy em bị ung thư đường ruột.

- Dạ? - tôi ngơ ngác đáp lại. Thực không thể tin được, ung thư? Ai cơ? Tôi á? Có nhầm không?

- Tôi thực sự rất tiếc.

- Thật á? - tôi hỏi lại, vẫn chưa tin vào chính tai mình. Có nhầm lẫn gì chăng?

- Tôi rất tiếc Trang ạ. Vì thế mà em phải gọi điện lại để xác nhận với y tá Sue sau khi nói chuyện với tôi. Chúng tôi hy vọng có thể mổ cho em càng sớm càng tốt.

- Em ở giai đoạn nào rồi ạ? - câu hỏi tự nhiên bật ra... Chẳng phải đây là câu hỏi đầu tiên của mọi người khi phải nghe tin này hay sao.

- Điều này tôi không rõ, em phải đến bệnh viện đã mổ ruột thừa cho em và kiểm tra lại, chụp CT, xét nghiệm máu, và gặp bác sĩ chuyên khoa về ung thư.

Tôi chỉ nhớ rằng lúc đó đầu óc tôi hoàn toàn trống rỗng. Tôi không nghĩ được gì để hỏi, cũng không biết là trông mình như thế nào nữa. Tôi không có cảm giác gì, tất cả như nhòa đi, ý nghĩ, hay hình ảnh, hay bất cứ thứ gì đang xảy ra, chỉ là một màu mờ nhạt.

- Em có muốn hỏi điều gì không? Nếu có bất cứ thứ gì tôi có thể làm, hãy cho tôi biết, tôi sẽ giúp em - cô bác sĩ hỏi một cách lo lắng.

- Trường học, em đang học. Em vẫn chưa được nghỉ Giáng sinh. Để sau Tết mổ được không ạ?

- Càng để lâu sẽ càng ảnh hưởng xấu hơn. Tôi sẽ viết một giấy chứng nhận với trường cho em, hãy đưa giấy này cho thầy cô trưởng khoa và phụ trách của em.

Thế là tôi ngồi im nhìn cô ấy viết gì đó ra giấy. Có lẽ là giải thích quá trình ốm đau của tôi và về bệnh tình tôi ra sao. Rồi nhìn tôi ái ngại, hỏi lại lần nữa liệu có thể giúp được gì cho tôi không, còn tôi chỉ có thể cất lên tiếng cảm ơn một cách yếu ớt, rồi lết chân về.

Lúc ra khỏi phòng bác sĩ, tự dưng tôi nhận ra má mình rất nóng. Chạm vào mới biết nước mắt đang rơi. Gì cơ? Ung thư á? Đây có phải phim truyền hình dài tập Hàn Quốc đâu. Là tôi sao? Làm sao là tôi được? Tôi mới có 23 tuổi thôi mà? Tôi mới bắt đầu cuộc đời sinh viên sau đại học ở Cambridge thôi mà? Ước mơ của tôi mới chỉ hoàn thành được những bước đầu thôi cơ mà? - hàng ngàn câu hỏi vang lên trong đầu tôi, tại sao, tại sao lại là mình?

Không muốn quay về phòng mình ở Darwin, nhìn đồng hồ thì cũng phải gần một tiếng nữa mới đến buổi thuyết trình của thầy Bill Suntherland. Tôi đã mong chờ được nghe bài giảng của thầy biết mấy. Thế là tôi lau khô nước mắt rồi cứ thế đến lớp. Vì đến trước gần một tiếng nên hầu như chưa có ai trong lớp cả. Chỉ có chị Radhika, một sinh viên người Ấn nghiên cứu về loài báo tuyết ở Himalaya đang cầm cúi đọc sách. Tôi cũng không rõ lúc đó trông mình như thế nào - vì tôi đã cố làm ra vẻ mặt bình thường nhất có thể rồi.

Nhưng chắc chắn là tôi đã không thành công, vì chỉ cần nhìn vào mặt tôi, chị Radhika hỏi ngay liệu tôi có làm sao không.

Không thể mở lời, tôi đưa cho chị ấy tờ thư của bác sĩ. Chị Radhika đọc, mắt mở to, gí sát tờ giấy vào mặt mình như không tin nổi. Rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn tờ giấy như thể đang cố tìm ra điểm liên kết giữa tôi và tờ giấy ấy vậy. Rồi chị ấy chụp lấy hai vai tôi, lắc lên lắc xuống:

- Trời ơi, em có sao không? Sao lại đến đây. Đi, đi về ngay. À không, em gặp cô Emily chưa? Em báo với thầy chưa?

- Em chưa...

- Đi, đi ngay đi. Chị đi với em.

- Radhika à... - tôi bật khóc nức nở.

Chị ấy ôm lấy tôi, rồi cả hai đứa cùng khóc. Tôi và chị Radhika không thân với nhau lắm, từ trước đến giờ chỉ chào hỏi và nói chuyện về công việc và dự án của hai đứa, vì tôi thấy nghiên cứu của chị ấy rất thú vị, và chị ấy cũng hứng thú với đề tài của tôi. Chẳng biết nói gì, chị ấy có lẽ cũng nghĩ vậy, nên chỉ ôm tôi thật chặt.

- Chị đừng nói với ai trong khoa mình vội nhé, để em ngồi nghe giảng nốt sáng nay đã, mai em phải đi rồi.

Càng gần đến giờ, lớp học càng đông lên. Mọi người vào lớp, cười nói, nô đùa, bàn tán về kế hoạch nghỉ Giáng sinh, về đề tài mà chúng tôi sắp phải nộp... Ai cũng hỏi tôi có sao không. Chị Radhika ngồi bên cạnh nhìn tôi lo lắng, xúi mọi người để tôi yên. Stephen, một anh bạn hiền lành người Pháp thì thảo:

- Cái Trang làm sao thế?

Mấy đứa bên cạnh lắc đầu. Chắc mọi người tưởng tôi vừa khóc lóc một trận vì chia tay với bạn trai quá.

Thầy Bill bước vào lớp, sải chân nhanh nhẹn, và bắt đầu giảng bài... Thầy nói gì, tôi không nghe nổi. Tôi chỉ nhớ rằng hôm đó thầy cũng mặc áo sơ mi đỏ sẫm và quần ka ki sáng màu như thầy vẫn hay mặc. Thầy vẽ gì đó trên bảng, tôi nhìn, nhưng chỉ một giây sau hình ảnh ấy mờ nhòe đi vì nước mắt. Cuối cùng một tiếng rưỡi cũng trôi qua, chúng tôi có 10 phút nghỉ giải lao trước khi thầy Bill tiếp tục. Không thể chịu nổi nữa vì nước mắt lúc này cứ tuôn ra liên tục, và mọi người trong lớp bắt đầu nhìn tôi với ánh mắt ái ngại. Tôi thu dọn giấy vở rồi vội vàng bước ra khỏi lớp. Chị Radhika chạy theo nắm lấy tay tôi:

- Em không sao Radhika à, em về phòng ngồi. Đến cuối giờ chị qua nhé? Em không muốn phải gặp thầy và cô Emily một mình, chị đi với em nhé?

- Được rồi, đợi chị nhé? Hết giờ chị sẽ qua.

Thế là tôi về phòng máy dành riêng cho khóa chúng tôi. Cái bánh sandwich mua từ trước lúc đến gặp bác sĩ bỏ quên chưa ăn, giờ thì ăn không nổi nữa. Không muốn người khác nhìn thấy nên tôi chui xuống gầm bàn ngồi... và khóc. Tôi đã ngồi như thế trong bao lâu, chính tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng sau khi ngồi như vậy, tôi chui ra khỏi gầm bàn, lau nước mắt. Mở google và đánh chữ "*carcinoid*" - tên loại ung thư mà tôi bị. Cố gắng đọc về

nó, hiều về nó trước khi phải đến bệnh viện. Có tiếng chân người ngoài hành lang, nhiều tiếng chân. Có lẽ bài giảng của thầy Bill đã kết thúc. Mọi người ủa vào phòng, trò chuyện rôm rả và nhận xét về bài giảng ngày hôm nay. Chị Radhika đến bên cạnh, nắm lấy tay tôi rồi gật đầu. Tôi đề chị kéo sang phòng của cô Emily, cảm giác như mình đã mất hết sức lực rồi.

Hôm ấy cô Emily mặc một chiếc áo len đỏ mang màu sắc Giáng sinh, khi nghe thấy tiếng chúng tôi gõ cửa thì cười rất tươi và đẩy hộp bánh quy gừng về phía chúng tôi:

- Sắp Giáng sinh rồi, mấy đứa cố gắng hoàn thành thật tốt bài tập đầu tiên của khóa trước kỳ Giáng sinh nhé!

- Ừmn... Emily à, bọn em có chuyện cần phải nói với cô.

- Ừ, có chuyện gì vậy? - cô Emily vẫn không nhận ra có điều bất thường ở chúng tôi, đang bận rộn lôi ra một đám dây nhợ và đồ trang trí để chuẩn bị cho sự kiện Giáng sinh tới nay.

- Trang... ừmn, cô Emily à, Trang... - Radhika ngáp ngừng, mắt liếc nhìn tôi, rồi lại nhìn cô Emily, còn hai tay nắm chặt lấy cái bàn như thể sợ nó sẽ đổ lăn ra đất.

- Cô Emily ơi, em bị chẩn đoán mắc bệnh ung thư, em phải xin nghỉ học một thời gian. Đây là thư từ bác sĩ... - tôi nói một hơi thật nhanh rồi đưa cho cô tờ thư cô bác sĩ đã soạn.

Cô Emily tròn mắt nhìn tôi, tay vẫn cầm đám dây nhợ mà cô vừa cố kéo ra khỏi cái thùng các tông dưới gầm bàn, rồi vội vã chạy vòng qua bàn làm việc, ấn tôi ngồi xuống ghế và ôm chặt lấy tôi. Cô lâm bậm như đang nói với chính mình: “Không sao đâu, em sẽ không sao đâu... Ôi Trang, em sẽ không sao đâu.”

Cô dúm cho tôi cái bánh quy gừng, một mực cho rằng tôi nhất định phải ăn cái bánh quy này để lên tinh thần. Rồi hứa rằng cô sẽ thông báo với thầy chủ nhiệm của tôi, rằng mọi thứ sẽ ổn thôi, tôi sẽ không bị nghỉ học, vì nếu trường Cambridge cảm thấy tôi không có đủ sức khỏe để theo học thì tôi sẽ phải nghỉ học một năm. Cô bảo chị Radhika phải đi cùng tôi về “nhà” Darwin và gặp thầy chủ nhiệm nhà để thông báo về tình hình sức khỏe, mặc cho tôi đang phản đối một cách yếu ớt “em tự đi được mà”. Thế là với sự hộ tống của chị Radhika, tôi đến phòng thầy Leo Howe, tự cảm thấy tỉnh tâm hơn một chút so với lúc sáng. Đã gần 6 tiếng trôi qua kể từ khi tôi nghe tin mình bị bệnh rồi.

Thầy Leo là một thầy giáo già, mắt sáng quắc, gầy gò khẳng khiu và vô cùng nhanh nhẹn. Thầy vừa ngồi nghe chị Radhika trình bày sự việc trọng khi tôi đang ngồi lún vào trong chiếc ghế bành sofa, ước gì mình có thể biến mất ngay trong lúc này. Vừa nheo mắt nhìn tờ thư cô Emily viết, thầy vừa nói:

- Tôi rất tiếc vì chuyện này. Trọng tình huống xấu nhất tôi sẽ phải tạm đình chỉ khóa học của em và em có thể tiếp tục học vào năm sau, nhưng hãy chờ xem sức khỏe của em ra sao sau khi phẫu thuật. Tôi sẽ báo với người giữ khóa của trường, nếu em cần sự giúp đỡ thì cứ nói với họ. Vận chuyên đồ đạc hay giúp đỡ đi lại, bất cứ điều gì có thể chúng tôi sẽ giúp em. Giờ điều quan trọng nhất là em để đầu óc và cơ thể được nghỉ ngơi. Cô Emily và thầy chủ

nhiệm khoa Nigel sẽ gửi đơn yêu cầu khoa tạm hoãn hạn nộp các bài báo cáo cho em nên em không cần quá lo lắng. Chúc em may mắn.

Thầy nói một hơi, rồi hỏi tôi có cần gì không. Sau khi nghe tôi lí nhí, thì thầy bảo tôi và chị Radhika nên đi ăn trưa, vì giờ phục vụ bữa trưa tại sảnh đường sắp đóng rồi. Chưa hề ăn gì trong cả ngày nhưng chẳng hề đói và cũng không muốn ăn, tôi vẫn bị chị Radhika kéo vào sảnh và ép ăn một bát súp cà chua nóng. Lúc này, chị Radhika tỏ vẻ bất bình, tuôn ra một hơi vô cùng bức bối về sự “lạnh lùng” của thầy Leo. Tại sao thầy có thể nói một hơi ngắn gọn như vậy rồi tổng bọn mình ra ngoài cơ chứ! Thầy có thể tỏ ra quan tâm hơn một chút cơ mà! Nói đoạn chị ném cho tôi cái nhìn ái ngại. Sau khi thấy tôi cố gắng nuốt được vài thìa súp, chị ấy bảo có lẽ tôi nên gọi điện về nhà báo cho gia đình, và nếu tôi không thể tham gia sự kiện Giáng sinh tối nay, chị ấy sẽ thay tôi làm nhiệm vụ của mình.

Tôi bèn từ chối ngay lập tức. Lúc đầu óc đang bấn loạn và cảm thấy sợ hãi, bất lực như thế này, tôi không muốn phải ở một mình. Có lẽ dạ hội Giáng sinh không phải là lựa chọn tuyệt vời nhất khi vừa bị thông báo về tình trạng tội tệ này, nhưng tôi hy vọng sự ồn ã, vui vẻ của ngày hội sẽ khiến tôi bớt lo lắng. Hơn nữa... tôi không biết mọi chuyện sẽ thế nào, nhưng ít ra tôi có thể gặp bạn bè của mình, vui vẻ, cười nói một chút trước khi phải nhập viện.

- Thế còn gia đình? - chị Radhika nhìn tôi dò hỏi - Em định thế nào, có cần chị giúp không?

- Không, không sao. Em sẽ tự thông báo... Chị Radhika à, em không ăn nổi nữa. Em sẽ về phòng một tí nhé? Em sẽ gọi điện về nhà, chị đừng lo. 4 giờ gặp chị ở trước cửa quán The Fountain nhé, rồi mình cùng đi đến nơi tổ chức dạ hội.

Tôi vội vã đứng lên để chị Radhika không nhìn thấy nước mắt đang chực trào ra trên mặt mình. Ngày hôm đó cảm xúc của tôi thật sự lộn xộn. Có lúc tôi thấy sợ hãi và lo lắng, có lúc tôi lại không cảm thấy bất cứ thứ gì. Không thấy buồn, không thấy sợ, không thấy lạnh, không thấy nóng nhưng người lại toát ra mồ hôi. Thông báo với gia đình... Đó là điều mà tôi sợ nhất. Tôi sẽ nói gì với bố mẹ và chị gái tôi đây? Tôi sẽ nói gì với những người luôn yêu thương, tin tưởng, luôn muốn bao bọc và bảo vệ tôi đây? Tôi đã sống một mình hơn năm năm, những chuyện vui buồn, những điều xảy đến tôi thường giữ cho bản thân. Những năm sống xa nhà một mình, vì không muốn bố mẹ phải lo lắng, tôi chỉ nói về những điều tốt đẹp, những niềm vui, những thứ mọi lạ. Biết rằng khi tôi quyết định chọn và theo ngành này, bố mẹ tôi đã lo lắng đến nhường nào. Biết rằng mỗi lần tôi đi rừng, mỗi lần tôi đến một vùng đất lạ, mỗi lần tôi đến châu Phi, bố mẹ tôi lại sợ hãi cho sự an toàn của tôi. Biết rằng cả bố và mẹ vẫn lúi cuội thắp hương trên bàn thờ tổ tiên mỗi lần tôi thông báo mình chuẩn bị đi thực địa để cầu mong tôi được bình an... Làm sao tôi có thể gọi điện về nhà và nói rằng, ngày hôm nay, bác sĩ nói với con rằng... Mẹ sẽ phản ứng thế nào, bố sẽ ra sao. Còn cả chị gái tôi nữa. Ngày tôi đi du học, mẹ khóc hết nước mắt. Khóc từ tối hôm trước, đến lúc đưa tôi ra sân bay. Tôi đã hứa với mẹ sẽ biết tự chăm sóc mình, sẽ sống thật khỏe mạnh. Giờ thì...

Mới gần 3 giờ chiều, nhưng nước Anh đã tối mịt mù. Bầu trời xám xịt và mưa nhẹ. Tôi nằm lẩn trên giường, chẳng buồn bật đèn hay cời guitar. Cứ nằm đó, nhìn chăm chăm lên trần nhà, lần đầu tiên kể từ lúc gặp bác sĩ, tôi cho mình khóc thật to, thật to. Nước mắt chảy cũng được, không cần cầm nín nữa. Không cần lau khô nữa. Tôi không biết mình đã nằm đó bao lâu, chỉ biết rằng tôi đã khóc rất nhiều, rồi thiếp đi trong giấc ngủ mộng mị.

Lúc tỉnh dậy thì đã hơn 6 giờ tối. Tôi đã hứa với chị Radhika và đám bạn đến từ lúc 4 giờ để giúp chuẩn bị và trang hoàng cho buổi tiệc. Nhưng có lẽ cô Emily và chị Radhika đã thông báo với mọi người là có thể tôi sẽ không tham gia, vì ngoài tin nhắn hỏi tôi có ổn không của chị Radhika thì tôi không có tin nhắn nào khác. Thomas biết rằng sáng nay tôi đến gặp bác sĩ, nên đã nhắn tin hỏi thăm. Chẳng thể nào nói được, cũng chưa muốn nói gì, tôi nhắn sẽ gọi lại cho cậu ấy sau. Vứt điện thoại xuống gối, tôi quyết định không gọi về nhà. Tôi chưa chuẩn bị tinh thần cho việc này. Có lẽ tôi sẽ nói với chị tôi trước... nhưng không phải bây giờ. Quyết tâm đứng dậy, đi rửa mặt, thay một bộ váy đỏ cho có không khí Giáng sinh, đeo đôi khuyên tai hình tuần lộc mũi đỏ Rudolph và cài lên tóc hai chiếc kẹp có hình sừng tuần lộc, tôi nhìn vào gương rồi nhoen miệng cười, ừ, dù sao cũng là Giáng sinh...

Lúc tôi đến hội trường thì gần như mọi người trong khóa đều đã có mặt đông đủ. Ai cũng mặc lễ phục rất đẹp. Chị Radhika mặc một bộ lễ phục của Ấn Độ, vừa nhắc thấy bóng tôi đã chạy lại hỏi tôi có sao không. Thấy tôi nói cười như không có chuyện gì, chị ấy nheo mắt nhìn tôi. Sam - anh bạn người Anh ở cùng khóa toét chạy lại:

- May quá đi mất, bọn nó vừa bạo mày bị ốm hay sao đó nên không đến. Thế là chúng nó bắt tao phải làm tuần lộc thay mày. Này, giỏ quà bốc thăm ở đây nhé, giao lại cho tuần lộc mũi đỏ.

Tôi cười nhả nhổ, rồi đứng gần cửa vào ở hội trường. Khách đến dự tiệc của khóa tôi là những anh chị khóa trên, và những nhà bảo tồn, nhà nghiên cứu làm việc trong và ngoài trường. Tiệc của hội làm bảo tồn nên dù là Giáng sinh cũng vẫn rất đơn giản, đồ ăn gọn nhẹ, vì cái kỵ nhất là lãng phí thức ăn. Khi đang đứng phát phiếu bốc thăm và câu đố cho một vài khách mời đến từ tổ chức điều tra bảo tồn thế giới thì thầy hướng dẫn Nigel đến. Vừa thấy tôi, thầy đã hỏi ngay:

- Tại sao em lại ở đây? Em có *nên* ở đây không? Có *nên* về nghỉ ngơi không.

- Em muốn ở đây thầy ạ, em không muốn ở trong phòng một mình. Mai em phải đến viện kiểm tra rồi.

- Nhưng em có nên ở đây không, đông đúc, ồn ào, liệu có ổn không?

- Thầy đừng lo mà...

Tôi cười rồi chụp cho thầy một cái mũi đỏ. Thầy Nigel là một ông lão người Anh mập mạp, râu tóc trắng muốt, luôn rất truyền thông và khá kiêu cách. Nhiều sinh viên cho rằng thầy là một người lạnh nhạt, vì rất ít khi thấy thầy bày tỏ cảm xúc với bất cứ sinh viên nào. Iris - một chị bạn người Hà Lan của tôi từng khóc râm rút vì bị căng thẳng do bài tập nghiên cứu dồn dập quá

nhiều ngay trước mặt thầy, vậy mà thầy thậm chí còn chẳng an ủi chị ấy, chỉ bảo chị ấy nên “uống một cốc trà cho tỉnh tâm rồi vào thư viện học đi”, rồi bỏ lên phòng nghiên cứu của thầy. Vì vậy mà đợt Giáng sinh này, đám sinh viên năm nhất chúng tôi muốn mượn ảnh hưởng của rượu vang đỏ để quây thầy một chút.

Buổi tiệc mừng Giáng sinh sớm năm đó quả thực rất vui vẻ. Tôi cố gắng không để mình đứng yên giây phút nào, liên tục nói chuyện với mọi người, liên tục bày trò với đám bạn nên nhất thời không cảm thấy lo lắng hay buồn phiền chút nào. Lúc trở về phòng thì đã gần nửa đêm, ấy là tôi đã lấy có sáng hôm sau phải đi London sớm để thoát ra khỏi sự lôi kéo của đám bạn muốn đi quây tiếp. Chị Radhika đã giữ lời hứa không nói với ai, mọi người chỉ biết hình như tôi hơi mệt và phải đến bệnh viện kiểm tra sức khỏe. Như vậy cũng tốt, chẳng việc gì mà phải làm mọi người lo lắng cho tôi trong khi tôi còn chưa biết rõ tình trạng của mình xấu đến mức nào.

Sáng hôm sau tôi thức dậy từ sớm, một phần là do không ngủ được vì lo lắng, một phần vì tôi muốn gặp Thomas trước khi vào viện. Lịch hẹn ở bệnh viện của tôi là 2 giờ chiều. Từ Cambridge đến Oxford mất khoảng 3,4 tiếng xe, tùy vào tình trạng giao thông. Thomas rất lo lắng vì không liên lạc được với tôi, cậu ấy đã linh cảm có điều không lành khi tôi nhất quyết không nói bác sĩ đã nói gì với tôi qua điện thoại. Xe vừa cập bến đã thấy mớ tóc xoăn của cậu ấy nhô nhô trước cửa xe. Cô Susan, mẹ cậu ấy cũng đến chờ tôi. Vừa xuống xe đã được mọi người ôm chầm lấy, và cũng giống như cô Emily, ai cũng lăm băm như câu nguyện: “Cháu sẽ ổn thôi, đừng lo lắng quá”.

Chiều hôm ấy Thomas nghỉ học, cùng với mẹ đưa tôi đến bệnh viện. Vừa đến nơi y tá trưởng Sue đã chờ tôi ở trước cửa khoa điều trị ung thư, rồi đưa tôi đi thử máu và làm các thủ tục kiểm tra. Theo lời của bác sĩ chính thì tôi mới chỉ ở giai đoạn đầu, nhưng các khối u đã bắt đầu phát triển, nên tôi cần được mổ gấp và được điều trị ngay. Bác sĩ đặt lịch mổ cho tôi vào trưa ngày hôm sau, và 8 giờ sáng tôi sẽ được chụp CT để các bác sĩ lên kế hoạch mổ và trị liệu. Mọi thứ thực sự xảy ra quá nhanh. Tôi ngồi im, không biết nên hỏi gì hay nên nói gì. Thật may là cô Susan đi cùng, cô ấy mang theo một quyển sổ nhỏ kín đặc chữ. Có lẽ cô ấy đã thức cả tối để viết ra hết các câu hỏi rồi mạng theo vì sợ quên. Cô hỏi rất nhiều, về việc mổ có lâu không, có nguy hiểm gì không, liệu tôi có phải ở viện lâu không, quá trình trị liệu thế nào, chỉ dùng thuốc hay phải dùng cả hóa chất, thậm chí hỏi đến cả vết mổ có to không và có để lại sẹo nhiều không. Thomas ngồi bên cạnh, nắm tay tôi và môi mím chặt. Thỉnh thoảng cậu đặt ra một vài câu hỏi với bác sĩ, còn lại cũng không nói gì. Chúng tôi đều không nghĩ bệnh viện lại đặt lịch mổ cho tôi sát đến như vậy, nên tôi thậm chí còn không mang theo đồ đạc gì cả. Khi y tá Sue gọi tôi vào phòng trong và thay đồ bệnh viện, tôi bịn rịn chào cô Susan và Thomas, cảm tưởng như 1000 năm đã trôi qua rồi, kể từ cái buổi sáng tôi vớ vội cái bánh sandwich ở cửa hàng tạp hóa trước khi chạy đến gặp bác sĩ.

Vì là mổ đường ruột, nên tôi không được ăn. Vì thế mà vừa vào phòng bệnh nhân đã được y tá cắm ngay cho một ống truyền. Tôi được nằm trong phòng bệnh riêng biệt, có ti vi để xem phim, có một kệ sách nhỏ ở bên cạnh. Thỉnh

thoảng có một y tá vào kiểm tra hỏi han xem tôi có cần gì không. Vận dĩ bình thường tôi rất khỏe mạnh, nên giờ phải nằm im một chỗ với cái ông truyền làm tôi rất khó chịu. Cũng còn may là trong bệnh viện có Internet... Có lẽ đã đến lúc rồi. Nếu ngày mai tôi mổ, thì tôi nên nhắn tin cho chị tôi thôi...

- Chị My à, đang làm gì đấy?... Này, đừng nói với bố mẹ vội nhé, hôm qua em gặp bác sĩ. Người ta bảo em bị ung thư, mai em mổ rồi. Đừng nói gì với bố mẹ đấy, mổ xong xem tình hình thế nào rồi em nhắn về cho. Không bố mẹ lại lo rồi chẳng để làm gì.

Chị tôi, cũng giống như bất kỳ bà chị nào khác trên thế giới này, không được bình tĩnh lắm khi đón nhận cái tin đó. Chị hơn tôi 8 tuổi, lúc ấy chị tôi đã có gia đình, và cháu tôi mới được gần hai tuổi. Lúc đầu, chị tôi còn phủ nhận tin này vì không muốn tin. Chị một mực cho rằng có lẽ bác sĩ đã nhầm rồi, có lẽ đã giữ nhầm phân ruột thừa của ai đó rồi tưởng là của tôi. Hay thậm chí còn giống như một số vụ bê bối y khoa ở Việt Nam, y tá in ra một đám kết quả bệnh giống nhau rồi phát cho bệnh nhân. Thế rồi chị tôi cũng phải chấp nhận, như tôi đã chấp nhận nó. Quả thực là không muốn tin, nhưng không thể nào khác được. Chị bảo sẽ nói cho bố mẹ biết tôi phải mổ, chỉ là không nói rõ tôi phải mổ vì lý do gì thôi. Rồi chị thuyết phục tôi để chị tìm cách cho mẹ sang thăm tôi.

- Thôi thôi, để mẹ ở nhà với bố. Bắt mẹ sang thăm em làm gì. Em ốm nằm viện thì ai ra đón mẹ. Rồi đường xá đi lại thế nào, tiếng thì không biết. Mà bệnh viện ở đây người ta chỉ cho người nhà vào thăm hai lần một ngày, mỗi lần một tiếng. Mẹ sang một mình, đi lạc mà em không dậy được thì biết làm sao. Đừng nói gì đấy, có gì em báo mẹ sau.

Thế rồi mất một lúc chị tôi cũng đồng ý sẽ không nói với bố mẹ mọi chuyện. Tôi biết chị cũng đang rất sợ, cũng đang rất lo. Nhưng thực sự cả tôi và chị đều không muốn bố mẹ phải quá sợ hãi về chuyện này khi mà chẳng thể làm thế nào khác cả. Thế rồi tôi chào đi ngủ. Một ngày dài thật dài, tôi thiếp vào giấc ngủ một cách khá dễ dàng vì mệt.

Ở bệnh viện khá âm ỉ, ngay cả nằm trong phòng riêng tôi vẫn nghe tiếng máy móc, tiếng bước chân gấp gáp của bác sĩ hay y tá, tiếng những chiếc giường bệnh được đẩy đi... Lúc tôi thức dậy mới chỉ gần 6 giờ sáng. Trời vẫn tối mịt mù. Mở di động, kiểm tra email... tôi vẫn còn rất nhiều email công việc chưa trả lời. Rồi còn báo cáo cần phải gửi cho thầy David MacDonald về kết quả đợt đặt bẫy máy ảnh ở Kon Tum của tôi nữa. Thở dài, tôi lóng ngóng viết một email ngắn thông báo với thầy về tình trạng của mình bằng một tay, vì tay kia vẫn lúng liếng ông truyền. Tôi xin khất hẹn báo cáo kết quả chuyến đi thực địa năm 2013 và bản kế hoạch cho hoạt động năm 2014 đến sang năm. Lúc sau một anh y tá người Philippines bảo tôi chuẩn bị để đi chụp CT. Mặc dù vẫn chưa mổ và vẫn có thể đi lại bình thường, nhưng các y tá vẫn cho rằng tôi nên ngồi xe lăn và ông truyền của tôi được móc lên đó để tiện cho việc di chuyển đến phòng chiếu/chụp. Bệnh viện Wexham quả thực rất rộng, từ khoa điều trị cho bệnh nhân ung thư đến khu chiếu/chụp mất khoảng 15 phút trên xe lăn. Mới từ sáng sớm nhưng bệnh viện đã rất đông rồi. Lúc bị đẩy qua căng tin

bệnh viện, tôi mới nhận ra mình đang đói cồn cào. U, thì từ tôi qua đèn giờ tôi đã được ăn tí nào đâu.

Chụp CT, hay còn gọi là chụp cắt lớp vi tính, sử dụng tia X-quang và đo độ dội lại của các tia X-quang trên các tế bào và ráp những thông tin này lại bằng vi tính để tạo ra hình ảnh cơ thể trên không gian hai, hoặc ba chiều. Với hình chụp này, các bác sĩ có thể có được khái niệm bao quát về những khối u trong ruột tôi. Bác sĩ ở phòng chụp trấn an tôi một chút (vì quả thực lúc đến đó tôi có hơi sợ). Chiếc máy chụp cắt lớp trắng toát và rất to, giống như những gì tôi thấy trên một vài bộ phim của Mỹ. Bác sĩ cũng giải thích qua các quá trình, bảo tôi nằm xuống với hai tay để trên đầu, rồi giải thích rằng để các tế bào cơ thể sáng rõ hơn, họ sẽ tiêm vào cơ thể tôi một loại thuốc nhuộm đặc biệt. Bác sĩ cầm ống tiêm - được nối với máy vào phần mấu nối ống truyền (lúc này đã được tháo ra), rồi bảo tôi yên tâm, cái máy chỉ hơi ồn ào một chút thôi nhưng đừng lo lắng quá. Lúc máy bắt đầu chạy, tôi thực sự đã rất sợ. Máy chụp CT không ồn ào như máy chụp MRI, nhưng khi thuốc nhuộm được tiêm vào cơ thể, tôi cảm giác như một làn nước sôi nóng bỏng đang đốt cháy các mạch máu trên cơ thể mình. Từ ống truyền, tôi có thể cảm nhận được nỗi đau rất chạy thẳng từ mạch máu trên bàn tay phải, truyền xuống cơ thể, xuống đến tận đầu các ngón chân. Lúc ấy, vì sợ và căng thẳng, tôi đã nghĩ... ôi... mình sắp chết rồi!

Thế rồi, cũng nhanh như lúc bắt đầu. Tôi không cảm thấy đau và rất bỏng nữa. Bác sĩ đi vào phòng chụp, và bảo tôi rằng mọi thứ đã xong. Tôi có thể về phòng và gặp người thân, vì lúc ấy đã gần 10 giờ sáng. Anh Tan đợi tôi ở phía ngoài, hỏi tôi có sao không. Tôi xấu hổ kể với anh ấy là tôi cứ nghĩ mình sắp chết rồi và đã hét rất to vì tôi rất sợ đau. Thế là anh ấy cười ha hả, và động viên rằng trông tôi rất khỏe mạnh, ca mổ chiều nay sẽ diễn ra tốt đẹp cả thôi. Về đến cửa phòng thì tôi đã thấy cô Susan và Thomas lập ló ở phòng khách dành cho người nhà bệnh nhân rồi. Hai người hỏi tôi có ngủ được không, có cần gì không. Hai mẹ con mang cho tôi đồ lót để thay, vài quyển sách và báo cáo mà tôi yêu cầu. Rồi cô Susan đem theo một đám thiệp Giáng sinh để vừa viết vừa trò chuyện với tôi và Thomas, thỉnh thoảng giả vờ chăm chú nhìn một chú chim oanh ngực đỏ đậu bên cửa sổ mỗi lúc Thomas dờ dưng nói chuyện tình cảm với tôi. Thế rồi một tiếng qua đi nhanh thật là nhanh. Cô Susan ôm tôi thật chặt:

- Cháu sẽ ổn cả thôi, cháu là người tốt, cháu không hút thuốc lá, cũng chẳng nghiện rượu, vậy mà lại bị bệnh thế này thật chẳng công bằng. Cháu như con gái thứ hai của cô vậy, cô sẽ cầu chúc cho cháu khi cháu trong giường mổ.

Thomas không nói gì, nhưng mặt trắng bệch, chỉ nắm chặt lấy tay tôi rồi ra về.

Lúc tôi lết về phòng cá nhân, anh Tan đã giúp tôi cất đồ đạc vào một cái túi riêng của bệnh viện. Rồi bảo tôi thay một chiếc áo chùng và đồ lót dành cho bệnh nhân. Xong xuôi, anh bảo tôi nằm lên giường bệnh, sẽ có bác sĩ từ đội gây mê đến nói chuyện. Cô Healthier, một chuyên gia gây mê của bệnh viện đẩy cửa vào phòng chỉ vài phút sau đó. Cô giải thích rằng thay vì dùng thuốc gây mê qua ống chụp như tôi được dùng đợt mổ ruột thừa, các bác sĩ cho rằng

việc gây mê bằng cách tiêm tủy sống là cách tốt nhất. Chỉ cần nghe đến đó là tôi đã sợ phát khóc lên rồi! Tiêm vào tủy sống à?!! Trong đầu tôi lại hiện lên một đám hình ảnh phim Hàn Quốc hồi bé hay xem với mẹ và chị. Cô diễn viên chính bị bệnh phải tiêm hay lấy tủy sống gì đó, và mặc dù chưa phải trải qua bao giờ nhưng thông qua những thước phim ấy tôi cũng đoán rằng nó phải đau đớn kinh khủng lắm, vì lần nào cũng thấy diễn viên chính gào thét nước mắt đầm đề cơ mà.

Khẩn khoản mặc cả với cô Healther liệu có thể dùng cách khác không, rằng tôi sợ tiêm vào tủy sống lắm. Nhỡ chệch một cái tôi bị liệt thì làm sao, rồi cuối cùng tôi cũng phải thú nhận là tôi chịu đau rất kém và vì đã lỡ xem một động phim Hàn từ thuở bé thơ nên tôi đang rất sợ. Cô Healther cười rồi xoa đầu tôi như xoa đầu một đứa trẻ đang đòi quà, bảo rằng cô chắc chắn tôi sẽ không sao, rằng chắc chắn nó sẽ không đau như tôi tưởng rồi đi ra. Bác sĩ mô chính Serino cũng vào thăm tôi, nói qua tình hình bệnh và chỉ vào phần bụng rồi vẽ phác bằng đầu ngón tay để cho tôi biết vết mổ sẽ bằng cỡ nào. Cũng như cô Healther, cô trấn an tôi một chút, rồi đi ra ngoài. Sau đó, hai y tá nam đến từ phòng phẫu thuật bước vào, bảo tôi hãy nằm thật thoải mái trên giường, rồi cứ thế họ đẩy chiếc giường bệnh đến khu phẫu thuật. Khác với lần mổ ruột thừa cách đó có hơn một tháng, lúc này tôi cảm thấy sợ kinh khủng. Tôi sợ nhìn những ánh đèn bệnh viện trắng sáng lóa trên đầu, tôi sợ tiếng bánh xe kêu xoành xoạch, tôi sợ đó sẽ là thứ cuối cùng tôi được nhìn thấy...

Chẳng cần phải quan sát nhiều cũng thấy lần mổ này quy mô lớn hơn lần trước. Phòng chuẩn bị rộng hơn, đội gây mê cũng đông đảo hơn hẳn, gồm có năm người, kể cả cô Healther. Một cô y tá trẻ hơn đến bắt chuyện với tôi và nói chuyện cười để tôi bớt lo lắng. Cô ấy bảo tôi ngồi dậy, rồi dần dần nặn phần cột sống của tôi. Vốn dĩ biết mình sẽ bị tiêm, nên tôi rất sợ. Cắn chặt lấy tay, tôi ngồi im, không ho he gì. Cô Healther bảo tôi đừng căng thẳng quá, cô sẽ cố gắng để làm nó không đau, nhưng quả thật chỉ nhìn ống kim tiêm to chừng thôi là tôi đã hãi hùng rồi. Tôi nhắm chặt mắt lại, cảm thấy đầu ngón tay của bác sĩ chạm vào xương sống của mình, có lẽ chỉ trên phần xương cụt 10 hay 15cm gì đó thôi. Rồi tôi cảm thấy kim tiêm được đưa vào, xuyên qua phần da, tôi cảm thấy một cơn đau buốt, rồi bác sĩ bảo tôi hãy nằm xuống, thử động dậy ngón chân. Tôi cố gắng làm theo, cảm giác như có cái gì đó rất nặng, rất nặng đang đè lên từng ngón chân của mình. Cô gắng kháng cự lại cái cảm giác đó, tôi biết rằng ngón chân của tôi vẫn cử động được. “Thử lần nữa xem” - à... hình như thuốc đã ngấm hẳn rồi. Tôi không cảm thấy gì ở chân mình nữa, mi mắt cũng nặng dần, nặng dần, rồi tôi chìm vào giấc ngủ.

Lời hứa với chú gấu năm nào

Đầu những năm 90, gia đình tôi vẫn sinh sống ở ngoại thành Hà Nội. Trường tôi học lúc đó là một trường cấp I ở thị trấn, ngôi trường bé nhỏ, sân trường vẫn là sân đất, đầy cỏ dại. Đám học trò cấp I như chúng tôi thời bấy giờ cứ đến trường là thi nhau đi bắt châu chấu, cào cào hay bướm bướm để nghịch, vì thời đó còn trùng vẫn còn nhiều vô kể, nhất là vào mùa hè. Nếu mưa rào ập xuống, sân trường có khi còn bị ngập, nước từ con sông bên cạnh trường dâng lên, đem theo cơ man là cá rô, cá chép, cá quả. Tôi vẫn nhớ hồi đó, có một vài cậu bạn đi học nhưng tranh thủ đem theo cả cần câu, rô xúc để bắt cá vào giờ nghỉ trưa.

Năm tôi 8 tuổi, khu phố nhỏ nơi tôi ở có một sự thay đổi lớn. Miếng đất trống cạnh trường được một gia đình giàu có mua, rồi xây một căn nhà rất bự. Thời đó, để xây được căn nhà bốn, năm tầng phải rất giàu, nhất là ở cái thị trấn lụp xụp toàn nhà cấp bốn, thì thoảng lắm mới có vài căn nhà hai tầng nhỏ nhỏ nhô lên này. Nhà tôi cách trường chỉ khoảng 2 phút đi bộ, thành ra nhiều khi nghe tiếng trống trường tôi mới ù té chạy đi học. Từ nhà đến trường, tôi phải đi qua căn nhà to đùng đó. Tôi vẫn nhớ vào một buổi chiều, khi đám học sinh chúng tôi vừa đi vừa đầu lảo về bộ phim *Hoàn Châu cách cách*, thì chúng tôi nhìn thấy bên trong sân căn nhà đó có một cái chuồng sắt đang được dựng. Cái chuồng sắt hẹp, nhưng rất cao. Những thanh sắt kiên cố được sơn màu nâu đỏ. Cả lũ chúng tôi đứng ngoài, kiễng chân ngóng cổ nhòm xem cái lồng đó được dùng vào việc gì. Nhưng ngay khi chiếc lồng được dựng xong, người ta thả một tấm bạt dày che mưa để che chiếc lồng này đi. Ông chủ nhà thấy chúng tôi mắt chữ A, mồm chữ O nhòm ngó từ ngoài vào, liền đi ra để xua chúng tôi về.

Thế là từ hôm ấy, bên cạnh chủ đề về phim ảnh, hoạt hình, chúng tôi dành phần lớn thời gian để đoán xem chiếc lồng ấy được dựng để nhốt con gì.

- Con gì đi nữa thì nó phải là một con rất to, to và nguy hiểm, nên mới phải nhốt như thế - tôi nói chắc nịch.

- Con chó béc giê thì sao? - cái Xù lên tiếng, hớn hờ nhìn quanh mong chúng tôi hưởng ứng phỏng đoán của nó.

- Chó béc giê thì người ta xích trước cửa nhà để xua trộm, chứ ai nhốt trong lồng làm gì? Thế mà mày cũng nói - thằng Tùng quát đáp trả ngay.

- Thế theo mày là con gì? - cái Xù hỏi, tò mò.

- Tao... tao cũng không biết.

Ngày nào đi qua căn nhà ấy, chúng tôi cũng cố gắng nhòm vào thật kỹ. Nhưng tấm bạt dày lúc nào cũng ở đó, che chắn cho chiếc lồng. Thỉnh thoảng chúng tôi nghe được một vài âm thanh lạ, lúc thì gầm gừ, lúc thì rên rỉ... Có một mùi hôi rất đặc trưng luôn toát ra từ ngôi nhà đó, mùi hôi mà chục năm sau, tôi sử dụng nó để phát hiện ra những vụ nuôi giữ động vật hoang dã trái phép.

Một buổi chiều muộn, do tôi và cái Xù trốn ở lại trường sau giờ tan học để chơi cầu lông đến tận khi trời bắt đầu xâm tối. Vào thời ấy, ở khu phố tôi ở

người ta chưa dựng đèn đường sáng choang như bây giờ. Tôi và nó, hai đứa dúi dúi bám tay nhau, sợ hãi đi qua hai ngôi nhà hoang mà có lần thằng Thế Anh cùng lớp từng thề sống thề chết là nó nhìn thấy ma đi lang thang giữa hai căn nhà này. Con hẻm nhỏ tôi vẫn đi lại vài lần mỗi ngày bỗng trở nên đáng sợ trong bóng tối. Thế rồi, tôi và Xù nghe thấy tiếng găm gừ, rên rĩ... Tiếng rên rĩ mỗi lúc một lớn hơn, rồi trở thành một tiếng thét gào trong đau đớn. Dù là gì đi nữa, thì chắc hẳn nó đang phải chịu đau ghê lắm.

Tôi và Xù bám chặt lấy tay nhau, rón rén đi về phía phát ra tiếng gào dường như đang bị lìm dìm đi. Tôi bám lấy bức tường vôi bẩn thỉu, ghé mắt nhìn qua khe cửa. Miếng bạt che mưa lúc này đã được dỡ xuống, cửa chuồng mở toang, lộ rõ một cái máng ăn bẩn thỉu, những vết cào hiện rõ qua ánh đèn lấp loáng... và nằm ngay đó, là một chú gấu đen, to đùng. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy gấu gần như thế. Chú gấu nằm ngửa giữa sân, tay và chân bị trói chặt. Hai người nữa đang cúi gằm đó, một người đeo găng tay cao su, người còn lại đang dò dẫm trên ngực chú gấu. Vài người trong nhà cũng ló đầu ra xem. Người đeo găng cao su đưa cho người kia một ống tiêm rất to, hình như họ định chọc cái ống tiêm to tổ chẳng ấy vào người chú gấu. Người kia nhận lấy ống tiêm giơ lên, chuẩn bị đâm vào...

- Á á á á á - cái Xù hét toáng lên, rồi bỏ chạy.

Tôi bị giật mình, hét lên thật to rồi ù té chạy theo... cảm thấy ruột gan mình như bị bỏ lại đằng sau rồi.

Tôi và cái Xù hứa với nhau sẽ không nói với ai về việc mình vừa nhìn thấy. Cả tôi và nó đều sợ, rồi óc tưởng tượng của trẻ con, cho rằng đó là ngôi nhà mafia, chuyên tra tấn gấu, nếu họ biết tôi và nó nhìn thấy thì họ sẽ tìm cách tra tấn chúng tôi. Lúc ấy, mới 8 tuổi, tôi vẫn chưa thực sự hiểu họ tra tấn chú gấu như thế để làm gì. Nhưng cái mùi hôi, trộn lẫn mùi phân và nước tiểu, tiếng rên rĩ, và gào thét trong đau đớn, hình ảnh chú gấu bị trói nằm giữa sân ngày hôm đó, cho đến bây giờ vẫn luôn hiện lên trong tâm trí. Tôi không thể nào quên.

Buổi tối ngày hôm đó, tôi trèo lên sân thượng, nhìn về phía căn nhà có nuôi giữ gấu ấy, thầm xin lỗi chú gấu vì không biết phải làm gì, và không thể làm được gì. Tôi tự hứa, khi lớn lên, nhất định tôi sẽ không để con người hành hạ gấu, hay bất cứ loài động vật nào như thế nữa. Nhất định, tôi sẽ làm bảo tồn động vật hoang dã.

Dù nghĩ vậy, nhưng lúc đó, tôi cũng vẫn không hiểu rõ, làm bảo tồn động vật hoang dã là làm những gì. Nhưng kể từ hôm đó, nếu có cơ hội, là tôi lại tìm đọc sách về thiên nhiên và về động vật. Đặc biệt là thiên nhiên hoang dã. Tôi cũng hay thức khuya, châu chực trên kênh VTV2 để chờ những thước phim về môi trường và động vật hoang dã của kênh Discovery channel, hay của BBC. Cố gắng góp nhặt từng tí, từng tí tất cả những gì tôi có thể tìm được về một ngành nghề mà tôi còn chẳng biết có tồn tại hay không. Đến năm cấp II, khi đám bạn cùng lứa được hỏi thích làm nghề gì, đưa thì bảo muốn làm giáo viên, đưa bảo thích làm bác sĩ, tôi quả quyết nhất định sẽ làm bảo tồn động vật hoang dã. Mọi người nhìn tôi rồi cười, làm gì có ngành nào như thế.

Muôn làm cái ấy, phải như bên Tây ý. Người ta giàu, có tiền, có thời gian mới đi vào rừng tìm động vật. Chứ như mày, ăn còn chưa lo được mà cũng đòi làm bảo tồn à. Rồi mọi người cười xòa, cho rằng đó chỉ là ý muốn vớ vẩn của một con nhóc mà thôi.

Cơ hội đầu tiên trong cuộc đời tôi đến vào năm tôi học lớp 10. Lúc ấy tôi tròn 15 tuổi, 7 năm, kể từ khi tôi đặt mục tiêu trong đời mình - dù có thế nào cũng phải theo ngành bảo tồn. Tôi thi vào lớp chuyên Sinh của trường cấp III Hà Nội - Amsterdam, vì cho rằng nếu học chuyên Sinh, tôi sẽ được học thêm về hệ sinh thái, môi trường, về tập tính của các loài động vật. Nhưng rồi kế hoạch đó của tôi phá sản, vì học chuyên Sinh, chúng tôi chỉ tập trung vào học di truyền để ôn thi học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế.

Chẳng có hứng thú gì với chuyện thi học sinh giỏi, mặc đám bạn trong lớp ôn thi, tôi lên mạng Internet (hồi đó mạng Internet mới bắt đầu trở nên phổ biến ở Việt Nam cho đám trẻ chúng tôi), tìm kiếm thông tin về rừng, về động vật hoang dã của Việt Nam, về những tổ chức bảo tồn quốc tế có trụ sở ở Hà Nội. Thay vì đi học thêm, tôi đạp xe dạo khắp Hà Nội, tìm những tổ chức này, xin được sử dụng thư viện của họ và photocopy tài liệu, tranh ảnh về động vật hoang dã. Cứ có cái gì là tôi tìm cách photocopy rồi mang về cho bằng được. Có điều, tiếng Anh của tôi ngày ấy rất tệ. Để đọc được một trang sách, có khi mất nửa tiếng, hay cả tiếng đồng hồ. Tôi viết ra những từ mới, nào là tên động vật hoang dã này, tên của từng sinh cảnh này, rồi tên khoa học của các loài này, cố gắng ghi nhớ từng tí, từng tí một.

Thế rồi hai tháng sau khi nhập học vào trường cấp III, có một cuộc thi về môi trường nước được phát động trên cả nước. Có lẽ vì là trường chuyên, nên ban tổ chức cuộc thi còn đến tận trường tôi để tuyên truyền về cuộc thi này. Cuộc thi có chủ đề về nước sạch, dành cho thanh thiếu niên độ tuổi từ 15 đến 18. Người tham gia dự thi phải chuẩn bị một đề án hoàn chỉnh, về lọc nước, hay về cách tiết kiệm, sử dụng nước sạch. Người đoạt giải nhất quốc gia sẽ được sang Thụy Điển, tham gia tranh giải chung kết với thanh niên quốc tế tại Stockholm trong tuần lễ thế giới về nước.

Quá tuyệt vời! Không phải là cuộc thi về động vật hoang dã, nhưng mà cũng chẳng sao. Thi về môi trường, cũng khá là gần rồi. Còn hơn là học ôn thi về di truyền, biến dị. Hơn nữa nếu tham gia cuộc thi này, tôi cũng sẽ có thêm hiểu biết về cách làm dự án, rồi học thêm được về tiếng Anh nữa! Thế là tôi đăng ký đi thi, mày mò tìm sách vở, liên lạc, hỏi mượn sách từ cách anh chị đại học. Lúc viết xong dự án, tôi gửi thầy chủ nhiệm, nhờ thầy góp ý. Thầy cầm quyển dự án của tôi, tắc lưỡi:

- Sao không học ôn thi học sinh giỏi như các bạn mà lại làm cái này hả con?

Tôi cười:

- Con muốn làm bảo tồn, thầy ạ.

Trước hôm đi nộp bài dự thi, mẹ tôi cũng tắc lưỡi, học thì không học, suốt ngày làm thứ linh tinh. Thi cũng chẳng được giải đâu con, mấy năm nữa vào đại học rồi, không lo học thì biết làm thế nào?

Vậy mà cuối cùng vào năm 15 tuổi, tôi là thí sinh trẻ tuổi nhất lọt vào vòng chung kết. Rồi sau 30 phút phỏng vấn với ban giám khảo, tôi đoạt giải Nhất. Thật sự không thể tin nổi.

Ba năm học lớp chuyên, tôi chưa bao giờ được giải học sinh giỏi thành phố môn Sinh, chứ đừng nói đến giải quốc gia, hay quốc tế. Nhưng ba năm cấp III ấy đánh dấu sự khởi đầu trong sự nghiệp làm khoa học của tôi. Ba năm cấp III ấy, tôi tìm hiểu, rồi xin làm tình nguyện viên ở nhiều tổ chức bảo tồn quốc tế khác nhau tại Hà Nội, trong đó có vài tổ chức mà đến tận bây giờ tôi vẫn giữ liên lạc, và vẫn cộng tác cùng. Ba năm cấp III ấy, là ba lần tôi sang nước ngoài, dự thi về khoa học môi trường. Tôi được một vài giải quốc gia, và một giải nhất quốc tế. Bạn học cấp III của tôi, nhiều người đi thi học sinh giỏi toàn quốc, rồi giải Olympia. Bạn tôi, những đứa đoạt giải quốc gia, được miễn thi tốt nghiệp, rồi miễn thi đại học. Tôi - lúc nào cũng bò chậm chậm ở đằng sau, chẳng phải học sinh giỏi xuất sắc, chẳng đứng đầu lớp, lúc nào cũng gây ấn tượng với các thầy cô vì... toàn làm những việc gì đâu.

Giải thưởng quốc tế của tôi - giải Nhất quốc tế về môi trường, cuối cùng lại không được Bộ Giáo dục công nhận. Đơn giản vì nó không nằm trong chương trình học. Cuối năm lớp 12, tôi viết một email hỏi Bộ Giáo dục, vậy tôi có được điểm thưởng gì trong kỳ thi tốt nghiệp, hay thi tuyển vào đại học hay không. Bộ trưởng Bộ Giáo dục thời bấy giờ lên báo trả lời rằng, đó chỉ là giải thưởng khu vực nên không được công nhận, mặc cho cúp và giấy khen của tôi ghi rõ “Giải Nhất *quốc tế*”.

Mấy đứa bạn tôi tắc lưỡi bảo:

- Những gì mày làm, đúng là có tiếng mà không có miếng. Có bao nhiêu lâu, cuối cùng chả được gì.

Tôi cười, gật đầu:

- Ủ, đúng thật.

Lúc đó, tôi đã nghĩ, con đường mình chọn quả thật chông chênh. Có lẽ vì thế mà bố mẹ không đồng tình, không ủng hộ. Nếu mà tôi cố gắng ôn thi học sinh giỏi Sinh, cố gắng được giải này giải kia trong chương trình học, có phải là vừa có tiếng, vừa có miếng không?

Rồi trong suốt quá trình theo đuổi công việc này, có những lúc thật sự thấy nản lòng. Có những ngày tháng cô lập làm nghiên cứu trong rừng sâu, không có người để nói chuyện, không có lấy một câu hỏi han hay vỗ về. Tôi đã nghĩ... Tại sao, tại sao lại làm công việc này?

Nhưng rồi tôi hiểu, tôi hiểu rất rõ. Ngay cả ngày còn nhỏ, tôi cố gắng làm tất cả mọi thứ trong tầm tay, bất cứ cơ hội nào có được, tôi nhất quyết không buông ra. Sự cố gắng ấy, không phải để “có tiếng, có miếng”. Chỉ đơn giản, đó là vì ước mơ mà tôi đã định. Chỉ đơn giản, những cố gắng ấy đối với tôi đều là những bước đi khởi đầu để có thể giúp tôi hoàn thành mơ ước của mình. Vì lời hứa tôi tự hứa với mình, với chú gấu khôn khô ngày ấy.

Những năm gần đây, tôi hay nhận được email của mọi người, đặc biệt là các bạn trẻ, tâm sự rằng các bạn mong muốn được làm điều này điều kia, nhưng gia đình không ủng hộ. Quả thật, điều duy nhất tôi có thể nói với các

bạn, đó là nêu như có ước mơ, có hoài bão, có hy vọng, thì hãy cố gắng để theo đuổi nó. Nhưng bạn phải chuẩn bị tâm lý thật vững vàng, vì theo đuổi ước mơ không bao giờ là điều dễ dàng cả. Nó sẽ gặp ghềnh hơn những con đường khác, nó sẽ mất thời gian hơn những con đường khác, đôi khi sẽ làm bạn phải khóc, nhiều khi khiến bạn muốn bỏ cuộc. Nhưng phần thưởng ở cuối con đường đôi khi lại làm bạn bất ngờ, bởi vì nó còn ngọt ngào hơn cả kẹo sô cô la.

Và điều quan trọng nhất, ấy là nếu có ai đó nói rằng, điều bạn mong muốn thật viễn vông, bạn sẽ không làm được đâu. Thì bạn phải thật tự tin vào bản thân mình, phải cố gắng hơn nữa, nhiều hơn nữa để làm được điều mà bạn mong muốn. Cho dù thế nào đi nữa, cũng không được bỏ cuộc.

Nhất định, nhất định không được bỏ cuộc, Trang nhé?

* * *

Rồi lại tiếng bánh xe loạch xoạch, loạch xoạch. Lại ánh đèn loang loáng trên đầu. Tiếng người gọi tên tôi quen lắm. Cả tiếng cô Susan lo lắng hỏi tôi có sao không. Nhưng mí mắt tôi rất nặng, đầu tôi cũng rất nặng. Tôi cảm giác như mình đang lâm bầm nói gì đó, nhưng rồi không cưỡng lại được, tôi lại thiếp đi.

Đau... đau quá, thật sự đau quá, không chịu nổi nữa rồi... Tôi tỉnh giấc, lúc này có lẽ là nửa đêm. Tôi đã được đưa vào phòng hậu phẫu, không còn nằm ở phòng riêng nữa. Màn rèm che kín cả bốn phía quanh giường, trên mũi tôi vẫn còn cắm ống thở. Cả hai tay tôi lúc này đều có ống truyền và ống tiêm. Hai ống bên tay trái, và ba ống cắm bên tay phải, cả hai tay đều được quấn băng dính y tế trắng toát để cố định ống truyền, muốn cử động tay cũng khó nữa. Có lẽ vẫn còn bị ảnh hưởng bởi thuốc mê, tôi cảm thấy thật nặng nhọc. Nhưng bụng tôi cảm thấy rất đau, đau rát đến khó thở. Tôi cố với tay bấm nút gọi y tá...

Tiếng chân gấp gấp vang lên, rồi một chị y tá nhỏ nhắn người châu Á mở rèm quanh giường tôi, hỏi tôi cần gì, có sao không.

- Em đau không chịu nổi...

Chị kéo một chiếc ống có nút bấm màu tím, đưa vào tay tôi:

- Đây là Morphine, em sẽ được sử dụng thuốc này trong vòng ba ngày. Những lúc quá đau không chịu nổi em có thể ấn nút. Nó sẽ giúp em giảm đau.

Tôi thở hắt ra câu cảm ơn vì quả thực tôi không còn chút sức lực gì nữa. Chị y tá đề tay lên trán, kiểm tra xem tôi có sốt không, nhìn chỉ số nhịp tim, rồi chúc tôi ngủ ngon và đi ra. Tôi nắm chặt chiếc nút bấm, bấm một, rồi hai cái. Morphine là một trong những loại thuốc giảm đau mạnh nhất, nhưng cũng có khả năng gây nghiện cao nhất. Nếu đã từng có tiền sử bệnh án liên quan đến nghiện (như nghiện rượu, nghiện thuốc lá...) thì sẽ không được sử dụng loại thuốc này. Trong vòng ba ngày, tôi sẽ được sử dụng loại thuốc giảm đau cực mạnh này dưới sự kiểm soát gắt gao của các bác sĩ. Mặc dù tôi có thể tự tiêm thuốc vào ven thông qua nút bấm bất cứ khi nào tôi cần, nhưng lượng thuốc đã được đóng đếm cẩn thận bởi các bác sĩ. Ngày đầu tiên lượng thuốc nhiều nhất, rồi giảm dần. Nếu đã dùng đến mức cao nhất cho phép, thì dù có

bấm nút, thuốc cũng sẽ không được tiêm vào cơ thể nữa. Dưới tác dụng của thuốc, tôi cảm thấy bớt đau hơn, rồi mi mắt lại sụp xuống...

Tám giờ sáng, tôi bị một chị y tá đánh thức. Chị ấy bảo bác sĩ sẽ đến thăm tôi lúc 9 giờ. 8 giờ là giờ các bệnh nhân sẽ tỉnh giấc, vệ sinh cá nhân, thay ga trải giường. Tôi rên rỉ:

- Em vừa mới mổ tôi qua mà, ga trải giường em chắc phải sạch lắm. Chị không cần thay đâu...

- Không được, em dậy ngồi lên ghế sofa một tí đi. Nằm nhiều cũng không tốt đâu.

- Nhưng mà đau lắm, em vừa mới tỉnh đêm hôm qua mà, sao ngồi ghế được.

- Nào dậy đi, chị còn lau người cho em nữa.

Thế là chị ấy hạ giường, đặt chế độ đẩy phần đầu lên cao để tôi vào tư thế ngồi, rồi vừa đỡ, vừa kéo, vừa lôi tôi ra khỏi giường. Chiếc ghế sofa đơn được đặt ngay bên cạnh, chỉ cách có hai bước chân nhưng với tôi lúc ấy nó là cả một đại dương mà tôi không thể nào tự mình vượt qua được. Chỉ cần cố gắng đứng lên thôi, vết mổ như muốn nứt ra vậy, đau rất đến cháy bỏng. Tôi ngồi gập người lên chiếc ghế, nước mắt chảy ra lã chã vì đau. Một chị y tá đến thay ga trải giường, một chị khác mang nước ấm đến và bắt đầu giúp tôi lau người. “Có lẽ thuốc morphine cũng không giúp giảm đau được khi liên tục bị dịch chuyển thể này,” vừa nghĩ, tôi vừa bầm lầy bầm đẽ nút lấy thuốc vì tôi đang đau đến không chịu nổi nữa.

Được quay lại giường, tôi cũng bắt đầu thấy đỡ đau hơn. Một lúc sau bác sĩ đến, nói rằng ca mổ đã thành công. Răng đoạn ruột của tôi đã được gửi đi xét nghiệm và sẽ có kết quả sớm thôi. Và rằng tôi cần phải theo một chế độ ăn uống nhất định và có một vài loại thức ăn phải được kiêng khem cẩn thận. Tôi đã vâng nhận lấy một tập sách và tờ rơi nhỏ về căn bệnh và thông tin sau khi mổ của mình. Hình như lúc này do đau quá mà tôi đã ấn cái nút tím hơi nhiều thì phải... tôi cảm thấy người hơi lâng lâng, chẳng thấy đau đớn gì và thậm chí còn tự mình xoay sở để ngồi dậy. Lần đầu tiên tôi nhìn quanh phòng bệnh ở khoa này. Căn phòng rất rộng và có nhiều cửa sổ. Mỗi giường bệnh là giường đơn, chỉ cách xa nhau khoảng 3m. Mỗi khoảng đều có một chiếc tủ cá nhân riêng ở bên trái giường để người bệnh giữ đồ - ngay trên tủ của tôi là bọc quần áo thường và vài quyển sách về tê giác và báo cáo buôn bán động thực vật hoang dã trái phép mà tôi đang đọc dở lúc ở trường. Một chiếc ghế sofa bọc đệm đơn ở phía bên phải để người bệnh có thể ngồi nghỉ. Tôi là bệnh nhân ít tuổi nhất ở đây - vì như cô bác sĩ đã nói, đây là loại ung thư hiếm gặp ở người trẻ, đa phần chỉ xảy ra ở người trên 65 tuổi mà thôi. Phía bên phải giường tôi là một bà cụ già rất già, có lẽ cũng phải trên 80, gần 90 tuổi rồi. Bà cụ ngồi một mình trên ghế, với một cuộn len dày thật dày, bà cần mẫn đan len. Thình thoảng một cô y tá đến hỏi bà cần gì không, giục bà uống thêm tí nước, hay mang một chiếc ghế đôn để chân cho bà dễ chịu. Thấy tôi chăm chú nhìn, bà nhướn miệng cười.

Mười giờ sáng, giờ thăm bệnh. Thomas, cô Susan, và cả Lucy, em gái của Thomas cũng vào thăm tôi nữa. Cô Susan mang theo một bó hồng vàng thật

đẹp - quả thật hoa hồng của nước Anh rất thơm, rất rất thơm. Cô cũng cẩn thận mang theo một cái lọ để cắm hoa, và còn tặng tôi một chú hổ nhồi bông để ôm khi ngủ nữa. Tất cả đều có phần bất ngờ khi thấy tôi ngồi đọc sách trên giường, chẳng có vẻ mệt mỏi hay đau đớn gì cả dù tay vẫn cầm đầy ống truyền. Tôi thậm chí còn trèo cả xuống giường, đi bộ ra cửa sổ để dòm người dưới sân nữa. Thomas và Lucy cười sặc sụa khi tôi giải thích là có lẽ đã tự tiêm quá nhiều morphine nên mới như vậy, nhưng cô Susan, do không nghe được đầu đuôi câu chuyện, đã tấm tắc “Cháu khỏe thật! Người châu Á bé nhỏ nhưng mà khỏe thật đấy!”

Cái gì cũng có hậu quả của nó, vài giờ đồng hồ sau khi mọi người về hết, tôi bắt đầu thấy mệt mỏi, và bắt đầu bị đau. Nhưng dù có ấn thêm bao nhiêu lần vào cái nút màu tím đi nữa thì cũng không có lượng thuốc giảm đau nào được tiêm cho tôi cả, vì tôi đã dùng quá lượng thuốc được sử dụng trong một ngày rồi. Bài học cho ngày đầu tiên nằm viện: “Thuốc cần được dùng đúng liều lượng, đúng lúc và đúng cách”.

Mỗi ngày một lần, tôi được bác sĩ đến thăm vào buổi sáng, và được tiêm vào buổi chiều. Tôi bắt đầu ngủ ít đi khi cơ thể dần bình phục, và dành nhiều thời gian hơn cho việc đọc sách để chuẩn bị cho dự án làm việc sắp tới. Mặc dù ban đầu, tôi định tiếp tục với dự án đặt bẫy máy ảnh cùng thầy David MacDonald, nhưng với điều kiện sức khỏe của tôi hiện nay thì tháng Tư tôi vẫn chưa đủ khỏe để vào rừng sâu, trèo đèo lội suối như những ngày làm việc ở Ngọc Linh được. Cuối cùng, với bao nuối tiếc, tôi đành gửi thầy David kết quả kiểm tra sức khỏe cùng với khuyến cáo của bác sĩ, và rút khỏi dự án đặt bẫy máy ảnh mà nhiều tháng qua tôi đã tâm huyết với nó.

Một buổi sáng khi đang ngồi đọc những nghiên cứu xét nghiệm về tính y học của sừng tê giác, xương hổ và một vài sản phẩm từ động vật hoang dã khác mà người châu Á thường kê trong những bài thuốc cổ truyền, tôi đã không để ý bác sĩ Andy đang đứng cạnh từ lúc nào và cũng chăm chú đọc kết quả nghiên cứu đó cùng với tôi:

- Nghiên cứu khoa học cho thấy rõ ràng sừng tê giác, cao hổ, vảy tê tê không có tác dụng chữa bệnh gì. Sao? Em đang ôm nên định dùng à, không được đâu nhé! - anh Andy nháy mắt trêu.

- Ha ha không ạ, tôi vừa cười vừa ôm bụng. Đã hơn một tuần nhưng tôi vẫn không thể cười hay hắt xì mà không cảm thấy đau nhói ở vết mổ - Nhưng ở châu Á nhiều người vẫn tin vào tác dụng của nó, vì đó là “truyền thống”, theo “thói quen” và theo những bài thuốc dân gian truyền miệng...

- Vậy thì nguy hiểm quá, hôm nọ anh thấy em nói chuyện với anh Tan là người Việt Nam sử dụng sừng tê giác với hy vọng chữa ung thư. Như vậy thì vấn đề không chỉ còn là bảo tồn tê giác, mà còn là bảo vệ sức khỏe của mọi người nữa, đúng không? Bệnh nặng không chữa trị đúng lúc, đúng cách mà lại dùng sừng tê giác thì làm sao khỏi được?

Đúng vậy nhì... Nhắc đến công việc của chúng tôi, người ta thường nghĩ đến việc bảo tồn, bảo vệ các loài động vật hoang dã khỏi nạn tuyệt chủng do tác động của con người, chứ rất ít người nghĩ rằng bảo tồn cũng là bảo vệ cả

chính con người nữa... Thế là, từ cuộc nói chuyện nhỏ với anh Andy đó, tôi bắt đầu nhen nhóm ý tưởng hình thành dự án nghiên cứu sâu hơn về vấn đề bảo tồn tê giác. Trước đây khi nói chuyện với một vài người sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã ở Việt Nam, mọi người thường nói rằng “có bệnh thì vái tứ phương”, bị bệnh nặng khác sẽ sợ hãi mà dùng đủ mọi loại “thuốc” khác nhau, cho dù đó có thực là “thuốc” hay không. Trước đây tôi luôn khỏe mạnh, không đau ốm gì, nhưng bây giờ, dù là may hay không may, tôi cũng đang mang theo mình một câu chuyện, và tôi muốn sử dụng nó để mọi người thấy rằng, bệnh càng nặng thì lại càng nên được điều trị một cách khoa học, chứ không nên nghe theo những lời đồn đại vô căn cứ.

Hơn chục ngày nằm viện rồi cứ trôi qua đều đều như thế. Tủ bệnh của tôi được trang trí bởi hàng tá thiệp chúc mừng Giáng sinh do bạn bè, rồi cả thầy cô trong khoa gửi đến. Thầy hướng dẫn chính của tôi còn gửi tặng quyển báo cáo về tê giác của thầy viết cho TRAFFIC - mạng lưới kiểm soát buôn bán động-thực vật hoang dã trái phép, còn ký tặng và nói rằng thầy mong được gặp tôi ở học kỳ tiếp theo. Đám bạn nhí nhố gửi ảnh, kẹo và đồ chơi. Tôi thường tranh thủ mời các cụ bà nằm gần giường một vài cái kẹo sô cô la sau mỗi bữa ăn từ núi kẹo khổng lồ của mình. Cụ bà Anna, người thường ngồi đan len trên ghế rất thích con hồ bông của tôi, cứ mỗi sáng bà lại nhìn nó triu mến rồi hỏi liệu bà có thể chạm vào nó không, rồi vuốt ve nó một cách rất tình cảm.

Hai ngày trước khi ra viện, tôi lại được kiểm tra tổng thể một lần nữa, rồi được cho một đồng thuốc giảm đau, và cả thuốc tiêm mà tôi phải tự tiêm hằng ngày trong vòng hai tháng sau khi xuất viện. Hôm cuối cùng ở bệnh viện, các y tá mang tặng một chiếc hộp bự đầy bánh kẹo, thức ăn đông hộp, nước hoa quả, nước sốt cà chua, và cả mì spaghetti để nấu nướng để tôi có thể tự chăm sóc cho mình khi ở trường. Tất cả các ống truyền ở tay được tháo ra hết, cảm giác thật là dễ chịu, như thể mình đã được giải thoát khỏi đám dây nhợ trói buộc. Điều duy nhất còn phiền muộn, ấy là tôi vẫn bị những cơn đau hành hạ và vẫn chưa thể đi lại bình thường được. Và sau khi ra viện, tôi sẽ phải tự tiêm thuốc cho mình, mỗi ngày một lần, trong vòng hai tháng.

Trong những ngày nằm viện, tôi quyết định thay đổi đề cương dự án. Tôi muốn làm nghiên cứu chuyên sâu hơn về vấn đề phòng chống nạn săn trộm và buôn bán sản phẩm từ động vật hoang dã. Lần bị ốm này khiến tôi cảm thấy rằng việc bảo vệ tê giác, và khuyến cáo những người tiêu thụ không sử dụng sừng tê giác cho hy vọng chữa bệnh, đặc biệt là bệnh ung thư là một vấn đề rất cá nhân, một vấn đề mà tôi muốn mọi người hiểu, để có thể đảm bảo sức khỏe cho chính bản thân họ, cũng như cho sự sinh tồn của loài tê giác. Thế là những lúc không bị hành hạ bởi những cơn đau, tôi mở máy tính và cố gắng kỳ cách gỡ những ý tưởng dự án và sắp xếp nó lại cho thật hoàn hảo, rồi gửi cho thầy Nigel đề xin ý kiến.

Để chuẩn bị cho hai kỳ tới, ngay cả trước kỳ nghỉ lễ Giáng sinh, bạn bè tôi đều đã lên lịch phỏng vấn với những tổ chức bảo tồn ở các nơi trên thế giới và lên kế hoạch làm việc, cộng tác với họ. Vì lý do sức khỏe nên tôi bị trễ hơn vài tuần so với chúng bạn. Vừa ra viện, nhưng tôi cũng không được phép

ngủ ngơi mà phải lên lịch trình, viết email đề hẹn lịch phỏng vấn. Vì vẫn chưa thể tự đi lại, nên tất cả những phỏng vấn của tôi đều được làm qua Skype. Tôi vẫn nhớ một trong những cuộc phỏng vấn ấy diễn ra vào buổi sáng sớm ở Anh, vì tất cả những tổ chức tôi liên hệ xin làm việc cùng có trụ sở ở châu Phi. Sáng và tối là thời gian khó chịu nhất trong ngày của tôi, vì vết mổ nên tôi chỉ có thể nằm ở một tư thế, nên người mỏi và đau kinh khủng. Kể từ khi ra viện, tôi chỉ có thể uống thuốc giảm đau chứ không được dùng thuốc tiêm, nên cũng mất một thời gian thuốc mới có hiệu nghiệm.

Thế là sáng hôm ấy tôi phải đặt đồng hồ dậy từ lúc 5 giờ, chỉ riêng việc thò hai chân xuống giường và lấy sức đẩy ở tay để ngồi dậy thôi cũng thực sự khó khăn. Có lúc tôi phải vật lộn gần 10 phút mới xuống được giường. Rồi thay áo sơ mi, dù vẫn mặc quần pyjama, chải đầu, làm vệ sinh cá nhân... những việc đơn giản mà bình thường tôi làm nhaoáng cái là xong giờ phải mất cả tiếng đồng hồ. Đến giờ phỏng vấn thì tôi bắt đầu thở không ra hơi và vội vã uống thuốc giảm đau. Quả thật không hiểu sao sáng hôm ấy tôi lại bị đau dữ dội hơn ngày thường. Ngồi nghe và trả lời câu hỏi phỏng vấn nhưng hai tay tôi phải nắm chặt vào cạnh giường, có những câu hỏi vì bị cơn đau làm cho xáo nhãng mà tôi phải hỏi lại đến hai, ba lần mới trả lời được. Cuộc phỏng vấn diễn ra gần 40 phút, cũng thật may là tình trạng của tôi đã được thầy thông báo từ trước, nên họ cũng có vẻ cảm thông và không tỏ dấu hiệu bức dọc khi bị tôi hỏi đi hỏi lại. Thế rồi cuộc phỏng vấn ấy cũng kết thúc.

Một tháng sau đó, tôi biết rằng mình phải lấy lại sức khỏe thật nhanh, vì chỉ vài tháng nữa là tôi cần phải có mặt ở Kenya để thực hiện dự án - đã - được - phê - chuẩn của mình! Tê giác - tôi sắp đến rồi đây!

Cuộc thi Rhino Art

Hồi còn đang học đại học, tôi thành lập một trang thông tin trên Facebook, kiểu fanpage để đưa thông tin về động-thực vật hoang dã đến với mọi người. Lúc mới đầu cũng chỉ có vài người tham gia, mọi người thường hay nói chuyện và bàn bạc với nhau về những thông tin xảy ra trong thế giới động vật, tin về những sở thú, hoặc hỏi han nhau về những bộ phim tài liệu hay sắp được trình chiếu. Dần dần fanpage nhận được nhiều sự chú ý hơn, có đông đảo người quan tâm hơn, đặc biệt là cả các bạn học sinh cấp II, cấp III. Lúc đó tôi cảm thấy thật may mắn, vì dường như các vấn đề về thiên nhiên, môi trường và thế giới hoang dã đang dần dần được quan tâm hơn nhiều ở Việt Nam, và còn thu hút được cả các bạn trẻ nữa.

Thế là, tôi quyết định mình nên làm một tạp chí điện tử để mọi người có thể tải về miễn phí, đọc và hiểu hơn về ngành bảo tồn động vật hoang dã, cũng như những vấn đề lớn nhất mà nhiều loài động vật hoang dã đang mắc phải. Mỗi năm tạp chí chỉ ra một lần, một phần vì tôi vẫn còn rất bận rộn với việc học hành, một phần là để lọc bài viết của các bạn trẻ và viết thư xin dịch thuật bài viết của các tác giả nước ngoài cũng tốn rất nhiều thời gian. Năm tôi bị bệnh, tạp chí đang chuẩn bị ra số thứ 3, số đặc biệt về voi và tê giác, vì vào thời điểm đó nạn săn bắn trộm tê giác và voi ở châu Phi đang hoành hành dữ dội.

Một buổi chiều ở bệnh viện, khi đang biên tập lại những bài viết đã được gửi đến cho tạp chí, tôi nhận được email của chú Simon Jones. Chú ấy từng làm việc cho tờ *The Times* - tờ báo Thời đại ở London. Nhưng vì tình yêu dành cho Phi châu và các loài động vật hoang dã, cảm thấy không thể ngồi yên khi voi, tê giác và nhiều loài khác nữa đang bị giết hại, chú ấy đã thành lập một tổ chức tình nguyện phi chính phủ để gây quỹ cho các hoạt động bảo vệ tê giác ở châu Phi. Chú Simon giới thiệu ngắn gọn với tôi về quỹ Helping Rhinos của chú ấy, và hỏi liệu tôi có hứng thú để đưa chiến dịch Rhino Art - một chiến dịch vẽ tranh tê giác dành cho các em học sinh cấp II và cấp III đang diễn ra tại nhiều quốc gia trên thế giới về Việt Nam hay không. Điều đặc biệt của chiến dịch này, đó là nó không chỉ là một cuộc thi vẽ tranh thuần túy. Những em học sinh đoạt giải nhất của cuộc thi quốc gia sẽ được chọn để tham dự Hội nghị Thượng đỉnh về Tê Giác lần đầu tiên được tổ chức tại Nam Phi.

Mặc dù vẫn đang học ở Anh, nhưng sau khi tìm hiểu thêm thông tin về chiến dịch, tôi cảm giác đây là một dự án rất hay, là một cơ hội tuyệt vời để có thể đưa các em học sinh sang Nam Phi, tận mắt nhìn thấy thiên nhiên hoang dã, chiêm ngưỡng những loài động vật tuyệt vời và hy vọng rằng sau chuyến đi, các em sẽ cố gắng để bảo vệ chúng hơn. Vì vậy, tôi bàn bạc về chiến dịch này với các đồng nghiệp của tôi ở tổ chức tình nguyện phi chính phủ nhỏ mà tôi vừa đăng ký thành lập vào năm ngoái khi còn đang tham gia đặt bẫy máy ảnh ở Kon Tum. Chú Simon trước lúc về cũng nhắn tôi rằng, vì lúc trước ban tổ chức bên Nam Phi có mời tổ chức bảo tồn X ở Việt Nam tham gia, nhưng vài tháng trôi qua mà họ vẫn ậm ừ, chưa cho được câu trả lời chính thức, nên bên Nam Phi rất muốn có được câu trả lời chắc chắn từ tôi càng sớm càng tốt, vì bây giờ đã là tháng Ba, và cuộc thi cần phải được tiến hành sớm nhất có thể.

May mắn thay các đồng nghiệp của tôi đều rất ủng hộ việc tham gia chiến dịch này. Bốn đứa chúng tôi, gồm có tôi, Linh, Loan và Mai tạo thành một nhóm điều hành dự án này chỉ trong ngày hôm đó. Chúng tôi đều thống nhất sẽ cố gắng hỗ trợ với nhau hết sức có thể để lên kế hoạch làm việc, và vì nhân lực tạm thời đang có hạn, nên để thực hiện dự án chúng tôi sẽ tuyển thêm tình nguyện viên. Cẩn thận hơn, tôi cũng gửi email hỏi lại ban tổ chức ở Nam Phi, liệu họ đã có câu trả lời chắc chắn từ tổ chức X rằng họ sẽ không tham gia trước khi mời phía chúng tôi hay chưa, để tránh những tranh chấp không đáng có xảy ra sau này.

Thế là trong hai tháng sau đó, từ cuối tháng Hai đến đầu tháng Năm, cả bốn đứa chúng tôi quay cuồng với công việc. Do ở xa không tham gia trực tiếp được với các đồng nghiệp khác, tôi tìm mọi cách để gây thêm quỹ cho hoạt động ở Việt Nam vì số tiền kinh phí cấp về từ phía ban tổ chức ở Nam Phi cũng rất có hạn. Cũng vừa hay số thứ 3 của tạp chí *Tôi yêu Động vật* cũng đang chuẩn bị được ra mắt, chúng tôi soạn thêm một bài viết nhỏ quảng cáo về cuộc thi. Vì lần này tôi xin được kinh phí hỗ trợ cho các mảng in ấn từ tổ chức Human International Society (HSI) và TRAFFIC - mạng lưới kiểm soát buôn bán động- thực vật hoang dã nên đây là lần đầu tiên, tạp chí *Tôi yêu Động vật* được xuất bản với 3.000 cuốn và được phát miễn phí cho học sinh các trường tham gia chiến dịch trên cả nước. Không có đủ kinh phí để thuê họa sĩ vẽ bìa và dàn trang cho tạp chí, chúng tôi tự mày mò cách sử dụng phần mềm dàn trang, rồi cũng lại qua mạng xã hội, tôi quen được bạn Dũng - thời bấy giờ bạn ấy là họa sĩ vẽ tranh tự do. Dẫn đo mãi, cuối cùng tôi cũng gửi tin nhắn cho bạn ấy, khẩn khoản liệu bạn ấy có thể giúp chúng tôi với dự án này được hay không, không quên nói thêm rằng chúng tôi chẳng có đủ kinh phí để trả cho tranh của bạn ấy. Nhưng Dũng đã vui vẻ nói rằng, bạn ấy rất vui được giúp chúng tôi. Thế là khoản thiết kế đã xong.

Khâu đoạn chuẩn bị xong xuôi, thì bỗng nhiên phía ban tổ chức bên Nam Phi gửi email cho chúng tôi và tổ chức HSI - tổ chức phi chính phủ đồng điều hành dự án này, hỏi rằng lúc này liệu có thể đưa thêm logo của tổ chức X trước đây họ từng mời vào không. Lúc này mọi việc in ấn đều đã xong xuôi, mọi giấy tờ thủ tục xin đến tham gia các trường đều đã hoàn thiện tất. Vì thế mà chúng tôi đều thống nhất rằng, chúng tôi đã mất hơn hai tháng để có thể chuẩn bị các khâu đầy đủ và lên kế hoạch tiến hành cuộc thi thật chu đáo, chúng tôi không thể quay lại bước khởi đầu, làm lại tất cả, và đem bỏ tất cả các bản in để in thêm logo của một tổ chức khác vào được. Chúng tôi hẹn tổ chức X cùng tham gia vào năm sau, và cũng hy vọng ban tổ chức ở Nam Phi trả lời họ thật thỏa đáng, vì khi bắt đầu dự án ở Việt Nam, chúng tôi đã yêu cầu họ làm rõ thành phần tham gia để tránh những khúc mắc như thế này rồi.

Thế rồi, sự hào hứng đưa chương trình tới các em học sinh làm chúng tôi quên đi vấn đề “còn con” này. Vượt quá sự trông đợi của chúng tôi, hơn hai tháng triển khai tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, có đến hơn 10.000 bài dự thi được gửi đến. Vì đã chuẩn bị từ trước, dù nhận được sự “nhờ vả” từ cơ quan nọ cho con em họ đoạt giải nhất, nhưng lá chắn ban giám khảo quốc tế của chúng tôi quá chắc chắn. Chúng tôi đã có thể đảm bảo sự công bằng trong

việc chấm bài thi của tất cả các em. Nhưng rồi, do không đạt được yêu cầu như lúc ban đầu, cơ quan này nói rằng họ sẽ cử hai nhân viên của họ đi thay suất của giáo viên, và vì thế mà chỉ một giáo viên của trường có nhiều học sinh đoạt giải nhất được tham gia hội nghị ở Nam Phi mà thôi.

Không có lý do nào có thể sử dụng để từ chối, chúng tôi đành phải chấp nhận yêu cầu này của họ. Chúng tôi cũng suy nghĩ đơn giản rằng, dù gì cuộc thi cũng đã hoàn thành, đi tham dự hội thảo ở Nam Phi thì làm sao có chuyện gì xảy ra được cơ chứ? Tổ chức HSI định cử một đội ngũ quay phim từ Mỹ theo đoàn chúng tôi sang Nam Phi để quay lại tất cả những hoạt động của các em học sinh ở Việt Nam, nhưng cuối cùng lại không được chấp thuận bởi một nhà tài trợ khác, với lý do họ muốn cử một phóng viên người Việt theo đoàn, và mỗi đoàn chỉ được phép có một đội quay phim mà thôi. Sau nhiều tranh cãi và thảo luận, tổ chức HSI đành ngậm ngùi để đội quay phim của mình ở nhà, vì nhà tài trợ nọ là người chi trả gần như toàn bộ chuyến đi cho đoàn Việt Nam.

* * *

Từ sân bay Vua Shaka ở Durban đến khu bảo tồn Hluhluwe-iMfolozi là không xa, nhưng để tạo điều kiện cho các đoàn quốc tế được nghỉ ngơi và trải nghiệm nền văn hóa đặc thù của vùng đất Zulu, ban tổ chức chính, bao gồm Dự án Tê Giác ở KwaZulu-Natal (The Rhino Project) và Quỹ Kingsley Holgate (Kingsley Holgate Foundation) đã sắp xếp để chúng tôi dừng chân tại khu du lịch văn hóa Zulu Shakaland qua một đêm. Mặc dù đều đã xem tranh và đăng ký cho các em tham gia hội nghị nhưng đây là lần đầu tiên tôi được gặp đoàn Việt Nam. Đoàn gồm có 6 em học sinh, trong đó có 4 em đến từ Hà Nội, 1 em ở Dak Lak và 1 em ở thành phố Hồ Chí Minh. Trường cấp II Marie Cuire ở Hà Nội có đến hai em đoạt giải nhất, vì vậy mà trường được cử 1 thầy giáo đi cùng đoàn chúng tôi. Run rủi thế nào đó lại là Tú, bạn học của tôi hồi cấp II, suốt từ hồi ấy đến giờ đã hơn 8 năm chúng tôi chưa gặp lại nhau, vậy mà trông bạn vẫn trẻ trung như ngày xưa.

Tôi bắt tay chào hỏi mọi người. Có một vài em học sinh, dù chưa gặp mặt nhưng vẫn nhận ra tôi thông qua cuốn tạp chí *Tôi yêu Động vật*. Hai cán bộ đi cùng các em là chị Hồng, dáng người thấp bé, có lẽ sinh vào cuối những năm 70 hoặc đầu những năm 80, vì chị có bộ răng bị xỉn hết màu do bị nhiễm kháng sinh tetracyclin. Sếp của chị là chú Lam, ít nói và hơi lạnh lùng. Anh phóng viên Thanh được cử đi cùng đoàn chỉ nhìn tôi gật đầu, rồi mọi người tranh thủ đi tham quan khu nghỉ dưỡng.

Khoảng 3 giờ chiều, chúng tôi tập hợp theo tiếng công chiêng thông báo của ban tổ chức. Vùng đất KwaZulu- Natal là vùng đất giàu truyền thống và lịch sử lâu đời. Nhưng tỉnh KwaZulu-Natal lại là một tỉnh khá trẻ ở Nam Phi, mới chỉ được thành lập vào năm 1994 khi vùng đất Zulu và tỉnh Natal nhập lại thành một. Từ năm 1830-1840, phía bắc của tỉnh thuộc về vương quốc Zulu, trong khi phía nam thì lại liên tục bị đánh chiếm bởi nhiều bộ lạc khác nhau, và thậm chí đã từng bị thống trị bởi đế chế Vương quốc Anh vào năm 1843. Tuy nhiên đến năm 1870 thì vùng đất này giành được tự do. Vùng đất này cũng là quê hương của nhiều danh nhân nổi tiếng người Nam Phi, ví dụ như là Albert

Luthuli - người da màu đầu tiên của châu Phi giành được giải Nobel hòa bình vào năm 1960.

Những người Zulu là những người dân tộc Bantu - dân tộc lớn nhất ở Nam Phi. Họ có nhiều loại quần áo khác nhau dành cho những sự kiện khác nhau, và phụ nữ cũng có nhiều loại quần áo cho thấy tình trạng hôn nhân của họ. Tuy nhiên, có một điểm chung là dù vào sự kiện nào thì những người đàn ông cũng đeo một thắt lưng da thú với hai dải lông thú được treo tự nhiên ở đằng trước và đằng sau.

Tại khu du lịch văn hóa này, để các đoàn đại biểu có thể cảm nhận được văn hóa truyền thống đặc trưng của người Zulu, các nhân viên ở đây đều mặc đồ truyền thống. Nhà ở cũng là những túp lều đất tròn, lợp lá, đúng với kiến trúc truyền thống của người dân. Chúng tôi được xem một bộ phim tài liệu nhỏ về lịch sử vương quốc Zulu, và được tham gia những hoạt động cùng với người dân ở đây như thi ném lao, bắn tên và thậm chí uống thử rượu ngô tự nấu của họ ở những khu vực khác nhau của khu du lịch.

* * *

Sáng hôm sau chúng tôi dậy từ sớm, hào hứng chuẩn bị đến khu bảo tồn thiên nhiên hoang dã Hluhluwe-iMfolozi. Trên đường đi, tôi tranh thủ nói chuyện với các em học sinh về tê giác và giải thích những thắc mắc của các em về nội dung hội nghị. Mặc dù cố gắng tạo không khí vui vẻ và đưa ra nhiều câu đố vui về tê giác để các em dễ nhớ hơn, nhưng các em liên tục bị chị Hồng “suyt” và yêu cầu phải ngồi im lặng theo đúng chuẩn “sự phạm”. Thịnh thoảng anh Thanh quay lại nhìn tôi theo kiểu “thấy chưa?” khi các em vò đầu bứt tai không trả lời được câu đố của tôi. Thành thật mà nói thì chẳng phải lỗi của các em học sinh nếu các em không hiểu biết nhiều về thiên nhiên hoang dã, khi mà những kiến thức này hầu như không xuất hiện trong chương trình học ở Việt Nam. Cho dù có là người lớn cũng ít ai biết được trên thế giới có bao nhiêu loài tê giác, hay tình trạng đáng báo động của tê giác hiện nay là do đâu.

Đúng theo như kế hoạch từ trước, đoàn xe của chúng tôi nối đuôi nhau đi vào khu bảo tồn iMfolozi - biểu tượng của sự thành công trong công tác bảo tồn loài tê giác trắng Nam Phi của nhà bảo tồn tê giác nổi tiếng thế giới Ian Player. Cho dù có đến những khu bảo tồn rộng lớn của châu Phi này bao nhiêu lần, cho dù có từng sống ở đây lâu đến thế nào đi nữa, thì chỉ cần được trở về với thiên nhiên hoang dã hùng vĩ này thôi là tôi lại cảm giác mình như một đứa trẻ nhỏ của ngày xưa, háo hức chờ đến giờ chiều những bộ phim tài liệu về châu Phi. Mặt tôi sáng lên và sự hào hứng sôi sục trong huyết quản khi chúng tôi đi qua công Nyalazi... Tại đây, chúng tôi đổi lên xe của khu bảo tồn, với ghế ngồi đôn lên cao và một anh kiểm lâm kiêm hướng dẫn viên sẽ dẫn chúng tôi tham quan khu bảo tồn trên đường đến khu hội nghị. Thành thật mà nói thì mặc dù đã đến làm việc ở những khu bảo tồn và vườn quốc gia ở châu Phi như thế này vài lần, nhưng tôi chưa bao giờ được ngồi trên xe *safari* dành cho du khách và có hướng dẫn viên như thế này cả. Đám dân nghiên cứu chúng tôi phải tự lo xe cộ đi lại để làm nghiên cứu mà thường là những chiếc xe LandRover đã cũ mà chúng tôi có thể thuê với giá cả phải chăng. Vì vậy mà

tôi đã rất sung sướng cười toe toét với các em học sinh khi cùng leo lên xe để tham quan khu bảo tồn.

Ngay buổi sáng đầu tiên chúng tôi đã gặp may và nhìn thấy đến 5 chú tê giác trắng. Lúc bấy giờ đã gần giờ trưa, trời nắng rất gắt nên tê giác thường chỉ trú nắng dưới những tán cây to. Anh hướng dẫn viên cho chúng tôi cũng rất nhiệt tình trả lời các câu hỏi của mọi người, từ việc với khu vực rộng lớn thế này thì mọi người quản lý số lượng các loài động vật bằng trực thăng ra sao. Anh cũng chỉ cho chúng tôi thấy những dấu chân, hay dấu phân của tê giác, ví dụ như là tê giác đen ăn cây lùm cây bụi, nên trong phân của chúng vẫn có thể thấy những mẫu cây khô chưa tiêu hóa hết, trong khi đó tê giác trắng ăn cỏ nên không có những thứ này. Cứ thế, mọi người được học hỏi thêm rất nhiều về loài tê giác, về thiên nhiên châu Phi từ những trực quan rất sinh động như vậy đó.

Gần trưa, xe chở chúng tôi về phía trung tâm hội nghị. Ở khoảng đất trống bằng phẳng được dựng lên một chiếc lều to to chẳng màu trắng toát, vòm tròn. Phía bên phải là hàng dãy dài những chiếc lều đơn và lều đôi màu xanh thẫm hoặc vàng nâu được ban tổ chức dựng lên từ trước. Đây sẽ là “phòng trọ” cho chúng tôi trong vài ngày diễn ra hội nghị. Một khu lều rộng khác được dựng lên phía bên tay phải của trung tâm và được dán nhãn “Media”. Lều này là lều tác nghiệp cho các ban báo chí, truyền hình, radio để đưa tin trực tiếp từ hội nghị. Đây cũng là nơi duy nhất có Internet, mặc dù vì ở giữa “đồng không mông quạnh” nên Internet cũng khá là chập chờn. Chúng tôi còn có cả một khu “nhà tắm”, được quây bằng những tấm bạt dày. Khu này cũng rất rộng vì số lượng người tham gia hội nghị cũng đông. Nhà tắm được chia thành hai khu nam nữ riêng biệt, và trong mỗi khu lại có những tấm vải bạt chia thành nhiều phòng nhỏ. Một lều lớn cạnh đó dành cho đội “đun nước tắm” để mọi người có thể sử dụng nước ấm, vì giờ đang là mùa đông. Kế gần đó là khu vực vệ sinh. Thay vì phải tự đào hố như đám làm nghiên cứu chúng tôi vẫn thường làm, chúng tôi có khu nhà vệ sinh kiểu truyền thống. Nghĩa là thay vì có bồn cầu và giắt nước xả bình thường, thì loại bồn cầu đặc biệt này được xây cùng với hộp đựng chất thải, có một nắp nhỏ ở trong bồn cầu, khi có vật rơi xuống nắp sẽ tự mở và sau đó sẽ tự đóng lại để nhà vệ sinh không bị mùi. Những nhà vệ sinh như thế này vẫn được dùng ở những trang trại của Anh, khi hộp đầy, họ sẽ thay hộp khác vào và sử dụng những chất thải này để ủ phân xanh rất tiện lợi.

Tôi được phân lều đôi và ở chung với Loan. Trong lều của chúng tôi không có gì ngoài hai chiếc giường gấp nhỏ xíu đặt ở hai bên. Tuy nhiên khi chúng tôi vừa vác đồ đạc vào trong lều và buôn chuyện về những điều chúng tôi vừa thấy, thì chị Hồng đứng ngoài gọi Loan ra. Chị bảo sợ phải ngủ một mình, nên muốn đôi để Loan ngủ chung với chị. Tôi đành nhìn Loan lách thếch bê cái ba lô to dùng vừa đặt xuống sang lều của chị ấy.

Dù sao thì khu lều trại này cũng là quá tuyệt với một đứa chuyên phải ngủ trên nền đất rừng và đào hố để đi vệ sinh như tôi!

Đích thân Kingsley Holgate - một nhà thám hiểm người Nam Phi rất nổi tiếng, đồng thời cũng là người đứng đầu tổ chức sự kiện này chờ ở ngay công ra vào để đón các đoàn. Khởi cần phải nói cũng biết đoàn Việt Nam được chú

ý hơn các đoàn khác, vì nhiều năm gần đây các nghiên cứu và các phương tiện thông tin đại chúng đều chỉ ra rằng Việt Nam là một trong những điểm tiêu thụ sừng tê giác lớn nhất thế giới, và cũng vì nhu cầu sử dụng sừng tê giác mà tình trạng tê giác bị săn trộm ở Nam Phi ngày một tồi tệ thêm. Tiếng kèn, trống và những giai điệu của dân tộc Zulu lại vang lên chào đón khi chúng tôi tiến lại gần hơn. Ông Kingsley dang tay ra chào đón và kéo tôi lại gần để giới thiệu với mọi người. Tiếng hò hét lại vang lên, và chúng tôi theo con đường nhỏ được định sẵn, với cờ quạt đủ màu ở hai bên tiến về phía bàn đăng ký, nhận thẻ tên và vào bên trong lều và ăn trưa. Các em học sinh lúc này đều đã được chia vào nhiều đội khác nhau, phụ thuộc vào màu khăn và hình dấu chân động vật hoang dã mà các em nhận được.

Lễ khai mạc bằng lời phát biểu của ông Kingsley và cuộc trò chuyện ngắn của bác sĩ thú y nổi tiếng trong ngành bảo tồn tê giác Will Fowlds, chúng tôi đứng thành những hàng dài đi bộ khoảng 5 phút từ trung tâm hội nghị đến khu tưởng niệm Magqubu Ntombela. Tại đây, dưới nghi thức của người Zulu, mỗi người trong số chúng tôi nhặt một hòn sỏi nhỏ và đặt xuống dấu mốc ở ngay giữa khu tưởng niệm này, tạo thành một *Isivivane* - mộ đá tưởng niệm những chú tê giác đã bị giết bởi con người.

Sau buổi tưởng niệm đó có rất nhiều hoạt động dành cho học sinh, giáo viên, và cả cho ban tổ chức của các đoàn. Nào là nghe những bài diễn thuyết của những nhà bảo tồn tê giác nổi tiếng thế giới, nào là lắng nghe tranh luận của chính các em học sinh trong việc bảo vệ tê giác, nào là tham gia thi nhảy vũ điệu Zulu, rồi lửa trại. Những hoạt động vô cùng sôi nổi, và liên tục diễn ra từ sáng sớm cho đến tối muộn. Vì trong đoàn gần như chỉ có tôi và Loan nổi tiếng Anh thành thạo, nên chúng tôi cũng phải chạy từ khu này sang khu kia để nhận hoạt động và hướng dẫn chu đáo cho các em học sinh, Loan lại còn phải chạy ra chạy vào giúp đỡ chị Hồng và chú Lam, trong khi tôi loay hoay lo các thủ tục chưa hoàn tất cùng với ban tổ chức.

Sáng hôm sau mọi việc diễn ra như mọi ngày, lại các bài thuyết trình và tranh luận cùng với những hoạt động vui chơi của các em học sinh. Thỉnh thoảng tôi cũng ghé qua lều chính và thấy những em học sinh nước mình đang vui vẻ hoạt động cùng các bạn, cũng có lúc đứng lên cầm microphone và nói lên ý kiến của mình. Nhưng tuyệt tôi không thấy anh Thanh đâu. Tất cả những hoạt động và tranh luận này của các em đều được quay lại để làm tư liệu thì thật tốt biết mấy. Thấy các em học sinh dù tiếng Anh chưa thực sự tốt, nhưng đã có đủ can đảm đứng lên phản biện bằng suy nghĩ của mình, chúng tôi đều rất tự hào. Tôi chạy quanh hỏi mọi người trong đoàn thì mọi người nói từ sau bữa sáng đều đã chẳng thấy anh ấy đâu cả.

Đến lúc vào trong lều dành cho báo chí tác nghiệp thì tôi thấy anh Thanh đang ngồi dùng Internet để chat về với gia đình:

- Anh ơi, học sinh nhà mình đang tranh luận sôi nổi quá, anh qua quay các em đi.

- Anh không thích quay. Anh là phóng viên anh tự biết nên quay cái gì - anh Thanh ngược lên đáp.

- Nhưng mà anh ơi, từ hôm qua anh chưa quay hoạt động chính của các em ấy...

- Anh không phải làm theo chỉ thị của em!

Nói rồi, anh ấy bỏ ra ngoài lều hút thuốc lá. Và trước sự ngỡ ngàng của tôi cùng vài người trong ban tổ chức lúc ấy, dưới cái nắng nóng gay gắt của Nam Phi, dưới những bụi cỏ khô cháy queo của mùa khô hạn, anh Thanh vút điếu thuốc lá hút dở xuống đất mà không thèm dập lửa.

Chị Bronwyn - một thành viên trong ban tổ chức đứng gần đó liền chạy lại, hét lên thật thanh yếu cầu anh Thanh dập điếu thuốc. Chị ấy thức giập khua tay loạn xạ trên đầu, và gào lên vì sự vô trách nhiệm của việc vút thuốc lá đang cháy xuống nền cỏ khô. Nhưng anh Thanh không hiểu tiếng Anh, nên anh ấy quay lưng đi thẳng vào lều. Không thể nói gì ngoài việc xin lỗi rít chị Bronwyn và ban tổ chức lúc đó, tôi quay về khu vực lều chính, nhún vai với Loan về việc anh Thanh không muốn hợp tác. Loan an ủi rằng bạn ấy sẽ cố gắng quay từ máy ảnh cầm tay của bạn ấy.

Buổi chiều, những người thuộc ban tổ chức của các đoàn và giáo viên đi cùng sẽ có hoạt động riêng. Chúng tôi sẽ được lắng nghe những bài thuyết trình dành cho người lớn về tình trạng tê giác, và rồi thành viên thuộc ban tổ chức chính tại các quốc gia có thể có phát biểu về những hoạt động của đất nước họ, hoặc như tôi - phát biểu về nghiên cứu của mình. Sau vài câu chào hỏi, tôi giới thiệu chị Hồng và chú Lam, bạn Loan và thầy Tú đang ngồi phía dưới khán đài. Tôi cảm ơn mọi người đã giúp đỡ để dự án Rhino Art được thành công và đưa các em học sinh đến với vùng đất này. Rồi tôi bắt đầu đi vào chủ đề chính, thỉnh thoảng tạo một vài câu nói đùa cho không khí đỡ căng thẳng.

Trước đây tôi có làm một nghiên cứu đánh giá tác động của việc đưa giáo dục bảo tồn vào chương trình học của các em học sinh, và ý kiến của các thầy cô giáo tại Kenya về vấn đề này. Tôi cũng làm một nghiên cứu tương tự ở Việt Nam và so sánh hai kết quả này với nhau. Dự án này được tôi làm cùng với thầy giáo ở trường, vậy nên tôi khá tự tin với bài thuyết trình của mình, dù mới chỉ chuẩn bị nó vào tối qua. Bài thuyết trình của tôi so sánh một vài điểm giống và khác nhau giữa giáo dục bảo tồn ở Kenya và ở Việt Nam, và rằng theo kết quả điều tra của chúng tôi thì ở Việt Nam, việc giáo dục bảo tồn vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Các em học sinh có rất ít cơ hội được tiếp xúc với thiên nhiên, và ngay cả các thầy cô giáo cũng quá bận rộn với công tác ở trường mà hoạt động bảo vệ môi trường hay thiên nhiên thường được xếp vào dạng “hoạt động ngoại khóa” và các thầy cô cũng không mặn mà lắm với những hoạt động này. Mười phút thuyết trình trôi qua khá nhanh chóng, và mọi người bắt đầu đặt những câu hỏi về việc có thể làm gì và nên làm gì để vấn đề bảo tồn được chú trọng hơn. Thế rồi ông Kingsley hỏi tôi nếu muốn nói “*Chống lại nạn săn trộm, bảo vệ tê giác*” bằng tiếng Việt thì nói thế nào. Tôi dịch lại, và mọi người trong khán phòng đồng thanh nói câu này một cách rất vui vẻ.

* * *

Sáng hôm sau, tôi dậy từ 5 giờ. Tiết trời vào buổi sáng sớm ở Nam Phi vào mùa đông quả thật đẹp vô cùng. Bầu không khí vẫn còn se lạnh do sương đêm,

nhưng trong veo trong vắt, mặt trời mới chỉ e ấp ở phía cuối đường chân trời, ánh nắng dịu nhẹ nhưng vàng ươm trải lên mọi vật. Thế rồi, có thể nhìn thấy được bằng mắt, như thể có một người không lồ nào đó đang đi cầu, mà mặt trời là quả đào đỏ ôi bị mắc phải cần câu đó, cứ thế từ từ nhô lên khỏi đám mây ở phía chân trời. Tôi chỉ có thể nhìn mà không dám chớp mắt, vì sợ rằng chỉ một tích tắc chớp mắt thôi là đã bỏ lỡ kỳ quan tuyệt đẹp mà chỉ những kẻ chịu khó dậy sớm mới được thiên nhiên chiêu đãi thế này.

Lúc đang đứng xuýt xoa dưới ánh nắng dịu nhẹ vàng cam này, hai chú chịu trách nhiệm đun nước và chuẩn bị lửa trại Julian và Peter đi từ đằng công trại về. Nhìn thấy tôi, các chú ấy giơ tay chào, các chú hỏi tôi hôm qua ngủ có ngon không và có nghe thấy tiếng linh cầu không. Đứng là tôi hôm qua vào khoảng 3 giờ rưỡi sáng tôi tỉnh giấc vì tiếng linh cầu rền rĩ nghe rất gần. Những người đến tham gia hội nghị về tê giác đã được khuyến cáo không mang thức ăn vào trong lều, và cũng không được để trong ba lô, vì mùi thức ăn sẽ dụ dỗ đàn linh cầu đến. Các chú bảo tôi hôm qua linh cầu đến ngay gần hàng rào điện, và đội bảo vệ đi tuần đã phải dọa chúng đi xa. Tôi cười toe toét, điều tuyệt vời nhất của việc làm nghiên cứu thực địa ở châu Phi, đó là vào ban đêm, bạn có thể nghe được tiếng động vật giao tiếp với nhau, như tiếng sư tử gầm, tiếng rền rĩ của linh cầu, tiếng chí chóe của khỉ *baboon*... Đây cũng là điều mà tôi nhớ nhất mỗi khi phải rời xa nơi này.

Đã là ngày cuối cùng của hội nghị. Lịch trình ngày hôm nay khá đặc biệt, ngoài việc các em học sinh theo các nhóm vẫn sẽ thảo luận và phát biểu theo từng đội vào buổi chiều để tổng kết lại những gì các em thu nhận được, tất cả chúng tôi sẽ cùng nhau đến thăm trạm cứu hộ tê giác con mồ côi Thula Thula sau bữa sáng, và sau bữa trưa chúng tôi sẽ cùng nhau được xem diễn tập của đội phòng chống nạn săn trộm ở đây.

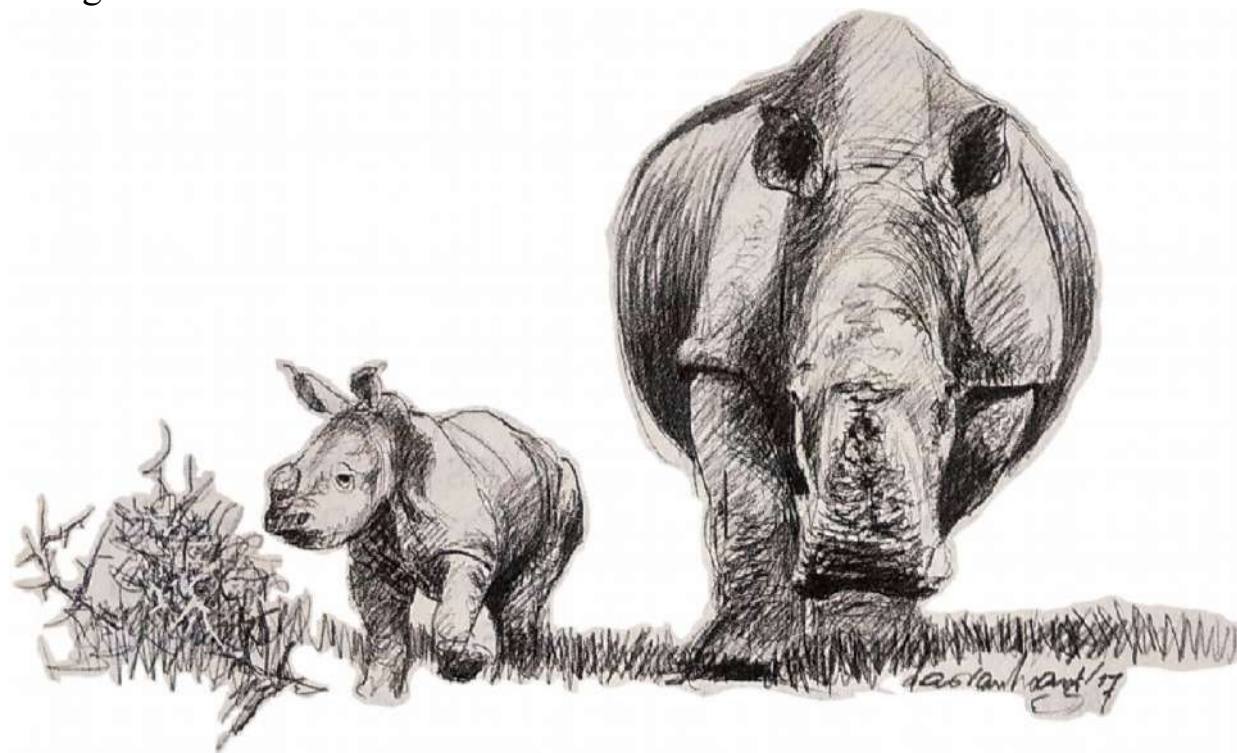
Trạm cứu hộ tê giác con mồ côi Thula Thula là một trong những trạm cứu hộ ít ỏi ở Nam Phi, được xây dựng nên để nuôi dưỡng những chú tê giác con có mẹ bị giết hại. Ngoài thiên nhiên hoang dã, những chú tê giác con thường sống với mẹ trong khoảng 2-3 năm. Trong quãng thời gian này, chúng được mẹ bảo vệ, và được dạy về những kỹ năng sinh tồn trong môi trường thiên nhiên hoang dã, như cách tìm nguồn nước, cách chọn những loại thức ăn khác nhau trong các mùa khác nhau, cách đuổi đánh vật săn mồi như sư tử, báo, linh cầu... Tê giác con sinh ra không có sừng, chính vì thế mà chúng phụ thuộc hoàn toàn vào mẹ để không bị con mồi tấn công. Khi tê giác mẹ bị săn trộm, những tên săn trộm thường để mặc tê giác con bên xác mẹ, nhưng cũng có những trường hợp tê giác con cũng bị bắn, hoặc bị chém bởi những kẻ săn trộm bạo tàn. Theo thói quen, vì mẹ là người duy nhất bảo vệ chúng nên tê giác con vẫn luôn tìm cách ở bên cạnh tê giác mẹ, cho dù mẹ của chúng đã bị giết. Nếu tê giác con may mắn không bị giết bởi những kẻ săn trộm, thì mùi máu từ xác của tê giác mẹ cũng lôi kéo những kẻ săn mồi, và trong nhiều trường hợp tê giác con trở thành mồi của sư tử. Cũng có những sự vụ rất bi thương, vì những khu bảo tồn ở Nam Phi quả thật rất lớn, như vườn quốc gia Kruger có diện tích gần bằng cả đất nước Israel, mà số lượng kiểm lâm lại không đủ. Vậy nên có trường hợp

~

người ta chỉ phát hiện ra xác tê giác mẹ sau vài ngày, và tê giác con vẫn đứng ở bên cạnh, chết vì đói khát và căng thẳng.

Trạm cứu hộ Thula Thula là dành cho những chú tê giác non bất hạnh như thế. Ở đây các bác sĩ thú y và nhân viên sẽ chăm sóc và nuôi dưỡng tê giác con cho đến tuổi trưởng thành. Họ cũng tìm cách ghép cặp những chú tê giác lớn hơn và tê giác còn non để chúng có thể học cách sinh tồn từ nhau. Đôi khi, họ cũng chăm sóc cả voi con, hươu cao cổ con hay cả hà mã con nữa. Tất cả đều là nạn nhân từ những hành vi bạo tàn của con người. Ở đây tê giác con được nuôi giữ trong từng chuồng riêng, gọi là *boma*. Để đảm bảo sự an toàn cho cả tê giác và con người, chúng tôi không vào bên trong và không tiếp xúc trực tiếp với chúng. Tất cả mọi người có thể quan sát những chú tê giác còn non này, và được lắng nghe câu chuyện của từng bé một.

Ở Nam Phi có câu chuyện về Thandi được lưu truyền như một biểu tượng của sự thành công trong việc bảo vệ tê giác. *Thandi* trong tiếng Zulu có nghĩa là *Tình Yêu* - đây là tên của một cô tê giác cái bị những kẻ săn trộm tàn công và chặt mất sừng một cách dã man, đến mức phần mặt trên của Thandi gần như biến mất. Bọn chúng để mặc Thandi cùng hai tê giác nữa chảy máu đến chết. Nhưng may mắn rằng, Thandi đã được cứu giúp và chữa trị tận tình bởi bác sĩ thú y William Fowlds, cô tê giác trắng này sau đó đã dần dần lấy lại được sức khỏe, và khuôn mặt cũng dần được phục hồi sau hai năm điều trị. Sau khi khỏe lại, Thandi được thả về khu bảo tồn Kariega, và chỉ một năm sau đó, cô đã sinh hạ được một bé tê giác con. Thandi là biểu tượng của sức sống mãnh liệt của loài tê giác và cũng là hy vọng cho những người làm bảo tồn tê giác như chúng tôi.



Buổi chiều, chúng tôi được đưa đến khu sân bay, nơi trực thăng và những loại máy bay nhỏ, gọn nhẹ mà trước đây vốn chỉ được sử dụng để điều tra số lượng những loài động vật lớn, giờ được dùng để phát hiện và phản ứng trước những vụ săn trộm. Khu vực này là một bãi đất trống, bằng phẳng. Đất nền đã được làm qua nên mặt đất rất cứng, với đường chạy dài cho những chiếc máy bay nhỏ. Có một khu vực được trang trí như khán đài, vậy nên chúng tôi ngồi kín ở phía dưới, hồi hộp lắng nghe Lawrence - anh là đội trưởng đội phòng chống nạn săn trộm, và cũng là người quản lý đội phòng không phòng chống săn trộm ở khu vực này - kể lại câu chuyện khi anh bắt đầu tiếp quản công việc này ra sao và tình trạng từ lúc đó đến nay đã chuyển biến xấu như thế nào. Khi anh vừa dứt lời thì tiếng máy bay vang lên trên bầu trời, tiếng mọi người “ồ”... thật to và như bị thôi miên, tất cả chúng tôi đều ngược lên nhìn trời xanh trong vắt, nhìn theo chiếc máy bay vừa đổ bộ xuống. Một ông cụ già, tóc bạc phơ và đang ngồi xe lăn được các anh kiểm lâm đưa xuống thật cẩn thận. Đó chính là nhà bảo tồn tê giác nổi tiếng thế giới - huyền thoại Ian Player!

Ông Ian Player từng làm việc như một người kiểm lâm ở khu vực Zulu này, và cũng như ông từng kể trong cuốn sách của mình, ông đã đem lòng yêu thương loài tê giác trong những năm tháng làm việc đó: *“Đó là một buổi sáng đầy sương... Khi tôi đang quan sát một bụi cây lớn, thì hai chú tê giác trắng chui ra từ bụi cây đó. Sương khởi mờ ảo đường như đang bốc lên từ cơ thể chúng, từ chiếc mũi đang hít thở phì phò, từ đống lưng và cả những bước chân chắc nịch đặt xuống nền đất cứng. Có điều gì đó thôi thúc trong ruột gan tôi, khiến tôi ngỡ ngàng trước cảnh tượng này. Vào giây phút đó, không hiểu sao tôi đã biết rằng cuộc sống của tôi sẽ ràng buộc với loài động vật tiền sử này.”*

Tê giác trắng là một trong những loài động vật to lớn nhất sinh sống trên cạn, và đã từng xuất hiện ở khắp nơi trên lãnh thổ phía nam của châu Phi. Loài tê giác trắng Nam Phi đã từng bị đẩy đến vực tuyệt chủng từ những năm 1960, do những người da trắng giàu có đến châu Phi để tham gia môn thể thao “săn bắn” thời thượng săn lùng đến cạn kiệt. Đã từng có thời điểm, một tên thợ săn giàu có có thể giết liền một lúc hơn hai chục chú tê giác chỉ trong một ngày. Vì nạn săn bắn bừa bãi của thời bấy giờ, số lượng tê giác trắng chỉ còn lại khoảng vài trăm cá thể sống rải rác trên một khu vực chỉ vỏn vẹn 291km², không đủ để có thể duy trì một đàn tê giác khỏe mạnh. Ông Ian Player cùng với cộng sự của mình là những người đầu tiên thực hiện ý tưởng còn bị coi là điên rồ thời bấy giờ. Họ chấp nhận hiểm nguy, cưỡi ngựa và tìm cách bắn thuốc mê những chú tê giác trắng hoang dã và vận chuyển chúng đến những khu vực an toàn hơn. Sau nhiều năm nỗ lực vận động bảo vệ, số lượng loài tê giác trắng đã được vực dậy. Để nuôi dưỡng tình yêu của lớp trẻ với môi trường thiên nhiên hoang dã, ông cũng thành lập trường học về thiên nhiên hoang dã “Wilderness Leadership School” dành cho thanh thiếu niên người Nam Phi, sau này mở rộng cho thanh thiếu niên từ khắp nơi trên thế giới đều có thể tham gia. Tại đây, các em sẽ được cùng với những người kiểm lâm dẫn đường lão luyện đi bộ trong những khu bảo tồn của Nam Phi, học về cách đọc dấu chân động vật hoang dã, cách lập trại, nhận dạng động-thực vật... Đoàn Việt Nam của chúng

tôi đã được ban tổ chức ưu ái đặt một chuyên đi như vậy cho cả đoàn ngay sau buổi hội nghị này. Do vì còn bận công việc ở Kenya, tôi đành phải từ chối lời mời này và không thể đi theo đoàn.

Mặc dù đã rất già và yếu, chỉ vài tháng trước thôi báo chí ở Nam Phi còn đưa tin về tình trạng sức khỏe chuyên viên của ông Ian, nhưng giờ ông đã cố gắng đến tham gia cùng với chúng tôi. Ông nói chuyện với giới trẻ chúng tôi, rằng trong quãng đời của ông, từ lúc trẻ cho đến khi trở thành một ông già, ông đã cố gắng gìn giữ thiên nhiên hoang dã được vẹn nguyên hết mức có thể. Bây giờ khi đã già ốm và phải ngồi trên xe lăn, ông chỉ có thể trông chờ ở thế hệ trẻ chúng tôi, dù là người châu Phi, châu Á hay châu Âu, chúng tôi đều là niềm hy vọng của thế giới hoang dã. Ông đặt niềm tin vào lớp trẻ chúng tôi.

Sau bài phát biểu ngắn gọn và tình cảm của ông, những người trong ban tổ chức đứng lên xếp một hàng dài và từng người đi qua đều nói một câu cảm ơn, hoặc thể hiện một cử chỉ bày tỏ lòng biết ơn với ông. Đoàn Việt Nam và Trung Quốc lại được mời đứng lên tham gia nghi lễ này, để bày tỏ sự quyết tâm với ông, rằng chúng tôi, khi quay trở về nước, cũng sẽ nỗ lực hết sức mình và làm giảm nhu cầu tiêu thụ sừng tê giác ở quốc gia mình.

Sau này, tôi có dịp về Việt Nam và đi gặp tổ chức cử anh Thanh đi cùng đoàn Việt Nam sang Nam Phi. Nguyên cả chuyến đi một tuần, anh Thanh dựng được hơn một phút video, chỉ sử dụng những hình ảnh buổi sáng đầu tiên quay được để đưa tin về hội nghị. Tuyệt không có một tin tức gì về các em học sinh. Anh cũng viết một bài báo nhỏ, sử dụng ảnh của bản thân mình thay vì ảnh của các em học sinh về các hoạt động ở Nam Phi. Sau một vài vấn đề với ban tổ chức, như việc vớt đầu thuốc lá còn đang cháy xuống cỏ khô, bất hợp tác không đi cùng học sinh ở chuyên đi *Wilderness trail*, một vài người trong ban tổ chức ở Nam Phi đã viết email tới tổ chức này ở Việt Nam và phản ánh lại tình trạng. Tuy vậy, khi chị Lisa hẹn gặp, tôi cũng thấy khá bất ngờ.

Vừa chào hỏi và ngồi đối diện chị Lisa, chị ấy đã mở tờ tạp chí đến phần trang tin tức do anh Thanh đăng, ném xuống mặt bàn:

- Đây, anh Thanh có viết bài này sau chuyến đi từ Nam Phi. Và chúng tôi cũng rất hài lòng với bản tin hơn 1 phút mà anh ấy đã đăng trên ti vi.

- Vâng, em cũng có thấy rồi - tôi trả lời - Nhưng em và ban tổ chức ở bên Nam Phi nghĩ rằng với một tuần ở cùng các em học sinh, anh ấy có thể quay được nhiều tư liệu hơn. Có thể không thể chiếu trên ti vi, nhưng cũng có thể dùng làm tư liệu cho cuộc thi sau này... Toàn bộ hoạt động của các em học sinh đều không...

- Chúng tôi mời anh Thanh, và chúng tôi chỉ trả cho chuyến đi đó - chị Lisa ngắt lời.

- À vâng dĩ nhiên rồi ạ - tôi trả lời khó nhọc. Thì ra lý do anh Thanh có thể bất hợp tác với chúng tôi như vậy khi ở Nam Phi là vì thế này đây...

- Tôi nghe tổ chức X nói rằng họ sẽ không tham gia bất kỳ một hoạt động nào có em, hay tổ chức của em tham gia. Thậm chí họ còn nói sẽ không ngồi cùng bàn với các em - chị Lisa nhìn tôi, cau mày dò xét.

- Gì ạ? - tôi bất ngờ trước thông tin này - Em chưa bao giờ làm việc với tổ chức X, cũng chưa tiếp xúc với bất cứ ai phía họ.

- Thì thì tại sao họ lại nói thế? - chị Lisa lên tới.

Dù chưa bao giờ gặp chị Lisa, nhưng tôi có thể thấy thái độ của chị ấy một cách rõ ràng. Chị ấy rất không ưa tôi.

- Điều này thì em chịu rồi - lấy bình tĩnh, tôi đặt ngược lại câu hỏi - Tại sao chị không hỏi họ, khi họ nói như vậy với chị mà lại hỏi em?

- Và với ý kiến chị đưa ra về “*thành công từ chuyến đi*” của anh Thanh - tôi nhìn tờ tạp chí được mở to khoe ra tấm hình anh Thanh đứng tạo dáng trước chiếc trực thăng của đội phòng chống săn trộm - Một tuần liền chỉ đưa ra được một video dài hơn một phút và một tờ tạp chí đăng đầy ảnh bản thân...

- Thanh nói rằng học sinh không giỏi và... - chị Lisa lại lấp liếm cho anh Thanh.

- Không giỏi? - tôi đặt lại câu hỏi cho chị ấy - Vậy chị hãy liên lạc với ban tổ chức ở Nam Phi, những người theo dõi các em suốt những buổi tranh luận để xem họ nhận xét như thế nào. Còn về phần em, em tự hào về học sinh của mình. Em cũng nghĩ là mình đã nói xong rồi, và đã hiểu ý kiến của chị về sự hợp tác lâu dài cho dự án tiếp theo. Chị hãy làm việc với tổ chức X, và bên em sẽ không tham gia để tránh hiệu lực không đáng có. Nhưng chị hãy mời học sinh đã từng tham gia trong chuyến đi này, các em học sinh có giỏi hay không không phụ thuộc vào đánh giá của anh Thanh.

Nói rồi, tôi đứng lên, bắt tay chị Lisa, chào chị, và đi về. Có thể vì tôi còn trẻ nên tôi có hơi ngang bướng, có thể tôi nên khúm núm dạ vâng nhiều hơn, có thể tôi nên đồng ý với những điều chị ấy nói. Nếu vậy có lẽ chúng tôi sẽ vẫn tiếp tục với những dự án sau này, nếu vậy có thể chúng tôi sẽ nhận được thêm kinh phí dự án cho những hoạt động liên quan đến chuyến đi. Nhưng phần ngang bướng của tôi không cho tôi làm điều đó. Ngay từ ban đầu, chúng tôi dù có khó khăn thế nào cũng luôn cố gắng giữ sự công bằng của cuộc thi, dù có thế nào cũng cố gắng đảm bảo quyền lợi cho các em học sinh, dù có thế nào cũng không thể để học sinh của mình bị chê bai bởi một người thậm chí còn không tham gia bất kỳ một cuộc tranh luận nào của các em được!

Trong số những em học sinh quay trở về từ Nam Phi, có ba em học sinh vô cùng nỗ lực để truyền tải những gì các em học được. Em Trâm hồi đó mới chỉ là học sinh lớp 8, đã vẽ một bộ sách truyện tranh về tê giác vô cùng tuyệt vời dành cho các em học sinh cấp I, lưu lại những kiến thức mà em học được ở Nam Phi để truyền tải những kiến thức về tê giác, và khơi dậy tình yêu thương động vật của các em lớp nhỏ hơn. Em Trinh sau chuyến đi đã viết một blog hồi ký về hội nghị và các hoạt động tại Nam Phi, blog của em đã nhận được sự chú ý của đông đảo bạn bè cùng lứa. Em học sinh Nam về trường đã xin phép các thầy cô giáo và tổ chức các buổi nói chuyện, thuyết trình về tê giác. Em còn lập được một câu lạc bộ nhỏ trong lớp gồm có bạn bè mình và tích cực tham gia tuyên truyền cho những chiến dịch bảo vệ tê giác của chúng tôi. Em đã được mời đến đại sứ quán Mỹ để thay mặt hệ học sinh Việt Nam, phát biểu về những hoạt động của mình. Tại đây, tôi đã suýt khóc vì xúc động khi em nói rằng “*Em Tuấn Nam - đại diện cho lớp trẻ học sinh ở Việt Nam, xin hứa với những người kiểm lâm đang cảm đang đứng ra bảo vệ tê giác ngoài thiên nhiên hoang dã, và những nhà bảo tồn tê giác trên thế giới rằng, em*

sẽ cố gắng hết sức mình để có thể tuyên truyền bảo vệ tê giác đen với mọi người. Em và gia đình nhất quyết không sử dụng sừng tê giác hay bất cứ sản phẩm nào từ động vật hoang dã”.

Đôi với chúng tôi, đó là phần thưởng lớn nhất mà chúng tôi nhận được khi làm dự án này. Được gặp, và được nhìn thấy ngọn lửa của tình yêu thiên nhiên đang được nhen nhóm lên từ các em học sinh. Ngọn lửa ấy là niềm hy vọng của tất cả chúng tôi.



Trên thế giới có 8 loài gấu và 2 trong số 8 loài đó sinh sống ở Việt Nam. Đó là gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) và gấu chó (*Helarctos Malayanus*). Một trong những cách dễ nhất để phân biệt hai loài này, đó là trước ngực gấu ngựa có dải lông trắng tạo theo hình chữ V, trong khi đó loài gấu chó lại có dải lông trắng tạo hình chữ U!

Khác với đại đa số các nước khác trên thế giới, Nam Phi có đến 3 thủ đô: Pretoria, Cape Town và Bloemfontein, tuy nhiên thành phố lớn nhất lại là thành phố Johannesburg. Đất nước rộng lớn này có đến 11 ngôn ngữ chính thức, bao gồm cả tiếng Anh, Afrikaans, tiếng Zulu và Xhosa.

Cái tên “tê giác trắng” hay “white rhino” thực ra không hề liên quan đến màu sắc của tê giác. Từ “wijd” trong ngôn ngữ bản địa có nghĩa là “wide” - “rộng” nhưng những người da trắng đến sinh sống ở châu Phi lại tưởng nó là “white” - “trắng”. Từ “wijd” được những người châu Phi dùng để chỉ chiếc miệng rộng hình vuông của tê giác trắng, trong khi đó tê giác đen có chiếc môi trên lớn, có hình chữ V. Người ta đặt tên cho chúng là tê giác “đen” chỉ đơn giản là để phân biệt với tê giác trắng, chứ da chúng cũng không có màu đen.

Chương IV

Voi ơi... Tê giác ơi... Xin lỗi

“Có lẽ chúng ta không thể cứu được tất cả các muôn loài, nhưng nếu không cố gắng, chúng ta sẽ mất đi tất cả.”

Sir Peter Scott

Đoàng... Đoàng.. Đoàng...

Đoàng...

- Cái gì thế? - chị Blaire chạy ra từ khu lều đất chính, hốt hoảng.
- Hình như là... - tôi trả lời, nghe tiếng tim mình đập thình thịch.
- Tiếng súng! - chú Malcome tiếp lời, nhìn chăm chăm về hướng 2 giờ.

Tất cả chúng tôi đứng đó, ngay giữa sân chung trong khu lều đất dành cho những người làm nghiên cứu, đắm mình trong ánh trăng sáng vằng vặc. Ư, hôm nay là đêm trăng 17, trăng vẫn còn tròn, vẫn còn sáng lắm. Ở những nơi khác trên Trái đất, đêm trăng sáng thật là đẹp, ai cũng có thể ngắm nhìn ánh sáng này mà ngưỡng mộ sự dịu dàng, man mác màu bạc của trăng. Nhưng ở đây, ở lục địa châu Phi này, chúng tôi gọi những đêm trăng sáng như thế là *huyết nguyệt*.

Vì vào những đêm trăng như thế này, lượng tê giác hay voi bị giết có thể tăng gấp đôi, thậm chí gấp ba ngày thường. Chỉ ở riêng vườn quốc gia Kruger tại Nam Phi thôi, một đêm trăng sáng có thể dẫn đến 8 chú tê giác bị giết hại...

- Cầu mong bọn chúng không bắn được tê giác, hay voi, hay sư tử, hay bất cứ con gì... - chị Blaire chấp tay, lâm râm một mình.

- Hay kiểm lâm nữa - tôi thêm vào.

- Cúp điện rồi - Chris chạy ra nhập bọn với nhóm chúng tôi ở ngoài sân.

Trăng sáng đến nỗi, chẳng cần có điện, chúng tôi vẫn có thể nhìn rõ mọi thứ, rõ nét mặt căng thẳng của từng người, rõ từng ngọn cỏ, lá cây.

- Tiếng súng ở gần phía hồ nước, chắc bọn chúng phải theo dõi từ lâu rồi, chờ đêm xuống là bắn thôi - anh Mike, hôn phụ của chị Blaire trầm ngâm.

Độ chừng năm phút sau, chúng tôi nghe thấy tiếng động cơ, tiếng gió vùn vụt, và ánh sáng chói lòa chiếu thẳng xuống từ trực thăng. Đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm đã phát đi tín hiệu, chiếc trực thăng xông thẳng về phía hồ nước... Cầu trời họ bắt được bọn tội phạm.

Rồi tiếng xe, tiếng chó sủa, tiếng người hét phát đi mệnh lệnh. Trạm nghiên cứu của chúng tôi nằm ngay phía trước trạm nghỉ của các anh kiểm lâm, vì thế mà đám người chúng tôi nhìn thấy 5, 7 chiếc xe jeep phóng như điên về phía trước, tất cả những anh lính kiểm lâm ở phía trong đều mang theo súng. Ngay cả đội quân khuyến cũng đã được huy động.

Một chiếc xe khác đỗ trước cửa lều chúng tôi để hai anh lính nhảy ra ngoài, rồi lại vội vã phóng đi. Hai người lính đó là Bogó và Joseph, hai anh được phân công làm việc với tôi kể từ khi tôi đến đây. Họ đều cầm theo súng. Cả

hại người trông hết sức lo lắng và nghiêm nghị, khác hẳn với vẻ mặt tươi cười hằng ngày. Phải rồi, khu nghiên cứu ở khá gần hồ nước, nếu bọn săn trộm tìm chỗ trốn chạy, chúng có thể xông vào đây lắm.

Nhiệm vụ của hai anh là ở lại bảo vệ chúng tôi, đồng thời tuần tra khu nhà nghỉ của kiểm lâm, tránh trường hợp bọn tội phạm ẩn náu trong những khu nhà trống. Chúng tôi cùng các anh đi vào lều chính, ở đó có một mái nhà nhô ra và vài cái ghế gỗ làm nơi sinh hoạt chung. Tất cả ngồi yên lặng, đăm đăm nhìn về phía trước, theo dõi những suy nghĩ riêng.

Ol Pejeta đang bị tấn công... Vì tiền, vì lòng tham, vì sự ngộ nhận, vì thiếu hiểu biết... động vật hoang dã của chúng ta, Trái đất của chúng ta, ngay cả mạng sống của con người chúng ta nữa, đều đang bị đe dọa.

* * *

Một tuần trước đó.

Sau 9 tiếng bay từ sân bay Heathrow ở London, cuối cùng tôi cũng đặt chân đến thủ đô Nairobi của Kenya. Moshes, một người đàn ông gầy gò, dáng người nhỏ thó đứng chờ tôi ở ngay phía ngoài sân bay. Từ đây, chúng tôi sẽ đi tiếp về phía bắc của Nairobi, thêm khoảng 5 tiếng đồng hồ nữa, thì chúng tôi sẽ đến được khu bảo tồn Ol Pejeta - một trong những khu bảo tồn thành công nhất trong công cuộc bảo tồn tê giác ở châu Phi. Từ tháng Sáu đến tháng Mười năm 2014, tôi dành phần lớn thời gian đi lại giữa Kenya và Nam Phi, để nghiên cứu về nạn tàn sát tê giác và voi ở hai đất nước này. Tôi làm việc chủ yếu cùng với đội kiểm lâm, nhưng cũng làm việc cùng cả những người dân nghèo sinh sống ven khu bảo tồn nữa, để cố gắng làm giảm tình trạng thảm sát tê giác và voi như hiện nay. Đây cũng chính là những chuyến đi để tôi thu nhập dữ liệu làm tiền đề cho luận văn tiến sĩ của mình.

Vào thời điểm năm 2013-2014, cả thế giới bàng hoàng trước nạn thảm sát voi và tê giác ở lục địa đen. Còn nhớ vào khoảng tháng Mười năm 2013, những tên săn trộm đầu độc nguồn nước hồ tại vườn quốc gia Hwange tại Zimbabwe, một trong những khu bảo tồn voi lớn nhất ở châu Phi bằng chất độc kali xyanua. Hơn 300 chú voi và nhiều loài động vật hoang dã khác đến uống nước tại hồ đã bị giết hại bởi thứ chất vô cùng độc hại này. Chúng chết trong sự đau đớn. Để rồi ngà của chúng bị chặt đi một cách không thương tiếc. Ngà voi vốn được người Trung Quốc ca tụng là vàng trắng, được vận chuyển trái phép thông qua Campuchia hay Lào, về Việt Nam và tuồn vào Trung Quốc. Đây là một trong những thị trường chợ đen chính tiêu thụ ngà voi trên thế giới, và là nguyên nhân của những cái chết trong đau đớn của những chú voi châu Phi.

Ở Nam Phi, kể từ năm 1990 đến năm 2005, trung bình có khoảng 14 chú tê giác bị săn trộm mỗi năm. Con số này là không lớn và không gây ảnh hưởng đến sự sinh tồn của loài tê giác. Thế nhưng, nạn săn trộm đã trở nên không thể kiểm soát nổi. Sừng tê giác đốn hạ từ những chú tê giác châu Phi được vận chuyển qua Mozambique, nước láng giềng với Nam Phi, thông qua đường biển hoặc đường hàng không, vận chuyển về Việt Nam. Ở đất nước hình chữ S này, mật gấu, cao hổ, sừng tê giác và những sản phẩm từ động vật hoang dã

vôn dĩ đã được sử dụng như một bài thuốc cô truyền từ rất xa xưa. Thế nhưng, nhu cầu sử dụng sừng tê giác ở Việt Nam tăng vọt từ sau năm 2006, sau những lời đồn thổi về công dụng mới của sừng tê giác - khả năng chữa bệnh ung thư - đã khiến cho giá sừng tê giác tăng cao, đồng thời đẩy tình trạng săn trộm tê giác ở châu Phi ra ngoài tầm kiểm soát. Thêm vào đó, nền kinh tế của Việt Nam phát triển mạnh, kéo theo nhu cầu không nhỏ về việc sử dụng các sản phẩm “hiếm, độc, lạ” và “đắt tiền” của tầng lớp đại gia. Một nhiếp ảnh gia từ tạp chí *National Geographic* đã đến Việt Nam và chụp được bức ảnh một gia đình giàu có người Việt đang mài sừng tê giác thành bột để pha với nước uống. Những người này tin rằng, bột sừng tê giác pha với nước chính là thứ nước đặc biệt để giải độc và tăng cường sức khỏe.

Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, đó chính là những đồn thổi được tạo ra bởi những kẻ buôn bán sừng tê giác để đẩy giá sừng tăng cao, giúp chúng kiếm lời bằng cách bán sừng tê giác cho những người bệnh, hoặc những kẻ giàu có những nhẹ dạ, cả tin. Nhiều người cũng nói rằng, thật khó mà trách người Việt Nam, khi mà Việt Nam nằm trong số những nước hàng năm có tỷ lệ người chết vì căn bệnh ung thư cao nhất thế giới. Theo thống kê năm 2010, có đến 82.000 người Việt chết vì căn bệnh quái ác này mỗi năm. Các bệnh viện trong nước không đủ cơ sở vật chất để cung cấp dịch vụ khám chữa cho người bệnh. Thêm vào đó là tâm lý “có bệnh thì vái tứ phương”, và dễ nghe theo những lời khuyên “truyền miệng” không có cơ sở, Việt Nam chính thức trở thành một trong những nước tiêu thụ sừng tê giác lớn nhất thế giới. Đây cũng là nơi duy nhất trên thế giới mà 1kg sừng tê giác được bán với giá cao hơn vàng.

Chính vì những nhu cầu sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã cao như vậy ở Việt Nam và Trung quốc, mà theo thống kê, cứ mỗi ngày qua đi là có khoảng **3-4 tê giác** và khoảng **96 chú voi bị giết ở châu Phi**.

Việc quản lý và bảo tồn thiên nhiên ở những khu vực nghèo đói không bao giờ là dễ dàng. Nhiều người nói rằng, họ không hiểu vì sao những nhà bảo tồn không làm thế này, vì sao không làm thế kia. Nhưng trên thực tế, những vấn đề này rắc rối hơn mọi người tưởng rất nhiều. Nghèo đói chính là một trong những mối đe dọa lớn nhất trên hành tinh của chúng ta. Muốn làm bảo tồn, muốn bảo vệ các loài động-thực vật hoang dã, thì chúng ta phải tạo được kế sinh nhai cho những người dân nghèo sinh sống ở ven các khu bảo tồn. Đối với họ, có được một bữa ăn mỗi ngày, có nước sạch để uống, để tồn tại, để chăm sóc cho gia đình họ, chính là điều quan trọng nhất. Đối với nhiều người yêu động vật hoang dã, bảo vệ được voi, được tê giác, sư tử, hổ, báo..., được thấy chúng sinh sống và tồn tại ngoài thiên nhiên mới là mục tiêu hàng đầu. Nhưng đó là bởi vì bạn biết bạn có nhà để về, có nước sạch để uống khi khát, có thức ăn để ăn khi đói. Tương tự như vậy, khi đi thực địa, tôi tận hưởng cảm giác phóng khoáng, không khí an lành của rừng cây, nhưng đối với người dân nghèo, đó là nơi để họ có thể kiếm sống, để sinh tồn.

Ở châu Phi, nghèo đói hiện diện ở khắp mọi nơi. Nghèo đói là sự thật chứ không phải chỉ đơn giản là những tin tức trong sách vở. Nạn đói, hạn hán và lũ lụt xảy ra rất thường xuyên. Nạn sốt rét và những dịch bệnh khác liên tục đe

dọa người dân nơi đây, đặc biệt là những người dân nghèo. Đó là còn chưa kể đến dịch bệnh HIV/AIDS. Đôi khi báo đài đưa tin, cổ những kiểm lâm thông đồng với những tên săn trộm, giúp chúng vào khu bảo tồn, vào vườn quốc gia để giết hại tê giác, hay voi, hay sư tử. Cộng đồng thế giới phản nộ trước hành vi này, trước sự phản trắc của những người thực thi pháp luật. Nhưng những người kiểm lâm ở châu Phi phải làm việc 24/7, phải đối mặt với vô vàn hiểm nguy này, có khi chỉ được trả lương dưới 100 USD, tức là dưới 2 triệu đồng/tháng. Nếu ra tay giúp những tên săn trộm, họ có thể kiếm được khoảng 1000 USD/lần nếu trót lọt, và tùy theo mức thỏa thuận. Hối lộ và tham nhũng là tệ nạn xảy ra ở bất cứ đâu, đối với bất cứ ngành nghề nào.

Đây chỉ là một trong số rất nhiều những lý do khác khiến cho công cuộc bảo vệ và bảo tồn các loài động vật hoang dã trở nên khó khăn, thực sự rất khó khăn. Việc bảo vệ và bảo tồn hành tinh này không phụ thuộc vào một cá nhân hay vào một tập thể, một nhóm người nào. Nó phụ thuộc vào tất cả chúng ta, vào người làm bảo tồn, cũng như vào người làm kinh doanh, buôn bán, vào các thầy cô giáo, các em học sinh, các bậc phụ huynh. Chính vì thế mà lần làm việc ở châu Phi này, tôi sẽ cố gắng tìm hiểu nhiều hơn về cuộc sống của người dân địa phương xung quanh khu bảo tồn Ol Pejeta, thay vì chỉ làm nghiên cứu tập tính động vật như những lần trước đó.

- Nhìn kia, đỉnh núi Kenya! - Moshes nói lớn, chỉ tay về phía đỉnh núi trắng như tuyết nhìn như một đám mây trôi lơ lửng trên nền trời, nổi bật giữa màu đất đỏ và rừng cây xanh. Tiếng reo của Moshes cắt đứt nguồn suy nghĩ lan man của tôi...

Ngước mắt nhìn lên nền trời xanh thẳm, tôi thầm reo lên:

- Vậy là sắp đến rồi!

* * *

Kenya vào tháng Sáu, tiết trời khô hạn. Nắng gắt nóng bỏng như đồ lửa từ trên trời xuống. Bầu trời xanh, trong vắt, không một gợn mây. Đã nhiều tuần trôi qua mà trời không đổ lấy một giọt mưa nào ở vùng đất Nanyuki này. Ngay từ đầu năm, chính phủ Kenya đã cảnh báo về một năm hạn hán, ảnh hưởng đến toàn bộ đất nước, ở cả các vùng Nam, Bắc, Đông, Tây. Con hạn hán của năm 2014 ảnh hưởng trực tiếp đến gần 2 triệu người dân Kenya, đặc biệt là những người dân sinh sống ở khu vực ngoại ô, những người thuộc các bộ lạc, và người dân nghèo sống ven vùng bảo tồn.

Cảnh sắc dưới chân núi Kenya khác hẳn với phần trên đỉnh núi. Màu xanh dường như biến mất hoàn toàn, chỉ còn màu nâu vàng héo rũ của cây cỏ. Đôi khi những vạt cỏ cây cháy đen thui do nắng nóng thổi bùng lên những ngọn lửa hung tàn. Mặt đất bạc trắng, nứt toác...

Xe chúng tôi đi qua những ngôi làng nhỏ, đơn sơ và lụp xụp. Những ngôi nhà - hay đúng hơn là những túp lều đất hoặc lều lá tạm bợ mọc lên san sát, dựa vào nhau, mái lá lác lư trong cơn gió nóng. Đám trẻ nghèo nghe thấy tiếng xe ô tô liền chạy ra dòm, cả hai tay vẫy vẫy, mắt cười tí:

- Hello, Hello, Hello!!!

Mấy đứa trẻ khác trong làng nghe thấy chúng bạn reo hò, liền chạy theo ô tô hay đứng nép vào những hàng rào xộc xệch, đứa vẫy tay, đứa hét chào, đứa xáu hô trước người nước ngoài lạ mặt, nhưng vẫn tò mò nhìn với theo.

- *Habari!* - tôi thò đầu ra khỏi cửa xe, gào lại câu “Chào” bằng tiếng Swahili. Mấy đứa trẻ đứng gần xe vừa ù té chạy vừa cười phá lên.

Hạn hán để lại dấu ấn khắp nơi trong làng. Những con bò - cơ nghiệp của người dân làng - gầy trơ xương, cổ găng lằn mòm găm hay cúi tìm những rễ cỏ khô mòn trên mặt đất, giờ đã bạc trắng do nắng hạn. Tiếng cười của đám trẻ nghèo không xua tan được ánh mắt lo âu, khắc khổ trên khuôn mặt người lớn. Những hồ nước bên ngoài khu bảo tồn giờ đã cạn kiệt, lòng hồ nứt toác vì nắng nóng đã lâu. Do hạn hán và đói kém kéo dài, ban quản lý khu bảo tồn Ol Pejeta đã phải tạm thời mở cửa khu bảo tồn để người dân làng có thể đưa trâu, bò và tạm sử dụng nước từ con sông Ewaso Nyiro, con sông lớn thứ ba ở Kenya, chảy từ vùng Laikipia, vắt ngang qua Ol Pejeta một cách duyên dáng trước khi hướng lên tới phía bắc, về vùng đất Somalia.

Cách khu bảo tồn khoảng 15 phút lái xe, chúng tôi bắt gặp cảnh tượng bi thương: Một cậu bé gầy gò, khẳng khiu, đang đi chân đất, người ngả về phía trước vì đang dựa theo một con bê con tầm ba tháng tuổi. Con bê có vẻ đã chết ngất từ bao giờ vì nắng nóng, nhưng cậu bé dường như không biết, hoặc không chịu chấp nhận sự thật này, vẫn cố gắng vừa đi, vừa cõng, vừa kéo xác con bê con về phía khu bảo tồn. Chúng tôi đỗ xe lại bên vệ đường và tiến lại gần cậu bé. Vừa nhìn thấy chúng tôi, cậu bé đã nước mắt lưng tròng:

- *Maji, maji...* (Nước, nước...)

Tôi liền chạy về xe, lấy chai nước khoáng ra đưa cho cậu. Cậu bé liền đặt con bê con xuống, rồi nhận lấy chai nước, tu một lượt gần cạn cả chai. Moshes hỏi chuyện cậu bé mới biết, nhà cậu cách đây gần chục cây, nhưng hồ nước ở đó cũng cạn kiệt cả rồi. Mấy anh em cậu được giao cho nhiệm vụ chăm sóc đàn bò - cơ nghiệp của cả nhà. Những năm trở lại đây, vào đợt hạn hán, người dân địa phương được phép đưa gia súc, gia cầm vào sử dụng nguồn nước sông ở khu bảo tồn Ol Pejeta. Vậy nên mấy anh em cậu định đưa đàn bò đến uống nước. Nhưng chú bê con này yêu quá, không đi nổi. Nên mấy anh trai lớn lừa đàn bò đi trước, mình cậu ở lại, vừa đẩy, vừa lôi chú bê theo, cho đến khi chú bê không còn sức lực nữa, thì cậu lúc bế, lúc cõng, lúc đi để đưa bằng được chú bê đến nguồn nước.

- Nhưng nó chết mất rồi - cậu bé lại khóc nức lên.

Cũng không thể làm gì, cái xác của chú bê con cũng bắt đầu bốc mùi do tiết trời quá nắng nóng. Tôi đề nghị đưa cậu bé vào khu bảo tồn để báo với kiểm lâm, rồi nhờ họ tìm các anh trai của cậu. Nhưng cậu bé lắc đầu:

- Nó chết rồi, em cõng nó về làng. Con bê chết cũng không mang vào khu bảo tồn được, để đây thì phí.

Nói rồi, cậu bé đứng dậy, kiên quyết đi con bê ở đằng sau. Moshes đưa thêm cho cậu ta hai chai nước suối, chúc cậu may mắn, rồi nhắc tôi lên xe. Thấy tôi chần chừ, Moshes nói thêm:

- Tôi không đưa nó về nhà được, em thì còn có cuộc hẹn gặp Richard lúc chiều nay đây. Xe tôi thế này cũng không thể chở xác con bê được. Chúng ta cũng không thể đưa xác con bê vào khu bảo tồn vì nó có thể mang dịch bệnh. Thằng bé này là người Maasai, nó khỏe lắm, đừng có lo.

Bên cạnh những người châu Phi da trắng do thời kỳ thực dân xâm chiếm thuộc địa mang đến thì Kenya, Nam Phi và những nước châu Phi khác được tạo nên bởi những người dân thuộc các bộ lạc khác nhau. Kenya có khoảng 40 bộ lạc, sinh sống ở khắp nơi trên cả nước, những người Kenya gốc da trắng - đa phần là người Anh hay Ai-len chỉ chiếm khoảng 1% dân số. Bộ tộc Maasai là những chiến binh bán du mục, họ sinh sống chủ yếu ở phía nam Kenya và phía bắc Tanzania. Mặc dù không phải bộ lạc đông đúc nhất ở Kenya hay có thể lực chính trị như bộ lạc Kikuyu, Luo và Kalenjin, nhưng bộ lạc Maasai được biết đến bởi những người nước ngoài nhờ những đồ trang sức có màu đỏ tươi đặc trưng, phức tạp và cầu kỳ của họ.

Cuộc sống của người dân thuộc bộ lạc Maasai phụ thuộc chủ yếu vào những đàn gia súc, và chỗ đứng của một người đàn ông trong xã hội Maasai phụ thuộc vào số lượng gia súc và số con mà anh ta có. Một người đàn ông có địa vị cần phải có khoảng 50 con bò và càng nhiều con càng tốt. Nếu anh ta chỉ có một trong hai thứ trên, thì dù có nhiều đến đâu, anh ta vẫn bị coi là “người nghèo” và không có chỗ đứng trong xã hội của người Maasai. Để được công nhận là một “chiến binh” thì thanh niên khi đến tuổi trưởng thành phải trải qua nhiều nghi lễ khác nhau, một trong những nghi lễ nổi bật nhất là đi săn sư tử bằng những vũ khí thủ công do người Maasai chế tạo, và “chiến binh” sẽ được công nhận bởi gia tộc khi anh ta có thể săn và mang xác sư tử về. Đây là tập tục mà chính phủ Kenya khuyến khích người dân Maasai từ bỏ để tham gia vào công tác bảo tồn sư tử. Về thực sự thì nhưng người dân Maasai đang được cộng đồng bảo tồn quốc tế biết đến thông qua sự thành công trong việc bảo tồn, duy trì và phát triển số lượng sư tử ngoài tự nhiên ở khu bảo tồn Maasai Mara mà họ được quyền quản lý.

Khi về đến cổng của khu bảo tồn Ol Pejeta, Moshes kể qua câu chuyện về cậu bé người Maasai, rồi nhờ những anh kiểm lâm trực trạm đề ý và nhắc với các anh trai của cậu để họ khỏi chờ. Nanyuki không phải là khu vực sinh sống của người Maasai, Moshes giải thích với tôi, vậy nên chắc hẳn gia đình của cậu bé này đã từ bỏ quê hương để định cư ở nơi khác.

* * *

Tình trạng bên trong khu bảo tồn cũng không khác ở bên ngoài là bao. Nắng nóng bao phủ, cây cỏ khô, trời lơ lửng lá cành. Thời tiết thế này, chỉ còn một số cây xương rồng, cây baobab, và cây keo gai Acacia là còn giữ được màu xanh của lá cành. Lúc chúng tôi đến nơi mới là hai giờ chiều, nắng nóng vẫn đang còn ở đỉnh điểm trong ngày, vì thế mà động vật hoang dã vẫn còn đang tránh nắng trong những bụi cây lớn. Trên đường vào trạm nghiên cứu, tôi thấy một chú voi trưởng thành đang núp đằng sau những tán cây keo gai Acacia, đôi tai lớn ve vẩy chậm chậm để giảm nhiệt. Màu xanh dân hiện lên ở khu vực dọc con sông Ewaso, một vài đàn heo rừng châu Phi đang tranh thủ tắm

bùn và uông nước trước khi con sông bị chiêm đoạt bởi những loài động vật lớn hơn khi triều tàn.

Trạm nghiên cứu nằm khá gần đoạn sông này. Đối với một người làm nghiên cứu thực địa thường phải ngủ lều như tôi, thì trạm nghiên cứu này thực sự quá xa xỉ. Chúng tôi được sử dụng điện 3 tiếng/ngày, từ 6 đến 9 giờ tối (mặc dù vậy thỉnh thoảng các anh kiểm lâm cũng để cho chúng tôi dùng điện đến tận 10 giờ). Trạm có một dãy nhà chính, gồm có bếp, khu nhà ăn (đây là khu nhà ăn dành cho kiểm lâm, vì trạm kiểm lâm chỉ cách chỗ chúng tôi khoảng 15 phút đi bộ thôi), hai nhà tắm nhỏ (Trời ơi! Lần này tôi không phải xách nước ra sau bụi cây để tắm nữa rồi!!!), ba phòng ngủ dành cho những người nghiên cứu đến ở, và phía chái nhà là một cái bàn dài, vài cái ghế gỗ làm khu sinh hoạt chung. Bên phải dãy nhà chính này là một ngôi nhà xi măng cấp bốn. Đây là khu nhà được xây bởi một quỹ nghiên cứu của Đức. Phía bên trái dãy nhà là ba khu lều đất nhỏ, xây hình tròn, lợp mái lá dày. Tôi ở tại một trong những ngôi nhà nhỏ tách biệt này. Nhìn từ ngoài vào thì cứ nghĩ bên trong nhà sẽ rất nóng và hấp hơi, nhưng thực ra lại rất mát, vì tường là lớp bùn đất được đắp rất dày. Mái lá được dựng cao để không khí được điều hòa và thoát ra ngoài. Tôi có một chiếc bàn gỗ nhỏ, một cái giường đơn và một khung gỗ để treo quần áo. Thật không còn gì để đòi hỏi nữa rồi!

Sau khi ị ạch vác đồ vào trong phòng, tôi thay nhanh quần áo rồi quay trở ra khu nhà chung. Tại đây, anh Joseph, cán bộ quản lý các dự án phát triển đời sống của người dân địa phương đã chờ tôi ở dãy nhà chính. Anh là một người đàn ông gốc Phi, đậm người, mái tóc ngắn nhưng xoắn tít, dáng điệu nhanh nhẹn và luôn cười rất tươi. Anh Joseph đã cẩn thận bảo chị bếp chuẩn bị cho tôi một bữa ăn đơn giản: những miếng bột ngô nặn hình tam giác và đậu hũ. Vừa ăn, tôi và anh vừa bàn bạc nhanh các hoạt động cho ngày hôm nay và trong tuần tới. Tôi từ chối lời đề nghị dành buổi chiều để nghỉ ngơi của anh. Mặc dù thời gian bay và đi xe đến Ol Pejeta khá dài, nhưng tôi không cảm thấy mệt, mà chỉ thấy vô cùng phấn khích, nhất là sau khi được nhìn thấy động vật hoang dã trên đường đến đây.

Thế là sau bữa ăn, tôi lại lên đường. Joseph đưa tôi đến gặp mọi người ở “Trung tâm quản lý” - thực chất là văn phòng hoạt động của khu bảo tồn để chào hỏi. Những anh kiểm lâm, những anh làm việc trong đội đặc nhiệm, đội phát triển đời sống người dân địa phương, đội giáo dục môi trường... đều được phân bổ công việc rất cụ thể và có khu văn phòng riêng. Cuối cùng, tôi gặp chú Richard Vigne - giám đốc khu bảo tồn Ol Pejeta. Chú là một người Kenya gốc da trắng, có bằng cử nhân và bằng thạc sĩ tại Anh quốc ngành động vật học, sau đó quay trở về lục địa đen và làm việc trong ngành bảo tồn ở một số nước châu Phi khác nhau. Đến năm 1996, chú quay trở về Kenya và bắt đầu đảm nhiệm vai trò giám đốc khu bảo tồn Ol Pejeta.

Chú dành một tiếng để lắng nghe ý định và kế hoạch dự án của tôi trong khoảng thời gian làm nghiên cứu ở Ol Pejeta, thỉnh thoảng đặt một vài câu hỏi, hoặc trả lời câu hỏi của tôi. Sau đó, chú phân công nhiệm vụ cho một vài đồng nghiệp - những người sẽ trực tiếp làm việc với tôi hằng ngày từ sáng

hôm sau. Cuối cùng, chú chúc tôi may mắn và nhắc anh Joseph đưa tôi đi một vòng quanh khu bảo tồn, giới thiệu với tôi về từng địa điểm chiến lược.

Đến lúc xong xuôi mọi việc thì đã là 4 giờ chiều, chúng tôi chẳng có đủ thời gian để đi tham quan quanh khu bảo tồn nữa. Để đảm bảo an toàn cho những người làm nghiên cứu như tôi - trừ phi đã sắp xếp từ trước và có giấy phép, thì chúng tôi phải trở về trạm nghiên cứu trước khi trời tối. Joseph quyết định đưa tôi đến trạm cứu trợ những chú tinh tinh, sau khi nghe tôi kể rằng trước đây tôi từng học chuyên sâu về ngành linh trưởng và từng làm nghiên cứu về loài vượn cáo ở Madagascar.

Trạm cứu hộ tinh tinh nằm ở phía đông nam của khu bảo tồn, chỉ rộng vón vện khoảng 100ha. Nó được xây dựng và quản lý như một bán đảo nhỏ, vì phần đất này được chia tách bởi hai nhánh của con sông Ewaso. Cả hòn đảo tách biệt này được thiết kế theo môi trường tự nhiên, không hề có chuồng trại mà chỉ có hàng rào chắn quanh, phòng trường hợp tinh tinh trốn ra ngoài. Vì thế mà tuy nhỏ bé, nhưng nó là một khu an dưỡng tuyệt vời cho những chú tinh tinh được cứu hộ này. Xét về mặt tự nhiên, tinh tinh không phân bố ở Kenya. Cả 39 chú tinh tinh hiện đang sinh sống ở đây được cứu hộ từ Tây và Trung Phi, đa phần đến từ nước Cộng hòa Congo. Trung tâm cứu hộ bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 1993, sau khi trung tâm cứu trợ tinh tinh thời bấy giờ ở Burundi buộc phải đóng cửa do bạo loạn và chiến tranh liên miên. Những chú tinh tinh được đưa về đây đều có một số phận đặc biệt. Có những chú tinh tinh còn ít tuổi, nhưng cũng có những chú tinh tinh thậm chí còn lớn tuổi hơn tôi.

Khi chúng tôi vừa đến nơi thì thấy một chú tinh tinh trưởng thành đang ngồi một mình ven sông. Nhắc thấy tiếng người, chú liền đứng dậy bằng hai chân, rồi rảo bước thật nhanh để tìm chỗ trốn. Đây là hành vi bất bình thường, vì tinh tinh dù có họ hàng rất gần với loài người, nhưng chúng vẫn sử dụng cả hai tay trên để chống đỡ khi đi lại dưới mặt đất. Hỏi ra mới biết, hóa ra trước khi được cứu hộ về đây, Poco - tên của chú tinh tinh tội nghiệp này, trong suốt chín năm trời đã bị nhốt trong một chiếc chuồng nhỏ chật hẹp ở phía trên một tiệm tạp hóa để thu hút khách mua hàng. Chiếc chuồng ấy nhỏ và hẹp đến nỗi, Poco không thể làm gì ngoài việc đứng, hoặc ngồi. Đối với loài linh trưởng thông minh dành phần lớn thời gian trong ngày để hoạt động và leo trèo như loài tinh tinh, đây quả thật là sự tra tấn tàn bạo. Vì thế mà dù đã được cứu trợ và sinh sống trong môi trường bán hoang dã cùng với những chú tinh tinh khác từ vài năm nay, Poco vẫn không thể có những tập tính bình thường của một chú tinh tinh hoang dã. Chú vẫn đứng bằng hai chân với phần xương ngực chìa ra về phía trước do tình trạng nuôi nhốt lâu năm trong chiếc lồng sắt nhỏ hẹp đã gây chấn thương cột sống.



Max, một chú tinh tinh trưởng thành khác được cứu hộ từ Congo, bị xích bán để làm thịt, cùng với bạn bè, anh em trong đàn của mình. Chú phải chứng kiến cảnh những người thân bị giết thịt ngay trước mặt mình, rồi bị xích trước một cái cây ngoài quán. Không thể làm gì, không thể đi đâu, cả năm trời chỉ quanh quẩn bên cái cây ấy. Đối với những loài động vật thông minh như tinh tinh và voi, việc giam cầm lâu năm và ảnh hưởng từ việc chứng kiến cái chết

của đồng loại có tác động đến tinh thần của chúng trong một khoảng thời gian lâu dài. Đến tận bây giờ, Max vẫn phát ra những âm thanh kích động nếu thấy bóng dáng con người. Chú sẽ nhặt đá, sỏi để ném về phía họ. Có những lúc, chú trèo lên cây, tiêu và đại tiện vào tay mình rồi đưa lên miệng ăn, hoặc cầm ở tay để sẵn sàng ném vào những nhân viên chăm sóc chú.

Cũng giống như con người, nếu phải trải qua thời gian dài sống trong môi trường căng thẳng, bị cô lập và tách biệt, phải chịu những nỗi đau về cả thể chất lẫn tinh thần thì sẽ phát điên, những chú tinh tinh này cũng bị mắc những bệnh tâm lý, nặng hơn là mắc bệnh tâm thần. Câu chuyện của Poco và Max chỉ là 2 trong số 39 câu chuyện của những chú tinh tinh được nuôi giữ và chăm sóc ở đây. Những năm tháng bị xiềng xích, bị đánh đập và phải chứng kiến sự giết chóc của bầy đàn đã in hằn vào tâm trí của loài linh trưởng có đến hơn 97% DNA giống với loài người này. Phải đau đớn và hoảng sợ thế nào, để mà đến tận nhiều năm sau đó, sau khi được giải cứu và sinh sống trong môi trường tự nhiên, chúng vẫn sợ sệt, lo âu, vẫn không thể sống đúng với bản chất của loài tinh tinh thật sự?

Trung tâm cứu hộ này mở cửa cho khách tham quan hai lần trong ngày, và luôn có một nhân viên của trạm đi cùng để kể về tiểu sử của những chú tinh tinh đang sống ở đây với hy vọng rằng khách tham quan sẽ hiểu rõ hơn về hậu quả của tình trạng mua bán và nuôi nhốt động vật hoang dã làm cảnh. Trung tâm cũng đặc biệt thiết kế những chuyến tham quan cho các em học sinh, với mục đích giáo dục bảo tồn, để các em có thể tận mắt thấy, nghe, và cảm nhận được những tác động của con người lên thiên nhiên.

Anh hoàng hôn trải thảm đỏ xuống khu trung tâm cứu hộ. Đứng từ đài quan sát, tôi có thể nhìn thấy những đàn voi đang lần lượt kéo nhau về phía những rừng cây, bỏ lại con sông Ewaso ở phía sau. Những chú chim cũng bắt đầu nháo nhác bay về tổ, tiếng những chú linh cầu rền rĩ ở phía xa xa. Joseph - sau khi thấy tôi lúi húi lau vội những giọt nước mắt khi nghe câu chuyện của Poco và Max, để tôi đứng một mình trên trạm cứu hộ, cho tôi có một khoảng thời gian riêng mà bình tâm. Tiếng chân chậm chậm nhưng chắc nịch của anh vang lên mặt gỗ của đài quan sát, anh đặt một bàn tay lên vai tôi về cảm thông. Đã đến lúc phải về rồi.

Nhìn lại những chú tinh tinh khốn khổ một lần nữa trước khi quay trở về trạm nghiên cứu, tôi nhận thấy một nỗi buồn đang trào dâng trong lòng. Từ châu Á đến châu Mỹ, từ hổ, báo đến các loài linh trưởng, từ những loài động vật bé nhỏ như những chú chim đến loài động vật to lớn như những chú voi... con người chúng ta đang làm gì chúng thế này?

Suốt cả buổi chiều và tối hôm đó, tôi gần như không nói chuyện với ai. Cứ để nỗi buồn, lo lắng và cảm giác bất lực như một cơn lũ dâng trào, xâm chiếm lấy mọi tế bào, mọi giác quan trong cơ thể. Tôi quay trở về phòng khá sớm, nằm trong căn phòng vẫn còn thơm mùi cỏ khô, nhìn chăm chăm lên trần nhà, rồi chìm vào giấc ngủ mộng mị đầy những tiếng cười ác độc, hình ảnh những chú tinh tinh chạy trốn, hình ảnh cậu bé người Maasai nghèo khổ và những giọt nước mắt...

Đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm

Tuần làm việc đầu tiên của tôi trôi qua một cách nhanh chóng bởi những cuộc gặp mặt và họp hành gần như là liên tục để chuẩn bị cho những hoạt động với cộng đồng người dân địa phương. Nào là gặp gỡ hiệu trưởng của các trường, các già làng và cả các đội kiểm lâm khác nhau. Vì một trong những hoạt động trong dự án của tôi là làm việc trực tiếp với các kiểm lâm trong đội bảo vệ tê giác, tôi cần có một số loại giấy phép đặc biệt và cần được sự cho phép trực tiếp của chủ Richard Vigne để đến những khu vực cấm. Công việc liên quan đến giấy tờ thường tốn nhiều thời gian, dai dẳng và nhàm chán hơn bình thường.

Cũng trong thời điểm ấy, tin xấu liên tục ập đến với những người làm bảo tồn tê giác và voi tại Kenya. Thời điểm trăng bắt đầu xuất hiện trên bầu trời cũng là lúc nạn săn trộm xảy ra thường xuyên hơn bao giờ hết. Những tên săn trộm bắt đầu tấn công các khu bảo tồn, giết hại tê giác và lấy đi chiếc sừng - vốn dĩ không hề có tác dụng y học nào - để bán cho những người bệnh nhẹ da cả tin và những đại gia giàu có ở châu Á. Thông tin về những vụ săn trộm cho thấy chúng bắt đầu tấn công từ khu bảo tồn Solio, đi lên phía bắc, đến khu bảo tồn Ol Ari Nyiro rồi đánh úp xuống khu bảo tồn Ol Jogi, chỉ cách Ol Pejeta khoảng 200km về phía bắc. Bốn chủ tê giác đen tại Ol Jogi đã bị giết hại dã man bởi hai nhóm săn trộm có trang bị vũ khí. Vào thời điểm bấy giờ, đây chính là vụ giết hại tê giác tồi tệ nhất trong lịch sử bảo tồn tê giác tại Kenya trong vòng 25 năm kể từ năm 1988. Những tên săn trộm trốn thoát, cùng với ba trong tổng số 8 chiếc sừng của bốn chủ tê giác đen bị giết hại. Tất cả tê giác ở châu Phi đều có hai sừng.

Mặc dù vậy, tình trạng săn bắn tê giác trái phép ở Kenya vẫn chưa rơi vào tình trạng khủng hoảng như ở Nam Phi. Hồi làm việc ở vườn quốc gia Kruger tại Nam Phi, tôi được gặp một đại úy chỉ huy đội đặc nhiệm phòng chống nạn săn trộm mà ở đây tôi không tiện nói tên. Mặc dù rất bận rộn, nhưng ông cũng đã rất nhiệt tình dành cho tôi khoảng một tiếng đồng hồ gặp mặt và trò chuyện, giúp tôi hiểu hơn về cách vườn quốc gia Kruger vận hành và các đội phòng chống nạn săn trộm sẽ hành động như thế nào khi có báo động xảy ra. Đây là một công việc căng thẳng, nguy hiểm và yêu cầu người chỉ huy phải đưa ra mệnh lệnh thật nhanh nhạy và chính xác. Nếu người chỉ huy chần chừ hoặc đưa ra quyết định một cách thiếu cân nhắc, thì chính quyết định này sẽ mang lại cái chết của tê giác, voi, hay thậm chí là cả đồng đội trong đội đặc nhiệm nữa. Ngày nay, đại đa số những người kiểm lâm phải thông qua huấn luyện quân sự dài ngày để chống lại nạn săn trộm. Kiểm lâm nơi đây dùng đến 80% số thời gian của mình để tập huấn như trong quân đội, rèn luyện sức khỏe, kỹ năng bắn súng, chiến đấu và sử dụng các thiết bị quân đội.

Cuộc sống của họ vì thế mà cũng trở nên nguy hiểm hơn rất nhiều. Nhiều người đã bỏ cuộc, nhưng nhiều người vẫn cố gắng bám trụ lại với ngành. Ví dụ như trưởng hợp của anh Thomas, một người thanh niên trong làng đã tham gia làm kiểm lâm ở Kruger đã được 8 năm. Kể từ sau khi cha anh qua đời thì

anh đã trở thành nguồn thu nhập chính của cả gia đình. Với nguồn lương ít ỏi, anh không chỉ nuôi sống vợ, một cậu con trai, mà còn cả 7 người anh em khác trong gia đình. Anh làm việc trong đội đặc nhiệm phòng chống nạn săn trộm, có nghĩa là anh và đồng nghiệp của mình thường xuyên phải đối mặt với những kẻ đi săn trái phép. Công việc nguy hiểm, những kẻ săn trộm được trang bị vũ khí tối tân từ những tổ chức tội ác xuyên quốc gia và cây cỏ giúp chúng nguy trang.

Theo tình hình hiện tại, một người hoạt động trong đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm đầu súng với bốn săn trộm trung bình khoảng 3-4 lần trong một tháng. Có những ngày, họ phải đối mặt với những kẻ săn trộm vài lần, và chúng hoạt động liên tục, cả ngày lẫn đêm. Công việc thực sự rất căng thẳng, những lần đầu súng, săn trộm bị thương, bị bắn chết, đồng đội bị thương, bị bắn chết... tất cả những sự việc này đều có ảnh hưởng đến tâm lý khi đi làm nhiệm vụ.

Chính vì thế mà những năm gần đây, vườn quốc gia Kruger cũng đã hỗ trợ để nhân viên của mình được gặp gỡ và trị liệu với các bác sĩ tâm lý sau mỗi lần chạm trán với bọn săn trộm. Điều đặc biệt ở đây là người thân của những chiến sĩ trong đội phòng chống nạn săn trộm cũng được tham gia cùng với chồng và con mình. Vợ của anh kiểm lâm Thomas chia sẻ:

- Thomas đang làm một công việc vô cùng nguy hiểm, anh ấy phải đối mặt với những kẻ săn trộm hung hãn, và đôi khi bị cả động vật hoang dã tấn công nữa. Anh ấy luôn cố gắng làm việc rất chăm chỉ. Khi anh ấy đi làm, tôi ở nhà một mình chờ đợi anh ấy về, tôi rất lo, và cũng rất nhớ anh ấy. Đôi khi tôi nghĩ rằng anh ấy sẽ bị bọn săn trộm giết hại. Những gì xảy ra ở ngoài rừng, anh ấy không kể với tôi. Tôi biết anh ấy sợ tôi lo lắng.

Sự hăm dọa và xa lánh cũng là một vấn đề lớn. Rất nhiều kiểm lâm sinh sống trong cùng một khu vực với những kẻ săn trộm, khiến cho họ và gia đình bị ghét bỏ. Nhiều người dân trong làng phụ thuộc vào số tiền có được do những người tham gia săn trộm mang về. Số tiền này thường là rất lớn so với nguồn lợi nhỏ mà họ có được từ nghề nông, hay tham gia cộng việc làng xã. Vì thế mà nhiều kiểm lâm lo sợ khi quay trở về nhà, họ có thể bị xa lánh, ghét bỏ bởi những người dân làng, đặc biệt là nếu kẻ săn trộm bị kiểm lâm bắn chết.

Đồng nghiệp của anh Thomas, Mzimba là một ví dụ điển hình của sự việc đáng tiếc này. Anh ấy tham gia trực tiếp trong vụ truy bắt người anh họ của mình. Khi người anh họ này bị bắt và bị đi tù, anh ta thề sẽ trả thù Mzimba. Số kiểm lâm bị thương và bị giết hại bởi những kẻ săn trộm cũng tăng lên cùng với số lần đụng độ, nổ súng và số tên giác bị giết hại. Đôi khi mặc dù đang thực thi nhiệm vụ, nhưng kiểm lâm cũng có thể bị buộc tội giết người khi bắn những kẻ săn trộm. Những người quản lý khu bảo tồn cố gắng bảo vệ nhân viên của mình, nhưng việc điều tra lại phụ thuộc vào cảnh sát khu vực, và nhiều khi chứng cứ tại hiện trường chống lại những người kiểm lâm. Vào tháng Mười hai năm 2014, ba kiểm lâm tại vườn quốc gia Kruger đã phải ra tòa vì bị buộc tội giết người khi truy bắt một kẻ săn trộm.

Sẽ thật là thiếu sót nếu tôi chỉ nhắc đến môi nguy hiểm mà những anh kiêu lâm ở châu Phi đang phải đối mặt mà không nhắc đến người bạn đồng hành bốn chân vô cùng dũng cảm của các anh. Đó chính là những chú quân khuyển được huấn luyện và đào tạo khắc khe ngay từ khi còn là chó con bé bỏng.

Thật may mắn vì tôi đến làm nghiên cứu ở khu bảo tồn Ol Pejeta đúng đợt Vương quốc Anh cử một tiểu đội trực thuộc quân đội Hoàng gia Anh đến giúp đỡ khu bảo tồn Ol Pejeta tập huấn cho đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm. Cũng vào chính đợt này, cựu chỉ huy đội quân cảnh của quân đội Hoàng gia Anh - chú Darryll Pleasants đến khu bảo tồn để hướng dẫn huấn luyện những chú chó mà sau này sẽ trở thành cánh tay đắc lực nhất của đội phòng chống nạn săn trộm.

Một buổi trưa khi vừa ăn xong và đang ngồi nguyền ngoác ghi lại những điều cần ghi nhớ cho buổi làm việc với các giáo viên tổng phụ trách sắp tới, tôi thấy một người đàn ông cao lớn, tóc đã điểm bạc thành màu muối tiêu, dáng đi nhanh nhẹn, rần rỏi với giọng nói rất to, đầy uy lực tiến về phía gian nhà chính. Anh Moshes đi cùng người đàn ông này, và nhờ chị bếp dọn thêm hai suất cơm trưa muộn nữa. Có mấy anh kiêu lâm khác ngó ra tò mò, tiếng xì xào vang lên khắp gian ăn. Hình như người này rất quan trọng thì phải...

Thấy tôi nhìn một cách tò mò, anh Moshes gọi tôi lại và giới thiệu về chú Darryll. Chú ấy chào, và bắt tay tôi bằng bàn tay rắn chắc của mình. Sau khi đợi chú ăn xong, chúng tôi ngồi quây quần quanh chú Darryll nghe chú kể chuyện. Chú ấy tình nguyện đến đây tập huấn cho những chú chó để bảo vệ động vật hoang dã ở khu bảo tồn Ol Pejeta này từ tháng Tám năm ngoái. Lúc bắt đầu, cả đội mới chỉ có ba chú chó thuộc giống chó đánh hơi *blood hounds*. Nhưng hiện tại thì cả đội đã có gần 20 chú chó đang được tập huấn gắt gao. Những chú chó này có thể đánh hơi tìm kiếm xác chết của những loài động vật bị săn trộm, tìm ra những cá thể bị thương đang cần được giúp đỡ, phát hiện những bộ phận của động vật hoang dã như ngà voi hay sừng tê giác bị những tên săn trộm chôn sâu xuống đất hoặc giấu trong bụi rậm khi tìm cách tẩu thoát, hoặc là tìm những vật dụng mà bọn săn trộm đánh rơi. Chúng còn có thể giúp đội đặc nhiệm phòng chống nạn săn trộm tìm kiếm và lần theo dấu vết của những tên săn trộm, và thậm chí là tấn công, bắt giữ những kẻ săn trộm này.

Những chú chó được huấn luyện theo những trường hợp có thể xảy ra trong đời thực, trong những hoàn cảnh khác nhau, với những dụng cụ khác nhau, qua những chướng ngại vật khác nhau, thậm chí là vượt qua cả lửa và nước. Khi được ra lệnh tấn công, những chú chó này có thể chạy hơn 20km/giờ. Khác với viên đạn được bắn ra chỉ có thể di chuyển theo đường thẳng, những chú chó có thể chạy vòng qua những cái cây, chạy vòng qua bụi rậm. Nếu vượt qua được những bài kiểm tra gắt gao, chúng sẽ được giao nhiệm vụ và được mặc quân phục là những chiếc áo chống đạn được thiết kế đặc biệt dành cho chúng. Những chiếc áo này không chỉ giúp chống lại đạn bắn mà còn bảo vệ được chúng nếu bị đâm hay chém bằng dao, làm giảm nhẹ lực tác động khi bị đá hay đâm. Chúng còn được trang bị cả camera với tầm nhìn vào ban đêm để ghi lại hình ảnh cuộc truy bắt và phát ra tín hiệu định vị cho đội chỉ huy.

Ở châu Phi, nơi mà số lượng voi ngoài thiên nhiên hoang dã chỉ còn lại khoảng $\frac{1}{3}$ so với trước đây và số lượng tê giác bị giết mỗi năm lên đến hơn 1000 cá thể chỉ riêng ở Nam Phi, thì việc huấn luyện những chú chó để tham gia những hoạt động phòng chống nạn săn trộm không chỉ diễn ra ở Kenya mà còn ở rất nhiều nước láng giềng khác. Tại Nam Phi, một chú chó béc giê Đức với tên gọi Arrow đã được ghi danh vào kỷ lục thế giới Guinness vì đã trở thành chú quân khuyến trong đội phòng chống nạn săn trộm đầu tiên trên thế giới nhảy dù cùng với người huấn luyện mình.

Arrow là một trong gần 200 chú chó được huấn luyện đặc biệt qua Học viện K9 (đây là cách chơi chữ, vì từ K9 đọc đồng âm với từ *Canine* - họ nhà chó). Chú chó Arrow hai năm tuổi này đã nhảy dù cùng với người huấn luyện của mình là chú Henry Holsthyzen ở gần thành phố Pretoria tại Nam Phi. Những chú chó được huấn luyện nhảy dù khi cần kíp, vì khi phát hiện ra có kẻ đột nhập, đội phòng chống nạn săn trộm sẽ được đưa thẳng đến khu vực bị đột nhập bằng trực thăng. Nhưng nếu muốn đổ trực thăng sẽ phải tìm được bãi đáp bằng phẳng, trong khi ngoài thiên nhiên hoang dã có đủ mọi loại địa hình. Chính vì vậy mà không chỉ được tập luyện di chuyển bằng xe ô tô, trực thăng, tập bơi, tập nhảy..., những chú quân khuyến hiện nay còn phải tập nhảy dù nữa. Chúng cần được tập làm quen với những dụng cụ hỗ trợ và phương tiện di chuyển này từ khi còn rất nhỏ để không bị sợ hãi khi thực thi nhiệm vụ.

Tầm hai giờ chiều, tôi đi theo chú Daryll và anh Moshes cùng vài người nữa ra sân huấn luyện. Chúng tôi đứng trên mỏm đất cao, cách bãi huấn luyện một con hào nhỏ. Tại đây, những chú chó một năm tuổi sẽ tập lại bài học từ lần trước: cách săn đuổi những tên săn trộm có trang bị vũ khí. Hai anh kiểm lâm được mặc quần áo bảo hộ dày cộp, kèm theo cả một chiếc găng tay rất dày, dài hết cả cánh tay. Họ sẽ thay phiên nhau đóng vai là kẻ săn trộm cần truy đuổi, trên tay cầm dao, hoặc súng. Giả định lần này là đội phòng chống săn trộm được đưa tới từ trực thăng và những tên săn trộm đang đào thoát cách chỗ đáp máy bay tầm hơn 200m. Người huấn luyện sẽ phát ra hiệu lệnh tấn công, thu lại dây dắt, và những chú quân khuyến sẽ phải vượt qua hào nước và những bụi cây để bắt những tên săn trộm này. Dưới ánh nắng gay gắt của khu vực Laikipia, Silver - một trong những chú chó được huấn luyện đợt này, đang chạy hết tốc lực, từng đám đất bụi nâu trắng cuộn lên theo từng nhịp chân chú. Chú nhảy qua những bụi cây khô một cách dễ dàng, lao thẳng xuống hào nước, bơi qua thật nhanh chóng và lại tiếp tục tăng tốc trên nền đất cứng. Tên săn trộm giả định vội vã chạy trời chết, khoảng cách ngày một ngắn lại. Khi cách tên săn trộm khoảng chừng 2m, Silver nhảy lên, ngoạm ngay vào cánh tay đang cầm súng của hắn. Hắn tìm cách vùng tay đẩy Silver ra nhưng với hàm răng chắc khỏe nghiền chặt, Silver giằng mạnh đến mức tên săn trộm phải thả khẩu súng xuống đất. Chú chó dừng cảm vẫn cắn chặt không buông, vừa cắn, vừa kéo mạnh khiến tên săn trộm bò lăn bò toài dưới đất. Anh kiểm lâm Hilare - người huấn luyện và sẽ là đồng nghiệp của Silver trong tương lai chạy đến, đẩy tên săn trộm nằm sấp xuống nền đất nóng. Xong xuôi, anh phát ra hiệu lệnh “STOP” một cách quả quyết, Silver liền thả tay tên săn trộm ra, nhưng đứng ngay gần đầu tên săn trộm, khoảng cách giữa mang tai và cổ, theo

dối mọi động tác của kẻ này. Nêu hãn ta có ý định vùng dậy hoặc đánh trả Hilare, chắc chắn rằng Silver sẽ lại xông lên một lần nữa.

Xong việc, Silver được anh Hilare khen ngợi ngay lập tức, bằng cách xoa đầu và thưởng một miếng xúc xích nhỏ. Chính những hành động tưởng chừng là nhỏ bé này sẽ giúp Silver hiểu rằng nó đang làm việc rất tốt, vì vậy mà nó được thưởng, và nó cần giữ vững “thành tích” như thế này. Chú Daryl không chỉ tập luyện cho những chú quân khuyển tương lai mà cả người kiểm lâm đồng hành cùng quân khuyển nữa. Cách phát ra mệnh lệnh thế nào cho chính xác, rèn thể lực, ra quyết định đúng đắn và nhanh nhạy, hiểu ngôn ngữ cơ thể và tính cách của chú chó mình đang làm nhiệm vụ cùng, yêu thương, chăm sóc và xây dựng lòng tin của những chú quân khuyển là điểm mấu chốt để dẫn đến thành công. Nhiều khi, người kiểm lâm đồng hành với quân khuyển sẽ cùng ăn, cùng ngủ, cùng làm việc với chúng gần như là 24/7 để có mối quan hệ chặt chẽ cực kỳ cần thiết khi thực hiện những nhiệm vụ căng thẳng và nguy hiểm. Khi tham gia những cuộc truy đuổi tội phạm, những chú quân khuyển sẽ dựa vào người kiểm lâm đồng hành của mình, và tương tự như vậy, sự an toàn của người kiểm lâm cũng phụ thuộc vào người bạn bốn chân ấy.

Kế hoạch tập luyện hoàn hảo là thế, nhưng khi thực sự có cuộc tấn công xảy ra, không ai lường trước được những vấn đề xảy đến. Dù có tập luyện chăm chỉ đến mấy, nhưng đứng trước những kẻ săn trộm hung hãn, sẵn sàng nã súng vào đồng loại thì những người tham gia cuộc truy bắt chẳng thể nào chắc chắn được về sự an toàn của chính bản thân mình. Trong những ngày tháng chuẩn bị đối đầu với những cuộc tấn công có thể sẽ dồn vào khu bảo tồn Ol Pejeta, tôi có thể cảm thấy không khí dường như đang căng ra... Không cần hỏi cũng có thể đoán ra được, những cuộc tấn công dồn dập xảy ra trong khu vực có nghĩa là Ol Pejeta cũng đang nằm trong tầm ngắm của những kẻ săn trộm. Phòng điều hành chính thức phát ra lệnh cảnh báo khẩn cấp, toàn bộ đội kiểm lâm và đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm luôn trong tình trạng cảnh giác cao độ, tần suất đi tuần bằng xe và đi bộ được tăng thêm nhiều lần trong một ngày. Khách du lịch vào thăm khu bảo tồn cũng được kiểm tra kỹ lưỡng hơn ngày thường.

Mặc cho những cuộc tuần tra gắt gao, điều chúng tôi lo sợ nhất cũng đến...

Vào thời điểm ngay trước khi tê giác bị bắn ở Ol Pejeta, chúng tôi vừa ăn xong bữa cơm chiều. Chị Blaire - một nhà nghiên cứu trẻ tuổi người Mỹ với mái tóc màu vàng bạch kim, đã sống và nghiên cứu ở Ol Pejeta gần 5 năm nay, như thường lệ, lại mang bộ bài ra để dụ khi chúng tôi đánh Poker giết thời gian. Tôi thì đang loay hoay với ông Malcome - một nhà giáo người Mỹ gần 60 tuổi, nhưng vì tình yêu và sự ngưỡng mộ dành cho thiên nhiên hoang dã ở Kenya, ông đã đi đi lại lại giữa Philadelphia và Ol Pejeta để gây quỹ cho những dự án giáo dục bảo tồn cho người dân sống ven khu bảo tồn. Ông Malcome vừa mới đến Ol Pejeta hai ngày trước đây, tôi và ông thường nói chuyện và bàn bạc với nhau về những hoạt động mà chúng tôi có thể cùng hợp tác, vì lần này, một trong những hoạt động chính của tôi là tìm ra giải pháp để thu hút người dân nơi đây vào công tác bảo tồn. Anh Mike - hôn phu của chị Blaire thì đang tranh thủ sạc pin laptop khi vẫn đang có điện để có thể làm

việc vào buổi tối. Anh là một lập trình viên máy tính, vì có thể làm việc từ xa mà theo chị Blaire đến đây ở luôn. Tiếng nhạc xập xình và tiếng hát ông ổng vang ra từ dãy nhà tắm là của Chris, một cậu sinh viên đại học người Mỹ đến Ol Pejeta đã hơn tháng nay để làm nghiên cứu về tập quán săn mồi của sư tử.

Thế rồi không khí thoải mái, no nê mà chúng tôi có được sau bữa ăn tối bị xé rách khi tiếng súng vang lên.

Vụ săn trộm và câu chuyện của Boka

Sau khi nhập bọn cùng hai anh kiểm lâm Bogo và Joseph, chúng tôi ngồi yên lặng như thế hàng giờ liền. Thỉnh thoảng một vài thông tin được phát ra từ máy bộ đàm của anh Bogo. Những tên săn trộm - như anh Mike phỏng đoán, hẳn đã trà trộn với khách du lịch để vào khu bảo tồn từ khi trời còn sáng. Bọn chúng đã nhắm vào hai mẹ con tê giác ở gần khu vực nhánh sông Ewaso, cách trạm cứu hộ tình tình khoảng 15 phút đi xe. Dấu vết để lại cho thấy bọn chúng gồm bốn tên, hai trong số chúng sau khi đi qua trạm kiểm soát đã nhảy xuống xe và lặn trốn trong bụi rậm để rình và theo dấu hai mẹ con tê giác. Đợi đến khi trời tối hẳn, chúng bắt đầu hành động. Cả bốn phát đạn do bọn chúng bắn đi đều trúng vào người tê giác mẹ. Tiếng súng, nỗi đau và sự sợ hãi khiến tê giác mẹ và tê giác con mới vài tháng tuổi hoảng loạn. Tê giác mẹ vì đau đớn đã bỏ chạy và để lạc mất tê giác con. Chú tê giác con tội nghiệp do không có mẹ bảo vệ đã trở thành mồi cho đàn sư tử ngay trong đêm đó.

Đội bảo vệ tê giác, kiểm lâm, đội quân khuyến và cả trực thăng đã được huy động ngay trong đêm để tìm bọn săn trộm. Nhưng đêm tối đã đồng lõa cho cái ác, những tên săn trộm đã trốn thoát trong đêm đen. Tuy vậy, với sự nhanh nhạy của đội phòng chống săn trộm, bọn chúng không có kịp thời gian để lấy đi đôi sừng của tê giác mẹ tội nghiệp.

Sáng ngày hôm sau, sau nhiều giờ đồng hồ tìm kiếm qua những dấu vết để lại trên mặt đất, tê giác mẹ đã được phát hiện với những vết thương trên cơ thể. Nhưng vì quá hoảng loạn và tức giận, tê giác mẹ đã lao thẳng đến tấn công đội bác sĩ thú y. Với tốc độ và cân nặng của một tê giác trưởng thành, chiếc xe của đội bác sĩ thú y gần như bị lật đổ. Chiếc sừng to và khỏe của tê giác mẹ - bình thường là vũ khí để chống lại sư tử, linh cẩu và những loài thú ăn thịt khác, cắm thẳng vào cửa xe, để lại một vết lõm sâu hoắm. Điều tồi tệ nhất, ấy là đội kiểm lâm và bác sĩ thú y lại mất dấu tê giác mẹ một lần nữa...

Lại mất nguyên một ngày để tìm kiếm và lần theo dấu vết, để rồi trưa ngày hôm sau, khi họ tìm ra tê giác mẹ thì đã quá muộn. Với bốn vết đạn trên cơ thể, tê giác mẹ đã qua đời vì kiệt sức.

Những viên đạn được lấy ra từ người tê giác mẹ được giao nộp lại cho đội giám định và cảnh sát. Những viên đạn này, như dự tính, trùng khớp với loại đạn được sử dụng ở những nơi đã bị tấn công trong tháng vừa rồi, khẳng định những tên săn trộm này là một.

Ol Pejeta - khu bảo tồn tê giác thành công nhất Kenya, với gần hai năm trời không hề nạn săn trộm xảy ra, cuối cùng đã thảm bại khi chỉ với hơn nửa năm 2014 qua đi đã có ba chú tê giác bị giết...

Những ngày sau đó, trăng vẫn tròn, vẫn sáng vàng vạc. Sáng đến nỗi dù là nửa đêm cũng không cần ánh đèn để đi lại, thậm chí còn nhìn rõ cả những ngọn cỏ dưới chân. Đội tuần tra ở Ol Pejeta vẫn làm việc 24/7, vẫn luôn trong tình trạng cảnh giác cao và vẫn luôn mang theo súng. Nhưng thật may mắn, ánh trăng dần biến mất mà chúng tôi cũng không phải đương đầu với bất cứ vụ săn trộm nào nữa. Vụ tấn công ở Ol Pejeta ít nhiều đều ảnh hưởng đến những

người đến làm nghiên cứu như chúng tôi. Mọi người vẫn đi thực địa, vẫn thu thập số liệu hằng ngày, nhưng ai cũng ít cười nói hơn trước đây. Nỗi lo buồn và cảm giác bất lực trước sự tàn ác của lòng tham như giăng ra trong bầu không khí khô hạn, nứt nẻ của nơi đây, thấm thấu vào từng người.

Một buổi chiều vài ngày sau đó khi tôi đang ngồi nghỉ dưới gốc cây keo Acacia sau buổi tập huấn với các giáo viên tại vùng Laikipia thì Samuel, một chú kiêm lâm, kiêm người chăm sóc và nuôi dưỡng những chú tê giác con bị mồ côi đến ngồi cạnh tôi. Chú Samuel là một người đàn ông gốc Phi, khoảng gần 50 tuổi, nước da đen bóng, dáng vẻ gầy gò nhưng đôi mắt rất sáng. Chúng tôi trao đổi vài câu xã giao, rồi chú hỏi tôi về Việt Nam, về những khu bảo tồn và về những loài động vật hoang dã ở châu Á. Sau một hồi trò chuyện, chúng tôi quay trở lại vấn đề bảo tồn tê giác ở Kenya, và về vụ săn trộm vừa xảy ra trước đó.

Chú Samuel thở dài, rồi kể với tôi về câu chuyện của chú và Boka - một chú tê giác tội nghiệp mà có lần chị Blaire từng kể vắn tắt với tôi qua bữa trưa. Gần 10 năm về trước, chú Samuel lần đầu tiên đảm nhận công việc chăm sóc tê giác con bị mồ côi mẹ do nạn săn trộm. Boka chính là chú tê giác con đầu tiên ấy. Những ngày đầu lạ lẫm, chưa ai có kinh nghiệm để truyền đạt lại cho chú Samuel về công tác vất vả này. Chú sống cùng Boka, chăm sóc Boka cả ngày lẫn đêm, 24/7, nhất quyết không rời. Ban ngày, chú cùng Boka đi ngoài đồng cỏ, bảo vệ chú tê giác con tội nghiệp khỏi những loài động vật săn mồi, đưa chú lại gần hồ nước khi trời nắng gắt, dạy chú những loại thực vật nào chú có thể tìm để ăn, những loại thực vật nào gây ngộ độc để tránh, thậm chí còn dạy chú cả cách tắm bùn như một người mẹ thực thụ. Buổi tối, chú đưa Boka trở về túp lều tranh dựng tạm. Thời bấy giờ nạn săn trộm chưa xảy ra thường xuyên như bây giờ, vì thế mà chưa có trạm chăm sóc tê giác mồ côi được trang bị đầy đủ như hiện nay. Boka sẽ ngủ trên đụn rơm, còn chú Samuel sẽ nằm ngay bên cạnh. Cứ như thế, trong suốt 5 năm liền, hai người quấn quýt không rời. Chú Samuel khi ấy, thậm chí vì lo cho Boka mà không nghỉ phép, sống luôn ở Ol Pejeta, đến mức vợ chú dọa ly dị. Hai năm trời chăm lo cho Boka uống sữa như con nhỏ, hai năm trời đi theo Boka khắp đồng cỏ ở Ol Pejeta, để Boka có thể tự đi lại khi đủ lớn. Thế rồi, khi Boka có thể tự lo liệu cho mình, chú tê giác bé nhỏ được thả về môi trường hoang dã. Nhưng suốt 1 năm ấy, Boka ngày nào cũng đến thăm chú Samuel, vì nó vẫn nhớ người cha, người bạn, người mẹ, người đã chăm sóc mình.

Vì tiếp xúc thường xuyên với con người mà Boka cũng bạo dạn hơn những tê giác khác. Nếu thấy khách du lịch, Boka sẽ tiến lại gần, thậm chí để khách chạm vào người, để được vuốt ve, rồi vẫy đuôi như một chú chó nhỏ. Boka khi ấy là ngôi sao nổi tiếng ở Ol Pejeta mà gần như ai đến làm việc ở đây cũng biết. Thế rồi một ngày, Boka không đến chào chú nữa. Chú Samuel lo lắng, nhưng nghĩ rằng có thể Boka đã lớn. Có thể Boka đã gặp bạn gái, hoặc đang đi tìm bạn gái cũng nên. Một ngày, rồi hai ngày, ba ngày. Boka đều không đến thăm. Chú Samuel bật khóc:

- Thế là tôi, cùng một vài người khác trong đội quyết tâm đi tìm Boka, vì không ai nhìn thấy Boka đã vài ngày rồi. Chúng tôi đi, đi mãi, lần theo những

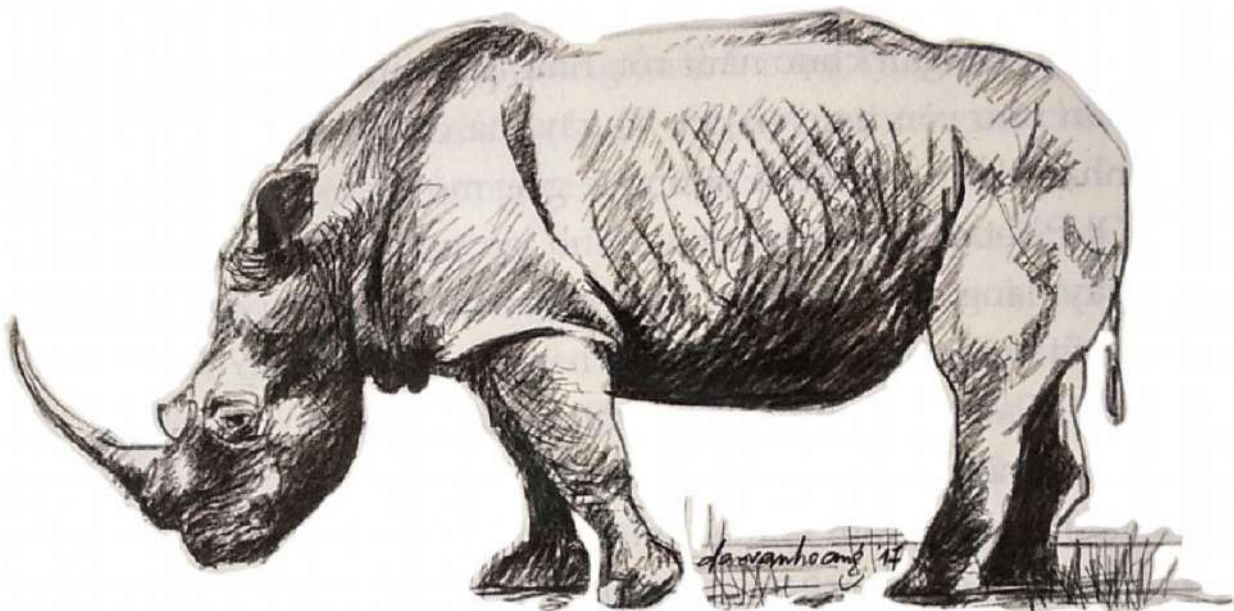
dâu vệt. Thê rồi, chúng tôi nhìn thấy... Boka nằm đó, bất động. Cái xác đã trương lên và bốc mùi. Khi được phát hiện thì Boka bị giết cũng phải vài ngày rồi. Sừng của cậu ấy không còn nữa, hơn nửa mặt đã bị chặt đứt lia...

Tôi coi Boka như con, cô không hiểu đâu. Tôi đã sống với Boka hơn 4 năm liền, không rời nhau nửa bước. Boka khi ấy còn thân thiết với tôi hơn cả những người trong gia đình. Vậy mà, bọn họ đã giết đi Boka của tôi...

Khuôn mặt chú Samuel nhăn lại vì đau khổ, và cố kìm nước mắt. Tôi không biết nói gì vì, cảm thấy bất kỳ lời nói nào vào lúc này cũng là những lời sáo rỗng, dù có nói gì đi nữa thì cũng không thể an ủi được nỗi đau ấy. Đã gần chục năm rồi, vậy mà chú ấy vẫn khóc khi nói về Boka. Đã gần chục năm rồi, nhưng nỗi đau của chú ấy vẫn như còn nguyên đó. Vì vậy mà chú ấy đã xin đảm nhận chăm sóc tất cả những tê giác mồ côi ở khu bảo tồn Ol Pejeta. Tôi đặt bàn tay mình lên vai chú Samuel, lúc này đang còng xuống... Cảm giác bất lực và đau đớn khi phải nhìn tê giác cứ bị giết hại hằng ngày, hằng giờ ở châu Phi. Cảm giác như chính mình cũng cảm nhận được nỗi đau khô của người đàn ông gần 50 tuổi này, mạnh mẽ là thế, dũng cảm là thế, sẵn sàng cầm súng để đấu tranh chống lại những tên săn trộm hung hãn, lại có thể suy sụp và khóc - khi kể về cái chết của một chú tê giác con cách đây gần 10 năm. Cảm giác đó, những giọt nước mắt đó là những điều tôi không thể nào quên mỗi khi nghĩ về Kenya và những chú tê giác tội nghiệp.

* * *

Khu bảo tồn Ol Pejeta nổi tiếng không chỉ vì đó là ngôi nhà của số lượng tê giác đen lớn nhất ở Đông Phi mà còn là vì đó là nơi duy nhất trên Trái đất từng chăm sóc bốn chú tê giác trắng Bắc Phi trong tổng số bảy cá thể còn sót lại do nạn tàn sát triền miên trên lục địa đen. Vào thời điểm tôi đang làm nghiên cứu ở Ol Pejeta, cả bốn chú tê giác trắng Bắc Phi vẫn đang được nuôi giữ ở một khu vực đặc biệt. Ngay cả dù đã được giấy thông hành làm nghiên cứu ở đây, nhưng muốn vào thăm những chú tê giác này tôi cũng phải qua đèn hai lần kiểm tra nữa.



Tê giác trắng Bắc Phi ở Ol Pejeta.

Vậy mà chỉ vài năm sau đó, khi tôi đang viết những dòng chữ này đây, loài tê giác trắng Bắc Phi đã tiến đến sát vách tuyệt chủng hơn bao giờ hết. Ba trong số bảy cá thể duy nhất này đã chết, vì bệnh tật, và vì tuổi già. Những chú tê giác này đã quá già để có thể tự sinh sản, và mặc dù những nhà khoa học từng nghĩ đến việc thụ tinh nhân tạo thì hai cá thể tê giác cái duy nhất còn sót lại cũng không có đủ sức khỏe, và cũng đã quá già để có thể mang thai. Sự sinh tồn của phân loài tê giác trắng này chỉ như một sợi tơ mỏng manh, sự tuyệt chủng của cả phân loài là điều không thể tránh khỏi. Tất cả hy vọng chúng ta có, đó là một ngày nào đó công nghệ phát triển đủ để có thể tái tạo lại phân loài này dựa trên nguồn DNA đã thu nhập được.

Có một điều mà tôi vẫn luôn băn khoăn mỗi khi đến thăm những trung tâm cứu hộ động vật hoang dã non bị mồ côi mẹ do nạn săn trộm, đó là vấn đề về sự phát triển thể chất cũng như tinh thần của những thú non tội nghiệp này. Khi nghiên cứu về tâm lý của trẻ mồ côi ở người, hoặc những trẻ không được cha mẹ chăm sóc, người ta nhận thấy có những tổn thương về tâm lý như rối loạn tình cảm, khi lớn lên dễ gây ra những hành vi phạm pháp, bạo lực... Tuy nhiên, khi nhắc đến những hậu quả của nạn săn trộm, người ta thường quên nhắc đến một hậu quả lâu dài, gây ảnh hưởng đến cả một thế hệ những loài thú bị nạn săn trộm. Kể từ sau cái chết của Boka, ban quản lý khu bảo tồn Ol Pejeta quyết định sẽ dùng những phương pháp khác để chăm sóc những chú tê giác con mồ côi. Việc để con người chăm sóc, tiếp xúc trực tiếp hằng ngày, hằng giờ với những chú tê giác con có thể để lại những hậu quả đau thương khôn lường, như trường hợp của Boka. Chúng sẽ mất đi bản năng sinh tồn của một tê giác hoang dã ngoài tự nhiên - chúng không còn sợ, đề phòng hay tránh né con người nữa - và chúng trở thành những mục tiêu dễ dàng cho những kẻ săn trộm. Do vậy, những trung tâm cứu trợ dành cho những chú tê giác mồ côi hiện nay thường cố gắng thiết lập chế độ rất chặt chẽ, hạn chế tối đa tiếp xúc với con người. Những chú tê giác con thay vì sống riêng lẻ thì có thể được tập trung sống cùng nhau, tùy theo tập tính của loài, hoặc được tìm một tê giác lớn hơn có thể đóng vai trò “mẹ nuôi”.

Mặc dù vậy, kế hoạch tương như tuyệt vời này vẫn có lỗ hổng. Đó là không gì có thể thay thế được những tập tính, kinh nghiệm mà chỉ có tê giác mẹ mới truyền được cho tê giác con của mình. Những chú tê giác con đang được chăm sóc hiện nay khi lớn lên có lẽ sẽ có tập tính hoàn toàn khác so với tập tính của những chú tê giác ngoài tự nhiên mà những nhà bảo tồn ghi nhận được. Trong tương lai, có thể tỷ lệ sống còn của những chú tê giác con cũng sẽ suy giảm, do chúng không được học những bài học quý báu về việc tìm và chọn nơi ở phù hợp, chọn những loại thực vật cần thiết để cung cấp đủ dinh dưỡng qua mùa khô, cách tìm nguồn nước trong mùa cạn, hoặc cách đuổi đánh kẻ thù.

Đối với những loài sinh sống theo đàn lớn, như loài voi đồng cỏ châu Phi, việc những chú voi già với cặp ngà to lớn bị giết hại còn để lại hậu quả nặng nề nhiều hơn nữa. Loài voi đồng cỏ châu Phi khác với voi rừng, chúng sống thành đàn lớn theo chế độ mẫu hệ. Một đàn thường có voi đầu đàn là voi bà, già nhất, to lớn, khỏe mạnh nhất và cũng có nhiều kinh nghiệm sống nhất. Voi

mẹ, các dì, các bác voi trong đàn sẽ học hỏi những kinh nghiệm sông này của voi bà, từ việc phải tìm nguồn nước ở đâu trong thời kỳ khô hạn, đến việc có con non thì phải chăm sóc ra sao, nếu voi con bị rơi xuống bùn lầy thì phải làm thế nào để cứu chúng lên, hay phải giúp đỡ voi con thế nào để chúng khỏi bị cuốn đi khi vượt sông trong dòng nước xiết... Những chú voi tội nghiệp ngày nay không chỉ bị cướp đi mạng sống vì cặp ngà, mà còn bị con người cướp đi những bài học sinh tồn quý báu mà chỉ những voi già trưởng thành đầy kinh nghiệm mới có thể truyền lại cho những chú voi trẻ hơn.

Bên cạnh đó, hệ sinh thái trong tương lai cũng sẽ phải gánh chịu hậu quả từ việc này. Thiên nhiên có mối gắn bó vô cùng chặt chẽ. Giống như trò chơi cờ domino, một quân cờ đổ sẽ kéo toàn bộ quân cờ khác đổ theo. Tê giác và voi được ví như một “người làm vườn” không công cho hệ sinh thái: những chú tê giác trắng chuyên ăn một số loại cỏ, trong khi đó những chú tê giác đen lại chỉ ăn những ngọn búp của cây lùm, cây bụi. Những chú voi thì có tập tính dựa người và đẩy đổ những cây cối mọc trơ trọi trên đồng cỏ, vô tình lại giữ cho hệ sinh thái đồng cỏ được khỏe mạnh, không bị biến thành rừng cây. Nếu chúng biến mất khỏi hành tinh này vĩnh viễn, “dịch vụ cắt cỏ và làm vườn” mà chúng đang thực hiện cũng sẽ biến mất theo. Những loài động vật ăn cỏ khác, phụ thuộc vào “dịch vụ cắt-tia cỏ cây” mà tê giác và voi đang cung cấp sẽ không thể đi sâu vào vùng đồng cỏ savannah nữa do cỏ và cây lùm, cây bụi mọc quá rậm rạp.



Phân của những loài thú lớn nhất trên cạn này cũng đóng vai trò nhất định cho hệ sinh thái: số lượng và sự đa dạng của những chú bộ hung sống phụ thuộc vào đó cũng sẽ giảm sút theo sự suy giảm của chúng. Những chú chim sống cộng sinh với tê giác và voi cũng sẽ biến mất dần. Một bác sĩ thú y cho tê giác ở Kenya từng nói với tôi, chúng ta hiện nay biết nhiều về mặt trăng hơn là

những gì chúng ta biết về loài tê giác. Cô ấy muốn nhấn mạnh rằng mặc dù tê giác đã tồn tại trên Trái đất cùng với loài người hàng ngàn năm nay, rất ít nghiên cứu chuyên sâu về tê giác được tiến hành. Với tốc độ săn bắn như hiện nay, những nhà nghiên cứu sẽ không bao giờ có cơ hội để tìm hiểu về loài tê giác, loài voi hay những loài động vật hoang dã tuyệt vời khác. Và thế hệ loài người trong tương lai cũng sẽ chẳng bao giờ có thể tận hưởng vẻ đẹp của một chú tê giác dũng mãnh dạo bước trên đồng cỏ châu Phi. Tương lai của chúng sẽ ra sao, khi mà niềm hy vọng của cả giống loài lại đang phải lớn lên khi không có sự chăm sóc, bảo vệ và hướng dẫn của bà, của mẹ?

Đền sư tử

Bên cạnh nạn săn trộm, những loài động vật hoang dã còn phải đối mặt với những hiểm nguy từ xung đột do cạnh tranh môi trường sống với loài người. Sự bùng nổ dân số của con người dẫn đến việc phá hủy rừng rậm và các khu vực thiên nhiên hoang dã khác để xây dựng nhà cửa, cầu công và nơi chăn nuôi, trồng trọt. Mở rộng đất sinh sống của con người đồng nghĩa với việc thu nhỏ môi trường sống của các loài động vật, và những khu dân cư sinh sống sát với những cánh rừng, hay đồng cỏ hoang dã thường phải đối mặt với sự viếng thăm của các loài động vật. Và không phải chuyến viếng thăm nào cũng được chào đón.

Đối với người dân sống ven những khu bảo tồn ở châu Phi, mối lo ngại lớn nhất của họ là sự xuất hiện của sư tử, voi hay những loài động vật to lớn khác. Sư tử không chỉ tấn công gia súc, gia cầm, đôi khi chúng còn gây nguy hiểm cho trẻ em. Những chú voi to lớn có thể phá sạch những cánh đồng ngô hay lúa mì chỉ trong vài phút. Chính vì thế mà nếu chẳng may những chú voi, hay sư tử này thoát ra khỏi khu vực bảo tồn, chúng thường bị đánh đuổi, bị giết, bị đầu độc bởi người dân địa phương. Thật khó để có thể trách những loài động vật này tìm đến khu vực sinh sống của con người để kiếm cái ăn, khi mà ngôi nhà của chúng đã bị phá hủy bởi con người. Nhưng chúng ta cũng chẳng thể đổ lỗi cho những người dân nghèo, khi mà tất cả những gì họ muốn là bảo vệ hoa màu và lương thực của chính họ.

Mặc dù sinh sống ngay sát khu bảo tồn, nhưng nhiều người dân địa phương chưa bao giờ vào tham quan, hoặc thậm chí chưa bao giờ được nhìn thấy những cảnh đẹp tuyệt vời của thiên nhiên hoang dã mà nhiều người nước ngoài được chiêm ngưỡng. Chính vì thế mà ban lãnh đạo Ol Pejeta đã đưa ra quyết định thành lập xe buýt đưa đón miễn phí trẻ em và người dân sinh sống quanh khu vực vào tham quan khu bảo tồn. Để đánh giá tác động của những chuyến tham quan lên nhận thức của các em về thiên nhiên hoang dã, trong đợt nghiên cứu lần này tôi cũng thường xuyên đến thăm các trường học địa phương.

Trường Thome là một trường học rất đặc biệt. Nó là một tổng thể trường nội trú từ cấp I cho đến cấp III, và các em học sinh ở đây đều là những đứa trẻ thuộc những gia đình rất nghèo, không có đủ tiền đi học, hoặc là trẻ mồ côi. Từ những vùng miền khác nhau trên đất nước Kenya, các em được đón về, học hành, ăn, ở, ngủ nghỉ ngay tại trường. Một điều đặc biệt nữa, đó là để làm giảm thiểu tối đa kinh phí, trường học tận dụng không gian bên ngoài để trồng rau, nuôi gia súc, gia cầm. Các em học sinh bắt đầu học từ 8 giờ sáng đến 2 giờ chiều. Sau đó tất cả mọi người, dù lớn hay bé, dù là học sinh hay giáo viên, sẽ cùng làm công việc chăn nuôi, tưới tiêu, xới đất để trồng rau củ. Mặc dù vất vả vậy nhưng kết quả học tập của các em trong trường thực sự rất đáng nể. Năm 2013-2014 khi tôi đang công tác ở Ol Pejeta, trường đứng thứ nhất trong bảng xếp hạng thành tích của học sinh trong khu vực. Thầy hiệu trưởng Ndiritu còn kể với chúng tôi rằng, sau khi trường được nêu danh trong

tờ tạp chí giáo dục toàn quốc, thì có nhiều người giàu có từ Nairobi đã đến thăm, và nài nỉ thầy nhận con cháu họ. Tuy nhiên, mục đích của trường là để giúp đỡ học sinh nghèo. Không muốn bị chuyển đổi thành một ngôi trường kinh doanh, thầy đã từ chối những lời đề nghị này.

Giống như nhiều ngôi trường khác ở đây, trường Thome cũng rất giản dị với những bộ bàn ghế gỗ thô kệch và chiếc bảng đen đã sờn màu. Cả trường chỉ có khoảng tám giáo viên, hai trong số đó là cựu học sinh của trường. Các em tốt nghiệp, rồi nhận được học bổng từ quỹ khuyến học của Ol Pejeta để tiếp tục học lên đại học trên thành phố. Sau đó các em quay lại trường để giảng dạy “*vì muốn tạo nên sự thay đổi trong cuộc sống của những cậu bé nghèo*” như các em đã từng là.

Tuần đó, chiều nào sau khi học và chăm sóc vườn tược xong xuôi, các em cũng tham gia hoạt động ngoại khóa với tôi. Chúng tôi có những buổi thảo luận nghiêm túc về vấn đề săn trộm ở Ol Pejeta, về vai trò của người dân địa phương - trong đó một phần lớn là về vai trò của bố, mẹ các em, rồi cả những trò chơi vận động ngoài sân vườn có nội dung bảo tồn nữa. Tôi nhớ nhất một buổi chiều thứ Sáu, buổi chiều cuối cùng của tôi với các em. Tôi ra đề tài thuyết trình về một người truyền được nhiều cảm hứng cho các em nhất trong công tác bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên hoang dã. Đây là một bài thuyết trình nhỏ, nhưng lại yêu cầu các em phải chịu khó đọc và tìm hiểu về những danh nhân này, và công việc họ đã làm. Tôi rất hy vọng thông qua bài tập nhỏ này, các em sẽ hiểu biết thêm về công việc bảo tồn và được truyền cảm hứng thông qua những con người rất thật và những công việc rất thật ấy.

Đa phần các em đều kể về những danh nhân rất nổi tiếng như bà Jane Goodall, bà Dian Fossey. Có lẽ các em được nghe kể về hai bà khi tham quan trung tâm cứu hộ tinh tinh ở trong khu bảo tồn. Có em kể về Sir David Attenborough, lại có em kể về những anh kiếm lâm đang làm việc ở Ol Pejeta. Đến lượt Anthony, một cậu bé khoảng 11 tuổi, nhút nhát và bẽn lèn đứng lên trước lớp:

- Em muốn kể về anh Richard, Richard Turere...

- Richard nào nhỉ? - các bạn ở dưới ồ lên. Hình như chưa ai nghe thấy cái tên này.

Anthony mặt đỏ bừng, lí nhí:

- Anh Richard là người Maasai, anh ấy ghét sư tử, cực kỳ ghét sư tử. Anh Richard sống ở gần vườn quốc gia Nairobi, ở tận thủ đô cơ ấy. Anh ấy phải trông đàn gia súc cho bố, mà bọn sư tử thì hay tấn công đàn gia súc vào ban đêm. Thế là trong những lần đi canh cho đàn gia súc, anh ấy phát hiện ra là sư tử sợ sự di chuyển của ánh sáng đèn, chắc là bọn nó sợ người. Thế là anh ấy phát minh ra loại bóng đèn đuổi sư tử, lại còn sử dụng pin năng lượng mặt trời nữa! Nhà em cũng từng bị mất dê cho sư tử, bố em cũng ghét sư tử, nhưng chẳng ai phát minh ra đèn pin đuổi sư tử. Em rất hâm mộ anh ấy! Em hy vọng một ngày nào đó em cũng có phát minh hữu dụng như vậy.

Nairobi là thủ đô duy nhất trên thế giới có vườn quốc gia, 16% của thành phố này thuộc về khu vực được bảo tồn. Mỗi năm có hàng nghìn du khách từ

khắp nơi trên thế giới đi về tham quan, mơ ước được nhìn thấy sư tử, voi, tê giác và những loài động vật khác. Vườn quốc gia Nairobi có rào chắn ngăn cách ở phía bắc, nhưng lại hoàn toàn để mở ở phía nam. Vì thế mà đối với những bộ lạc Maasai sinh sống xung quanh khu vườn, nhìn thấy sư tử thường đồng nghĩa với việc họ bị mất một vài con bò, hay dê trong đàn cho đám sư tử háu đói. Vì săn gia súc, gia cầm dễ hơn nhiều so với săn con mồi sinh trưởng trong môi trường hoang dã nên bắt chập nguy hiểm có thể bị giết, sư tử thỉnh thoảng vẫn viếng thăm những khu an sinh của người dân quanh vùng này. Có trường hợp, người dân căm giận đàn sư tử săn trộm gia súc của họ đến mức họ dùng thuốc trừ sâu độc hại để giết cả một đàn sư tử. Chính vì thế mà Kenya, cách đây chỉ khoảng 10 năm trước từng có đến 15.000 cá thể sư tử sinh sống mà giờ con số này giảm xuống chỉ còn dưới 2.000 cá thể sống rải rác ở các khu bảo tồn.

Được phân công công việc bảo vệ đàn gia súc khỏi đám sư tử háu đói, cậu bé Richard Turere đã có phát minh tuyệt vời để dọa lũ sư tử không dám đến săn mồi từ đàn gia súc, gia cầm của gia đình cậu. Cậu bé thông minh người Maasai này đã gắn lên những cái cột dựng gần nhà những bóng đèn LED ở quanh chuồng gia súc. Những bóng đèn này được nối vào một hệ thống công tắc và sử dụng một hộp pin sạc quy cũ từ xe ô tô, được sạc bởi hệ thống đèn pin năng lượng mặt trời - vốn dĩ được cung cấp bởi vườn quốc gia Nairobi để giúp đỡ sinh hoạt hằng ngày của người dân Maasai. Những bóng đèn này được thiết kế để tắt, bật, tắt, bật theo chu kỳ, gây cảm giác như đang có người tuần tra lia đèn ra xung quanh. Vì thế, đám sư tử tưởng rằng đang có người canh gác nên không dám tấn công đàn gia súc nữa. Richard đặt tên cho hệ thống bóng đèn mà cậu sử dụng là “Đèn sư tử”. Và kể từ khi có hệ thống đèn sư tử ở quanh khu vực chuồng trại, gia đình cậu không bị mất thêm bất cứ gia súc hay gia cầm nào cho đám sư tử hoang dã nữa. Thế là, mặc dù Richard chưa bao giờ được dạy qua những nguyên tắc cơ bản về đèn điện, cậu đã giúp những người hàng xóm lắp ráp toàn bộ hệ thống đèn sư tử trước sự ngỡ ngàng của họ.

Phát minh của cậu bé nhỏ tuổi này không chỉ giúp gia đình cậu bảo vệ được đàn gia súc mà cũng làm giảm xung đột giữa con người và sư tử, từ đó bảo vệ cho đàn sư tử khỏi bị giết hại bởi con người. Chính vì thế mà hiện nay, những chiếc đèn sư tử của Richard đang được sử dụng ở khắp nơi trên đất nước Kenya, từ vùng đệm quanh khu bảo tồn sư tử Ewaso, đến khu bảo tồn Ngare Mara và nhiều nơi khác nữa. Cho đến tận bây giờ, những chiếc đèn sư tử vẫn đem lại 100% kết quả: những nơi lắp đèn sư tử đều không bị mất gia súc, gia cầm cho đàn sư tử nữa.

Câu chuyện do Anthony kể được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt, và Richard Turere cũng là người được nhận nhiều phiếu bầu chọn nhất trong số những danh nhân mà hôm nay các em học sinh đã kể. Có lẽ chuyện về một cậu bé chỉ đang ở tầm tuổi của các em lại có phát minh tuyệt vời như vậy đã truyền được nhiều cảm hứng cho các em hơn là câu chuyện của những người lớn. Về phần mình, tôi rất thích câu chuyện của Richard Turere, vì nó cho thấy rằng những phát minh hữu dụng như thế này có thể xảy ra ở bất cứ nơi

đâu. Và cũng chẳng phải là người lớn, một nhà bác học, hay một người được đào tạo chuyên sâu mới có thể sáng tạo ra một điều gì đó. Một cậu bé nghèo Maasai mới chỉ 11 tuổi, chẳng có ai dạy bảo, chẳng có ai hướng dẫn, đã thành công chỉ với một lòng quyết tâm phải bảo vệ đàn gia súc của bộ.

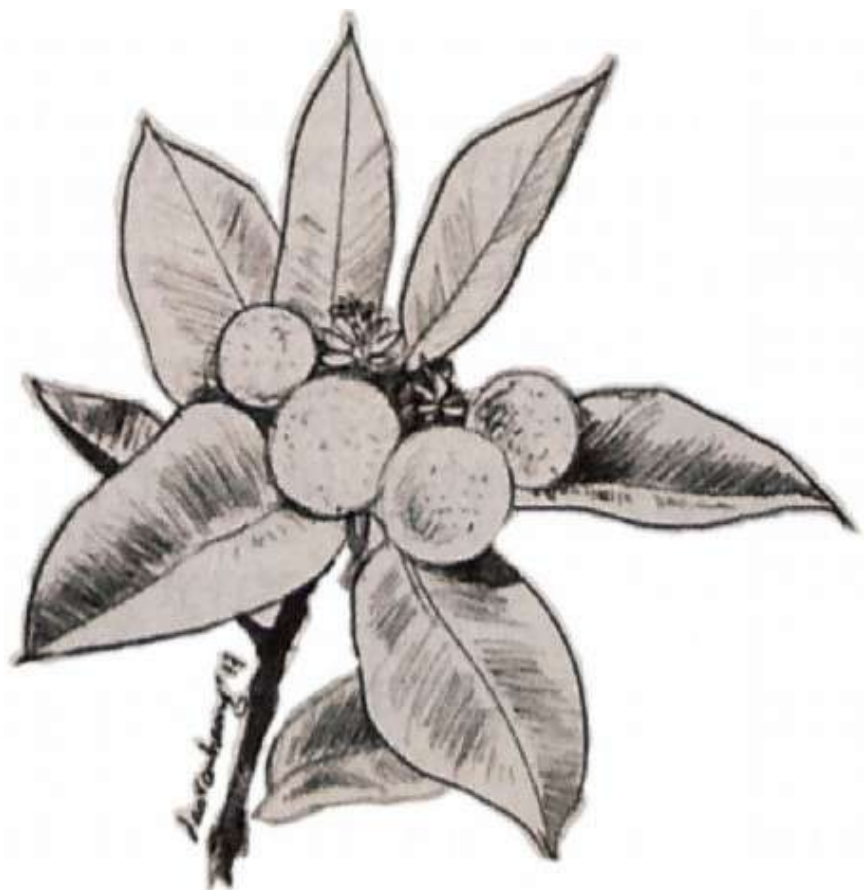
Cái chết của Satao

Ở châu Phi, năm loài động vật hoang dã lớn là voi, tê giác, sư tử, báo săn và trâu đông cỏ châu Phi được gọi là “*The Big Five*”. Chúng là biểu tượng của thiên nhiên hoang dã hùng vĩ và khoáng đạt của lục địa đen. Chúng là những ngôi sao nổi tiếng trong thế giới hoang dã mà bất kỳ khách du lịch nào đến thăm châu Phi cũng muốn được chiêm ngưỡng. Thực vậy, năm loài động vật hoang dã này mang lại lợi nhuận lớn cho các nước châu Phi, đặc biệt là Nam Phi và Kenya, thông qua ngành du lịch sinh thái và có đóng góp vô cùng quan trọng trong GDP của những nước này.

Thế nhưng, cả năm loài đều đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng mà một trong những nguyên nhân chủ yếu chính là nạn săn trộm. Nạn săn trộm ở châu Phi như những ngọn lửa hung dữ trong kỳ khô hạn, bùng lên và hung hãn thiêu rụi tất cả những gì chúng đi qua. Năm 2014 không chỉ đánh dấu sự thất bại trong công tác bảo tồn tê giác ở Kenya, rung lên hồi chuông cảnh tỉnh về tình trạng săn trộm xuyên lục địa không thể kiểm soát, mà còn đánh dấu cái chết của Satao - chú voi được coi là biểu tượng của đất nước Kenya hoang dã.

Satao là một chú voi 50 tuổi, sinh sống tại vườn quốc gia Đông Tsavo, nằm ở phía nam của thị trấn Nanyuki khoảng 8 tiếng đi xe. Satao là một trong những chú voi già cuối cùng còn sót lại ở Kenya - là chủ của hai chiếc ngà to lớn nhất, dũng mãnh nhất, cũng là chú voi mang nguồn gen khỏe mạnh, tuyệt vời nhất. Chú là biểu tượng của ngành bảo tồn của đất nước này. Satao mang nguồn gen của loài voi đông cỏ với cặp ngà lớn đến nỗi ngay cả khi chú đứng thì cặp ngà này vẫn có thể chạm xuống mặt đất. Và Satao, cũng như nhiều chú voi khác ở châu Phi, đã bị giết hại để lấy ngà.

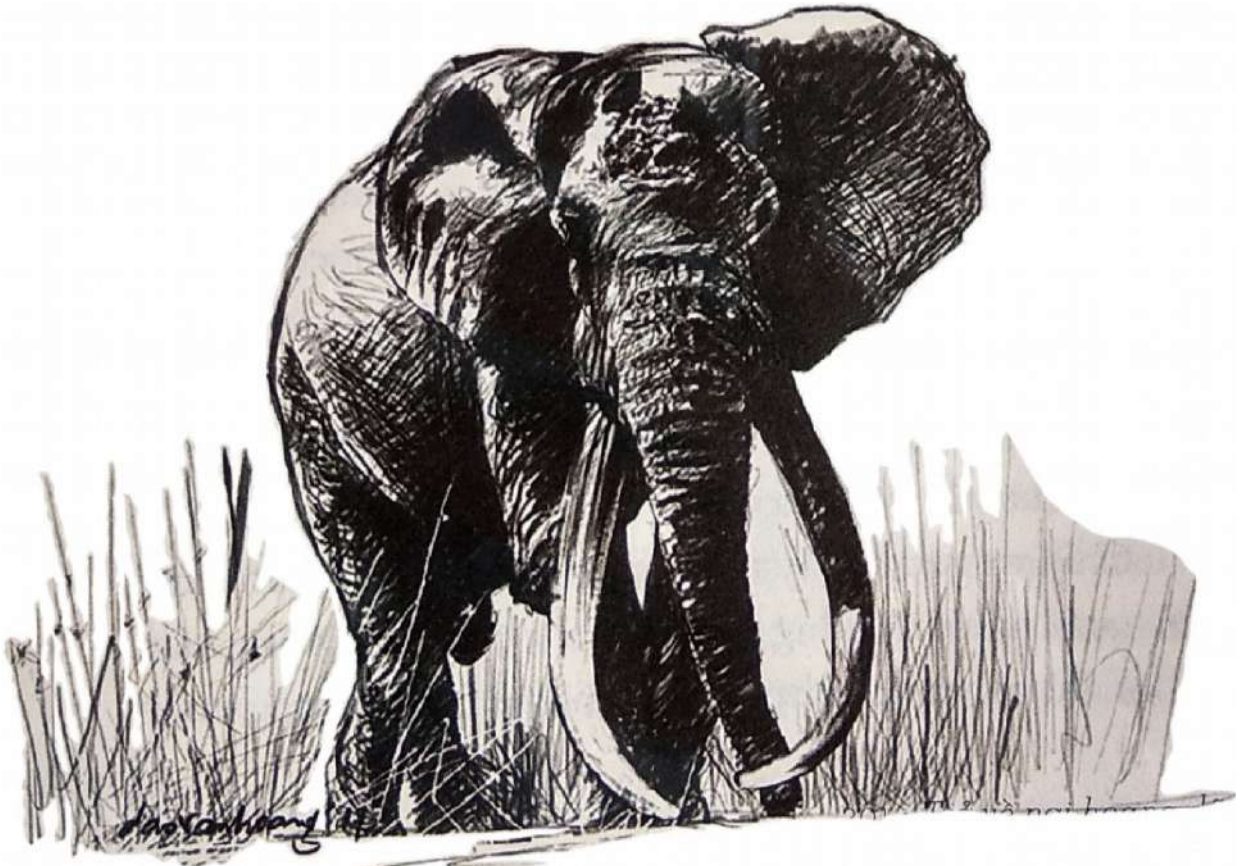
Những kẻ săn trộm sau nhiều ngày lặn mò trong vườn quốc gia Đông Tsavo một cách bất hợp pháp đã tìm thấy Satao. Một mũi tên tẩm độc cây Acokanthera đâm thẳng vào sườn bên trái của chú voi tội nghiệp và làm tổn thương nội tạng của chú. Đây là loại độc đặc biệt thường được sử dụng để giết những loài động vật lớn như voi và tê giác. Cách chế tạo chất độc từ cây Acokanthera được lưu giữ bởi những người thuộc bộ lạc Giriama sinh sống ở ven vùng vịnh Mombasa; thân và lá của loài cây độc này được thu lượm và đun sôi trong khoảng 7 tiếng đồng hồ với một vài nguyên liệu từ thực vật khác, đến khi hỗn hợp này trở nên đặc, quánh và dính thì có thể sử dụng. Đây là loại thuốc cực độc, hoạt động ngay khi nó được đưa vào cơ thể qua đường máu và có thể giết chết một chú voi chỉ trong vòng vài giờ, hoặc là vài phút đối với con người.



Satao tội nghiệp có lẽ đã cố gắng chạy sâu hơn vào vườn quốc gia để tránh xa những kẻ săn trộm tàn độc. Nhưng sự vận động khiến cho chất độc thâm nhập vào cơ thể nhanh hơn thông qua đường máu. Và chú voi già tội nghiệp ấy cũng đã không thể chạy được lâu...

Cuối cùng, Satao đứng đó - trên một bãi đất trống, chưa đầy 1 dặm từ phía ranh giới của vườn quốc gia. Lúc này, độc tố đã chạy vào tim của chú voi già khôn khô. Chẳng có nơi nào để trốn, cũng không thể che giấu đi đôi ngà to khỏe của mình, chú voi ấy có lẽ đã cảm thấy vô cùng sợ hãi. Satao có lẽ đã cố gắng đứng trên đôi chân của mình cho đến khi chú còn có thể. Và khi chất độc phát tác, cái chết có lẽ đã đến rất nhanh. Chú đã ngã xuống, bốn chân choãi ra do không còn đủ sức chống lại sức nặng của cơ thể. Satao không thể gượng được nữa rồi.

Và tôi hy vọng rằng, Satao chết trước khi bọn săn trộm tìm thấy chú.



Tôi được nghe kể rằng, đầu tháng Hai năm nay, Satao đã từng bị thương do những kẻ săn trộm. Chú voi cũng đã bị trúng mũi tên tâm độc, nhưng khi ấy may mắn rằng mũi tên không đi sâu và chưa đủ để đe dọa đến tính mạng. Lúc ấy, hai nhà bảo tồn Mark Deeble và Richard Moller của tổ chức bảo tồn Tsavo Trust cùng với bác sĩ thú y của tổ chức David Shepherd Wildlife Trust và Kenya Wildlife Service đã đến khám cho Satao. Chú voi già sau đó đã có thể tự hồi phục với sức khỏe tốt. Các nhà bảo tồn voi khi ấy đã thở phào nhẹ nhõm. Sau kinh nghiệm bị săn đuổi đó, Satao tội nghiệp sống gần khu vực hồ nước ở trung tâm vườn quốc gia, nơi chú biết rằng những người kiểm lâm liên tục tuần tra.

Satao vẫn sẽ sống ở đó nếu không phải vì cơn dông giữa tháng Năm. Đây là cơn mưa trái mùa nhưng xối xả liên tục nhiều ngày trời. Những cơn mưa thường mang dấu hiệu tốt lành của sự sống ở châu Phi, nhưng có lẽ cơn mưa này không phải là điềm may mắn. Cơn mưa kéo theo cơn bão sấm sét không lồ đánh dọc biên giới phía nam của vườn quốc gia - nơi vốn được biết đến là khu vực được bảo vệ yếu nhất của khu bảo tồn, nơi có những kẻ săn trộm luôn sẵn sàng đột nhập nhưng lại chỉ được canh giữ bởi một đội kiểm lâm nhỏ. Cơn bão tích điện trên bầu trời đêm, mang theo sấm và chớp. Những chú voi - theo quy luật tự nhiên, đã sớm theo sóng hạ âm mà chúng nghe được, di chuyển về phía nam.

Chỉ trong vài ngày mưa, những cái cây đã đâm chồi mới xanh mướt. Những hồ nước to và những vùng bùn lầy lội, đủ cho tất cả những chú voi sinh sống

trong vườn quốc gia sử dụng thỏa thích. Với kinh nghiệm của mình, chú voi già Satao đã không lập tức di chuyển cùng những chú voi trẻ tuổi khác. Chú voi già đã chờ một vài ngày rồi mới quyết định di cư cùng đồng bạn. Quyết định ấy, cuối cùng lại dẫn đến cái chết của Sa tao.

Thật khó để tưởng tượng những kẻ săn trộm đã nghĩ gì khi chúng nhìn thấy Satao. Liệu chúng đã nghĩ gì khi giương cung tẩm chất độc chết người để bắn chú voi già tội nghiệp? Cảnh Satao phải vật lộn với sự đau đớn, tiếng kêu cứu thống thiết của Satao liệu chúng có nghe thấy? Có lẽ khi ấy, những kẻ săn trộm chỉ nhìn thấy cặp ngà to khỏe của Satao... Lòng tham cuối cùng cũng chiến thắng tình người.

Mất hơn hai tuần các nhà bảo tồn voi mới có thể công bố cái xác voi bị chặt nửa phần đầu chính là của Satao. Những cái xác của voi và tê giác bị giết để lấy ngà hay sừng đều rất kinh khủng. Đa phần mặt chúng bị chặt bằng búa, rìu hoặc bằng cưa. Phần đầu, đôi khi là thân và một số bộ phận cơ thể khác bị biến dạng, vì thế mà việc nhận dạng bao giờ cũng rất khó khăn. Chưa kể đến việc tìm kiếm xác chúng thường mất nhiều ngày. Trong khoảng thời gian ấy, những loài động vật ăn xác thối tại đồng cỏ châu Phi tranh thủ ăn những cái xác này trước khi những nhà bảo tồn tìm thấy phần còn sót lại của nạn nhân tội nghiệp. Thêm vào đó, không chỉ phần đầu của voi bị chặt để lấy ngà, mà có trường hợp những kẻ săn trộm voi lấy cả răng, não hoặc bộ phận sinh dục của voi để bán về Trung Quốc - phục vụ cho cái gọi là “bài thuốc dân gian”.

Cái xác của Satao nằm phủ phục trên mặt đất, đau đớn và cô độc. Bùn bắn lên xác Satao tạo thành những vệt đỏ cam, và màu trắng xóa là phần của những con chim kền kền đến ăn xác thối. Không chỉ dừng lại đó, các nhà bảo tồn voi khi đến kiểm tra khu vực bằng trực thăng đã tìm thấy xác của những chú voi khác, nằm rải rác trên cánh đồng cỏ nơi Satao đã ngã xuống.

Cánh đồng một thời là ngôi nhà yên bình của những chú voi, hiện giờ chỉ là nghĩa địa tang tóc, nơi chứng kiến tội ác và lòng tham của con người.

Chú David - một kiểm lâm làm việc ở Đông Tsavo kể với tôi rằng, những cái chết do trúng độc cây Acokanthera là những cái chết đau đớn và khôn khổ nhất. Chú đã từng chứng kiến cái chết đau đớn của một voi mẹ bị trúng độc, những thành viên khác trong đàn hoảng loạn và vội vã tìm mọi cách để giúp voi mẹ đứng dậy nhưng không thể. Chú voi con còn đang tuổi bú sữa mẹ, không hiểu chuyện gì đang xảy ra, vừa đẩy, vừa xô cái xác của cô voi mẹ tội nghiệp, vừa cố gắng bú sữa, nhưng nguồn sống này cũng đã cạn kiệt cùng voi mẹ rồi. Voi mẹ ra đi trong tiếng kêu thê lương của những thành viên khác trong đàn, trong tiếng kêu cứu tuyệt vọng của chú voi con gọi mẹ...

“Tôi chỉ ước giá mà những kẻ gây ra những chuyện này cũng phải gánh chịu, cho dù là một chút thôi, sự đau đớn mà chúng gây ra cho những chú voi này.” - chú David thở hắt ra.

Sau cái chết của Satao, để tưởng nhớ chú voi già dũng mãnh này, những nhà bảo tồn dùng cái tên Satao để đặt cho một chú voi già khác. Nhưng nạn săn trộm nào có chừa sự sống cho riêng ai... Satao II cũng bị giết, chỉ ba năm sau đó, cũng bằng những mũi tên tẩm độc. Những chú voi sống đến 50 tuổi, chắc hẳn đã phải trải qua rất nhiều, từ những cơn hạn hán, lũ lụt đến cả những lần bị

săn trộm tài công trong suốt cả cuộc đời. Không hiểu sao khi nghe tin về những chú voi già bị giết hại, tôi thường liên tưởng đến những thợ săn bị đột cháy. Những gì chúng thấy, những đôi thay mà chúng chứng kiến trong suốt cuộc đời, những kinh nghiệm sinh tồn trong thiên nhiên hoang dã khắc nghiệt, tất cả đều biến mất khi chúng ngã xuống.

Bạn biết không, khi những người làm nghiên cứu về cuộc sống của động vật hoang dã đi thu thập số liệu, chúng tôi dành hàng tháng, thậm chí vài năm trời chỉ để theo dõi một vài đàn voi, hay tinh tinh, hay bất cứ loài nào. Trong quãng thời gian đó, chúng tôi dành nhiều thời gian với chúng hơn bất cứ ai trong thế giới loài người, nhiều hơn cả với gia đình, bạn bè hay người yêu. Chúng tôi thân quen đến độ chỉ cần nhìn cử chỉ, dáng điệu, một vài đặc điểm nhỏ trên cơ thể, như vết sẹo, nếp nhăn ở mũi... là đã có thể gọi tên ngay được cá thể đó trong cả một đàn đông đúc. Sự gắn bó không chỉ từ phía chúng tôi mà còn có thể thấy được từ phía “đối tượng” nữa. Những ngày đầu lạ lẫm, chúng sợ hãi và bỏ chạy. Sau khi thấy chúng tôi không hề có ý định làm hại chúng, niềm tin được xây dựng và bồi đắp qua tháng ngày, chúng để chúng tôi tiến lại gần hơn, hay thậm chí là đến gần chúng tôi hơn. Tò mò và hiếu động, động vật hoang dã mà chúng ta đang cùng chia sẻ hành tinh này cũng giống như những đứa trẻ, vô tư và cần được bảo vệ. Có thể một người nào đó chưa bao giờ có mối liên kết đặc biệt với những sự sống khác sẽ lên án anh David, nói rằng anh ấy thật độc ác vì muốn bảo vệ những chú voi mà dám cầu mong cho một ai đó phải thử chịu đựng sự khổ đau. Nhưng tôi biết rằng, đối với anh ấy, những chú voi này cũng giống như gia đình, như Boka bé nhỏ của chú Samuel vậy.

Ngay sau khi phát hiện ra cái xác của Satao II, chú David cùng đồng đội đã lần theo dấu vết của những kẻ săn trộm vào tít vùng đông cỏ sâu. Họ bắt được hai tên săn trộm, mang theo ba chiếc cung tên cùng mười hai mũi tên tẩm độc, và cả một khẩu súng AK47 nữa.

Những kẻ săn trộm đáng căm giận này là ai?

Tôi đã từng chứng kiến rất nhiều, rất nhiều người nổi giận khi đọc được những con số thống kê này. Rất nhiều, rất nhiều người cho rằng cách duy nhất để chống lại nạn săn trộm là xử phạt thật nặng, thậm chí xử tử những kẻ săn trộm để chúng biết sợ. Thực sự thì ở châu Phi, nhiều quốc gia đã thông qua đạo luật “*thấy là bắn*”, nghĩa là kiếm lâm được phép nổ súng bắn những kẻ săn trộm, cho dù những tên săn trộm chưa nổ súng trước. Điều này có giúp gì cho việc phòng chống tội phạm không? Không hề.

Ở châu Phi, đặc biệt là những khu vực đói nghèo với nội chiến triền miên như Trung Phi, trẻ em và phụ nữ thường tham gia những phi vụ săn trộm. Họ sẽ đi cùng với những nhóm săn trộm hung hãn đến từ Sudan, được chia cho chiến lợi phẩm nếu họ giúp chúng tìm được nơi trú ngụ của những đàn voi. Những đứa trẻ này cũng sẵn sàng tham gia bắn giết voi, nếu được yêu cầu. Chúng đến từ những gia đình nghèo đói và quá sợ hãi để có thể kháng cự lại mệnh lệnh của những tên săn trộm kia. Vậy thì chúng cũng chính là những tên săn trộm? Liệu rằng có ai trong số chúng ta có thể chỉ tay vào những đứa trẻ nghèo khó này, cùng mẹ và chị chúng, mà nói rằng họ đáng bị bắn bỏ?

Những nhóm săn trộm kể trên thường không chỉ săn trộm voi để lấy ngà, hay tê giác để lấy sừng, mà còn tham gia nhiều phi vụ khác. Bọn chúng gây ra những vụ cướp bóc, chặn đường rồi cướp tiền và đồ đạc của người dân hay khách du lịch, thậm chí là bắt cóc trẻ em, phụ nữ, hãm hiếp và giết người. Thực tế, phần nhiều trong số chúng thuộc băng đảng của những kẻ khủng bố. Những tổ chức như ISIS, Al Qaeda và một số nhóm khủng bố khác gây ra cái chết và nổ bom ở Mombasa và Nairobi vào năm 2014, ở Pháp năm 2015 hay gần đây nhất, vụ nổ bom ở Bỉ vào năm 2016 khiến dư luận bàng hoàng và phẫn nộ. Chúng gây quỹ cho vũ khí và đạn dược bằng cách tham gia nhiều hoạt động buôn bán bất hợp pháp, mà điển hình trong số đó là buôn lậu vũ khí, thuốc phiện, nô lệ tình dục và buôn bán các bộ phận từ động vật hoang dã một cách trái phép vì nó mang lại nguồn lợi nhuận khổng lồ.

Những kẻ hung hãn đến từ Congo thường di chuyển trong một nhóm lớn, đôi khi lên đến cả trăm người. Chúng được trang bị vũ khí đầy đủ, với xe cộ và súng ống, đôi khi cả lựu đạn và súng tầm xa, thậm chí cả xe chống đạn. Khi bắt gặp kiếm lâm, chúng không chỉ sẵn sàng xả súng vào họ, mà còn trả thù nếu phi vụ bị đổ bể bằng cách bắn giết những người dân vô tội sống trong khu vực đó. Nên coi chúng là những kẻ săn trộm, cướp bóc, giết người, hay khủng bố?

Rõ ràng, chúng ta không thể dùng từ “săn trộm” một cách đơn giản để chỉ tất cả những ai tham gia bắn giết động vật hoang dã. Rắc rối hơn, đó là khi những tổ chức khủng bố lợi dụng sự đói nghèo của người dân địa phương, khiến họ trở thành những kẻ săn trộm, đánh đổi mạng sống của họ để đổi đầu với kiếm lâm. Một ví dụ điển hình, những kẻ săn trộm ở Nam Phi thường là người dân nghèo đến từ Mozambique, nơi mà tê giác đã bị tuyệt chủng do săn bắn quá mức. Họ bị dụ dỗ bởi những băng nhóm tội phạm xuyên quốc gia

muôn kiếm lời từ việc buôn bán sừng tê giác và ngà voi. Đa phần những người săn trộm là những người trẻ khỏe sinh sống trong làng, cần tiền để sinh sống và sẵn sàng bỏ xứ đến Nam Phi với hy vọng đổi đời từ lời hứa hẹn của những tay cò môi.

* * *

Tháng Tư năm 2014, trước khi bay sang Kenya, tôi nhận lời mời của Quỹ Hoàng gia Anh để tham gia một chiến dịch nâng cao nhận thức bảo vệ tê giác. Đây là ý tưởng của Hoàng tử Williams, khi nhóm bảo tồn *Đông lòng vì thiên nhiên* sản xuất tạo dựng trò chơi online Jagex để lồng ghép nội dung bảo tồn vào trò chơi online lớn nhất lúc bấy giờ với đông đảo người chơi từ khắp nơi trên thế giới có tên gọi *RuinScape*. Trong vòng hai tuần lễ, ở một số trạm nghỉ trong trò chơi sẽ xuất hiện hai nhà bảo tồn, và người chơi phải trả lời những câu hỏi do hai nhà bảo tồn này đặt ra để nhận được những chú tê giác đen và tê giác trắng - là bạn đồng hành trong trò chơi và sẽ giúp họ mang “đồ đặc” trong thế giới game. Tôi là một trong hai nhà bảo tồn vinh dự được chọn để tạo hình nhân vật và lồng tiếng trong trò chơi này. Một điều vô cùng tuyệt vời là chỉ trong vòng hai tuần ngắn ngủi đã có gần 3 triệu chú “tê giác” được các game thủ nhận về do trả lời đúng những câu hỏi về vấn đề bảo tồn. Điều này có nghĩa là đã có ít nhất 3 triệu người tham dự chiến dịch mà chúng tôi phát động.

Cũng vì thế mà tôi đã được mời đến nói chuyện tại Hiệp hội Hàn lâm Địa lý Hoàng gia Anh tại số 1 Kensington, ở ngay trung tâm London, nơi mà đúng một năm trước tôi đã đến để nghe Sir David Attenborough nói chuyện. Tại đây tôi đã gặp một người anh, một người bạn lớn, người cũng được mời đến thuyết trình và tham gia buổi trò chuyện với khán giả về chủ đề bảo tồn với tên gọi “*What will it takes to save rhinos and elephants*”. Có thể nói rằng, một phần nào đó bài thuyết trình của anh đã thay đổi cái nhìn của tôi về những kẻ săn trộm.

“Vusi Nyathi là một thanh niên người Mozambique. Anh ta quyết tâm vào rừng để tìm tê giác. Không phải để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của chúng như những du khách nước ngoài khác, anh ta vào rừng để kiếm sống. Nếu may mắn, anh ta sẽ về nhà với một số tiền nhiều hơn tất cả những ngày làm công ăn lương trong cái làng nhỏ bé ở Mozambique của anh ta cộng lại.

Vusi Nyathi vượt biên giới, vào vườn quốc gia Kruger để săn tê giác. Cũng như những tên săn trộm khác trong vùng, Vusi được nhét vào tay những khẩu súng, đạn dược và vũ khí để chống lại kiếm lâm và những người làm bảo tồn ở Nam Phi, sẵn sàng tâm lý để bắn và bị bắn, sẵn sàng đánh đổi máu và mạng sống của cả bản thân mình, của kiếm lâm, và của những chú tê giác vô tội. Những băng săn trộm nhỏ như thế này thường đi theo nhóm ít nhất ba người trở lên: một kẻ chuyên lần theo dấu vết của tê giác, một kẻ khuôn vác đồ dùng và vũ khí và một tay súng giỏi.

Nhưng vận may không đến với Vusi Nyathi trong chuyến đi này, anh ta bị kiếm lâm bắn chết khi chỉ mới 20 tuổi. Anh ta bị bắn vào chân và vào đầu. Cũng như những tên săn trộm nghèo xấu số khác, mộ của anh ta được đào bởi

người thân, chỉ sâu khoảng vài mét. Vài chục người dân làng tập trung lại để nói lời chia tay, có khoảng ba cục gạch được đặt trên mộ, thay cho tấm bia. Vợ anh ta bật khóc và ngất xỉu ở mộ chồng mình. Vài người dân làng khiêng cô vợ trẻ tội nghiệp về nhà. Anh ta chết đi, bỏ lại hai người vợ và chín đứa con. Một vài bộ quần áo, vài cái đĩa sứ được chôn cùng người chồng xấu số - nghi thức Sangoma để trấn an linh hồn người đã khuất được hoàn tất. Thêm tiếng khóc nức nở và rên rỉ của vài người phụ nữ trong làng, trong khi những người đàn ông gia cố thêm cái mộ đơn sơ một cách lặng lẽ...

Liệu đây có phải là cái kết mà những người yêu môi trường mong muốn hay không?"

Khi anh Maydo kết thúc câu chuyện bằng một câu hỏi cho khán phòng. Tất cả mọi người, ngay cả người dẫn chương trình đều im lặng...

Ngoài những nguyên nhân về nhân quyền mà tôi đã nêu ở trên, sự thật là khi một tên săn trộm bị bắn chết đồng nghĩa với việc cắt đứt hoàn toàn cơ hội tìm được những thông tin quan trọng về đường dây hoạt động trái phép này. Những thông tin quan trọng như họ đến từ đâu, họ di chuyển đến khu vực bảo tồn bằng cách nào và đột nhập vào ra sao, ai là kẻ cung cấp súng và đạn dược cho họ, những người khác trong nhóm của họ là những ai, họ sẽ vận chuyển sừng tê giác hay ngà voi ra khỏi khu bảo tồn như thế nào, mang đến đâu, bán cho ai, và điều quan trọng nhất, ai là kẻ trả tiền cho họ làm những việc này, đều sẽ biến mất nếu tên săn trộm bị bắn chết.

Nạn săn trộm là một tội ác phức tạp, được tạo nên bởi nhiều thành phần trong xã hội và bao gồm nhiều bước khác nhau. Phải là những kẻ giàu có, kinh tế đầy đủ mới có thể cung cấp kinh phí cho việc săn trộm. Những kẻ đi săn cần có xe vận chuyển, với tất cả những dụng cụ chúng cần, đôi khi cần cả người dẫn đường. Những kẻ khuân vác, săn trộm hay tay súng chính cần phải khuân vác ngà voi, sừng tê giác, thịt và thức ăn vào và ra khỏi khu bảo tồn. Và thông thường, chúng cũng cần phải tìm được những người làm việc trong bộ máy nhà nước, như cảnh sát, quân đội, hay thậm chí cả kiểm lâm tham nhũng để giúp có được cơ hội thuận lợi. Những bước thực hiện này đều cần có một người đứng đầu, đảm nhiệm trách nhiệm và có chế độ ăn chia khác nhau: tay súng chính, người mua, người vận chuyển, kẻ chu cấp kinh phí...

Vì thế, để phá bỏ hoàn toàn đường dây này, tất cả những xích nối của chúng cần phải được phá hủy. Một tên săn trộm sẽ không đi săn nếu anh ta không có vũ khí, không có người khuân vác, kẻ dẫn đường hay được hứa hẹn về việc lo lót cho anh ta ra khỏi tù trong trường hợp bị bắt. Cách duy nhất để có thể ngăn chặn việc săn trộm là ngăn chặn việc vận chuyển, mua bán và tiêu thụ trái phép. Nếu không có người tiêu dùng sừng tê giác ở châu Á thì những tên săn trộm sẽ chẳng thêm màng đến việc săn tê giác.

Có một bài hát mà chúng tôi thường được nghe mỗi khi đến Nam Phi hay Kenya, được bật bởi những người kiểm lâm. Đây là bài hát của một DJ nổi tiếng người Mozambique, và lời của bài hát bắt đầu bằng: "*Chuyện gì đang xảy ra với bạn vậy? Những người ở SANParks tin bạn đến vậy, con cháu*

của bạn đang chêt dần chêt mòn. Bạn đi săn, bạn đang giết chính đồng loại của mình...

Dù là kiếm lâm hay săn trộm, thì đây cũng là cái kết của những lần đo súng, máu, nước mắt và những tiếng ai oán.

* * *

Hơn bốn tháng làm việc tại lục địa đen của tôi trôi qua thật nhanh chóng. Những ngày làm việc căng thẳng với nhiều kỷ niệm đáng nhớ, những nỗi buồn, những niềm vui. Năm 2014 không phải là một năm thành công trong công tác bảo tồn ở Kenya, cũng chẳng phải một năm may mắn của tôi. Ngay từ đầu năm đã là một chuỗi những ngày đi ra và đi vào ở bệnh viện. Vì tình trạng sức khỏe không tốt mà bác sĩ khuyên rằng tôi nên tạm ngừng việc đi thực địa ở những vùng hẻo lánh, tránh trường hợp sức khỏe chuyển biến xấu mà không được chữa trị. Đối với một người chuyên đi thực địa và quỹ thời gian làm việc lên đến 60-70% ở ngoài trời như tôi thì đó quả là một tin tồi tệ. Thế rồi thông tin về tình trạng ngày một trở tệ của bà tôi... Bác sĩ nói rằng nếu may mắn thì bà có thể cầm cự đến cuối năm. Khi nhận được tin về tình hình bệnh tình ngày một chuyển biến xấu đi của bà, tôi đang ngồi nghỉ trong chái nhà của khu nghiên cứu tại Ol Pejeta. Thời điểm ấy đang là cuối mùa khô, những cơn gió cũng trở nên dịu dàng hơn vào cuối chiều, mang theo hơi nước ẩm ướt. Khi đọc được tin nhắn mà chị tôi viết, có cảm giác như màu sắc, âm thanh và mọi thứ đều đã bị xóa nhòa, trắng xóa. Tôi không tin được, và cũng không muốn tin. Có lẽ đó là cảm giác mà chị và bố mẹ tôi đã phải trải qua. Cảm thấy như mọi cảm xúc và sức lực đã bị lấy hết ra khỏi cơ thể, tôi đi về phía hồ nước vì muốn được ngồi một mình.

Chiều tà ở châu Phi quả thực rất đẹp. Con nắng gay gắt đã tắt, chỉ còn lại màu đỏ cam, vàng rực cả góc trời. Không khí dịu xuống cũng là lúc những loài động vật bắt đầu hoạt động nhiều hơn: những loài hoạt động về đêm “khởi động” để chuẩn bị cho những chuyến đi săn, những loài hoạt động vào ban ngày cõ vớt vát những tia sáng cuối cùng để uống nước, tắm bùn, rồi í ới gọi nhau trốn vào những bụi cây lớn để tránh thú săn mồi. Tôi dừng xe ở cách hồ nước một khoảng đủ lớn để không làm phiền những cư dân bản rợ kia, rồi ngồi yên lặng ở đó, ngắm nhìn mọi vật và dần để nỗi buồn tự ngấm sâu vào mình. Tôi thấy thật tội nghiệp cho mẹ tôi, người mẹ khôn khổ của tôi. Vừa mới đây thôi còn lo lắng cho bệnh tình của tôi, vừa mới đây thôi còn khóc lóc cầu xin cho tôi chóng khỏe, vậy mà giờ mẹ lại phải đối mặt - một lần nữa với tình trạng sức khỏe của bà ngoại. Mẹ sẽ đối đầu với nó như thế nào... Còn bản thân tôi thì sao? Tôi vẫn chưa đủ dũng khí để gọi về cho bà ngoại, tôi vẫn còn nhớ như in buổi sáng hôm đó, buổi sáng hôm tôi gặp bác sĩ riêng của mình và lần đầu phải học cách chấp nhận rằng mình đang mắc bệnh. Nỗi sợ hãi, lo lắng, những kế hoạch, những ước mơ và dự định, tất cả như tan vỡ chỉ sau một lời chẩn bệnh mà thôi. Bà ngoại tôi... Ông bà sẽ vượt qua như thế nào?

Lan man với những suy nghĩ không hồi dứt, với những dòng nước mắt mãi không dừng. Tôi không còn nhớ được mình đã ngồi đó trong bao lâu. Chỉ nhớ rằng khi cơn gió se lạnh thổi qua khiến tôi phải rùng mình, thì tôi mới nhận ra

trời đã gần chuyen tôi rồi, đã đến lúc tôi phải trở về khu nghiên cứu. Hồ nước đọng lúc này cũng không còn đông đúc như lúc trước, những loài động vật bé nhỏ hơn đã sớm đi về phía rừng cây. Còn lại trước mắt tôi là một đàn voi châu Phi khoảng 15 cá thể. Những chú voi châu Phi sinh sống theo đàn mẫu hệ: voi trưởng đàn - voi già nhất thường là voi bà, sau đó là voi mẹ, các bà dì, và đàn voi con nhí nhách theo mẹ. Những chú voi đực sẽ sống với voi mẹ, bà và dì cho đến tuổi trưởng thành thì sẽ bỏ đàn và sống một mình. Chỉ những voi cái mới ở lại theo đàn, và chúng phụ thuộc rất lớn vào sự từng trải, kinh nghiệm và kiến thức của voi bà. Trong một đàn mẫu hệ như thế này, voi con sẽ tận hưởng được sự chăm sóc và bảo vệ đến mức tối đa từ bà, mẹ và các dì của mình.

Vốn dĩ voi là loài động vật mà tôi yêu mến và ngưỡng mộ nhất, tôi quyết định ngồi lại thêm một chút để ngắm nhìn chúng. Voi đầu đàn đang hướng cả gia đình đi về phía các bụi cây để tìm chỗ nghỉ, chúng di chuyển thật thông thả. Những chú voi con nghịch ngợm đang chạy quanh voi mẹ với đôi tai dang rộng vì phấn khích. Thế rồi, tôi nhận ra Jumbo, chú voi khoảng 3 năm tuổi từng bị những người khách du lịch vô trách nhiệm phóng xe quá tốc độ trong khu bảo tồn đâm phải. Từ vụ tai nạn đó, mặc dù đã được chữa trị nhưng Jumbo không đi lại bình thường được, chân sau của chú bị gãy, tạo thành một góc kỳ quặc. Chú voi tội nghiệp tự lết đi đằng sau cả đàn, thỉnh thoảng lại dừng lại để nghỉ chân, rồi lại vội vã lết đi. Tôi có thể thấy cả đàn đều rất nhận nại chờ chú: thỉnh thoảng chúng dừng lại, ngoái về phía sau để chắc chắn rằng Jumbo vẫn đang theo kịp đàn. Những chú voi khác lúc lắc đầu, rướn vòi về phía sau như kêu gọi, động viên Jumbo cố lên. Cả đàn cứ di chuyển chậm như thế, cho đến khi Jumbo dường như đã mệt lắm rồi, chú đi chậm hẳn lại, vung vẩy chiếc vòi với vẻ cáu kỉnh. Những thành viên khác trong đàn đều đã dừng cả lại, ngoái nhìn, có cô tỏ vẻ sốt ruột, dùng chân đá đất khô ở dưới tạo thành những đám bụi nhỏ. Tôi thắc mắc, liệu chúng có bỏ mặc Jumbo không nhỉ?

Thế rồi, điều kỳ diệu xảy đến: một bạn voi khác trong đàn, có lẽ chỉ hơn Jumbo vài tuổi, đi từ từ về phía Jumbo. Cô bé ấy nhẹ nhàng đặt trán mình đối diện với trán Jumbo, như để tỏ vẻ thông cảm, rồi dùng vòi của mình quấn lấy vòi của Jumbo, và dắt Jumbo tập tễnh từng bước một, từ từ, chậm rãi đi về phía cả đàn.

Thế rồi gia đình voi lại tiếp tục bước đi.

Đó, là tình cảm gia đình. Đó, là tình thương, sự thông cảm, động viên và giúp đỡ lẫn nhau. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng, mạnh mẽ nhất mà nhiều khi thế giới loài người, vì bận rộn mà bỏ quên. Tim tôi như nghẹn lại khi nhìn cảnh ấy. Những chú voi đã dạy cho tôi thấy rằng, tình cảm gia đình mới thật là quan trọng. Cho dù có nhiều việc đến đâu, có gấp gáp, vội vàng như thế nào, nhưng tình cảm, sự động viên, tôn trọng và thông cảm cho nhau đến từ những thành viên trong gia đình mới là điều vô cùng đáng quý, nó sẽ cho thêm sức mạnh để tiếp tục bước tới. Tôi sẽ gọi điện về cho bà ngoại, sẽ nói với bà rằng, bà đừng sợ, phải cố lên, phải thật mạnh mẽ vì dù thế nào đi nữa, tất cả mọi người sẽ luôn ở bên bà.

Vài tuần sau, tôi bay trở về Anh, với dự án tiên sĩ đã được hình thành. Đó sẽ lại là một cuộc phiêu lưu mới, cuộc phiêu lưu tìm kiếm cái đúng và sai, cái thiện và ác giữa thiên nhiên và con người. Tôi tin rằng, dù có làm gì hay đi đâu chẳng nữa, thiên nhiên sẽ luôn chỉ dạy cho tôi con đường đúng đắn nhất, và dù rằng có khó khăn đến thế nào đi nữa, chúng tôi - những người làm bảo tồn, cũng không được phép bỏ cuộc. Những người tôi gặp, những câu chuyện tôi đã nghe, những loài động vật tôi đã thấy... đều xứng đáng được tôn trọng. Nạn săn trộm không chỉ là mối đe dọa cho các loài động vật hoang dã nữa, không chỉ là sự tồn vong của một, hay một vài loài nữa, mà nó còn là sự sống và cái chết của những người dân nghèo tại châu Phi, của những người lính kiểm lâm ngày đêm canh gác làm nhiệm vụ, là lá cờ tuyên chiến của những tổ chức khủng bố, là sự đe dọa cho sự an bình trên Trái đất này.

Cùng với những chú quân khuyển thông minh, cùng với những người kiểm lâm châu Phi dũng cảm, tôi biết mình đang đứng ở phía nào của chiến tuyến. Vậy còn bạn, bạn sẽ đứng về phía ai?

Cái tên Kenya có nguyên gốc là “Kyrinyaga” theo tiếng của bộ tộc Kikuyu. Tuy nhiên khi những người Anh đến đây, họ không thể phát âm từ “Kirinyaga” chuẩn xác được, vì vậy mà họ rút ngắn nó lại thành “Kenya”, dần dần những nước nói tiếng Anh cũng sử dụng danh từ “Kenya” để chỉ đất nước này.

Trước đây đã từng có đến 350 loài voi sinh sống trên Trái đất. Tuy nhiên hiện nay chỉ còn lại hai loài là voi châu Á và voi châu Phi. Voi châu Phi to lớn hơn voi châu Á, chúng cũng có đôi tai to hơn nhiều để điều hòa nhiệt độ cơ thể dưới cái nắng chói chang của Phi châu. Khác với nhiều người lầm tưởng, cả voi đực và voi cái của hai loài voi này đều có ngà. Tuy nhiên ngà của voi châu Á nhỏ hơn rất nhiều, vì thế mà không lộ ra bên ngoài.

Sư tử từng sinh sống ở khắp châu Á, châu Phi và thậm chí cả châu Âu. Nhưng hiện nay chúng chỉ còn sinh sống chủ yếu ở châu Phi, và một vài quần thể sư tử châu Á sinh sống ở vườn quốc gia Sasan - Gir ở Ấn Độ. Xã hội loài sư tử có phân công công việc rất rõ rệt: sư tử đực sẽ bảo vệ lãnh thổ trước những kẻ ngoại xâm, còn sư tử cái sẽ làm nhiệm vụ săn mồi và trông nom con nhỏ.

Chương V

Tận cùng của cuối cùng

“Bạn chỉ muốn bảo vệ những gì bạn yêu, và bạn sẽ chỉ yêu những thứ mà bạn có thể hiểu.”

Năm 2009, cá thể tê giác cuối cùng ở Việt Nam, cũng là cá thể cuối cùng ở khu vực Đông Dương được phát hiện bởi một người dân. Đáng tiếc là khi đó, nó đã là một cái xác không còn sự sống. Tê giác Java từng sinh sống ở hầu hết các quốc gia tại khu vực Đông Nam Á, từ Việt Nam, Thái Lan, cho đến tận Malaysia. Sau chiến tranh chống Mỹ, nhiều nhà khoa học cho rằng loài tê giác đã bị tuyệt chủng hoàn toàn ở Việt Nam vì bom đạn, nhưng rồi đến năm 1988, một quần thể nhỏ được phát hiện. Vào lúc đó, có lẽ không ai ngờ rằng quần thể này chỉ có thể tồn tại được có đúng 21 năm sau đó.



Cá thể tê giác cuối cùng bị giết không chỉ đánh dấu sự tuyệt chủng của cả một giống loài ở Việt Nam, mà còn cho thấy sự thất bại trong công tác bảo tồn. Trong suốt 20 năm kể từ khi được tái phát hiện, nếu như có sự can thiệp kịp thời, có sự bảo vệ nghiêm ngặt và kế hoạch bảo tồn môi trường sống của tê giác Java tại Cát Tiên thì có lẽ, số lượng loài tê giác Việt Nam có thể đã được hồi sinh, như ví dụ về sự thành công trong công tác bảo tồn loài tê giác Ấn Độ tại vườn quốc gia Chitwan ở Nepal, hay loài tê giác trắng ở Nam Phi. Khu rừng Cát Lộc nơi cá thể duy nhất này ngã xuống đúng là rất rộng, nhưng nếu được quản lý chặt chẽ thì có lẽ tê giác đã không bị bắn hạ, chứ đừng nói đến việc mất hàng tháng trời mới tình cờ phát hiện ra xác, và biết đâu khi ấy chiếc sừng vẫn chưa bị lấy đi?

Sự ra đi vĩnh viễn của tê giác Java ở Việt Nam còn làm dấy lên sự e ngại trên toàn thế giới... Số phận các loài động vật hoang dã của chúng ta sẽ đi về đâu?

* * *

Năm 2015 tôi đưa ra một quyết định lớn. Sau năm đầu tiên ở trường đại học làm nghiên cứu sinh toàn thời gian, tôi nhận ra rằng việc đi đi về về ở văn phòng quả thật không hợp với mình. Việc làm nghiên cứu để đưa ra những bài báo cáo khoa học luôn được đề cao và được quan tâm nhất trong môi trường hàn lâm, tuy nhiên có nhiều báo cáo khoa học và nhiều dự án chỉ thuần phục vụ tính chất nghiên cứu khoa học, chứ không phục vụ việc áp dụng thực tiễn vào công tác bảo tồn. Đúng là ở trường thì tôi sẽ có nhiều cơ hội cộng tác với những dự án nghiên cứu này hơn và sẽ được cộng tác với các thầy nhiều hơn, nhưng mục đích ngay từ ban đầu của tôi là sử dụng khoa học phục vụ cho công tác bảo tồn, nên tôi quyết định đã đến lúc cần phải thay đổi.

Thế là mấy tháng trời tôi thuyết phục thầy hướng dẫn giúp tôi đổi chương trình. Từ sinh viên toàn thời gian ở trường, tôi trở thành sinh viên ngoại trú. Điều này có nghĩa là chỉ cần tôi vẫn giữ được tiến độ công việc và liên lạc thường xuyên với thầy hướng dẫn chính thì tôi không cần thiết phải ở lại trường mà có thể làm việc ở nước khác. Vừa hay khoảng thời gian này tôi nhận được email từ anh Nick Souter khi ấy vẫn đang làm việc cho tổ chức FFI tại Campuchia về chương trình *Flagship species* - tạm dịch là *loài trọng tâm*. Nếu nhận công việc này, tôi sẽ được làm việc với một số dự án liên quan đến voi châu Á, linh trưởng, và cả một trong những loài cá sấu nguy cấp nhất thế giới - loài cá sấu xiêm. Ngoài ra thì tôi cũng có thể tự thiết kế dự án của riêng mình và lập một đội nghiên cứu về vấn đề buôn bán sản phẩm từ động vật hoang dã trái phép. Một lời đề nghị quá tuyệt vời. Vì thế mà sau khi được sự đồng ý có phần miễn cưỡng của thầy hướng dẫn thì tôi lập tức trả lời anh Nick và đồng ý đến làm việc ở Campuchia ngay trong tháng sau. Nói rằng sự đồng thuận của thầy tôi có phần miễn cưỡng, vì thầy muốn tôi ở lại trường và tập trung cho chuyện làm nghiên cứu phục vụ khoa học, hơn là ra khỏi trường để làm ứng dụng bảo tồn. Một phần cũng là vì thầy sợ tôi sẽ bị cuốn theo công việc mà bỏ bê chuyện nghiên cứu ở trường, một phần vì ở gần sẽ tiện cho việc liên lạc, kiểm tra tiến độ, tham gia vào các khóa tập huấn... Nhưng thấy tôi kiên quyết, thầy cũng đồng ý và không quên dặn với theo nhất định phải email tiến độ công việc cho thầy hằng tuần.

Vậy nên, cuối năm 2015, tôi lại hì hục khâu vá đò đặc từ Anh sang Campuchia, bắt đầu một chuyến phiêu lưu mới. Một chuyến phiêu lưu mà lúc đó, tôi chưa nhận ra, nó sẽ giúp tôi gặp lại mỗi nhân duyên năm nào.

* * *

Đó là một buổi chiều nắng chói chang, cái nắng hanh hao ở Nam Phi vào mùa đông thật khó chịu. Da tôi khô lại thành từng đốm nâu nhỏ, mặt như thể đã mọc lên rất nhiều tàn nhang chỉ trong có vài ngày. Bước đều theo dấu chân của hai anh kiếm lâm trong đội đặc nhiệm phòng chống săn trộm ở phía trước, tôi chau mày, khum tay che đi cái nắng như đổ lửa. Vườn quốc gia Kruger rộng gần 2 triệu héc ta, lớn hơn nhiều quốc gia khác trên thế giới. Đây chính là vương quốc của các loài động vật hoang dã, là nơi gìn giữ sự sống cho nhiều loài động-thực vật trên Trái đất này. Đây cũng chính là nơi, lần đầu tiên trong đời, tôi cảm nhận được sự dạn dặt của loài voi.

Hôm đó cả một ngày trời chúng tôi lái xe, rồi đi bộ đề lần theo dấu vết của ba mẹ con tê giác từng sinh sống ở khu vực này nhưng vài tuần trở lại đây bỗng nhiên không thấy đâu. Đến tầm chiều muộn thì buộc phải bỏ cuộc, vì tôi cũng không có giấy phép đặc biệt để ra ngoài khi trời tối, còn các anh kiểm lâm cũng đến lúc được về nghỉ ngơi. Thường ở Kruger khách sẽ phải về trạm trước 5 rưỡi chiều để đảm bảo an toàn cho họ và cũng là an toàn cho các loài động vật hoang dã nữa. Lúc ánh nắng bắt đầu dịu xuống, chúng tôi đi ven theo con sông đã khô cạn để quay trở về nơi đỗ xe. Từ chỗ dừng xe đến đây cũng phải mất hơn một tiếng đi bộ. Bỗng có tiếng cành cây bị kéo gãy, tiếng sột soạt, rồi một chú voi con chạy thẳng từ trong bụi rậm ra ngay trước mắt chúng tôi. Cũng như chúng tôi, chú voi con cũng đông cứng vì ngạc nhiên trước sự xuất hiện của đối phương. Thế rồi...

Ph... reeeee - chú voi con độ hai năm tuổi này giờ vùi lên trên đầu và phát đi tín hiệu cảnh báo...

Khi thật - tôi rên lên.

Nghe thật ngớ ngẩn, đúng không? Làm thế nào mà lại không nhìn thấy cả một đàn voi cơ chứ? Chúng to lớn như thế cơ mà! Nhưng vào lúc chiều tà, màu da xám xám của những chú voi đứng lẫn trong những bụi cây lại có tác dụng như một bộ đồ ngụy trang chuyên dụng. Đến tận lúc bây giờ, chúng tôi mới nhận ra, hóa ra không chỉ có chú voi con đang đứng dang rộng đôi tai cảnh cáo vừa rồi, chúng tôi đã vô tình đi vào giữa một đàn voi rất lớn. Có lẽ chúng đã băng qua con sông cạn vừa rồi để sang phía bờ bên này và đang đánh chén đám lá cây một cách khoái khẩu trước khi bị chúng tôi “phá đám”.

Anh Peter nhỏ giọng bảo chúng tôi yên lặng, rồi từ từ, từng tí một, chúng tôi đi lùi thật chậm về phía sau. Ngay khi tiếng kêu của chú voi con này phát ra, thì voi trưởng thành khác trong đàn, có thể là voi mẹ, hoặc voi dì, voi bác đã chạy lại để bảo vệ cậu nhóc này. Cảm giác đứng trước một cô voi châu Phi cái trưởng thành thật sự rất đáng sợ, nhưng cũng rất xúc động. Tôi đã đến châu Phi nhiều lần, đã nhìn thấy voi châu Phi cũng rất nhiều lần, nhưng chưa lần nào lại có sự tiếp xúc gần đến thế. Cô voi cái này cao gần gấp đôi tôi, đứng ngay trước mặt, sừng sững như một ngọn núi nhỏ, với cặp ngà to lớn và chắc chắn. Khoảng cách giữa chúng tôi lúc này có lẽ chỉ độ hơn mười mét thôi. Cô phát ra dấu hiệu cho thấy sự khó chịu trước sự xuất hiện của chúng tôi, như tai đang rộng hết cỡ, chân giậm giậm xuống nền đất và đuôi thì cong lên. Có vẻ như cô nàng vẫn chưa quyết định liệu có nên đánh đuổi chúng tôi hay chỉ cần đưa ra vài tín hiệu dọa dẫm là được, đôi chân cứ chần chừ, đi lên rồi lại giậm về.

Cả đám người chúng tôi nín thở, vận từ từ, chậm rãi và cố gắng bình tĩnh nhất có thể, cứ giật lùi từng tí một, mắt vẫn không rời khỏi cô voi to lớn đang ở trước mặt. Thế rồi, lại tiếng cành cây gãy vang lên, lần này là ở ngay phía bên phải của tôi. Một cái bóng xám xám to lớn khác đang đứng lùm lùm bên bụi cây, vẫn mãi miết bẻ cành...

- Khi thật!!! - lần này là tiếng anh Peter rên lên khe khẽ.

- Bọn nó ở khắp nơi! Đằng kia cũng có một đũa, cả ở phía sau nữa - tiếng anh Michael thì thào.

- Thê quái nào mà mình lại không nhìn thấy chúng nó cơ chứ! - chú Andrew kêu.

Cũng may là cậu chàng ở phía bên phải vệ đường có vẻ quan tâm đến chuyện ăn hơn là đám người lạ mặt chúng tôi. Vì vậy mà chúng tôi vẫn chậm rãi đi giật lùi về phía sau, vừa vắt tréo ngón tay cầu may, hy vọng rằng đằng sau không có chú voi nào khác, vừa nghe tiếng trái tim mình đang giông bình bình trong lồng ngực.

Thấy chúng tôi đã biết điều mà tránh xa khỏi cả hai, cô voi có vẻ bớt căng thẳng hơn, mặc dù đôi tai vẫn đang dang rộng, nhưng không còn nhìn chăm chăm vào chúng tôi nữa mà nhìn sang hai bên con đường mơn một cách cân nhắc. Cô nàng chậm rãi gõ nhẹ lên đầu cậu nhóc kia bằng chiếc vòi của mình, như thể nói rằng “đi thôi”. Rồi cả hai dắt nhau sang phía bên kia của con đường mơn.

Chúng tôi thở ra một cách nhẹ nhõm, vẫn còn đang bị vây quanh bởi cả một đàn voi, anh Peter và chú Andrew đã đếm thêm được hơn 12 cá thể khác nữa: ở bên trái, bên phải, phía đằng sau và cả ở phía trên con đường mơn. Vậy nên chúng tôi quyết định rằng tốt nhất nên đứng im tại chỗ, vì trời đã tối mịt mờ, nếu chúng tôi quay lại có thể lại vô tình đèn quá gần chú voi nào đó trong đàn thì sẽ còn nguy hiểm hơn. Lúc này, nhiều thành viên trong đàn voi đã bắt đầu băng qua con đường mơn để đi sâu hơn vào phía trong những lùm cây. Chúng tôi đứng im như tượng, đèn thờ cũng không dám. Nhiều thành viên chỉ ngoái đầu nhìn chúng tôi, nhưng cũng có những cô cậu voi còn nhỏ ngạc nhiên đứng im nhìn những con người bé tí kỳ lạ một cách tò mò. Thê rồi, lúc chúng tôi tưởng rằng cả bầy voi đã an toàn qua đường và đang thận trọng từng bước tiến lên phía trước thì...

Một chú voi con còn rất bé, có lẽ chỉ vừa được sinh ra vào đợt xuân vừa rồi thôi, chạy bắn ngay bên hông voi mẹ. Cô voi mẹ có lẽ vẫn còn trẻ, vôi vàng kéo đũa con nhỏ xíu theo mình. Lại đứng im để chờ xem có còn thành viên nào cần qua đường nữa không, thì tôi nghe tiếng chú Andrew thì thầm:

- Chuyện gì thế nhỉ?

Ở phía bên kia con đường, tôi có thể thấy nhấp nhô cả đàn voi vẫn đang chậm rãi cùng nhau đi sâu vào phía trong bụi cây. Nhưng có một cô voi cái trưởng thành, với đôi tai dang rộng, chiếc vòi giơ cao trên đỉnh đầu đang chạy rất nhanh về phía con đường mơn nơi chúng tôi đang đứng. Rồi một nàng voi khác cũng chạy theo cô, cả hai đều có vẻ rất căng thẳng và lo lắng. Chúng tôi lại một phen hú vía, chậm chậm đi giật lùi về phía sau, dù lúc này vẫn còn cách cả hai cô một khoảng khá xa. Lúc hai cô chạy gần hơn về phía con đường mơn, thì chúng tôi phát hiện ra đàn voi đã đề sọt lại một cậu nhóc, có lẽ khoảng 5 hay 6 tuổi gì đó, đang đứng một mình ở bụi cây ven đường và vì chúng tôi nên không dám qua. Thê rồi, lại tiếng cành cây khô gãy đánh gọn, và mặc dù đang đứng cách đó gần hai chục mét, tôi như cảm thấy được mặt đất đang rung lên nhẹ nhẹ. Có lẽ đó chỉ là cảm giác của tôi thôi, nhưng chắc chắn chúng tôi đều nghe được tiếng chân giậm vào mặt đất, chậm rãi, rất chậm rãi, và đều đều...

“Thuyền... thuyền... thuyền...”

Một cá thể voi cái khác, to lớn hơn nhiều, già hơn nhiều, đang tiến lại gần hai cô voi nọ. Đây có lẽ là voi đầu đàn, cũng là voi bà, già nhất, thông tuệ nhất, và cũng có địa vị cao nhất trong đàn voi. Voi bà quay đầu lại, nhìn thẳng vào chúng tôi. Thời gian lúc đó như đang đóng băng lại. Tính mạng của chúng tôi có lẽ phụ thuộc vào sự quyết định của voi bà, nếu voi bà cho rằng chúng tôi là những kẻ săn trộm nguy hiểm đang đe dọa tính mạng của những voi non trong đàn thì chắc chắn sẽ đuổi đánh chúng tôi. Một chú voi tuy trông to lớn và chậm chạp, nhưng có thể tăng tốc đến 40km/giờ, trong khi đó vận tốc tối đa ở một người bình thường chỉ là 20km/giờ thôi. Cả đám người chúng tôi đứng im trong căng thẳng, thậm chí tiếng vỗ cánh của côn trùng bay qua chúng tôi cũng nghe thấy. Nhưng rồi, nhẹ nhàng và chậm rãi, voi bà quay lại, vươn vòi, lần lượt quần lấy vòi của hai cô voi trẻ nọ như an ủi họ rằng “*Không sao đâu, các con làm tốt lắm*”. Lúc này, cả hai cô voi trẻ đều có vẻ bớt căng thẳng hơn rất nhiều, chúng cúi đầu, tựa vào trán voi bà, ngúc ngoác đầu, rồi cùng nhau quay trở về đàn.

Vậy đó, một đàn voi cũng chính là một gia đình, không chỉ có quan hệ máu mủ, chúng còn thực sự yêu thương và quan tâm đến nhau cũng như gia đình của con người chúng ta vậy. Một thành viên bị ốm, một thành viên đã già chậm chạp, hay một đứa trẻ ham chơi, tất cả đều nhận được sự giúp đỡ từ những thành viên khác trong đàn. Đã từ lâu, các nhà khoa học ghi nhận rằng những chú voi luôn tỏ ra tiếc thương trước cái chết của đồng loại, hay thậm chí của cả loài động vật khác nữa. Nếu là xác voi chưa phân hủy, chúng thường nhẹ nhàng dùng vòi của mình chạm vào vòi và đầu của xác chết, đứng im lặng trong vài phút như đang phân ưu. Nếu là xác voi đã phân hủy, chúng sẽ từ tốn chạm vào những mẫu xương còn sót lại. Dù là xương của cá thể đã chết từ rất lâu, những chú voi còn sống luôn dừng lại, chạm vào đó, như thể đang luyện tập cho cuộc sống của đồng loại mình. Thế rồi, cũng như con người, khi cái chết đến thật đau xót, chúng cũng không muốn rời xa người thân của mình. Có những chú voi trẻ đã đứng canh cái xác của voi già đang thối rữa dần trong cái nóng của châu Phi, để sự tử, linh cữu hay kên kên không thể động đến được.

Nhưng cũng chính vì tình cảm sâu đậm này, mà những kẻ đi săn có thể dễ dàng lợi dụng những chú voi. Chỉ cần làm hại một thành viên trong đàn, cả đàn voi sẽ chạy lại để đuổi đánh kẻ thù và bảo vệ người thân của chúng. Những cá thể voi trưởng thành sẽ bảo vệ voi non, và voi đầu đàn sẽ không bao giờ bỏ lại thành viên khác trong đàn để thoát thân. Vì thế mà những vụ săn trộm voi thường kết thúc bằng những cuộc thảm sát, đôi khi cả đàn đều bị giết hại, ngay cả những chú voi con còn chưa nhú ngà.

* * *

Cách đó hàng ngàn cây số, ở Phnom Penh - thủ đô của Campuchia, thời tiết oi bức, nóng nực. Nắng chiều vàng vọt, con đường chật xe cộ qua lại, tiếng động cơ, tiếng người nói ồn ã. Tôi đang ngồi trong một quán cà phê nhỏ sau buổi đi khảo sát cuối cùng ở Phnom Penh về tình trạng buôn bán ngà voi trái phép. Cửa sổ phía tôi ngồi trông thẳng ra quán bar bên cạnh, hai người khách nước ngoài mặt đỏ gay vì chấy nắng đang thay nhau chơi bi a với một cô gái bản địa mặc một chiếc váy ngắn bó sát đến không tưởng. Một trong hai người

khách này vừa phẩy tay đuôi một cô bé bán rong những đồ lưu niệm lặt vặt mà chẳng thèm nhìn đến cái thứ hai. Cô bé con lệch thêch ra khỏi quán, nghiêng người xiêu vẹo vì cái khay nhựa đựng đủ thứ đồ linh tinh quá nặng so với sức vóc nhỏ bé của mình.

Campuchia chưa bao giờ “được” coi là một trong những điểm tiêu thụ chính của ngà voi, nhưng đất nước này nằm trong khu vực điểm nóng trung chuyển và buôn lậu các sản phẩm từ động vật hoang dã. Năm 2014, đúng một năm trước khi tôi bắt đầu xây dựng dự án khảo sát tình trạng buôn bán ngà voi trái phép thì ba tấn ngà voi đã được phát hiện và tịch thu ở cảng Siem Reap. Đây là vụ bắt giữ ngà voi lớn nhất ở Campuchia từ trước tới giờ, và sau đó thì còn nhiều vụ tịch thu khác nữa tại các cửa khẩu, sân bay và cảng biển của đất nước này. Ở Việt Nam, mặc dù việc buôn bán ngà voi không quá ngang nhiên như ở Campuchia, vẫn có thể dễ dàng tìm thấy những cửa hàng trang sức buôn bán ngà voi ngay tại thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, một phóng sự về tình trạng buôn bán và tiêu thụ sản phẩm từ động vật hoang dã đang bị nguy cấp như voi và tê giác cho thấy chỉ trong vòng một năm, những bộ phận của hơn 900 chú voi, 600 chú tê giác, hơn 200 chú hổ và nhiều động vật hoang dã khác nữa bị bày bán và tiêu thụ ở làng Nhị Khê, một ngôi làng cách Hà Nội không xa.

Cùng nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ và sự phổ biến của mạng Internet, gần như ai cũng sở hữu ít nhất một vài tài khoản mạng xã hội. Điều này khiến cho việc buôn bán các sản phẩm từ động vật hoang dã diễn ra dễ dàng hơn bao giờ hết. Không khó để tìm thấy những bức ảnh, hoặc thậm chí là cả băng hình quảng cáo cho những sản phẩm bất hợp pháp này trôi nổi trên mạng Internet. Việc buôn bán những loài động vật hoang dã quý hiếm trên mạng xã hội ngày một trở nên phổ biến vì nó nhanh gọn, tiện lợi, dễ bảo mật thông tin, không mất phí quảng cáo, nếu cần chỉ việc đóng cửa tài khoản và mở một tài khoản mới với tên gọi mới là xong. Chính vì thế mà trong một dự án khác, chỉ riêng trong vòng 6 tháng điều tra và thống kê 46 tài khoản Facebook ở Việt Nam, chúng tôi đã tìm thấy hơn 26.000 sản phẩm làm từ động vật hoang dã được bảo vệ, như ngà voi, tay gấu, vẩy tê tê, cùng với da, xương và móng hổ. Để đối đầu với những phương thức buôn bán những sản phẩm trái phép như thế này, các cơ quan chức năng cũng cần phải nhanh nhạy và thay đổi phương pháp điều tra mới có thể theo kịp các thủ đoạn tinh vi của những tên tội phạm.

Tôi cảm thấy kiệt quệ cả về tinh thần lẫn thể chất vì gần như suốt tháng vừa rồi, ngày nào tôi cũng phải rong ruổi cùng với cộng sự người bản địa đi điều tra về những cửa hàng buôn bán ngà voi trái phép ở đây. Điều đáng buồn là mặc dù những cửa hàng buôn bán sản phẩm từ động vật hoang dã được bảo vệ như ngà voi, móng hổ, mật gấu... đều là vi phạm pháp luật, nhưng cũng giống như rất nhiều nước đang phát triển khác, sự xuất hiện của những người thực thi pháp luật tại những nơi buôn bán sầm uất như thế này là gần như không có. Chúng tôi đã đến rất nhiều địa điểm khác nhau và thực tế đáng buồn là đa phần ở những nơi đó, người Việt Nam và Trung Quốc được chào đón rất đôn đáo. Nhiều nơi còn nói rằng khách Việt Nam rất “sộp” và họ không nghi ngờ gì khi

tôi đóng vai là một du khách người Việt đi cùng với người dẫn đường bản địa - vốn dĩ là cộng sự của tôi.

Vài tiếng trước thôi, chúng tôi được nhân viên một cửa hàng trang sức rất lớn đưa đi dạo quanh các mặt hàng được bày bán ở đây. Sau khi xem hết những món đồ trang sức quý giá đắt tiền bằng các loại ngọc, vàng, bạc, và cả kim cương, thì Ratana, cộng sự của tôi gợi ý họ đưa chúng tôi vào phòng VIP, phòng đặc biệt chỉ dành cho khách sộp, nằm khuất sau quây hàng lớn ở phía ngoài. Chúng tôi đi vòng ra sau những dãy kệ để vài loại lục bình trang trí giả cổ của người Tàu, rồi rẽ vào một hành lang nhỏ, hơi tối. Chỉ nhân viên đẩy cửa vào một căn phòng đặt ở cuối hành lang, rồi giơ tay bật đèn. Ngay lúc ánh đèn được bật lên, chúng tôi biết, chúng tôi đã tìm đúng nơi rồi.

Căn phòng chỉ rộng khoảng 50m², nhưng đầy rẫy những giá và kệ trưng bày. Không chỉ được treo lên tường, hay đặt lên giá, nhiều sản phẩm từ động vật hoang dã còn nằm lẫn lóc ở dưới sàn. Từ những loại gỗ quý của những loài thực vật sắp bị tuyệt chủng được đục khắc thành đủ loại đồ trang trí, đèn móng, da, xương của các loài động vật hoang dã. Và dĩ nhiên, cả ngà voi nữa...

Chưa bao giờ tôi thấy nhiều ngà voi ở cùng một nơi như thế này. Những chiếc ngà đã bị biến thành nhẫn, thành vòng đeo tay, thành vòng cổ, thành tượng, thành lắc chân, trầm cài đầu. Người tôi nóng ran lên khi phát hiện ở phía dưới kệ trưng bày trong góc phòng một cặp ngà voi rất lớn, có vẻ còn chưa được lau chùi, hay thực ra cổ tình để nguyên như vậy để tăng thêm hiệu ứng “đây là đồ thật” của cửa hàng. Thực vậy, vẫn còn bùn đất lấm bầm trên đôi ngà voi này và nhiều vết đen thâm tím ở phía gốc của cặp ngà. Những vết đen thâm này, có thể là máu.

* * *

- Về thôi Trang ơi - anh Ratana gọi, sau khi uống xong cốc cà phê đá.

- Anh về trước đi, em có hẹn nên ở lại một chút rồi đi luôn - tôi ưỡn oải vừa ngập vừa trả lời.

- Ô, cô gái hóa thạch cuối cùng cũng hẹn hò vào tối thứ Sáu sao? - Ratana vừa nói vừa ngân nga. Anh ấy hay trêu tôi rằng những cô gái sau tuổi 25 ở Campuchia mà chưa lấy chồng thì già cõi giống như đám hóa thạch ngàn năm tuổi.

- Anh muốn gì hử? - tôi giơ nắm tay lên dọa dẫm, rồi xua anh ấy về.

Mấy tháng trước, tại một hội thảo về đa dạng sinh học ở Phnom Penh, tôi đã gặp lại anh thanh niên có mái tóc dài và quần đạo nào ở văn phòng FFI tại Hà Nội. Tôi quên bém mắt là hồi đó anh ấy có nhắc sẽ chuyển sang làm việc cho tổ chức cứu hộ gấu Free the Bears tại Campuchia, nên lúc gặp lại có hơi ngỡ ngàng. Thế giới của những người làm bảo tồn nhỏ thật đấy! Chúng tôi có trao đổi liên lạc vào dạo đó về vấn đề công việc thôi. Nhưng hôm nọ anh Brian có đi công tác ở Việt Nam về và hỏi liệu tôi có muốn đi ăn vào tối thứ Sáu không, vì tôi có kế với anh ấy lúc ở hội thảo là tôi thèm ăn pizza đến chết được, mà lại chưa tìm được hàng nào ngon ở Phnom Penh cả.

“Hẹn hò” - tôi phì cười, nhìn anh Ratana vừa đi lấy xe vừa hát.

Chắc chắn là chẳng phải hẹn hò gì đâu. Theo như những gì tôi biết thì anh Brian thuộc dạng một sách, chẳng mấy khi ra ngoài. Có thời gian rảnh là sẽ ở

nhà mở phim tài liệu của Sir David Attenborough lên xem, lại còn từ trước đến giờ mỗi lần tôi có dịp nói chuyện với anh ấy thì chủ đề lúc nào cũng chỉ xoay quanh công việc, đề tài nghiên cứu và quay trở lại công việc thôi. Có lẽ hôm nay anh ấy muốn hỏi tôi về cơ hội cộng tác trong một dự án điều tra số lượng gấu hoang dã ở Việt Nam. Anh ấy từng mời tôi làm cùng dự án này khi tôi vừa đến Campuchia, nhưng vì không có thời gian nên lúc đó tôi đành từ chối. Chúng tôi hẹn nhau lúc 7 giờ tối, lúc đó mới chỉ khoảng hơn 6 giờ chiều, nhưng tôi thấy mệt và lười đến nỗi không muốn về để thay đồ. Dù sao cũng không phải là hẹn hò nên việc gì phải chăm chút vào diện mạo cơ chứ!

7 giờ 5 phút, tôi vẫn đang ngồi trên chiếc xe lam tuk tuk vì bị kẹt giữa dòng người đông đúc đang háo hức đi chơi tối cuối tuần. Đèn muộn gần nửa tiếng, tôi xin lỗi rồi rút. Anh Brian trông già dặn hơn hội tôi mới gặp, nhưng da vẫn trắng bóc dù có nhiều tàn nhang hơn. Gen di truyền của những người da trắng tóc đỏ thường đi kèm với mắt xanh dương, da có nhiều tàn nhang, và dù có đi nắng bao nhiêu đi chăng nữa thì cũng chẳng hề rám nắng. À mặc giản dị, một chiếc áo sơ mi xanh nhạt, quần jean và tóc buộc sau gáy, gần như lúc nào tôi gặp, anh ấy cũng mặc như thế này. “Chắc là cũng vừa đi từ văn phòng đến rồi” - tôi nghĩ thầm.

Rồi như tìm được người để trút mọi nỗi buồn bực, mệt mỏi và giận dữ từ việc đi khảo sát những nơi buôn bán ngà voi trái phép, tôi kể hết với anh Brian những gì tôi nhìn thấy ngày hôm nay. Rồi chuyện bị mắc kẹt giữa đàn voi ở vườn quốc gia Kruger như thế nào, chuyện của chú voi Jumbo ở Kenya, và trong cửa hàng đồ trang sức kinh khủng ấy tôi đã thấy những gì. Anh Brian lắng nghe chăm chú, không nhận xét tôi đang quá cảm tính, hay khuyên tôi phải thế này thế khác. Anh chỉ bảo rằng, ừ, làm điều tra buôn bán động vật hoang dã căng thẳng lắm, vậy nên nếu có thể trút hết những nỗi bực dọc ra được thì tốt, để ngày hôm sau lại có thể tiếp tục công việc với một cái đầu lạnh và lý trí. Anh cũng kể với tôi hôm nay anh vừa đến trạm cứu hộ gấu về nên cũng hơi buồn bực. Trạm cứu hộ này được đặt trong sở thú Phnom Tamao, chỉ cách thủ đô Phnom Penh khoảng 30 phút đi xe thôi. Điều khiến anh Brian không vui, đó là mặc dù đã có rất nhiều biển cảnh báo và yêu cầu người dân không lại gần và tuyệt đối không cho thú ăn, nhưng rất nhiều người mặc kệ những biển báo này, ném kẹo, bánh và đủ thứ thức ăn linh tinh khác vào chuồng thú.

Điều này diễn ra ở khắp mọi nơi, chứ không chỉ riêng ở Campuchia. Tôi còn nhớ có lần tại vườn quốc gia Kruger ở Nam Phi, một gia đình người Pháp đã thản nhiên bóp vụn bánh mì, đặt lên tay con mình và khuyến khích chúng tiến lại gần chim chóc, linh dương và nhiều loài động vật khác ở ngay cạnh tấm biển báo. Lúc bấy giờ, cô Howard - một nhà bảo tồn người Anh đang nói chuyện với tôi, nhìn thấy liền chạy qua yêu cầu họ dừng hành động đó lại. Những người này không những không nghe lời cô ấy, mà còn cự cãi và cho rằng chúng tôi đã phản ứng thái quá. Rất nhiều, rất nhiều người không hiểu những hành vi họ đang làm đang gây ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe của những loài động vật hoang dã và thậm chí là gây nguy hiểm cho chính tính mạng của con người.

Thực vậy, những loại thức ăn của con người thường chứa quá nhiều đường, dầu mỡ, muối, các loại gia vị và những chất phụ gia khác rất có hại cho sức khỏe của động vật nói chung, chứ không chỉ riêng động vật hoang dã. Đối với những loài như chim chóc, cho chúng ăn no vụn bánh mì thay vì để chúng tự tìm kiếm thức ăn tự nhiên, đặc biệt là đối với những chú chim non đang đến tuổi lớn có thể khiến chúng bị suy dinh dưỡng do thiếu chất. Nhiều sở thú trên thế giới cũng đang tải thông tin về tình trạng khách tham quan không tuân thủ luật lệ, cho động vật ăn nhiều bánh kẹo, khiến chúng bị bệnh béo phì, tiểu đường, mỡ máu... Tệ hại hơn, cho động vật hoang dã đồ ăn còn thay đổi tập tính hoang dã của chúng. Thay vì đi săn mồi, chúng tiến lại gần con người để xin ăn. Về lâu dài, khi đã trở nên quen với sự hiện diện của con người, chúng sẵn sàng tấn công khách tham quan để cướp đồ ăn, như tình trạng của loài khỉ đuôi dài tại đảo Langkawi ở Malaysia, hay thậm chí là những chú linh cẩu tại vườn quốc gia Kruger. Một khi đã tấn công người, những cá thể động vật này sẽ bị coi là “nguy hiểm” và phải bị giết bỏ.

Bên cạnh đó thì rất nhiều người còn sử dụng thức ăn như mồi nhử, dụ động vật hoang dã đến cạnh mình để có thể chụp ảnh selfie và đăng lên mạng xã hội. Nhu cầu được chụp ảnh cùng với động vật hoang dã, thậm chí là được chạm vào, ôm, cười lên người động vật hoang dã còn dẫn đến một cách kiếm lợi nhuận khác nữa của ngành công nghiệp du lịch, đó là thu mua, nuôi giữ động vật hoang dã tại các khu du lịch để làm dịch vụ vui chơi giải trí cho du khách.

- Em có biết đến vụ việc ở chùa Hô tại Thái Lan không? - anh Brian hỏi.

- À có ạ, vụ ấy cũng mới được phá gần đây thôi...

Chùa Hô là một ngôi chùa Phật giáo tại tỉnh Kanchanaburi của Thái Lan. Chùa được thành lập từ năm 1994 như một ngôi chùa gần gũi với thiên nhiên, là một nơi nuôi dưỡng động vật hoang dã, trong đó có hồ Đông Dương để phục vụ cho mục đích bảo tồn. Người đến tham quan ngôi chùa này ngoài việc ngắm cảnh chùa thì đa phần đều muốn được đến gần động vật hoang dã, được chụp ảnh cùng với chúng, và đặc biệt là với những chú hồ. Rất nhiều nơi quảng cáo du lịch sử dụng hình ảnh Phật tử và cả khách tham quan chùa đang ôm ấp, vuốt ve hồ một cách rất tình cảm. Chính vì thế mà ngay cả đài CNN cũng đã từng đăng tải thông tin về chùa Hô như một địa điểm du lịch nhất định phải đến khi tham quan Thái Lan.

Mặc dù vậy thì nhiều tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn động vật hoang dã nghi ngờ chùa Hô có những hoạt động buôn bán và nuôi giữ động vật hoang dã quý hiếm một cách phạm pháp. Ví dụ như vào năm 2005, cảnh sát đã phát hiện và tịch thu 39 cá thể chim hoang dã quý hiếm đang bị nuôi giữ trái phép tại chùa. Tuy vậy, những nghi vấn về việc chùa vận hành như một nơi buôn bán động vật hoang dã trái phép vẫn chưa có đủ bằng chứng và cảnh sát cũng chưa tìm được những chứng cứ cần thiết trong đợt tập kích đó. Chính vì thế mà chùa vẫn tiếp tục được hoạt động, và du khách sẵn sàng trả 600 bath, tương đương với khoảng 650.000 VND để có thể tạo dáng bất kỳ và chụp ảnh cùng những chú hồ bị nuôi giữ ở đây. Cũng phải nói thêm rằng, trong suốt quãng thời gian chùa vận hành, rất nhiều du khách đã bị hồ tấn công khi đang chụp ảnh cùng với chúng, nhưng lúc nào chùa cũng rất đông khách tham quan,

đủ để thấy rằng “sự mê hoặc” của việc có được một bức ảnh chụp cùng với động vật hoang dã lớn đến thế nào.

Vào năm 2015 và năm 2016, cuối cùng thì cảnh sát và những tổ chức bảo tồn, mà một trong số đó là tổ chức Care for the Wild International sau 9 năm trời điều tra cũng đã tìm ra được những bằng chứng cho thấy những hoạt động trái phép của chùa Hổ: thi thể của 40 chú hổ con được phát hiện trong tủ lạnh, dấu vết trên cơ thể cho thấy một vài con trong số chúng chết từ cách đây 5 năm trời. Tám chú hổ đầu tiên được đưa vào nuôi dưỡng ở chùa Hổ đều là hổ Đông Dương, được cứu hộ sau những vụ mua bán trái phép. Tuy nhiên vào thời điểm đột phá, số lượng hổ tại chùa đã lên đến 137 cá thể, bao gồm cả một chú hổ Bengal. Nhiều cá thể còn có những dị tật trên cơ thể cho thấy chúng bị lai tạp với phân loài khác, hoặc đột biến do giao phối cận huyết. Điều này cho thấy chùa Hổ đã có hành vi mua bán và nhân giống hổ trái phép với những trang trại nuôi hổ khác trong khu vực. Không chỉ vậy, 2 bộ da hổ, 10 chiếc nanh hổ và gần 1.000 mẫu da hổ được cắt nhỏ để bán cho du khách cũng đã được phát hiện trong kho tại đây.

Vậy đó, còn có rất nhiều, rất nhiều nơi giống như chùa Hổ đang vận hành trên khắp thế giới, dưới cái nhãn làm “bảo tồn” để khai thác đến cùng kiệt các loài động vật hoang dã. Tôi đang nói đến những dịch vụ ở khu du lịch sinh thái, khi họ nuôi giữ voi, hổ, cá sấu và nhiều loài động vật hoang dã khác nữa cho người tham quan trả tiền và chụp ảnh, ôm ấp và sờ mó. Ở rất nhiều nơi, để dụ khách có thể lại gần động vật hoang dã, người ta không ngại ngần cho chúng uống thuốc phiện hay tiêm thuốc mê khiến chúng lơ đãng, không còn khả năng kiểm soát bản thân. Có nơi lại chọn cách “huấn luyện”, mà có thể nói thẳng ra là đánh đập và bạo hành cho đến khi những cá thể này vì sợ hãi, vì đau đớn mà phải tuân phục.

Có rất nhiều người phản ứng với chúng tôi khi khuyến cáo rằng họ không nên đến những nơi cho phép trực tiếp tiếp xúc với động vật hoang dã, họ cho rằng chúng tôi đang thái quá và làm họ mất vui. Nhưng nên biết rằng, có thể đối với chúng ta đó chỉ là một, hai hay ba bức ảnh, nhưng đối với những cá thể động vật bị khai thác cho ngành giải trí này, sẽ là một trăm, một ngàn, hàng trăm ngàn bức ảnh mà chúng bị ôm ấp, bị sờ mó, bó buộc với con người; là một, hai hay ba phút với chúng ta, nhưng là hàng giờ, hàng ngày, hàng tháng, hàng năm, là cả cuộc đời bị nuôi giữ cho những khách du lịch, là những cái chết do bị săn trộm hoặc trong quá trình vận chuyển, do sợ hãi, do căng thẳng, do bị chấn thương, là những cá thể trưởng thành bị nuôi giữ để gây giống, là sự tổn vong của cả một - hay nhiều loài động vật hoang dã.

Vấn nạn chụp ảnh với động vật hoang dã không chỉ ảnh hưởng đến những cá thể bị nuôi giữ trong những khu khai thác, lạm dụng động vật hoang dã, mà còn dẫn đến những cái chết thương tâm cho những cá thể sinh sống ngoài tự nhiên nữa. Ví dụ như trường hợp chú cá heo con La Plata - một loài cá heo quý hiếm sắp bị tuyệt chủng vô tình mắc cạn trên một bãi biển ở Argentina. Thay vì đưa chú về bờ một cách an toàn, thì hàng trăm người trên bãi biển đã tóm lấy chú, thay phiên nhau chụp ảnh selfie với chú cá heo tội nghiệp. Chú cá heo bị shock, sợ hãi và căng thẳng, bị đưa ra khỏi nước để tạo dáng. Chú đã chết vì

ngạt. Thế nhưng, ngay cả khi đã chết, người ta vẫn tiếp tục chụp ảnh với cái xác bất động, rồi vứt chú xuống bãi biển như một thứ đồ chơi hỏng, để mặc chú tự phân hủy dưới ánh nắng mặt trời.

Rồi câu chuyện ở Trung Quốc, khi những người tham quan một sở thú bỏ ngoài tai lời khuyên cáo, cố gắng tìm cách ôm chặt những chú chim công được thả rông trong vườn vào ngực để có thể chụp những kiểu ảnh theo ý muốn dẫn đến cái chết cho những chú chim này. Khác với loài người, họ nhà chim không có cơ hoành, vì thế mà chúng phụ thuộc hoàn toàn vào độ co giãn của lồng ngực để có thể hít thở. Khi bị tóm và ôm chặt để chụp những bức ảnh “hoàn hảo” với con người, chúng là dân vì không thể thở được. Cuối cùng, đến tận khi hấp hối, hai chú chim công tội nghiệp này mới được tha. Chúng đã chết ngay sau đó.

Cả tôi và anh Brian, cũng giống như bất cứ ai, đều rất mong muốn được lại gần, được chạm vào những loài động vật hoang dã mà chúng tôi yêu mến. Nhưng chúng tôi hiểu rằng, cũng giống như mối quan hệ giữa con người, tình yêu còn phải đi kèm với sự tôn trọng nữa. Nếu chỉ vì lý do bạn yêu mến chúng mà muốn giữ ghì chúng bên cạnh để ôm ấp và bắt chúng làm theo ý bạn, thì tình yêu đó của bạn chính là sự ích kỷ, là hạm muốn cá nhân được độc chiếm chúng cho riêng mình. Và sự ích kỷ ấy có thể gây nguy hại cho sự tồn vong của cả một giống loài.

* * *

Sau khi bạn hết chuyện bảo tồn ở Campuchia, ở Lào, ở Thái, ở Việt Nam thì chúng tôi bắt đầu hỏi nhau nhiều câu hỏi cá nhân hơn, như là vì sao lại theo ngành này và ước mơ sau này là gì. Hóa ra anh Brian đã đến làm việc ở khu vực Đông Nam Á này từ khá lâu rồi. Trước đây anh ấy từng học hóa học ứng dụng tại trường đại học. Nhưng chỉ đến năm thứ hai thì anh ấy cảm thấy rằng bảo tồn động vật hoang dã mới là công việc mà anh ấy muốn theo đuổi. Thế là chàng trai trẻ Brian hồi đó quyết tâm bỏ học, đăng ký sang Lào làm tình nguyện viên cho một dự án bảo vệ gấu để lấy kinh nghiệm. Sau hơn một năm làm tình nguyện viên ở Lào, anh ấy trở về Ireland, đăng ký học lại đại học theo ngành bảo tồn.

Ở Lào và Campuchia, gấu tuy không bị nuôi nhốt để lấy mật, nhưng gấu hoang đã bị bẫy trộm từ các khu bảo tồn để cung cấp sang những nước có ngành công nghiệp nuôi giữ gấu, và gấu non thường bị bán cho những hộ gia đình giàu có để nuôi làm cảnh. Hồi đó, anh Brian đến sống tại một ngôi làng nhỏ ở tỉnh Bokeo tại Lào. Vào mỗi buổi chiều, các bà mẹ trẻ thường phải hò hét để bắt bọn trẻ con nghịch ngợm đi tắm, rất là cực. Nhưng từ hồi anh ấy xuất hiện tại làng và chiều chiều ra lấy nước tại máy bơm tay ở đó, thì bọn trẻ con thấy người da trắng, tóc dài, mắt xanh nên... nhiều đứa đứng bất động để ngắm anh tây có dung mạo lạ lùng, khiến cho việc tắm rửa bọn trẻ của các bà mẹ dễ hơn nhiều.

Vừa kể, anh ấy vừa với tay lấy cốc nước tại cạnh bàn, để lộ một hình xăm nhỏ:

- A, hình xăm gì đây ạ? - tôi tò mò, chỉ vào hình xăm ở cổ tay trái của anh ấy.

- Ô... đây là chữ Gấu, băng tiếng Lào.

Một trong những kỷ niệm đầu tiên của anh Brian khi tham gia làm công tác bảo tồn lại là một kỷ niệm buồn. Hồi đó, có một chú gấu con tên Pola được giải cứu từ một vụ buôn bán và vận chuyển động vật hoang dã xuyên quốc gia. Chú gấu ấy được đưa đến trạm cứu hộ, được anh Brian chăm sóc cho đến khi khỏe lại. Thời bấy giờ, dù vẫn còn nhiều tranh cãi, nhưng những người phụ trách dự án muốn thử tái thả Pola về khu bảo tồn quốc gia Nam Kan. Thế là, từ việc chăm sóc cho Pola tại trạm cứu hộ, anh theo Pola về khu bảo tồn quốc gia Nam Kan. Pola có đeo theo một máy định vị nhỏ ở trên cổ, vậy nên cứ mỗi sáng, anh lại vào rừng tìm Pola, rồi đi theo cậu ấy mỗi ngày. Lý do của việc này là vào thời đó, những người phụ trách dự án cho rằng dù Pola đã có thể sống tự lập nhưng sự hiện diện của người “bảo hộ” sẽ giúp cho Pola có đủ thời gian để học về môi trường hoang dã, cách sinh tồn, và nhất là vì có người đi theo nên Pola có thể tránh được những xung đột từ động vật săn mồi lớn hơn.

- Thực sự đó là khoảng thời gian tuyệt vời. Dù sáng nào cũng phải dậy sớm rất mệt, nhưng anh học được rất nhiều điều về gấu bằng việc theo dõi cậu bé ấy! Anh giống như mẹ nuôi của cậu ấy vậy.

Nhưng rồi một hôm, máy nhận tín hiệu định vị bị hỏng. Tìm mãi, tìm mãi cũng không thấy Pola. Lo lắng cho Pola, anh vào rừng Nam Kan và tìm cậu ấy. Tìm kiếm một chú gấu trong cả một khu bảo tồn mà không có máy định vị thì cũng giống như mò kim đáy bể vậy. Tìm mãi, tìm mãi cả mấy tuần liền, đến lúc phát hiện ra, thì Pola đã chết.

Cổ họng tôi đắng nghét... Câu chuyện này, sao lại giống với Boka đến thế.

Pola bị giết, không phải bị săn trộm. Chú gấu nhỏ bị giết bởi một chú gấu lớn hơn trong rừng.

- Ít ra cậu ấy không bị bọn săn trộm giết hại... - tôi thở dài.

- Nhưng nếu không vì bọn săn trộm, cậu ấy đã được sống với mẹ và học được cách sinh tồn, đúng không? - anh Brian trả lời - Mẹ cậu ấy có lẽ đã bị giết, hoặc bị bán để nuôi nhốt lấy mật rồi. Chính vì thế mà anh đã xăm chữ Gấu băng tiếng Lào lên cổ tay, để luôn nhớ tới cậu ấy và những chú gấu như cậu ấy...

- Anh biết không? Em cũng từng nghe một câu chuyện tương tự về một cậu bé tên là Boka... Thế là tôi kể cho anh nghe câu chuyện về Boka và chú Samuel, rồi cả về câu chuyện về lời hứa của tôi với chú gấu tội nghiệp năm nào...

Thế là cả tối hôm ấy, chúng tôi cứ nói mãi, nói mãi. Những câu chuyện về các cánh rừng, về những người dân làng bản địa mà chúng tôi từng gặp, về những gì chúng tôi thấy, về những khó khăn trong công việc, về ước mơ và những điều chúng tôi muốn được làm. Chúng tôi mãi trò chuyện đến mức người bồi bàn phải nhắc chúng tôi về, vì đã đến lúc họ đóng cửa.

Lúc chào chia tay tạm biệt, anh Brian cứ chần chừ mãi. Rốt cuộc lúc đưa tôi về đến tận cửa thì anh bảo:

- Em biết không? Em cừ lắm!

~

- Anh cũng vậy mà - tôi vậy tay chào.

Những người trẻ tuổi bao giờ cũng có đầy hoài bão, mơ ước và nhiệt huyết. Nhưng những người trẻ lại thường cậy việc mình vẫn còn có rất nhiều thời gian nên đôi khi bị cuốn theo những thứ hào nhoáng khác trong cuộc sống mà tạm quên đi ước mơ của mình. Tôi thường nhận được email của các bạn trẻ hỏi tôi làm thế nào để có thể làm được công việc bảo tồn, nhiều bạn cũng tâm sự rằng gia đình phản đối, hoặc nhiều lý do này khác. Đôi khi tôi nghĩ, câu trả lời phải là ở phía các bạn, chứ không phải từ một người ngoài như tôi. Con đường phía trước của bạn như thế nào, hướng đến đâu, đều là do sự lựa chọn và quyết định của các bạn. Sẽ thật khó để có thể đi theo con đường của một ai đó, vì mỗi người có một thể mạnh, điểm yếu, hoàn cảnh sống, kinh nghiệm, sở thích và sở trường khác nhau. Cũng giống như anh Brian thời bấy giờ là một cậu trai chỉ đầu tuổi 20, vì biết đến tình trạng nuôi nhốt gấu lấy mật mà quyết tâm nghỉ học, lấy hết tiền tiết kiệm để mua vé máy bay sang Lào làm tình nguyện mà không cần được trả lương. Đơn giản vì cậu trai trẻ ấy đã lên quyết tâm, đã dám mơ ước, dám từ bỏ và lựa chọn lại từ đầu.

Tôi cũng gặp nhiều người đã từng làm bảo tồn. Họ tâm sự với tôi, họ từ bỏ bởi vì con đường ấy thật khó khăn, thật nhiều chuyện rắc rối, thật không như ý muốn. Tôi nghĩ rằng, nếu chỉ vì nó khó khăn mà họ chọn một con đường khác dễ dàng hơn, thì làm bảo tồn chắc chắn chưa phải là mơ ước của họ. Có lẽ những người từng tham gia công tác bảo tồn, cũng giống như anh Brian từng tham gia học lớp ứng dụng hóa học, đó có thể là công việc mà họ từng mong muốn, nhưng chưa phải là mơ ước mãnh liệt để họ có thể bám trụ lại với ngành. Và họ đã có can đảm từ bỏ nó để đưa ra một lựa chọn khác phù hợp hơn với lối sống của họ.

* * *

Sau lần gặp mặt đó thì gần như ngày nào anh Brian cũng nhắn tin cho tôi hỏi chuyện. Lúc đầu thì còn lầy lý do để tôi trút hết những buồn phiền từ những lần đi khảo sát, nhưng về sau chúng tôi nói chuyện với nhau tự nhiên hơn. Rồi thì vì văn phòng của anh ấy cũng khá gần với văn phòng của tôi, nên rất “tiện đường” để anh sang đưa tôi đi ăn trưa. Thế rồi dần dần như một thói quen, chỉ cần không phải đi thực địa xa thì chúng tôi sẽ ăn trưa cùng nhau. Và rồi, vài tháng sau đó, chúng tôi nhận ra, mình đã bắt đầu hẹn hò từ khi nào không hay.

Mãi về sau này tôi mới biết, hóa ra anh Brian bị dị ứng với gluten, tên gọi chung cho một số loại chất đạm chính liên kết với tinh bột. Đây là chất có trong hạt của một số loại cây thảo quả, như lúa mì, yến mạch, lúa mạch. Vì thế mà, những món ăn sử dụng bột mì, như pizza, bánh mì, bánh ngọt... thì anh ấy không ăn được do cơ thể không hấp thụ được gluten, dẫn đến chướng và đau bụng. Vậy mà hôm đó, vì muốn mời tôi đi ăn, lại nghe đồn từ đồng nghiệp của tôi là tôi rất thích ăn pizza mỗi khi đi thực địa về, nên anh ấy đã không nói gì mà lẳng lặng ăn hết cả một cái pizza với tôi, để cả ngày hôm sau bị chướng bụng và âm ỉ mà bỏ cả bữa ăn.

Chuyện tình cảm của tôi lại bắt đầu một cách buồn cười như vậy đó!

Tuy vậy, cũng phải đến lần đề nghị thứ hai của anh Brian thì tôi mới gật đầu đồng ý cùng cộng tác với anh trong một dự án điều tra tình trạng gấu đang bị

nuôi nhốt lây mật ở Việt Nam. Ngán ngại vì một phân ích kỷ trong tôi cảm thấy muốn dành thời gian đi thực địa trong rừng để lấy lại “tinh thần” sau cuộc điều tra về ngà voi dai dẳng ở Campuchia, một phần vì tôi chưa bao giờ cộng tác với người yêu trong công việc cả, mặc dù từ lúc bắt đầu làm bảo tồn luôn mơ mộng rằng sẽ yêu một người cùng ngành. Tôi lo ngại để chuyện tình cảm xen lẫn vào công việc thì sẽ không phân minh, đặc biệt là tôi và anh Brian đều khá cứng đầu, nên bất đồng trong cách làm việc có thể dẫn đến sút mẻ trong tình cảm hoặc ngược lại.

Cuối cùng lại là thầy hướng dẫn khuyến khích tôi nên tham gia dự án này, vì nó có nhiều điểm tương đồng với luận văn nghiên cứu của tôi, nên tôi có thể sử dụng kết quả nghiên cứu này để bổ sung cho dự án của mình. Cộng thêm lời hứa với chú gấu năm nào, tôi quyết tâm quay trở về Việt Nam, làm khảo sát ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Tại Nghệ An, trường Đại học Vinh cộng tác với chúng tôi sẽ giúp đỡ thu thập số liệu từ các trại nuôi gấu trong vùng.

* * *

Là đôi mắt... chính là đôi mắt. Dù trong hoàn cảnh nào, ở đâu, chúng cũng như nhìn thấu tâm can tôi.

Ngày còn nhỏ, mỗi khi nhìn thấy những cửa hàng hay những sạp ngoài đường bày bán động vật hoang dã, tôi thường không chịu được khi nhìn vào đôi mắt của chúng. Có cái gì đó sâu thẳm trong đôi mắt chúng bám chặt lấy tôi, nhất quyết không chịu buông. Là ánh mắt buồn phiền, đau khổ, sợ hãi, mệt mỏi. Là ánh mắt cam chịu, chấp nhận số phận khi đã ở trong bàn tay con người. Lần này cũng vậy, đôi mắt đen láy ấy đang nhìn tôi chăm chú.

Đó là đôi mắt của Lona, cô gấu ngựa ở tuổi trưởng thành đang sinh sống tại Cát Tiên. Tại trung tâm cứu hộ gấu do tổ chức Free the Bears và vườn quốc gia Cát Tiên quản lý có khoảng 35 chú gấu ngựa và gấu chó đang được nuôi dưỡng và chăm sóc. Đây là những nạn nhân may mắn của việc nuôi giữ gấu lấy mật. Gọi là may mắn, vì những chú gấu này đã được giải thoát khỏi những chiếc lồng sắt chật hẹp, mặc dù không thể được tái thả về với thiên nhiên hoang dã, nhưng những chú gấu ấy ít ra còn có thể chạy nhảy trong khu vực nuôi giữ của mình.

Bỗng nhiên, cất lên một tiếng ai oán, Lona quay lại gần hàng rào sắt, đi đi lại lại liên tục như có một chiếc hộp vô hình đang nhốt cô ở trong đó. Cô tìm mọi cách đi lên đi xuống, ngúc ngoắc đầu, thậm chí còn chạy qua chạy lại nữa, nhưng vẫn không thể nào thoát ra phạm vi vôn vện ba, bốn mét vuông của những bức tường vô hình ấy.

Đây chính là một trong những hành vi bất bình thường mà tiếng Anh gọi là *abnormal behaviour*, hay *stereotypical behaviour*. Những hành vi này thường thấy ở những loài động vật, đặc biệt là động vật hoang dã bị nuôi nhốt trong những chuồng trại chật hẹp trong một thời gian dài. Những hành vi này cũng có thể quan sát được ở hổ, báo, voi và nhiều loài động vật hoang dã khác nữa bị nuôi nhốt ở những sở thú không đủ đảm bảo điều kiện về chuồng trại. Một số hành vi khác thường gặp, như là liên tục ngúc ngoắc đầu, đu đưa người liên tục, chạy vòng quanh chuồng, mút tay chân, thậm chí là tự cào và tự làm tổn thương mình. Ở người, đây chính là biểu hiện của bệnh thần kinh.

Cô gấu Lona được đưa đến trung tâm cứu hộ từ năm 2008, dù đã được chăm sóc, chữa trị và được sinh sống trong chuồng ngoài trời rộng đến một héc ta cùng với các chú gấu khác, được tự do đi lại tìm kiếm thức ăn để vực dậy bản năng sống ngoài tự nhiên, thì Lona vẫn không thể quay trở lại là một chú gấu bình thường, với những tập tính bình thường được.

Có những ngày Lona đứng im, ngúc ngoắc đầu hàng giờ liền trước hàng rào vây quanh khu vực ngoài trời, không đi lại, không chạy chơi với bạn bè, không tìm kiếm thức ăn, không bơi lội dưới hồ. Tất cả là vì những ngày tháng bị nhốt trong những chiếc chuồng sắt chật hẹp, chật đến nỗi cô không thể đứng dậy hay làm bất cứ thứ gì. Tất cả là vì những ngày tháng bị nuôi nhốt để lấy mật, với những cơn đau đớn hành hạ thể xác lẫn tinh thần, mà Lona - nếu nói theo cách dân gian, đã mắc bệnh tâm thần.

Những chú gấu có chứng bệnh như Lona trong trung tâm cứu hộ là rất nhiều. Có những chú bị bệnh nặng hơn Lona, có những chú bị nhẹ hơn. Có những chú khi đến trung tâm cứu hộ đã trụi lông hoàn toàn do quá căng thẳng, hoặc bị bệnh ngoài da lâu ngày không được chữa trị. Có những chú đã bị mất một, hoặc cả hai tay - có lẽ là vì mắc vào bẫy khi bị bắt để đem bán cho những trang trại nuôi gấu lấy mật, hoặc cũng có thể do bị chặt tay đem bán, phục vụ cho món súp tay gấu.

Tại trung tâm cứu hộ gấu Phnom Tamao ở Campuchia, có rất nhiều gấu con được cứu hộ và chăm sóc. Nhiều con trong số chúng cũng là nạn nhân của những trang trại gấu mọc lên ở các nước châu Á. Khi gấu mẹ bị giết trực tiếp để lấy mật hoặc bị đem bán cho những trang trại này, thì gấu con thường bị đem bán để làm cảnh. Những chú gấu con này vì thiếu sự chăm sóc của mẹ, vì sợ hãi môi trường xung quanh, vì căng thẳng mà cũng có những biểu hiện tâm lý y như Lona vậy. Nhiều khách tham quan khi đến thăm trung tâm cứu trợ thường cười và trêu đùa rằng trông chúng thật ngốc nghếch trước khi được nghe giải thích về những hành vi đó. Nhất là ở những chú gấu con, chúng thường tự mút tay, mút đuôi, thậm chí là mút tai của bạn bè. Nhìn ở ngoài, trông chúng rất ngốc nghếch và đáng yêu như trẻ nhỏ đang mút ngón tay khi phải xa mẹ vậy. Tuy nhiên, hành vi mút tay này có thể kéo dài đến hàng giờ liền. Nếu xảy ra quá lâu dài hoặc quá thường xuyên, nó có thể dẫn đến việc tự làm tổn thương cơ thể - như rách da thịt, chảy máu. Những hành động đó nếu cứ tiếp diễn, lặp đi lặp lại khi cơ thể đã bị thương tổn có thể dẫn đến nhiễm trùng và tử vong.

Chứng kiến những biểu hiện này ở những chú gấu được cứu hộ đã rất đau lòng. Nhưng khi tận mắt nhìn thấy những chú gấu vẫn đang bị nuôi nhốt trong những chiếc lồng sắt chật hẹp ở những trang trại rải khắp Việt Nam, tôi không thể không đặt câu hỏi, lòng nhân ái của con người đang ở đâu?

* * *

Tôi đang đứng trong một trang trại nuôi gấu rất rộng ở Bình Dương. Có lẽ đây là một trong những trang trại lớn nhất còn hoạt động ở Việt Nam. Mùi ngai ngái, hôi hôi, nồng nồng ở đây rất đặc trưng nhưng cũng thật khó để diễn tả. Anh Brian nói rằng nó giống như mùi của một chú chó bị ướt nước mưa, nhưng mạnh hơn nhiều. Nhờ cái mùi đặc trưng này mà nhiều khi đi khảo sát, dù chủ

nhà có nói rằng họ không hề nuôi gấu thì chúng tôi vẫn biết chắc chắn gấu đang bị nuôi giữ trong nhà họ.

Trước những năm 70, cách duy nhất để có thể lấy được mật gấu là săn bắn gấu ngoài tự nhiên, giết và lấy nguyên cả túi mật ra ngoài. Nhưng rồi tại Hàn Quốc, người ta sáng chế ra một cách: đó là bắt giữ những chú gấu ngoài tự nhiên, nuôi nhốt để lấy mật. Thời bấy giờ chưa có máy dò sóng âm, họ sử dụng kim chọc vào ngực những chú gấu tội nghiệp cho đến khi chọc đúng vào túi mật. Thế là ngành công nghiệp nuôi giữ gấu để lấy mật ra đời. Ở Trung Quốc còn có phương pháp mổ và cắt vào túi mật của những chú gấu này một cái ống và dẫn trực tiếp mật ra phía ngoài. Trước ngực những nạn nhân tội nghiệp này là những túi cao su được cố định bằng dây nhợ, và mật tươi sẽ liên tục chảy từ bên trong cơ thể gấu ra cái túi cao su bên ngoài, tiện lợi cho chủ trang trại thu hoạch mật. Điều này đồng nghĩa với việc trên cơ thể những nạn nhân này sẽ có một vết thương không bao giờ lành - chính là lỗ dẫn mật từ trong cơ thể ra túi cao su bên ngoài mà cứ vài ba ngày, chủ trại sẽ chọc vào cái ống đã cố định sẵn để da thịt chú gấu không liền lại bít kín lỗ.

Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam đã từng, hoặc vẫn đang là nước tiêu thụ chính của mật gấu. Vào thời điểm lên cao, số lượng gấu bị nuôi nhốt ở Trung Quốc lên đến hơn 10.000 cá thể, và ở Việt Nam, từ 500 cá thể bị nuôi giữ trong các trang trại vào năm 1997, con số này tăng đến hơn 5.000 cá thể vào năm 2006. Không chỉ hai loài gấu ngựa (*Ursus thibetanus*) và gấu chó (*Helarctos malayanus*) ở Đông Nam Á bị săn lùng để nuôi nhốt trong những trang trại lấy mật này, những loài gấu sinh sống ở những khu vực khác, như gấu nâu (*Ursus arctos*), gấu đen (*Ursus americanus*), gấu lười (*Melursus usinus*), gấu mặt ngắn Andes (*Tremarctos ornatus*) và ngay cả gấu trắng Bắc Cực (*Ursus maritimus*) cũng bị săn bắn và giết hại để lấy túi mật, nhằm đem bán ra chợ đen, phục vụ cho nhu cầu sử dụng mật gấu của người châu Á.

Mật gấu, cũng như mật của nhiều loài động vật khác, bao gồm cả mật của con người đều có chứa hoạt chất *ursodeoxycholic acid* (UDCA) - đây là chất khá phổ biến được dùng trong y học hiện đại, xuất hiện trong các loại thuốc chữa bệnh sỏi mật và bệnh xơ gan. Đáng nhấn mạnh ở đây, đó là hoạt chất trong y học hiện đại được chế tạo dễ dàng trong phòng thí nghiệm, không gây đau đớn cho bất kỳ một sinh vật nào và có tác dụng rất tốt trong các phương pháp trị liệu. Ở Việt Nam và Trung Quốc, tổ chức về quyền động vật Animals Asia và trung ương hội đông y đã có những chiến dịch tuyên truyền để những người dân ưa dùng thuốc truyền thống có thể sử dụng 32 loại cây thuốc thay vì sử dụng mật gấu hay mật động vật, bao gồm những loại cây khá quen thuộc, như cây quế, cúc hoa, hồng hoa, ích mẫu, kê tuyết đằng... như vậy để thấy rằng, mật gấu không phải là loại thuốc đặc biệt, càng không phải là thuốc có thể chữa được bách bệnh như nhiều người thường rỉ tai nhau.

Trang trại rộng lớn này không chỉ nuôi giữ đến gần hai chục chú gấu mà còn cả cá sấu, hươu nai, nhím, chim chóc và nhiều loài động vật khác nữa. Người chủ hiện đang không có ở nhà nên tiếp đón tôi là hai anh nhân viên. Cả hai đều gầy, nhỏ và khá thấp, họ kể rằng đã từ quê lên làm việc ở đây hơn chục năm.

- Số lượng gấu từng được nuôi nhiều nhất ở đây là bao nhiêu hả anh? - tôi hỏi.

- Khoảng hơn 70 con - anh nhân viên đội mũ trả lời, vẻ hơi căng thẳng.

- Hơn 70 cơ à? - trợ lý của tôi hỏi lại, ngạc nhiên.

- Thì cô cứ coi đi - anh kia tiếp lời - Ở đây có khoảng 20 con, còn bao nhiêu chuồng trống chạy vòng quanh vườn. Rồi cả chuồng ở giữa, chỗ này nè, chỗ kia nữa chứ!

Vừa chỉ, họ vừa đưa tôi lại gần khu vực vẫn còn đang nuôi giữ gấu. Cái mùi nồng nồng, ngai ngái bốc lên nồng nặc hơn bao giờ hết, trộn lẫn với mùi phân và nước tiểu. Một chú gấu với cái đầu trọc long lóc, những vết sẹo ngang dọc trên da cho thấy có lẽ đã bị ghê lâu ngày. Chú ta ngồi im, bất động nhìn thẳng ra cửa chuồng, như thể phần hồn đã trở về với rừng xanh, bỏ mặc cái xác bất động của chú bị giam giữ ở đây. Chú gấu ở chuồng bên cạnh thì đi đi lại lại liên tục trong cái chuồng chật hẹp, ngúc ngoắc đầu mãi không thôi, bàn tay phải đã bị mất hoàn toàn:

- Con gấu này bị mất tay từ khi về đây hả anh? - bạn trợ lý của tôi tranh thủ hỏi.

- Ừ, chả biết đem từ đâu về, thấy bảo gấu hoang đã từ Lào bắt về đây, bị dính bẫy nên cụt tay - anh đội mũ vừa trả lời vừa đưa ngón tay út lên ngoáy mũi.

Đi thêm xuống phía dưới, tình trạng chỉ tồi tệ hơn. Nhiều chú gấu bị bệnh đường ruột, vừa đứng lên phân đã đổ rào rào ra khỏi hậu môn, phân vàng lỏng, chảy như nước không dừng. Nhiều chú trong số đó bị ghê nhưng không được chữa trị. Một chú gấu có nửa phần lưng dưới trụi lủi do liên tục cọ lưng và hông vào thành sắt, cọ nhiều đến nỗi lông rụng hết, da đã xước và chảy máu. Một nhân viên ở đó liền cầm cái que, đập mạnh lên chuồng để xua chú gấu tội nghiệp tránh ra khỏi những song sắt:

- Con điên này suốt ngày cọ cọ trầy xước máu ra trông kinh quá đi mất - chị ấy hét lên the thé.

“Con điên này”... Tôi thầm nghĩ, có lẽ “điên” là từ duy nhất có thể diễn tả tình trạng đang xảy ra ở đây. Những chú gấu tội nghiệp này đều đã phát điên hết rồi, vì tình trạng nuôi nhốt, hành hạ kinh khủng như thế này. Không chỉ có gấu, mà ở toàn bộ những chuồng nuôi các loài động vật khác ở đây đều đầy rẫy những hành vi bất bình thường, đầy rẫy những cá thể bị bệnh, những vết thương cạ cũ lẫn mới, những vết thương do vận chuyển, hoặc do chính chúng tự gây ra để hủy hoại bản thân mình, những vết sẹo, những vết mủ cứ chất chồng lên nhau.

Nhiều trại thú nhận với tôi, khi nhà nước ban hành chế độ gắn chip cho gấu để quản lý, vì sợ phải khai báo lãng nhãng, mất thời gian, lại không thể buôn bán trao đổi gấu tự do như trước, thêm vào việc giá thành mật gấu giảm, họ giết gấu nuôi để bán từng bộ phận lấy lãi.

- Lúc đây ở làng này bán thịt gấu đầy sạp. Bán nguyên tay, thịt, lòng mè... Chả giết thịt bán chứ gắn chip vào bán sao?

Việt Nam có hai loài gấu, đó là gấu ngựa và gấu chó. Cả hai loài đều nằm trong sách đỏ do sắp bị tuyệt chủng và cần được bảo vệ. Việc nuôi nhốt gấu để lấy mật không những làm giảm đi số lượng gấu hoang dã ngoài tự nhiên, khiến chúng bị săn đuổi đến cùng kiệt để đem về những trại nuôi, mà còn làm dấy lên vấn đề về quyền động vật, về lòng nhân ái của con người, khi mà hàng nghìn chú gấu bị đối xử một cách tàn tệ như vậy. Không kể đến việc nhiều hộ gia đình nuôi nhốt gấu ngay trong vườn nhà, dẫn đến nhiều trường hợp thương tâm khi trẻ em lại gần chuồng và bị gấu tấn công. Số lượng gấu vẫn đang bị nuôi nhốt ở Việt Nam lên đến hơn 1.000 cá thể, các trung tâm cứu hộ dù có xây dựng và coi nới thêm nơi nuôi giữ và chăm sóc nhưng vẫn không đủ khả năng giải cứu tất cả những chú gấu này. Vậy nên theo pháp luật hiện hành, những hộ gia đình có gấu vẫn được phép nuôi giữ gấu, nhưng họ không được phép lấy mật.

Đây cũng chính là một trong những lỗi hồng cần phải được giải quyết vì lợi ích của loài gấu. Rõ ràng rằng, những hộ gia đình này nuôi gấu để hút và bán mật. Họ vẫn đang bán mật gấu một cách bất hợp pháp, và nhiều chú gấu vẫn đang bị bỏ đói cho đến chết.

Việc tiêu thụ mật gấu, hay ăn thịt gấu và những loài động vật hoang dã khác còn gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho con người. Những đại dịch nổi ra như dịch Ebola ở Tây Phi, dịch SARS, hay đại dịch thế kỷ HIV/AIDS... đều không “tự nhiên” xuất hiện như nhiều lời đồn thổi. Nhiều người với trí tưởng tượng phong phú còn cho rằng đó là lời nguyền, là lời tiên tri linh ứng. Nhưng dưới con mắt khoa học, đó chính là hậu quả của những hành động do con người gây ra.

Có một cụm từ mà những năm trở lại đây được nhiều người biết đến là *dịch vụ hệ sinh thái*. *Dịch vụ hệ sinh thái* chỉ những dịch vụ miễn phí mà môi trường và thiên nhiên ban tặng cho chúng ta. Ví dụ như rễ cây giữ đất, giúp lọc sạch nước mà chúng ta uống; chim chóc, ong và các loài côn trùng thụ phấn cho hoa màu; cây cối và đại dương sản sinh ra khí oxy cho chúng ta thở, điều hòa và lọc sạch không khí... Tất cả các dịch vụ này đều vô cùng cần thiết với đời sống của con người, dù là về mặt sinh học hay mặt kinh tế.

Từ *Zoonotic* là từ dùng để chỉ những căn bệnh truyền nhiễm có thể lây lan giữa con người và các loài động vật. 60% dịch bệnh lây lan hiện nay có căn nguyên từ động vật, và $\frac{2}{3}$ trong số đó bắt nguồn từ việc buôn bán, nuôi giữ và tiêu thụ động-thực vật hoang dã. Nghiên cứu của International Livestock Research Institute chỉ ra rằng hằng năm có khoảng hai triệu người chết vì dịch bệnh lây lan từ động vật, bao gồm động vật nuôi và động vật hoang dã. Ví dụ điển hình cho việc hệ sinh thái bị phá hủy có thể gây ra dịch bệnh là về virus Nipah ở Nam Á, có họ hàng với virus Hendra ở Úc. Loài virus này sống cộng sinh với loài dơi ăn hoa quả *Pteropus vampyrus*. Dơi là loài động vật có tập tính ăn rất xấu, thường làm rơi vãi rất nhiều quả và hạt. Dịch bệnh này bắt đầu lan tràn ở Malaysia vào năm 1999 khi người dân nơi đây phá rừng để làm nơi sinh sống. Những chú dơi ăn hoa quả và làm rơi vãi quả bị cản trở xuống đất. Những chú heo được nuôi dưỡng bởi người dân ăn phải những quả này và bị lây nhiễm virus từ dơi, và loại virus này từ đó đi vào chuỗi thức ăn của con

người, khiến cho con người cũng bị lây nhiễm virus. Thời ấy có khoảng 276 người nhiễm virus Nipah, 106 người chết, rất nhiều người khác chịu hậu quả lâu dài từ loại virus này, bao gồm cả chứng rối loạn thần kinh tê liệt. Cho đến nay vẫn không có vắc xin hay phương thuốc nào có thể dùng để chữa trị, và từ năm 1999 đến nay đã có khoảng 12 dịch virus nhỏ hơn hoành hành ở khu vực Nam Á.

Bệnh AIDS bắt nguồn từ châu Phi, ban đầu là loại bệnh của loài tinh tinh, nhưng rồi lây sang cho người vào khoảng năm 1920, do những người ăn phải thịt tinh tinh bị bệnh lây nhiễm sang cho những người bên cạnh. Chúng ta cũng cần phải nhớ rằng, loài động vật càng có họ gần gũi với con người như những loài linh trưởng thì khả năng lây nhiễm dịch bệnh lại càng cao. Năm 2002, đại dịch SARS nổ ra bắt đầu từ một người đàn ông ở tỉnh Quảng Đông của Trung Quốc. Đại dịch này nhanh chóng lan rộng thông qua sự tiếp xúc của người bị bệnh với người không mắc bệnh, hơn 8.000 người trên thế giới, ở cả Á, Âu và Bắc Mỹ đã bị ảnh hưởng. Các nhà khoa học đã phát hiện rằng, căn nguyên của dịch bệnh này bắt nguồn từ một chợ buôn bán động vật hoang dã ở Quảng Đông. Những chú chồn bị bày bán ở chợ nhiễm virus SARS đã bị giết và ăn thịt. Và dịch bệnh đã bắt đầu như thế đó.

Một nghiên cứu ở khu vực rừng già Amazon ở Brazil cũng cho thấy tỷ lệ phá rừng cứ tăng lên 4% thì tỷ lệ bệnh sốt rét đồng thời tăng lên 50%. Những con muỗi có chứa khuẩn sốt rét thường sống và tụ tập ở những khu vực đã bị phá hủy có tỷ lệ ánh nắng và bóng râm lý tưởng cho chúng sinh sôi. Dịch bệnh Zika cũng bắt nguồn từ muỗi, và cho đến nay vẫn đang gây nguy hiểm cho nhiều bà mẹ và trẻ sơ sinh. Hành động phá hủy rừng cây, giết hại và ăn thịt thú rừng cũng giống như chúng ta đã tự tay mở chiếc hộp Pandora ra vậy. Chính loài người đã khiến cho bệnh dịch lây lan và đe dọa mạng sống của chúng ta như hiện nay.

Các nhà khoa học ước tính rằng mới chỉ có khoảng 1% dịch bệnh từ động-thực vật hoang dã được phát hiện. Trong số đó vẫn còn những loại bệnh mà chúng ta vẫn chưa biết cách chữa trị và phòng tránh. Trong tương lai chắc chắn còn nhiều loại dịch bệnh mà chúng ta còn chưa biết tên, và chúng sẽ lại lây lan một cách rất nhanh chóng nếu con người chúng ta vẫn tùy ý phá hủy môi trường sống và tận diệt các loài động vật hoang dã như hiện nay. Khi những cánh rừng biến mất, những loài động vật biến mất, dịch vụ hệ sinh thái miễn phí mà chúng ta đang được tận hưởng cũng biến mất theo và thay vào đó là những dịch bệnh mà khoa học còn chưa biết đến. Cách dễ nhất và tốt nhất để phòng ngừa những bệnh này là tôn trọng thiên nhiên và môi trường, không phá hủy rừng cây và không buôn bán, nuôi giữ hay ăn thịt động vật hoang dã.

* * *

Có khi nào bạn cảm thấy, khi sự việc nào đó cực kỳ tồi tệ đang xảy ra thì không thể nào có việc xấu hơn thế xảy đến, nhưng cuối cùng cái việc tưởng chừng như không thể ấy lại xảy ra không?

Đối với những người làm bảo tồn tê giác như chúng tôi thì có đấy.

Đầu năm 2017, trung tâm cứu hộ tê giác con mồ côi ở KwaZulu-Natal với tên gọi Thula Thula Rhino Orphanage đã bị săn trộm tàn công. Đây là trung

tâm cứu hộ mà tôi từng cộng tác cùng vài năm trước. Dự án Rhino Art của chúng tôi cũng đã từng đưa các em học sinh và giáo viên đến thăm các bé tê giác con được cứu hộ tại trung tâm này. Phải mất hết tính người đến mức nào, những kẻ săn trộm mới có thể tận công nơi nuôi dưỡng những chú tê giác con bị mồ côi mẹ. Phải khôn cùng đến mức nào, mà ngay cả đến cả cái sừng bé nhỏ mới chỉ kịp nhú lên cũng đã trở thành án tử của những chú tê giác con tội nghiệp.

Chú tê giác con chỉ mới có 18 tháng tuổi với tên gọi Gugu bị giết hại ngay trong đêm đó. Chú tê giác Impy cầm cự được đến sáng thì các bác sĩ thú y buộc phải tiêm thuốc để chú có thể ra đi mà không phải chịu đựng thêm đau đớn vì vết thương gây ra do những kẻ săn trộm quá khùng khiếp.

Không chỉ vậy, bọn chúng còn trói gô nhân viên của trung tâm, đánh đập họ một cách dã man. Một nhân viên nữ ở đây đã bị hãm hiếp.

Tôi đã khóc khi đọc được tin này. Sợ hãi và lo lắng, những ngón tay tôi run rẩy gọi điện thoại đường dài cho người cộng sự đang làm việc ở Thula Thula. Tôi không biết mọi người, những người chưa bao giờ dành thời gian bên cạnh những chú tê giác sẽ cảm thấy như thế nào. Liệu họ có cảm giận mà muốn những tên săn trộm phải trả giá? Liệu họ có cảm thấy tuyệt vọng, bất lực vì không thể làm gì? Hay liệu họ có cảm thấy kinh tởm, khi nghĩ đến những người đang sử dụng sừng tê giác hay không? Sự tàn ác của những kẻ săn trộm người địa phương được nuôi dưỡng bởi nhu cầu sử dụng sừng tê giác ở những người đang sống phía bên kia lục địa. Và cái kết cho những chú tê giác, là hạnh phúc hay khổ đau, là sinh tồn hay tuyệt chủng, đều nằm trong quyết định của mỗi con người chúng ta. Nhưng dường như, cái ác đang thắng cái thiện mất rồi.

Vài tháng sau đó, trung tâm cứu trợ tê giác con mồ côi Thula Thula bị buộc phải đóng cửa vì an toàn của những chú tê giác con và của chính những người nhân viên tâm huyết nơi đây. Người cộng sự của tôi đã khóc nức trong điện thoại khi thông báo với tôi quyết định này của ban giám đốc. Lặng im nghe tiếng cô ấy nức nở, tôi cũng không biết phải làm gì, phải nói như thế nào, phải an ủi cô ấy ra sao. Liệu rằng cô ấy có cần nghe những lời an ủi sáo rỗng hay không?

Phải làm thế nào hả Trang? Phải làm gì mới có thể dừng chuyện này lại?

Trong đầu tôi hiện rõ lần cuối cùng tôi đến thăm trung tâm cứu trợ Thula Thula. Đó là một buổi chiều mùa đông hanh hao, mặt trời đã chuẩn bị tắt nắng nên gió rất lạnh. Mọi người đang chuẩn bị về hết, nhưng tôi vẫn đứng đó, phía trên nóc của một *boma* mà ngắm nhìn những chú tê giác con tội nghiệp. Những vết sẹo dọc ngang trên cơ thể của chúng là hậu quả của những cuộc săn trộm - khi tê giác mẹ bị giết, tê giác con cũng thường trúng phải đạn của những tên săn trộm, hoặc thậm chí bị chém vì cố lại gần tê giác mẹ khi những tên săn trộm đang tìm cách lấy đôi sừng đi một cách nhanh nhất. Đôi khi, chúng bị thương không phải do những kẻ săn trộm, mà do bị thú săn mồi như sư tử hay linh cẩu tận công vì không còn mẹ bảo vệ.

Bạn biết không? Tê giác cũng rất giống với con người. Chỉ cần dành chút thời gian quan sát chúng thôi, bạn sẽ nhận ra được từng cá thể. A, kia là Charlie - cậu nhóc lúc nào cũng nghịch ngợm tinh quái, sẵn sàng bắt nạt bạn

bè. Kia là Thembi, một cô nhóc lúc nào cũng nũng nịu, bám theo đuôi cô chị lớn hơn. Kia là Ithuba, lúc nào cũng chững chạc, chậm rãi và tỏ ra mình rất người lớn. Tất cả những chú tê giác con tội nghiệp này, đáng ra phải được sống với mẹ, phải được hưởng hơi ấm và sự chăm sóc của mẹ. Vậy mà, mẹ của chúng đã bị giết hại. Chúng đã phải sợ hãi, căng thẳng và đau đớn đến thế nào mới có thể vực dậy. Vậy mà cuối cùng, chúng lại phải trải qua chuyện đó một lần nữa. Vậy mà cuối cùng, đến cả nơi chăm sóc cho những kẻ mồ côi như chúng cũng bị phá hủy.

Sự nhân ái của con người đang ở đâu?

* * *

Giáng sinh năm 2016, sau nhiều việc không được như ý, tôi và anh Brian quyết định lấy bọ ngày nghỉ để thư giãn đầu óc, chuẩn bị cho tiệc Giáng sinh và làm những điều chúng tôi thích. Một đêm chung ở cả hai đứa chúng tôi, đó là năm nào cứ vào buổi sáng của ngày *boxing* - ngày 26 tháng 12, chúng tôi sẽ xem lại những bộ phim của Sir David Attenborough. Bộ phim tài liệu *Planet Earth II* ra mắt tại Anh vào đúng dịp này, nhưng chúng tôi vì ở xa nên đành ngâm ngùi xem lại phần I.

Sau khi xem phim, anh Brian nhắc tôi đã đến lúc bóc quà! Dĩ nhiên tôi hưởng ứng nhiệt liệt và chạy về phía chiếc bàn nhỏ đã được chúng tôi dựng lên để đặt quà từ mấy hôm trước. Chúng tôi quyết tâm làm giảm tác động đến môi trường bằng cách không sử dụng giấy bọc quà: năm ngoái thì sử dụng giấy đã dùng rồi sau đó vẽ hoa văn lên trang trí, năm nay thì chúng tôi sử dụng vải từ quần áo cũ, hoặc vải từ khăn quàng mà tôi không dùng nữa, cắt theo kích cỡ và hình dạng vừa ý, may lại mép vải rồi dùng chúng để bọc quà. Làm cách này thì có thể sử dụng vải bọc được rất nhiều lần, vừa kinh tế, lại vừa không lãng phí giấy.

Sau khi mở hết những món quà được tặng, nào là một chiếc vòng tay làm từ thép - được lấy từ những chiếc bẫy thú bất hợp pháp tại các vườn quốc gia ở Kenya để gây quỹ cho hoạt động bảo tồn chó hoang dã, nào là một quyển sách về Mary Hutton - người đã thành lập ra quỹ Free the Bears để giúp đỡ những chú gấu được giải thoát từ các trại nuôi giữ gấu lấy mật ở châu Á, và cả một khung thêu gỗ cô rất đẹp - quà cho tôi từ mẹ anh Brian vì bác ấy biết tôi thích tự khâu và thêu những đồ nhỏ nhỏ. Đang ngồi tỉ mẩn với đồng quà, anh Brian bỗng đứng lên:

- Anh còn quà nữa cho em này - anh nhét tay vào trong chiếc tất đỏ to dùng được buộc gần bả cá.

Bả cá này là quà tặng của chị Sarah Brook, bạn thân của chúng tôi và cũng là người chịu trách nhiệm cho dự án tìm kiếm chú tê giác cuối cùng của Việt Nam ở vườn quốc gia Cát Tiên, vì chúng tôi đã giúp chị trông chú chó cưng Zeke mỗi khi chị và chồng phải đi thực địa. Chúng tôi không nuôi cá nhưng dựng một hệ sinh thái nhỏ, có rong rêu, bèo, những cây thủy sinh và cả ốc nữa. Gary - chú ốc cưng của chúng tôi lúc này đang bò chậm chạp lên gần ống sục khí.

- Lại giả vờ chứ gì - tôi ngẩng lên nhìn rồi lại cúi với chiếc khung thêu - Tay anh chả có gì cả!

- Thì em cứ lại đây xem nào!

- Đây, mở có ra đâu - tôi nhào người ra tóm lấy bàn tay đang nắm chặt của anh Brian, ra sức cạy.

- Em lấy anh nhé?

Tôi đứng im, không biết làm gì, cũng không biết nói gì. Cả căn hộ của anh Brian dường như trở nên yên ắng một cách đáng sợ. Gary dường như cũng nghe thấy điều tôi vừa nghe. Nó đứng im một chỗ, rồi chui vào trong vỏ ốc to tướng của mình, chờ đợi.

- Hơ... hơ... - tôi giả vờ cười - hơ.... anh đùa linh tinh thế? - tiếng nói vọng lên trong đầu tôi hoảng hốt: *Trời ơi mày nói gì vậy hả Trang???*

- Anh nói thật mà - anh Brian giọng run rẩy, mắt như rơm rớm - Em không muốn lấy anh sao?

Lúc này tôi mới lấy can đảm nhìn sâu vào mắt anh ấy. Đôi mắt như đang hoảng hốt vì sợ câu trả lời của tôi. Tôi nhìn xoáy vào anh ấy, đôi mắt xanh biếc, mái tóc xoắn dài buộc lại đằng sau, da mặt đầy tàn nhang và đã có những vết nhăn quanh khóe mắt do nắng, dù mới chỉ 32 tuổi. Con người này, lúc nào cũng ăn mặc thật giản dị, lúc nào cũng chỉ cái áo phông ấy, cái quần lửng túi hộp ấy. Con người này, một sách đến độ Giáng sinh hay sinh nhật tôi cũng tặng sách. Con người này, khô khan đến mức yêu nhau hơn một năm mới nói ra ba chữ “Anh yêu em”. Con người này...

- Em đồng ý, em đồng ý - tôi nhảy lên, ôm ghì lấy cổ anh ấy.

- Thật không? - anh hỏi lại, siết chặt lấy tôi.

Cả hai đứa chúng tôi cứ đứng như thế ôm nhau mà mặt ướm đầm vì nước mắt hạnh phúc.

- Ừm, anh không tìm được nhẫn cho em, nên anh đã đan cái nhẫn này. Em nhận nhé.

Nội đoạn, anh cầm tay tôi lên, rồi đeo chiếc nhẫn vào ngón áp út cho tôi. Chiếc nhẫn hai màu xanh trắng được đan bằng chỉ thêu mà anh chôm của tôi từ mấy tuần trước. Anh ấy đã rất muốn mua tặng tôi một chiếc nhẫn đính hôn thật đặc biệt - cuối cùng lại tự đan chiếc nhẫn bằng chỉ thêu này, bởi vì không thể tìm được nhẫn sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc bền vững. Và anh ấy biết rằng, tôi sẽ yêu một chiếc nhẫn do chính tay anh ấy đan hơn nhiều lần một chiếc nhẫn, dù là nhẫn kim cương, được khai thác từ những khu khai thác “bẩn”.

Đa phần nhẫn đính hôn có đính kèm với ngọc, hoặc một loại đá đắt tiền, như kim cương chẳng hạn. Nhưng nhiều nơi khai thác khoáng sản, mỏ vàng, bạc, kim cương hay đá quý tại các nước chưa phát triển, đặc biệt là ở châu Phi, người ta không chỉ ngược đãi những nhân công nghèo, mà thậm chí còn sử dụng nô lệ và cả trẻ em để khai thác những khoáng sản này để làm giàu cho bản thân.

Không chỉ có liên quan đến vấn đề bạo hành con người, những mỏ khai thác không bền vững như thế này còn có ảnh hưởng rất lớn đến với môi trường tự nhiên. Cụm từ “vàng bẩn” được dùng để chỉ những khu vực khai thác như thế này. Ngoài việc rừng rậm - ví dụ như ở khu vực Amazon, hay những khu rừng ở Madagascar nơi tôi từng làm việc đã bị phá hủy cho những mỏ quặng “bẩn”

thì chất thải từ những mỏ quặng như thế này - như kali xianua hay thủy ngân và vô vàn chất hóa học độc hại khác được sử dụng để lọc - rửa vàng ra khỏi bùn và đất đá. Những chất độc hại này đi thẳng vào nguồn nước, hồ, ao, sông suối, đầu độc đất, thực vật và những loài động vật sinh sống ở khu vực bị ảnh hưởng. Và dĩ nhiên, cả con người nữa.

Ngoài ra, vấn đề khai thác vàng “bẩn” thường dẫn đến một hệ quả khác, đó là khi đá ngậm bị ảnh hưởng bởi việc khai thác mỏ tiếp xúc với không khí và nước, *Iron sulfide* - sắt sunfua trong đá có thể phản ứng với oxy để tạo thành axit sunfuric. Nước rửa trôi từ những khu mỏ này có nồng độ axit rất cao, nhiều khi cao hơn những cơn mưa axit từ 20-300 lần, và nó vô cùng độc hại đối với sinh vật sống. Sự nguy hiểm tăng lên khi dòng nước có tính axit này chảy qua những tầng đá và qua các quặng kim loại nặng khác. Sông và suối có thể trở nên bị ô nhiễm bởi các kim loại như Cadmium (Cd), thạch tín, chì và sắt. Cadmium có liên quan đến bệnh gan, trong khi thạch tín có thể gây ra ung thư. Nhiễm độc chỉ có thể gây ảnh hưởng đến não bộ và làm suy yếu sự phát triển ở trẻ em.

Vì thế mà, hai đứa chúng tôi, dù có thể nào đi chăng nữa, cũng nhất quyết không muốn có một chiếc nhẫn đính hôn được khai thác một cách không bền vững như thế.

Giơ bàn tay lên để ngắm chiếc nhẫn, tôi nói nhỏ:

- Đẹp quá, cảm ơn anh! Nhưng mà anh ơi... nhẫn đính hôn phải đeo ở tay trái chứ. Anh đeo nhầm tay cho em rồi!!!

Thế là anh chồng chưa cưới của tôi tên tò gãi tai, tháo chiếc nhẫn từ bên tay phải để đeo lại vào tay trái:

- Tại anh hồi hộp quá mà!!!

* * *

Hai tháng sau khi đính hôn, tôi lên máy bay sang Nam Phi để hoàn thành nốt đợt thu thập số liệu chuẩn bị cho luận văn tốt nghiệp tiến sĩ. Tiền tôi ra sân bay, anh Brian ôm tôi thật chặt:

- Em lên kế hoạch làm nghiên cứu tiến sĩ trước khi quen anh, vậy nên em phải cố gắng hoàn thành nó thật tốt rồi quay trở về với anh nhé!

Lại một lần nữa, tôi quay trở về với lục địa châu Phi. Lại một lần nữa, tôi bắt đầu một chuyên khám phá mới, sẽ lại gặp những con người mới, những sự vật, sự việc mới. Nhưng lần này, tôi biết rằng dù có ở nơi đâu, dù có làm gì, thì vẫn luôn có một người đặt toàn bộ tin tưởng ở nơi tôi.

Trang Nguyễn
Mpumalanga, 2017



Ở Việt Nam có hai loài gấu đó là gấu ngựa và gấu chó. Trong tiếng Anh, gấu ngựa là Moon Bear và gấu chó là Sun Bear. Từ “moon” - mặt trăng được sử dụng để chỉ dải lông trắng hoặc vàng ngà tạo thành hình chữ V, trông giống như vầng trăng khuyết trên ngực của loài gấu này. Từ “sun” - mặt trời - để chỉ dải lông màu trắng ngà có hình chữ U, tròn trịa giống như mặt trời buổi sớm mai trên ngực của những chú gấu chó.

Việt Nam chúng ta từng có đến hai loài tê giác, thường được biết đến dưới cái tên tê giác hai sừng và tê giác một sừng. Tê giác hai sừng hay tê giác Sumatra đã bị đẩy vào vực tuyệt chủng trong thâm lặng từ khoảng đầu thế kỷ 19. Tê giác một sừng là phân loài của tê giác Java - cá thể cuối cùng của phân loài này đã bị giết hại tại khu rừng Cát Lộc ở vườn quốc gia Cát Tiên vào năm 2010.

Niềm hy vọng

- Sau nhiều chuyện như vậy, mày còn hy vọng không? Ý tao là, mày còn hy vọng, hay niềm tin gì vào công việc bảo tồn mà mày đang làm không?

Đó là một buổi chiều muộn, khi tôi đang ngồi nhâm nhi cốc trà nóng với Chip choai - một cậu bạn mà tôi vô tình gặp vài năm trước khi đang chụp hình vận động mọi người bảo vệ tê giác ở Bờ Hồ Hà Nội. Cậu ấy lúc đó đang cùng bạn mình vận động người dân ký tên bảo vệ Sơn Đoòng khỏi nạn cáp treo. Vô tình mà gặp, nhưng kể ra thì đó là cái duyên của chúng tôi.

Cũng không ít người đặt cho tôi câu hỏi này, cũng không ít lần chính tôi tự hỏi mình câu hỏi đó. Từ việc được nhìn ngắm, quan sát những loài động vật hoang dã đang được sinh sống ngoài tự nhiên đến việc khảo sát và điều tra những nơi buôn bán động vật hoang dã trái phép. Từ việc nhìn thấy Jumbo khập khiễng với cái chân sau bị tai nạn và được chị mình dắt về đàn đến việc nhìn thấy đôi ngà voi nằm lạnh lẽo trong một cửa hàng cách đó cả nửa vòng Trái đất, chuẩn bị được khắc tĩa thành những thứ đồ trang sức đắt tiền. Liệu rằng có chút hy vọng nào cho những loài động vật hoang dã này hay không?

Tôi bắt đầu cuốn sách này chỉ bằng vài dòng nhỏ. Những dòng chữ ngắn gọn viết trên blog cá nhân kể về những chuyến đi thực địa cùng với vài bức ảnh đăng vội vàng. Chỉ những câu từ đơn giản, với bài viết rời rạc lúc có lúc không vì khi đi thực địa tôi không có Internet, đến khi về lại thành phố thì lại vội vã làm báo cáo khoa học. Từ một vài người bạn đọc những blog ấy, rồi dần dần cả chục người, rồi thành cả trăm người nữa đọc những dòng chữ tôi kể lại những chuyến đi, những người tôi đã gặp, sự vật tôi đã thấy. Thế rồi mọi người động viên tôi nên cố gắng viết thành một cuốn sách, nhỏ thôi cũng được, vì những chuyến đi ấy ý nghĩa quá.

Bạn biết không? Lúc đầu tôi rất sợ. Tôi không muốn viết nó thành một cuốn sách để mọi người đọc giải trí rồi bỏ rơi vào quên lãng. Nhưng lại càng sợ nếu cuốn sách trở nên phổ biến và tạo thành một phong trào cho những bạn trẻ vào rừng để “thử” cảm giác đi rừng, thử cảm giác mạnh, nhưng lại không chuẩn bị đủ kiến thức sinh tồn để đảm bảo an toàn cho bản thân, cũng như sự hiểu biết để không làm tổn hại đến môi trường hoang dã. Nhưng một người bạn của tôi đã nói rằng, một khi đọc xong cuốn sách này, chắc chắn sẽ không có ai vứt rác ra rừng nữa, chắc chắn cũng sẽ không có ai ặn thịt thú rừng hay sử dụng các sản phẩm từ thiên nhiên hoang dã nữa. Liệu rằng, cuốn sách này có thể truyền tải được thông điệp ấy cho bạn hay không? Tôi mong là như vậy.

Cuốn sách này kể về hành trình của tôi trong vòng 5 năm, từ lúc bắt đầu là một cô bé sinh viên thạc sĩ mới chỉ 21 tuổi, đến khi cuốn sách kết thúc là một “người lớn” trưởng thành hơn, và chắc chắn hơn ở tuổi 26. Đôi khi nhìn lại, cùng một sự vật, sự việc, cũng có lúc tôi ước giá mà lúc đó mình cư xử khác đi một chút, nói khác đi một tí, có lẽ kết quả của sự việc cũng sẽ thay đổi theo. Tôi mong rằng, khi bạn đọc cuốn sách này, dù là đồng tình hay không hoàn toàn ủng hộ, thì cũng sẽ rộng lượng với một cô gái mới 21 tuổi, còn rất hiếu thắng, nhưng rất đam mê và ôm theo hoài bão đi khắp những khu rừng già

chỉ với một ước mơ bảo tồn được những gì còn sót lại của thiên nhiên hoang dã.

Ngoài ra, còn một điều nữa tôi muốn nói với bạn, với những bạn trẻ còn đang lo lắng không biết nên làm gì trong tương lai, với những bạn đang có những ước mơ và hoài bão cháy bỏng, nhưng còn đang băn khoăn có nên theo đuổi niềm đam mê ấy của mình hay không. Tôi chỉ muốn nói với bạn rằng “Hãy cố lên”. Hãy theo đuổi ước mơ của mình, bất chấp mọi khó khăn. Ước mơ sẽ mãi chỉ là mơ ước, nếu bạn không hành động để biến nó thành sự thật. Ngay cả bản thân tôi cũng chẳng ngờ rằng, một cợn bé bướng bỉnh 8 tuổi, với lời hứa dành cho chú gấu tội nghiệp bị nhốt để lấy mật ngày nào, lại có đủ can đảm để đi theo ước mơ mà nhiều người cho là viên vông đến tận bây giờ.

Một điều lớn lao được cấu thành từ nhiều điều nhỏ bé. Vì vậy mà song song với cuốn sách này, tôi đã bắt đầu một chuỗi bài viết kể về những điều nhỏ nhặt tôi làm cho Trái đất. Vậy mà đã có rất nhiều bạn, cả những học sinh cấp ba, đến cả những cô, những chú tầm tuổi tứ tuần đã nhắn tin cho tôi rằng, họ cảm thấy họ không còn là những người “hâm hâm” duy nhất làm những điều tưởng như vô cùng nhỏ bé chẳng đáng để quan tâm cho Trái đất này, như là hạn chế tôi đa sử dụng túi ni lông, không dùng ống hút nhựa, tiết kiệm nhiên liệu... Anh Hoàng, họa sĩ của cuốn sách này, là người bạn lớn tài năng tôi vô tình được gặp trong một hội thảo khoa học về bảo tồn đa dạng sinh học. Anh ấy đã sử dụng tài năng của mình để đóng góp cho ngành bảo tồn bằng cách rất riêng của anh ấy: thông qua những bức tranh vô cùng sống động và chi tiết, anh ấy đã đưa thiên nhiên đến gần hơn cho những người dân thành phố. Anh còn gây quỹ cho những dự án làm bảo tồn thông qua lợi nhuận có được từ những bức tranh nữa. Sau lần gặp đó, tôi còn gặp anh nhiều lần khác tại các hội thảo tương tự. Anh không phải là nhà khoa học, anh cũng không phải là nhà bảo tồn. Nhưng anh đã tìm được cho mình một cách phù hợp nhất để có thể tham gia cùng với chúng tôi.

Vậy đây, những người như chúng tôi, cùng một lý tưởng, cùng làm những điều nhỏ nhỏ phù hợp với phong cách sống của mình. Và khi những điều nhỏ bé này gộp lại, nó cũng giống như những giọt nước bé nhỏ được dồn lại để biến thành đại dương to lớn. Tôi tin rằng, những điều chúng tôi đang làm không hề uổng phí.

Niềm “hy vọng” có thể cho ta sức mạnh để tiếp tục bước tới. Vì vậy mà, ngay cả trong những lúc tuyệt vọng, buồn chán nhất, tôi vẫn tin rằng có một niềm hy vọng dành cho sự sinh tồn của các loài động vật và thiên nhiên hoang dã trên Trái đất này. Niềm hy vọng ấy cần được nuôi dưỡng, không phải chỉ bởi những người làm bảo tồn như chúng tôi, mà còn là cả từ những hành động tưởng chừng như nhỏ bé của tất cả các bạn nữa.

Lời cảm ơn

Bất cứ ai cũng có những ước mơ, khát vọng và luôn mong mỗi một ngày nào đó có thể biến chúng thành hiện thực. Tôi cũng vậy. Ngày bé thơ, mơ ước lớn nhất của tôi là được đến với vùng đất hoang dã của Phi châu, được nghe tiếng gió xào xạc, được ngửi mùi đất khô cằn, được ngắm nhìn những đàn voi đùa nghịch dưới con sông tràn đầy sức sống. Ngay từ thời ấy, tôi đã luôn hy vọng khi lớn lên mình có thể làm gì đó để bảo vệ và bảo tồn sự sống tuyệt diệu của thiên nhiên hoang dã.

Ước mơ này sẽ chẳng thể nào thành hiện thực nếu tôi không gặp được những nhà bảo tồn đi trước, những người đã cho một con bé gầy gò, đen nhẻm và vẫn còn đang học cấp III như tôi thời bấy giờ cơ hội được tham gia những hoạt động tình nguyện trong ngành, như anh Josh Kempinski, anh Ben Rawson, cô Nguyễn Đào Ngọc Vân và thầy Vũ Ngọc Thành. Những ngày tháng đó đã giúp tôi hiểu được ngành bảo tồn động vật hoang dã có ý nghĩa như thế nào, cần những gì, và tôi cần phải làm gì để có thể biến ước mơ của mình thành hiện thực.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến tổ chức Conservation International vì đã tin tưởng và cấp kinh phí nghiên cứu bảo tồn cho tôi - lần đầu tiên trong đời, ở tuổi 17, để tôi có thể thực hiện một cuốn sách nhỏ về nhận dạng các loài linh trưởng của Việt Nam; các tổ chức Wild Future, Primate Society of Great Britain, Primate Conservation Inc, Rufford Small Grant, Kingsley Holgate Foundation, WildCRU, the Iris Darnton Foundation, Charles Whitbread Foundation, Ol Pejeta Conservancy, Kruger National Park, RhiNose Foundation, Serge Foundation, Columbus Zoo Fund for Conservation và the US Fish and Wildlife Service... là những tổ chức và nhà tài trợ đã giúp đỡ về mặt tài chính cho những chuyến đi nghiên cứu của tôi ở khắp nơi trên thế giới.

Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến ba người thầy tuyệt vời mà tôi may mắn được gặp, đó là thầy Trần Đức Hiền, thầy Giuseppe Donati và thầy Nigel Leader-Williams. Họ là những người luôn thông cảm cho tuổi trẻ bồng bột của tôi, cũng là những người luôn cổ vũ, động viên tôi tiếp tục bước lên phía trước để biến ước mơ của mình thành hiện thực, cho dù có khó khăn gian khổ thế nào. Tôi muốn được cảm ơn bố mẹ và chị gái - những người thân luôn ở bên và động viên, lo lắng cho tôi, những người đã dạy tôi biết cách mơ ước, và cho tôi cơ hội để theo đuổi ước mơ của mình.

Cuốn sách này sẽ chẳng thể nào thành hiện thực nếu không có sự nhẫn nại, kiên nhẫn, và kỹ năng tuyệt vời của em Đặng Thanh Giang và đội ngũ biên tập sách của nhà xuất bản Nhã Nam. Thành thực rất cảm ơn mọi người.

Cuối cùng, tôi muốn được cảm ơn đến những cộng sự người bản địa - những người đã phải “chịu đựng” tôi trong suốt khoảng thời gian làm nghiên cứu ở trong rừng, ở điều kiện sống thiếu thốn và chật vật, những người đã thực sự yêu thương, và chấp nhận tôi như một phần trong gia đình họ. Và những người bạn hoang dã mà tôi đã gặp - cảm ơn các bạn, vì đã cho phép tôi

được đên gân, được ngắm nhìn, được hiêu, và được yêu thương các bạn bằng
những gì tôi có.

TRANG NGUYỄN

Tháng Ba, 2018

Nhắc nhở cùng bạn đọc

Dưới đây là những điều cực kỳ đơn giản mà tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta ai cũng có thể làm để nâng cao hiểu biết và chung tay bảo vệ động vật hoang dã. Dĩ nhiên, những điều nên và những điều không nên làm có thể dài hơn rất nhiều, vậy nên bạn cũng hãy tự lập ra một danh sách của riêng mình nhé?

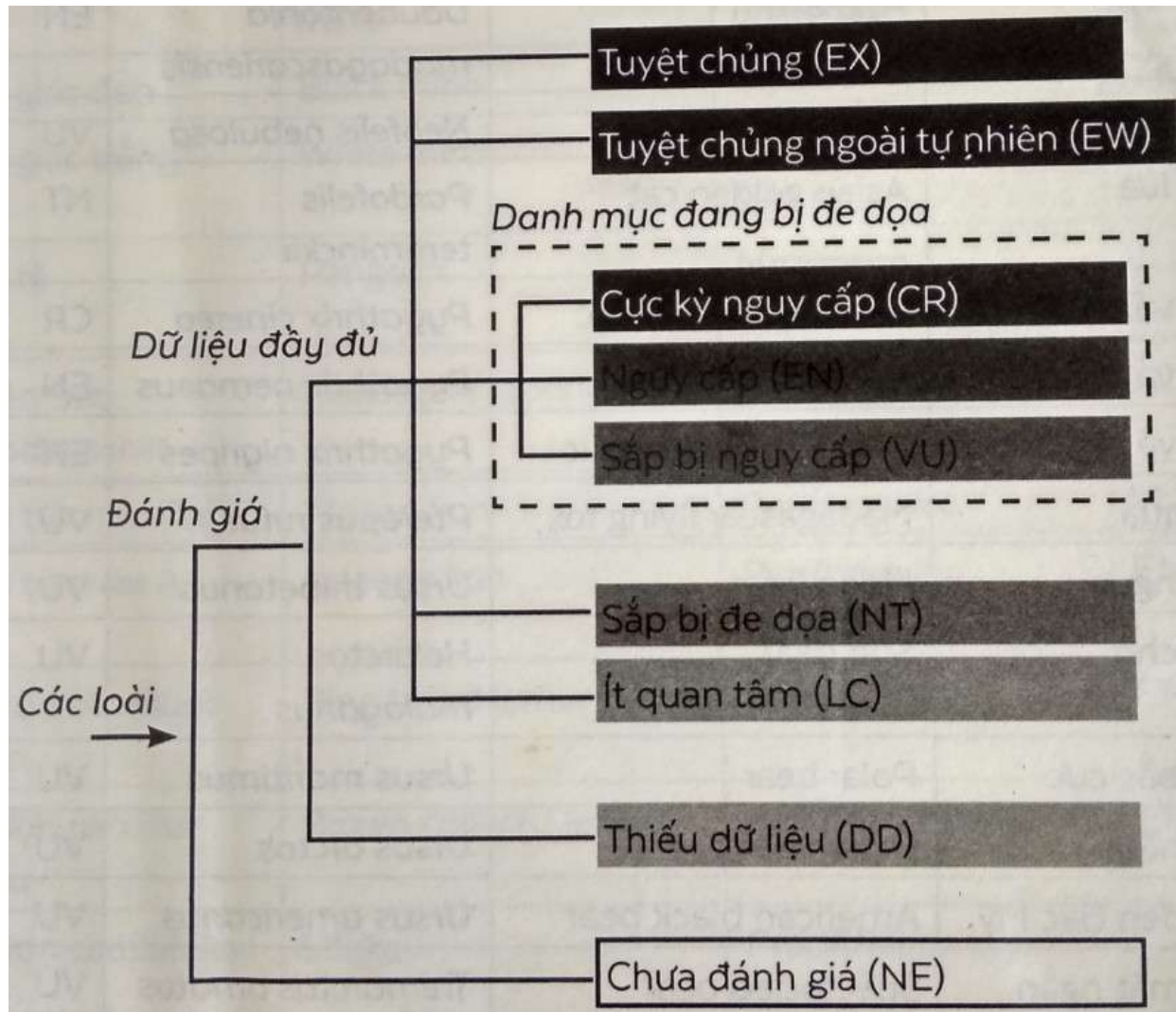
NÊN:

1. Tham quan các khu bảo tồn và các vườn quốc gia và các trạm cứu hộ động vật hoang dã ở Việt Nam.
2. Tham gia làm tình nguyện viên, cộng tác viên tại các tổ chức bảo tồn động vật hoang dã.
3. Đọc sách, xem phim tài liệu về thiên nhiên hoang dã để hiểu hơn về thế giới chúng ta đang sống.
4. Mua những sản phẩm làm từ gỗ có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có giấy chứng nhận đảm bảo khai thác bền vững.
5. Mạnh dạn nói chuyện và nhắc nhở người thân nếu họ có ý định sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã.

KHÔNG NÊN:

1. Vứt rác bừa bãi, gây ồn ào, mất trật tự.
2. Tham gia những hoạt động bóc lột động vật hoang dã, như cưỡi voi, chụp ảnh cùng hổ, xiếc thú.
3. Tham quan những sở thú hay safari nuôi giữ động vật hoang dã không có nguồn gốc rõ ràng.
4. Nuôi động vật hoang dã làm cảnh.
5. Ăn thịt thú rừng, mua bán hay trao đổi các sản phẩm từ động vật hoang dã như ngà voi, sừng tê giác...

Các phân mục trong sách đỏ



Tên các loài động-thực vật hoang dã có tên trong cuốn sách

Lưu ý cách viết tên khoa học: tên khoa học hay tên Latinh thường được cấu tạo bởi hai, đôi khi là ba phần: phần thứ nhất là chi, phần thứ hai là loài. Đối với những tên khoa học có ba phần thì đó là tên của phân loài. Tên khoa học chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên của tên Chi, các chữ cái tiếp sau không viết hoa. Và chúng cần được in nghiêng.

Đối với những loài chỉ nêu tên chung, tên khoa học của chi sẽ được nêu trong bảng dưới đây:

Tên tiếng việt	Tên tiếng Anh	Tên khoa học	Mức độ bảo tồn
Aye-aye	Aye-aye	<i>Daubentonia madagascariensis</i>	EN
Báo gấm	Clouded leopard	<i>Neofelis nebulosa</i>	VU
Báo lửa	Asian golden cat	<i>Pardofelis temminckii</i>	NT
Chà vá chân xám	Grey Shank'd Douc	<i>Pygathrix cinerea</i>	CR
Chà vá chân đỏ	Red Shank'd Douc	<i>Pygathrix nemaeus</i>	EN
Chà vá chân đen	Black Shank'd Douc	<i>Pygathrix nigripes</i>	EN
Dơi quạ	Madagascar flying fox	<i>Pteropus rufus</i>	VU
Gấu ngựa	Moon bear	<i>Ursus thibetanus</i>	VU
Gấu chó	Sun bear	<i>Helarctos malayanus</i>	VU
Gấu bắc cực	Polar bear	<i>Ursus maritimus</i>	VU
Gấu nâu	Brown bear	<i>Ursus arctos</i>	VU
Gấu đen Bắc Mỹ	American black bear	<i>Ursus americanus</i>	VU
Gấu mặt ngắn	Spectacled bear	<i>Tremarctos ornatus</i>	VU
Gấu lười	Sloth bear	<i>Melursus ursinus</i>	VU
Hổ Đông Dương	Indochinese tiger	<i>Panthera tigris corbetti</i>	EN
Hổ Bengan	Bengal tiger	<i>Panthera tigris tigris</i>	EN
Hồng hạc	Flamingo	<i>Phoenicopterus.spp</i>	
Hươu cao cổ	Giraffe	<i>Giraffa.spp</i>	VU

Linh dương kudu	Kudu	<i>Tragelaphus strepsiceros</i>	LC
Mèo gấm	Marble cat	<i>Pardofelis marmorata</i>	NT
Ngựa vằn	Zebra	<i>Equus.spp</i>	VU, EN
Tê giác Java	Javan rhino	<i>Rhinoceros sondaicus</i>	CR
Tê giác Sumatra	Sumatran rhino	<i>Dicerorhinus sumatrensis</i>	CR
Tê giác một sừng	Greater one horned rhino	<i>Rhinoceros unicornis</i>	VU
Tê giác đen	Black rhino	<i>Diceros bicornis</i>	CR
Tê giác trắng*	White rhino	<i>Ceratotherium simum</i>	NT
Tê tê	Pangolin	<i>Manis.spp</i>	VU, EN, CR
Trăn đất Madagascar	Madagascar ground boa	<i>Acrantophis madagascariensis</i>	LC
Sư tử châu Phi	African lion	<i>Panthera leo</i>	VU
Sư tử châu Á	Asiantic lion	<i>Panthera leo persica</i>	EN
Vượn cáo đuôi vằn	Ring tailed lemur	<i>Lemur catta</i>	EN
Vượn cáo má nâu	Brown collared lemur	<i>Eulemur collaris</i>	EN
Vượn cáo Sifaka	Sifaka	<i>Propithecus spp.</i>	
	Southern woolly lemur	<i>Avahi meridionalis</i>	DD
	Rufous Mouse Lemur	<i>Microcebus rufus</i>	VU
	Geoffroy's Dwarf Lemur	<i>Cheirogaleus major</i>	DD
Voi châu Á	Asian elephant	<i>Elephas maximus</i>	EN
Voi châu Phi	African elephant	<i>Loxodonta africana</i>	VU

Các sách tham khảo

Barnard, C. 2003. Animal behaviour: mechanism, development, function and evolution. Prentice Hall.

Christy, B. 2008. The lizard king: the true crimes and passions of the world's greatest reptile smugglers. Twelve, New York.

Davies, N. B., Krebs, J. R., West, S. A. 2012. An introduction to behavioural ecology 4th Edition. Wiley-Blackwell.

Gooch, F. 2011. Shoot on sight. Xlibris corporation, United State.

Hutton, M., Miller, J. 2013. Free the bears. Macmillan, Australia.

Jolly, A. 2016. Thank you, Madagascar: The conservation diaries of Alison Jolly. Zed books.

Leakey, R., Morell, V. 2001. Wildlife war: my battle to save Kenya's elephants. Martin's press. New York.

Meacham, C. J. 1997. How the tiger lost its stripe: An exploration into the endangerment of a species. Harcourt.

Orenstein, R. 2013. Ivory, horn and blood: behind the elephant and rhinoceros poaching crisis. Firefly Books.

Player, I. 1973. The white rhino saga. Stein and Day, New York.

Richard, E. 2005. Tiger bone and rhino horn: the destruction of wildlife for Traditional Chinese Medicine. Island Press, Washington D.C.

Rademeyer, J. 2012. Killing for profit: exposing the illegal rhino horn trade. Zebra Press, Cape Town, South Africa.

Sellar, M. 2014. The UN's lone ranger: combating international crime. Whittles Publishing.

Các báo cáo khoa học và báo mạng tham khảo

Crudge, B., Wilkinson, N, M., Do, V, T et al. 2016. Status and distribution of bears in Vietnam. Technical report, Free the bears/Animals Asia. Vietnam.

Li, W., Kong, S-K., Li, F et al. 2006. Animal origins of the severe acute respiratory syndrome coronavirus: insight from ACE2-S-Protein interactions. Journal of virology. 80 (9): 4211- 4219.

Milliken, B., Shaw, J. 2015. The South Africa Vietnam Rhino horn trade nexus. TRAFFIC South Africa, Johannesburg.

Nguyen, T. 2017. The social trade network: Facebook's relationship with wildlife traders in Vietnam. WildAct, Hanoi, Vietnam.

Rademeyer, J. 2016. Tipping point: transnational organised crime and the “war” on poaching. The global initiative- against transnational organised crime. Switzerland.

Williams, V., Newton, D., Longverdige, A., McDonald, D. 2015. Bones of contention: An assessment of the South African trade in African lion (*Panthera leo*) bones and other body parts. TRAFFIC, Cambridge, UK & WildCRU, Oxford, UK.

WHO - World Health Organisation. Zoonoses and the human-animal-ecosystem interface, <http://www.who.int/zoonoses/en/>.

Venkataraman, B. 2007. A matter of attitude: the consumption of wild animal products in Hanoi, Vietnam. TRAFFIC Southeast Asia, Greater Mekong Programme, Hanoi, Vietnam.

Vorou, R. M., Papavassiliou, V. G., Tsiodras, s. 2007. Emerging zoonoses and vector-borne infections affecting humans in Europe. Epidemiology and infection 135(8): 1231-1247.

BBC Tiếng Việt. 2016. Thú chết ở Vinpearl lên báo Việt Nam. https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam/2016/02/160221_vinpearl_scandal_update.

Rademeyer, J. 2016. The crooks behind rhino slaughter. Fiancialmail. <https://www.businesslive.co.za/fm/fm-fox/2016-07-15-the-crooks-behind-rhino-slaughter/>.

Rosen, E. 2015. World's largest cave in Vietnam threatened by cable car. The guardian <https://www.theguardian.com/environment/2014/dec/03/worlds-largest-cave-vietnam-threatened-cable-car>.

Tuoi tre news. 2017. Vietnam's Cat Ba archipelago faces threats from mammoth tourism project, <http://tuoitrenews.vn/business/40995/vietnams-cat-ba-archipelago-faces-threats-from-mammoth-tourism-project>.

Tuoi tre news. 2013. VN's death rates amongst world's highest, <http://tuoitrenews.vn/society/8725/death-rate-in-vn-cancer-patients-among-worlds-highest>.

Tuổi trẻ online. 2008. Chuyện tày đình ở đại sứ quán Việt Nam tại Nam Phi: Bộ Ngoại giao lên tiếng, <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/20081119/chuyen-tay-dinh-o-dai-su-quan-vn-tai-nam-phi-bo-ngoai-giao-len-tieng/288525.html>.

Vaughan, A. 2012. Affluent Vietnamese driving rhino horn poaching in South Africa, report warns, <https://www.theguardian.com/environment/2012/jul/23/vietnam-rhino-horn-poaching-south-africa>.

CÁC TRANG WEBSITE THƯỜNG DÙNG

Sách đỏ IUCN: <https://www.iucnredlist.org>.

Danh mục CITES: <https://www.cites.org>.

Ảnh minh họa



▲ Nước dùng cho sinh hoạt tại khu bảo tồn Sainte Luce, Madagascar. Đây là trạm nghiên cứu đầu tiên Trang hoạt động khi mới bắt đầu làm việc ở Madagascar.



▲ Những chú voi bị giết hại dã man để lấy ngà, và những chiếc ngà đẫm máu được khắc tĩa thành những món đồ trang sức đắt tiền. Ảnh chụp tại Việt Nam.



▲ Vườn cáo đuôi vằn (Ringtailed lemur - *Lemur cotto*) tại khu bảo tồn Berenty, Madagascar. Chụp bởi Trang Nguyen trong những ngày cuối cùng ở Madagascar.

▼ Đội khám nghiệm pháp y đang khám nghiệm xác một tê giác bị săn trộm ở gần biên giới với Mozambique, tại vườn quốc gia Kruger, Nam Phi. Chụp bởi Susan Scot





▲ Kiểm lâm và quân cảnh trong đội đặc nhiệm phòng chống nạn săn trộm đang thi hành nhiệm vụ.



➤ Cây baobab đầu tiên Trang nhìn thấy khi đến Madagascar.



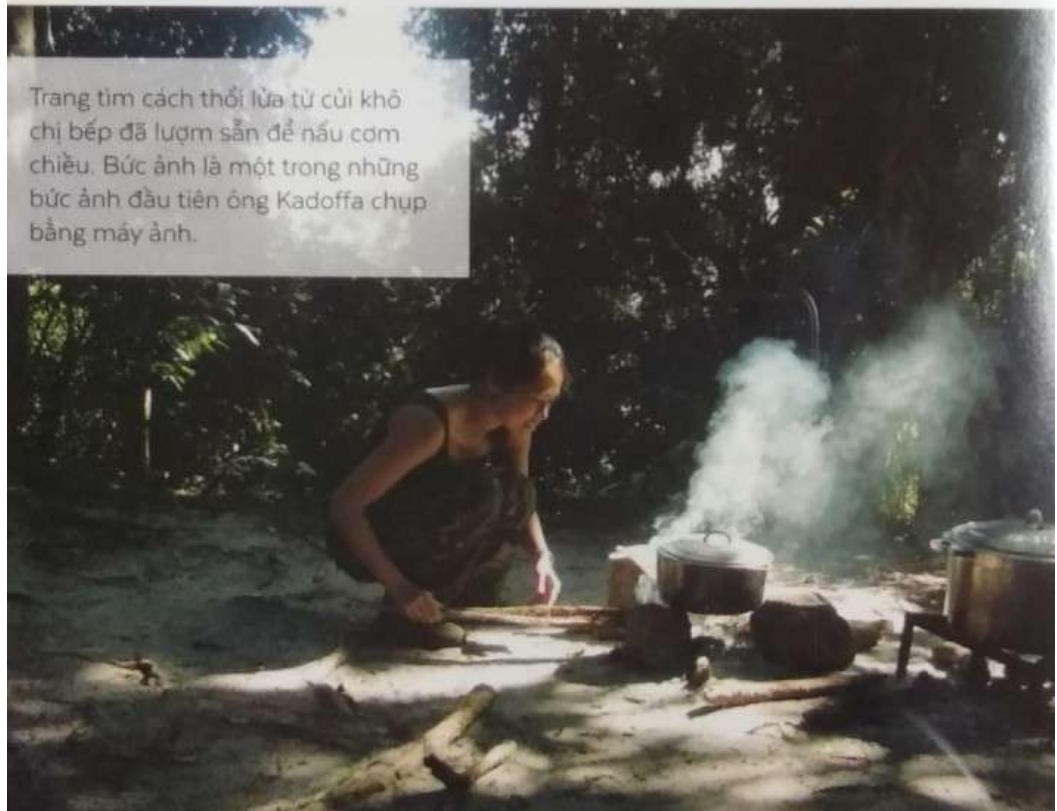
◀ Trang đang đi
khảo sát số lượng
quần thể vượn
cáo tại mảng
rừng S9, thuộc
Sainte Luce,
Madagascar.



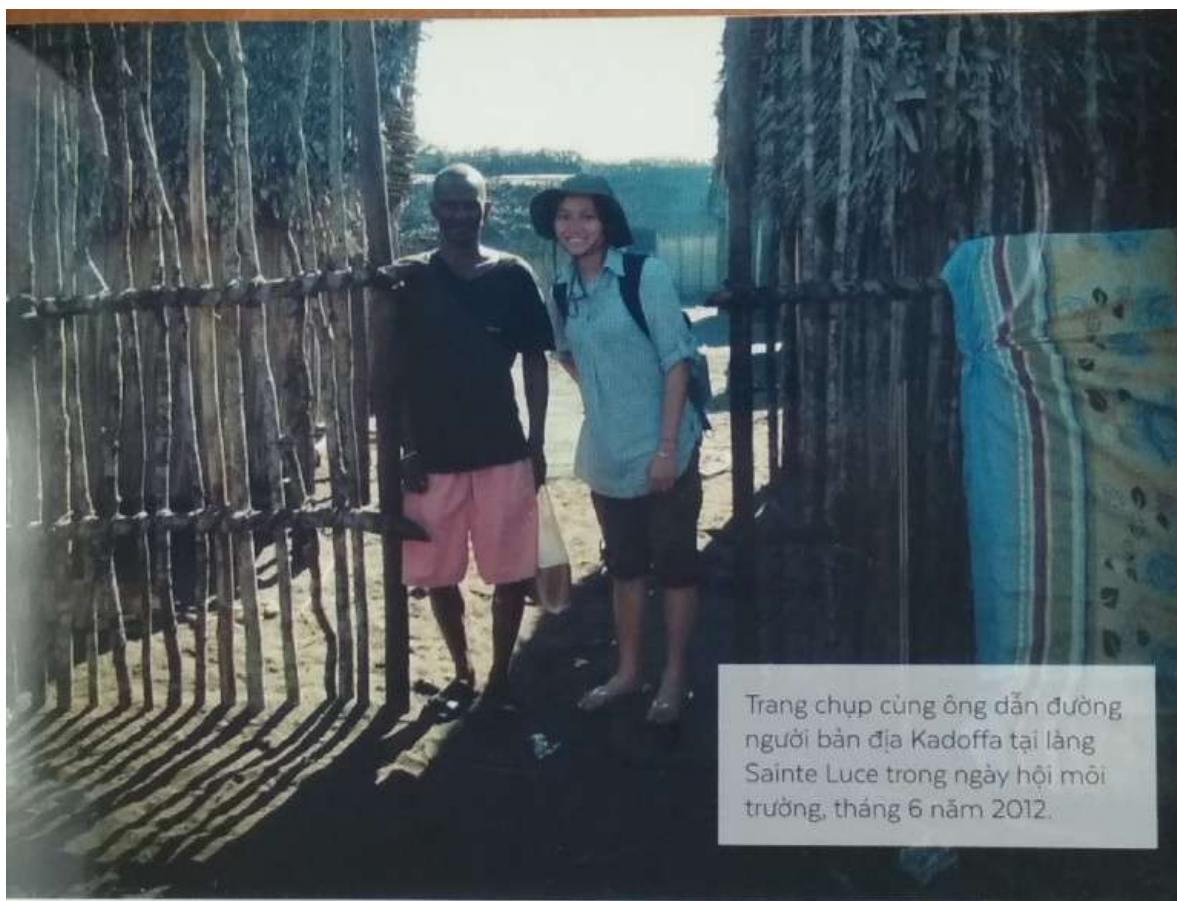
Trang chụp ảnh cùng trẻ em ở làng Sainte
Luce trong ngày Quốc khánh Madagascar.



▲ Xác một chú tê giác bị giết hại ở tỉnh Limpopo, giáp biên giới với Mozambique, ở Nam Phi. Ảnh chụp bởi cô Susan theo yêu cầu của Trang.



Trang tìm cách thổi lửa từ củi khô chị bếp đã lượm sẵn để nấu cơm chiều. Bức ảnh là một trong những bức ảnh đầu tiên ông Kadoffa chụp bằng máy ảnh.



Trang chụp cùng ông dẫn đường người bản địa Kadoffa tại làng Sainte Luce trong ngày hội môi trường, tháng 6 năm 2012.



◀ Buổi sáng khi đang ngồi chờ xe đến đón để chạy loạn, chị bếp tranh thủ tết tóc cho Trang.

t gia đình voi ở Ol Pejeta Conservancy, Kenya. Bạn có thể thấy dưới voi lớn đang cõng lên và tải
ng rộng - đây là dấu hiệu cảnh báo của voi, vì xe nghiên cứu của chúng tôi mặc dù vẫn ở cách khá
nhưng những cô voi lớn muốn đảm bảo an toàn cho voi con mà phát ra tín hiệu cảnh báo này.



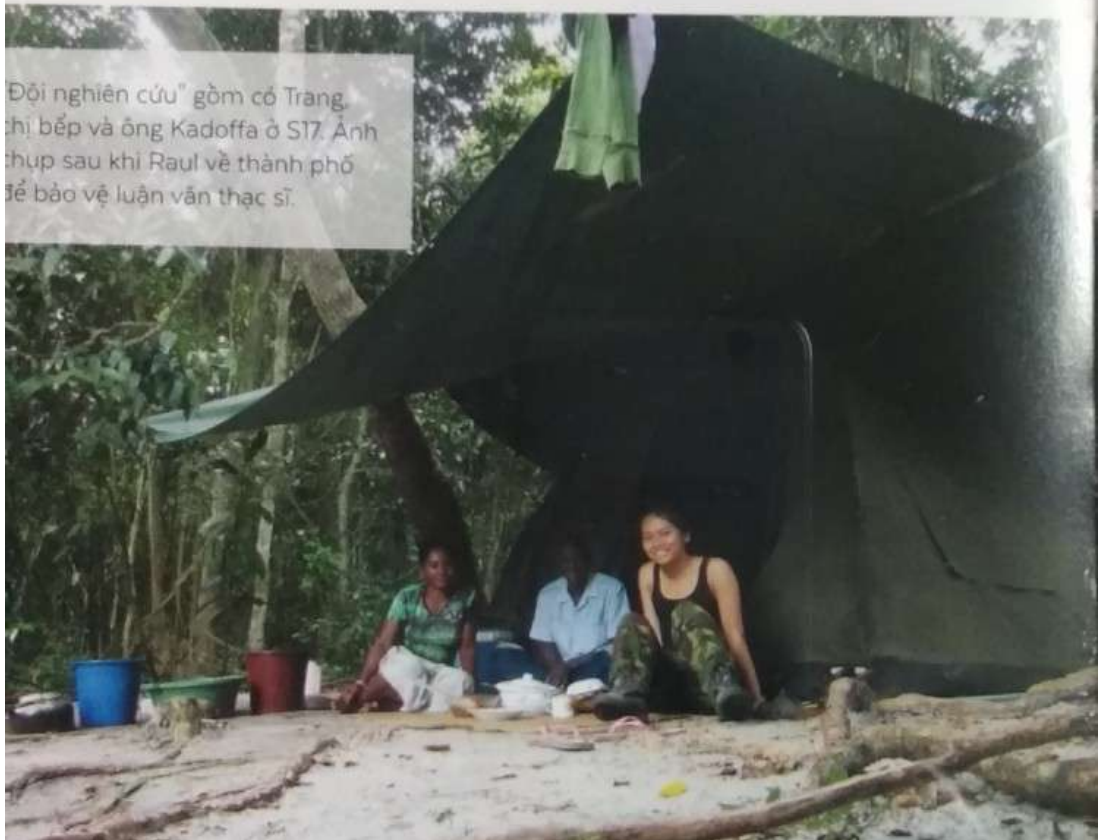
Một buổi sáng sớm đi theo dấu tê giác
tại khu bảo tồn Ol Pejeta, Kenya.



▼ Hai chị em tê giác trắng trưởng thành
tại khu bảo tồn Ol Pejeta, Kenya.



Đội nghiên cứu" gồm cô Trang,
chị bếp và ông Kadoffa ở S17. Ảnh
chụp sau khi Raul về thành phố
để bảo vệ luận văn thạc sĩ.



▼ Trang và các chiến sĩ trong đội đặc nhiệm phòng chống nạn săn trộm tại vườn quốc gia Kruger, Nam Phi. Trang xin phép được dùng từ "chiến sĩ", vì các anh đang phải trực tiếp đặt tính mạng của mình lên ranh giới hiểm nguy, phải cầm súng và đạn dược để có thể bảo vệ thiên nhiên của chúng ta.





Trang và học sinh bản địa sống quanh khu vực khu bảo tồn Ol Pejeta đang tham gia trò chơi tìm hiểu về những mối đe dọa của loài tê giác.



Từ trái qua phải: chị Mandy, Trang, anh Tim và thầy Giuseppe tại một quán ăn ven đường ở thành phố Fort Dauphin, Madagascar.

Notes

[←1]

Men theo đường nhỏ ở sườn núi thay vì trèo và đi trên đường đỉnh núi.

[←2]

Dịch vụ chăm sóc sức khỏe của Vương quốc Anh.